BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – TÍN CHỈ
NGÀNH: Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
HỆ: CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 223/QĐ-YDHP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
Số: 1851 /QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao cho Trường Đại học Y Hải Phòng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Y học dự phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, của cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ qui định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trường Đại học Y Hải Phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Trường Đại học Y Hải Phòng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Y học dự phòng;

Điều 2. Quỹ thời gian đào tạo, kết cấu và khối lượng kiến thức tối thiểu, tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng tốt nghiệp được thực hiện theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ chức năng có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bành Tiến Long

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để phối hợp);
- Lưu VT, Vụ ĐH&SĐH.

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Số: 223/QĐ-YDHP	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 27/02/2015 của Hội đồng Khoa học – Giáo dục Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với các ngành sau:

- Y Đa khoa hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Răng hàm mặt hệ Chính quy;
- Y học dự phòng hệ Chính quy;
- Y học cổ truyền hệ Chính quy;
- Dược sĩ đại học hệ Chính quy và hệ Liên thông;
- Cử nhân Điều dưỡng hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học;
- Cử nhân Xét nghiệm y học hệ Chính quy và hệ Vừa làm vừa học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu HC; ĐTĐH;

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC** **HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Y học dự phòng
Mã ngành đào tạo: 52720103
Loại hình đào tạo: Chính qui

(Ban hành kèm theo Quyết định số 223/2015/QĐ-YDHP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1.Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y học dự phòng là đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khoẻ cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2.Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. - Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng;
- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh;
- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;
- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

Về kỹ năng

- Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường;

- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;
- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường;
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khoẻ toàn diện và liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Thực hiện một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch và quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện, liên tục;
- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khoẻ, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân;
- Tham gia nghiên cứu khoa học
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Các vị trí công tác có thể dảm nhận sau khi tốt nghiệ

- Sau khi tốt nghiệp, bác sĩ đa khoa có thể làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở y tế, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.
- Các cơ sở điều trị: bác sĩ trực tiếp tham gia điều trị và quản lý tại các bệnh viện công lập và tư nhân.
- Các cơ sở đào tạo: giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế, cán bộ quản lý đào tạo.
- Các viện nghiên cứu: chuyên viên trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, y dược, y sinh, công nghệ y dược…
- Các cơ quan quản lý: chuyên viên các cơ quan quản lý y tế. Chuyên viên trong các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ

2. Thời gian đào tạo: 6 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 215 tín chỉ (chưa tính 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 07 tín chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống Áp dụng "Quy chế Đào tạo đại học, cao học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ", ban hành kèm theo Quyết định số: 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: 4 (qui đổi từ thang điểm 10)

Thực hiện theo điều 21 và 22 của 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015; điều 22 và 23 "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGD ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ	Ghi chú
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu:** (không kể học phần: Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh)	39	
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó** - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức ngành - Kiến thức bổ trợ (tự chọn): - Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp (hoặc khoá luận)	 38 111 17 10	
	Tổng cộng:	**215**	

7.2. Khung chương trình giáo dục

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 39 Tín chỉ (31 LT- 8TH)

Thứ tự	Môn học	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
	CÁC MÔN CHUNG	**20**	**19**	**1**
1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0
2	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	7*	7*	0*
3	Giáo dục thể chất*	3*	0*	3*
4	Ngoại ngữ 1	3	3	0
5	Ngoại ngữ 2	3	3	0
6	Ngoại ngữ 3	2	2	0
7	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2	0
8	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	0
9	Tin học đại cương	2	1	1
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
	CÁC MÔN CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	**19**	**12**	**7**
1	Dân số học 1	2	2	0

2	Di truyền	2	1	1
3	Hóa học	3	2	1
4	Lý sinh	2	1	1
5	Sinh học	2	1	1
6	Tâm lý y học - Đạo đức y học	2	2	0
7	Tin học ứng dụng	2	1	1
8	Xác suất - Thống kê y học	4	2	2
	Tổng cộng	39	31	8

** Chưa tính môn học/học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh*

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

7.2.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 38 Tín chỉ (24 LT – 14 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng số TC	Phân bố TC	
			LT	TH
1.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
2.	Dược lý và độc chất	4	3	1
3.	Giải phẫu 1	3	2	1
4.	Giải phẫu 2	3	2	1
5.	Giải phẫu bệnh	3	2	1
6.	Hóa sinh 1	2	1	1
7.	Hóa sinh 2	2	1	1
8.	Ký sinh trùng	4	2	2
9.	Mô học và Phôi thai học	3	2	1
10.	Sinh lý 1	2	1	1
11.	Sinh lý 2	3	2	1
12.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch và vaccin	4	3	1
13.	Vi sinh	3	2	1
14.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
	Tổng cộng	**38**	**24**	**14**

7.2.2.2. Kiến thức ngành: 111 Tín chỉ (59 LT - 52 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng số TC	Phân bốTC	
			LT	TH
1.	Các chương trình y tế quốc gia	2	2	0
2.	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	2	2	0
3.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
4.	Da liễu	2	1	1
5.	Dân số học 2	2	1	1
6.	Dịch tễ học 1	3	2	1

7.	Dịch tễ học 2	5	3	2
8.	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1	3	2	1
9.	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 2	4	2	2
10.	Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe 1	2	2	0
11.	Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe 2	2	1	1
12.	Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 1	3	2	1
13.	Kinh tế y tế	2	1	1
14.	Lao và bệnh phổi	2	1	1
15.	Mắt	2	1	1
16.	Ngoại bệnh lý	4	2	2
17.	Ngoại cơ sở	4	2	2
18.	Nhân học và Y xã hội học	2	1	1
19.	Nhi khoa	4	2	2
20.	Nội bệnh lý	4	2	2
21.	Nội cơ sở	4	2	2
22.	Phục hồi chức năng	3	1	2
23.	Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	4	2	2
24.	Răng - Hàm - Mặt	2	1	1
25.	Sản phụ khoa	4	2	2
26.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	1
27.	Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 2	4	3	1
28.	Sức khỏe nghề nghiệp 1	2	1	1
29.	Sức khỏe nghề nghiệp 2	4	3	1
30.	Sức khỏe tâm thần	2	1	1
31.	Tai - Mũi - Họng	2	1	1
32.	Thần kinh	2	1	1
33.	Thực hành Y học dự phòng 1	2	0	2
34.	Thực hành Y học dự phòng 2	2	0	2
35.	Thực hành Y học dự phòng 3	2	0	2
36.	Tổ chức và Quản lý y tế	4	2	2
37.	Truyền nhiễm	4	2	2
38.	Ung thư	2	1	1
39.	Y học cổ truyền	2	1	1
40.	Y học gia đình	2	1	1
	Tổng cộng	**111**	**59**	**52**

7.2.2.3. Kiến thức bổ trợ: 27 TC (14 LT - 13 TH)

TT	Tên Môn học / Học phần	Tổng số TC	Phân bốTC	
			LT	TH
1.	Dị ứng	2	1	1
2.	Hóa sinh lâm sàng	2	1	1
3.	Kỹ năng y khoa	2	0	2
4.	Một sức khỏe	2	1	1
5.	Nghiện chất	2	2	0
6.	Pháp luật và chính sách y tế	2	2	0
7.	Thống kê y học ứng dụng	3	1	2
8.	Y học biển	2	1	1
9.	Tổng hợp kiến thức chuyên môn và tốt nghiệp	10	5	5
	Tổng cộng	**27**	**14**	**13**

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN/MÔN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 90 tiết Lý thuyết: 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: **RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT**
- Học phần tiên quyết. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giáo viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Tiến Trường, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Nguyễn Mỹ Chinh, Ths. Nguyễn Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng CSVN và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hóa; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; chương 6: Đường lối xây dựng

hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: Sinh viên có hiểu biết về những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình bày được nội dung đường lối của Đảng từ khi Đảng ta ra đời, nhất là đường lối thời kỳ Đổi mới.

- Về thái độ: Xây dựng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Về hành động: Sinh viên biết vận dụng kiến đã học để tiếp tục học tập, rèn luyện và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của mình.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	***Chương mở đầu:*** **ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	3		6
	I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu			
	II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học			
2	***Chương I:*** **SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**	4		8
	I. Hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng			
3	***Chương II:*** **ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH**	4		8

	CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)			
	I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1936 đến năm 1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945			
4	***Chương III:* ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)**	4		8
	I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1945) II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954 - 1975)			
5	***Chương IV:* ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA**	4		8
	I. Công nghiệp hóa trước thời kỳ đổi mới II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới			
6	***Chương V:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**	4		8
	I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.			
7	***Chương VI:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**	4		8
	I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1986) II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới			
8	***Chương VII:* ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**	4		8
	I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và			

	phát triển nền văn hóa II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội			
9	***Chương VIII:* ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**	4		8
	I. Đường lối đối ngoại trước thời kỳ đổi mới (1975 - 1985) II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới			
Tổng số		**45**		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

- Bộ môn Lý luận Chính trị: *Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*

6.1. Tài liệu tham khảo

- Bộ giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.*

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc	Nguyễn Tiến Trung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 1)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN 3, 2, 3,2

- Mã số học phần:
- Tên học phần: **Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1.**
- Tổng số tín chỉ: 2 (2/0) Lý thuyết: 2
- Phân bố thời gian Lý thuyết: 30
- Tự học: Lý thuyết: 60
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YHCT, YHDP
- Học phần tiên quyết:
- Học phần trước:
- Học phần song hành:
- Bộ môn phụ trách: Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin 1, bao gồm các chương:

- Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương II: Phép biện chứng duy vật
- Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- ***Về kiến thức:*** Sau khi học xong, sinh viên cần nắm và trình bày được những nội dung cơ bản về Triết học Mác - Lênin; làm cơ sở để xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng.

- ***Về kỹ năng***: Vận dụng được những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin vào nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- ***Về thái độ:*** Giúp cho sinh viên nâng cao niềm tin vào quá trình đổi mới ở nước ta, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	**Chương mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN**	**2**		**4**
	I. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học "Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin"			
2	**Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**	3		**6**
	I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng II. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức			
	Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	12		24
	I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật			
3	II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng			
4	**Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**	13		**26**

	I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. IV. Hình thái kinh tế xã hội và quá trình lịch sử tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội. V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp. VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.			

5. Phương pháp dạy - học

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Bộ môn Lý luận chính trị: *Tập bài giảng Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiêu	Nguyễn Tiến Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 2)

1. Thông tin chung về học phần

- Mã số:
- Số tín chỉ: 3 tín chỉ
- Số tiết học: 45 Tiết Lý thuyết: 45 tiết; Thực hành: 0
- Số tiết tự học: 90 tiết Lý thuyết 90 tiết
- Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1**
- Học phần học trước:
- Học phần song hành
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị
- Giảng viên: Ths Hoàng Thị Minh Hường, Ths. Trịnh Thị Thủy, Ths. Trần Thị Thanh Loan, Ths. Trương Thị Nga

2. Mô tả học phần:

Phần 1: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa:

Chương IV: Học thuyết giá trị.

Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư.

Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội:

Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

3. Mục tiêu của học phần:

*** *Về kiến thức:*** Sau khi học, sinh viên cần hiểu và trình bày được những nội dung cơ bản về học thuyết kinh tế- chính trị và lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin.

*** *Về kỹ năng:*** Vận dụng các kiến thức đã học để nâng cao nhận thức và hoạt động thực tiễn.

*** *Về thái độ:*** Xây dựng ý thức và bản lĩnh chính trị đúng đắn cho sinh viên, củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn..

4. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG		SỐ TIẾT	
	LT	TH	Tự học
Học phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	**25**		**50**
Chương 4: Học thuyết giá trị	**7**		**14**
4.1 Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá			
4.2 Hàng hoá			
4.3 Tiền tệ			
4.4 Quy luật giá trị			
Chương 5 : Học thuyết giá trị thặng dư	**8**		***16***
5.1 Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản			
5.2 Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản			
5.3 Tiền công trong chủ nghĩa tư bản			
5.4 Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích luỹ tư bản			

5.5 Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư			
5.6 Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.			
Chương 6: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	**5**		***10***
6.1 Chủ nghĩa tư bản độc quyền			
6.2 Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước			
6.3 Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại			
6.4 Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB			
Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội	**20**		***40***
Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	**8**		**16**
7.1 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân			
7.2 Cách mạng xã hội chủ nghĩa			
7.3 Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa			
Chương 8: Những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.	7		**14**
8.1 Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa			
8.2 Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa			
8.3 Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo			
Chương 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	**5**		***10***
9.1 Chủ nghĩa xã hội hiện thực			
9.2 Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội			

xô viết và nguyên nhân của nó			
9.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội			
Tổng cộng	**45**		**90**

5. Phương pháp dạy - học

***5.1 Phương pháp dạy*:** Phương pháp thuyết trình, Phương pháp vấn đáp, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận, kiểm tra theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. Tài liệu

6.1. Tài liệu bắt buộc

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn: *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Tập bài giảng: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Bộ môn Lý luận chính trị biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình các môn học: Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Hội đồng lý luận trung ương; Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Hội đồng lý luận trung ương: *Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2015.

7. Phương pháp đánh giá học phần:

- Đánh giá ban đầu

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp.

Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiêu	Nguyễn Tiến Thuỷ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Tín chỉ; Lý thuyết: 2 tín chỉ; Thực hành: 0

Phân bổ thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 0

Tự học: 60 tiết Lý thuyết: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: RHM, Dược, YH Dự phòng, YHCT

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần trước đó: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị

Giảng viên: Ths Nguyễn Tiến Trưởng, Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh, Ths. Đinh Thị Mai Hương, Cn. Đoàn Thị Nguyệt

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sau khi học tập, sinh viên cần hiểu và trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về thái độ, sinh viên có lập trường, quan điểm trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ CHí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Về kỹ năng, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng theo con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	NỘI DUNG	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	***Chương mở đầu:*** **ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**	2		4
	I. Đối tượng nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên			
2	***Chương I:*** **CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**	4		8
	I. Cở hình thành TTHCM II. Quá trình hình thành và phát triển TTHCM			
3	***Chương II:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC**	4		8
	I. TTHCM về vấn đề dân tộc II. TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc			
4	***Chương III:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**	4		8
	I. TTHCM về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. TTHCM về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam			
5	***Chương IV:*** **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	4		8

	I. Quan điểm của HCM về bản chất, vai trò của ĐCSVN II. TTHCM về xây dựng ĐCSVN trong sạch, vững mạnh			
6	***Chương V:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ**	4		8
	I. TTHCM về đại đoàn kết dân tộc II. TTCHM về đoàn kết quốc tế			
7	***Chương VI:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN**	4		8
	I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước II. Quan điểm của HCM về sự thống nhất bản chất giai cấp công nhân III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả			
8	***Chương VII:* TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI**	4		8
	I. Những quan điểm cơ bản của HCM về văn hóa			
	II. TTHCM về đạo đức III. TTHCM về xây dựng con người mới			
Tổng số		**30**		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1. Phương pháp dạy: thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận, trình chiếu

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận, làm bài tập theo yêu cầu của môn học

- Sinh viên tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1 Tài liệu dạy

- Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia

- Tập bài giảng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh.* Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh -Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội (2000)

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- ***Đánh giá ban đầu***

+ Hình thức: Thăm hỏi, vấn đáp, đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

- ***Đánh giá quá trình***: Thái độ học tập, hoạt động nhóm của SV, CB bài trc khi lên lớp

~~Điểm ĐG ban đầu và ĐG quá trình sử dụng làm ĐK thi hết học phần~~

- ***Đánh giá cuối kỳ***: Hình thức thi: tự luận hoặc vấn đáp

Cách tính điểm học phần: Điểm tổng kết học phần = điểm đánh giá cuối kỳ

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	Nguyễn Tiến Trường
GS.TS. Phạm Văn Chức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GDTC - GDQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Tổng số tín chỉ: 3 Thực hành: 3
- Số tiết học: 135 Thực hành: 135
- Số lần thi: 3 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 3)
- Đối tượng: Sinh viên Đại học hệ chính quy.
- Giảng viên giảng dạy:
  + TS. Nguyễn Đức Nhâm
  + Ths. Nguyễn Khánh Hưng
  + Ths. Phạm Văn Thưởng
  + Ths. Hoàng Thị Bích Thủy
  + Ths. Nhữ Văn Thuấn
  + CN. Nguyễn Trần Quý
  + CN. Nguyễn Cẩm Vân

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần môn GDTC học 2 năm đầu, được thiết kế chủ yếu học thực hành dựa trên chương trình quy định của bộ GD& ĐT cũng như điều kiện cơ sở vật chất và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là tạo ra đội ngũ cán bộ y tế có sức khỏe, có trình độ chuyên môn Y học cao.

Học môn GDTC giúp sinh viên nắm được các phương pháp tập luyện từ đó giúp sinh viên tập luyện thể thao thường xuyên liên tục để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Giúp sinh viên hiểu rõ được vị trí, ý nghĩa và tác dụng của giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng nói riêng.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện các tố chất thể lực và trang bị kỹ thuật một số môn thể thao để giúp sinh viên lựa chọn cho mình môn thể thao phù hợp và yêu thích từ đó sinh viên tập luyện thường xuyên để có sức khỏe tốt phục vụ học tập và công tác.

- Sinh viên có ý thức tổ chức kỷ luật và có thái độ học tập tự giác, tích cức trong học tập và tập luyện thể dục thể thao.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC:

STT	Tên Bài	Số tiết LT	Số tiết TH
	Tín chỉ 1. Điền Kinh		
	*** Chạy cự ly ngắn 100m:**		
1	- Bài tập khởi động và bài tập bổ trợ .		4
2	- Kỹ thuật xuất phát, kỹ thuật chạy lao sau xuất phát		4
3	- Kỹ thuật chạy giữa quãng, kỹ thuật về đích.		4
4	- Các bài tập phát triển sức nhanh		4
5	- Hoàn thiện kỹ thuật		6
	*** Chạy cự ly trung bình:**		
6	- Kỹ thuật xuất phát cao và kỹ thuật chạy giữa quãng.		4
7	- bước chạy và hít thở trong chạy cự ly trung bình.		4
8	- Kỹ thuật chạy đường thẳng, đường vòng và kỹ thuật về đích.		4
9	- Các bài tập phát triển sức bền tốc độ.		4
10	- Hoàn thiện cự ly		7
	Tín chỉ 2: Bóng chuyền		
11	- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.		12
12	- Kỹ thuật đệm bóng.		12
13	- Kỹ thuật phát bóng.		12
14	- Thi đấu bóng chuyền		9

Tín chỉ 3: Bóng rổ			
15	- Kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật bắt bóng và kỹ thuật chuyền bóng.		12
16	- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên vai		12
17	- Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay trên vai		12
18	- Thi đấu bóng rổ		9

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC:

+ Phương pháp trực quan.

+ Phương pháp nguyên vẹn.

+ Phương pháp phân chia hợp nhất.

+ Phương pháp chia nhóm

+ Phương pháp trò chơi, thi đấu.

6. LƯỢNG GIÁ:

Nội dung thi tín chỉ:

- Tín chỉ 1: Thi chạy ngắn 100m(tính giây) và chạy cự ly trung bình 800m với nữ và 1500m với nam(tính phút).

- Tín chỉ 2 : Thi chuyền bóng, đệm bóng, và phát bóng (mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm thành tích và kỹ thuật động tác)

- Tín chỉ 3: Thi tại chỗ ném rổ một tay trên vai và tại chỗ ném rổ một tay trên cao(mỗi nội dung thực hiện 5 quả. Chấm hiệu quả và kỹ thuật động tác)

- Cách tính điểm: Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên = 30%

Điểm thi kết thúc = 70%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

7.1. Tài liệu dạy học:

- Giáo trinh giảng dạy lý thuyết (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

- Giáo trinh giảng dạy thực hành (Bộ môn GDTC trường Đại học Y Hải Phòng năm 2013).

7.2: Tài liệu tham khảo

- Giáo trình giảng dạy Điền kinh cho khối các Trường ĐH&CĐ không chuyên.

- Giáo trình Bóng chuyền. Nhà XBTDTT năm 2004

- Giáo trình bóng rổ: Dùng cho sinh viên trường Đại học TDTTBắc Ninh năm 2006

- Giáo trình Y học TDTT của trường Đại học TDTT Bắc Ninh Năm 2004

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Lý thuyết: Giảng dạy tại giảng đường có trang bị máy chiếu.

- Thực hành:

+ Sân bãi: Sân Điền kinh, sân bóng chuyền, sân bóng rổ.

+ Dụng cụ: Còi, đồng hồ bấm giờ, số đeo, bóng chuyền, bóng rổ(Bóng chuyền, bóng rổ đảm bảo tối thiểu 2 sinh viên có một quả bóng.)

+ Địa điểm: Tại Trường Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam và Trường Cao Đẳng Hàng Hải,

Hải phòng, ngày 5 tháng 8 năm 2015

Ban giám hiệu	Phó trưởng bộ môn
	Nguyễn Khánh Hưng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiêu

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 1 – NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN1

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ nhất

Học phần tiên quyết: không có

Học phần học trước: không có

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN1 là học phần mở đầu của môn học ngoại ngữ, nhằm củng cố kiến thức ngữ pháp cơ bản và bước đầu giới thiệu cho sinh viên tiếp cận với những từ vựng đơn giản thuộc chuyên ngành y.

Điều kiện tham gia học phần NN1: Sinh viên phải thi đạt bài kiểm tra trình độ ngoại ngữ A2 của Bộ môn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và từ vựng đơn giản thuộc chuyên ngành y.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.
- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	1B. Introducing yourself and hospital staff (p.5-7)	3		6
2	1B. Continued (p.8-10)	3		6
3	1C. Hospital personnel Health Care Workers (p.12-14)	3		6
4	1D. Wards and departments in a hospital (p.15-17)	3		6
5	1D. Continued (p.18-21)	3		6
6	1E. Present Simple Tense (p.22-25)	3		6
7	1E. Present Continuous Tense (p.26-28)	3		6
8	1F. The Anatomical Position and Body parts (p.29-31)	3		6
9	1F. Continued (p.31-33)	3		6
10	Revison + Mini-test + Cross-check	3		6
11	1G. Toiletries (p.35-37)	3		6
12	1G. Continued (p.38-40)	3		6
13	1H. Machines, Instruments and other gadgets (p.41-43)	3		6
14	1I. Days of the week, months and seasons (p.45-47)	3		6
15	Speaking Test	3		6
		45		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình "English for Nursing and Health Care"; Robin A.Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- "Essential Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press
- "English Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- "English in Medicine"- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Khảo sát trình độ ngoại ngữ đầu khóa học bằng một bài kiểm tra viết-đọc-ngữ pháp tương đương trình độ A2.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 2 – NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN2

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1

Học phần học trước: NN1

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN2 là học phần tiếp theo của học phần NN1. Học phần NN2 nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản được sử dụng trong bối cảnh và tình huống giao tiếp thường gặp ở bệnh viện.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được ngữ pháp cơ bản và một số nguyên tắc cấu tạo từ vựng chuyên ngành Y.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành Y
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	1J. Shift workers, time and numbers (p.48-50)	3		6
2	1J. Continued (p.50-51)	3		6
3	1K. Daily routines (p.52-54)	3		6
4	1K. Continued (p.55-57)	3		6
5	1L. Activities of daily living (p.58-61)	3		6
6	1L. Continued (p.62-65)	3		6
7	1M. Taking risks (p.66-67)	3		6
8	1M. Continued (p.68-69) + Mini-test	3		6
9	1N. Health and diseases (p.70-71)	3		6
10	1N. Continued (p. 72-73)	3		6
11	1N. Continued (p.74-75)	3		6
12	1O. Observation (p.77-79)	3		6
13	1O. Continued (p.80) 1P. Medical Terminology (p.81-82)	3		6
14	1P. Medical Terminology (p.82-84)	3		6
15	Speaking Test	3		6
		45		90

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình "English for Nursing and Health Care"; Robin A.Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- "Essential Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press
- "English Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- "English in Medicine"- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGOẠI NGỮ 3 – NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN3

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: **30 tiết** (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1, NN2

Học phần học trước: NN2

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Trần Thị Hòa

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- GV Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết
- GV Ths. Lê Thị Hồng Duyên
- GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn
- GV Ths. Phạm Bích Ngọc
- GV Ths. Đỗ Phương Linh Chi
- GV Cn. Nguyễn Thị Hải Yến
- GV Cn. Nguyễn Thành Trung
- GV Cn. Nguyễn Thu Hiền

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN3 là học phần cuối cùng trong chương trình học Ngoại ngữ, nhằm đi sâu cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành Y về cấu trúc cơ thể người và một số chức năng cụ thể.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được vốn từ vựng mô tả cấu trúc và chức năng của cơ thể con người
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng đọc, viết với các chủ đề về cấu trúc và chức năng cơ thể con người.
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Anh trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	3A. Levels of Organization (p.124-125)	3		6
2	3B. The structure and function of body systems (p.126-128)	3		6
3	3B. Continued (p.129-131)	3		6
4	3C. Directional terms (p.132-133)	3		6
5	3C. Continued (p.134-135)	3		6
6	3D. The skeletal system (p.136-138)	3		6
7	3E. Joints and Fractures (p.139-141)	3		6
8	3F. Movement, Posture, and Lifting (p.142-143) + Mini-test	3		6
9	3G. Disease (p.144-145) + Review of Mini-test	3		6
10	3G. Continued (p.146-148)	3		6
		30		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình "English for Nursing and Health Care"; Robin A.Bradley, Nhà xuất bản McGraw – Hill.

7.2. Tài liệu tham khảo

- "Essential Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press
- "English Grammar in Use", Raymond Murphy, Cambridge University Press.
- "English in Medicine"- The third edition, Cambridge University Press.

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=Thi Viết

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

TKHP lần 2 =Thi Viết lần 2

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY
NGOẠI NGỮ 1 – TIẾNG PHÁP 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN1

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ nhất

Học phần tiên quyết: không có

Học phần học trước: không có

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Nguyễn Thị Hiền

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Nguyễn Thị Hiền
- GV Ths. Cao Thị Phương Dung
- GV Ths. Trịnh Thị Thu Trang
- GV Ths. Trần Thị Hà Giang

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN1 là học phần mở đầu của môn học ngoại ngữ, nhằm củng cố kiến thức cơ bản của trình độ A1 và học tiếp trình độ A2.

Điều kiện tham gia học phần NN1: Sinh viên phải thi đạt bài kiểm tra trình độ ngoại ngữ A1 của Bộ môn.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được kiến thức Tiếng Pháp cơ bản trình độ A2.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.

- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Pháp trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Leçon 13: Un aller simple (p.46-47)	3		6
2	Leçon 14: A Londres (p.48-49)	3		6
3	Leçon 15: Le dimanche matin (p.50-51)	3		6
4	Leçon 16: Arrêt sur … (p. 52-54)	3		6
5	Savoir-faire (p.55-56)	3		6
6	Leçon 17 : On fait des crêpes (p. 56-57)	3		6
7	Leçon 18 : Il est comment ? (p.58-59)	3		6
8	Leçon 19 : Chère Léa (p.60-61)	3		6
9	Leçon 20 : Les fêtes (p.62-63)	3		6
10	Savoir-faire (p.64)	3		6
11	Leçon 21 : C'est interndit ! (p. 66-67)	3		6
12	Leçon 22: Petites annonces (p.68-69)	3		6
13	Leçon 23 : Qu'est-ce qu'on lui offre ? (p.70-71)	3		6
14	Leçon 24 : Le candidat idéal (p.72-73)	3		6
15	Savoir-faire (p.74) Evaluation 2 (p.75-76)	3		6
		45		**90**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình : Nouveau Taxi 1 – Nhà xuất bản Hachette Français langue étrangère 2009

7.2. Tài liệu tham khảo

- Grammaire progressive – Niveau débutant et intermediaire – CLE international – Paris 1998

- Les clés du nouveau DELF A1 et A2 – Editions maisons des Langues – Paris 2012

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Khảo sát trình độ ngoại ngữ đầu khóa học bằng một bài kiểm tra viết-đọc-ngữ pháp tương đương trình độ A1.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình(Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU **BỘ MÔN NGOẠI NGỮ**

Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY
NGOẠI NGỮ 2 – TIẾNG PHÁP 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN2

Tổng số tín chỉ: 3 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: 45 tiết (lý thuyết)

Số giờ tự học: 90 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1

Học phần học trước: NN1

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Nguyễn Thị Hiền

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Nguyễn Thị Hiền
- GV Ths. Cao Thị Phương Dung
- GV Ths. Trịnh Thị Thu Trang
- GV Ths. Trần Thị Hà Giang

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN2 là học phần tiếp theo của học phần NN1.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được kiến thức Tiếng Pháp cơ bản trình độ A2.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.
- Về thái độ: sinh viên nhận biết được vai trò của Tiếng Pháp trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Leçon 25: Enquête (p.78-79)	3		6
2	Leçon 26 : Quitter Paris (p.80-81)	3		6
3	Leçon 27 : Vivement les vacances (p.82-83)	3		6
4	Leçon 28: Les Français en vacances (p.84-85)	3		6
5	Savoir-faire (p.86)	3		6
6	Leçon 29:Enfant de la ville (p.88-89)	3		6
7	Leçon 30 : Faits divers (p.90-91)	3		6
8	Leçon 31 : Ma première histoire d'amour (p.92-93)	3		6
9	Leçon 32 : La 2CV … et autres symboles ! (p.94-95)	3		6
10	Savoir-faire (p.96)	3		6
11	Leçon 33 : Beau fixe (p.98-99)	3		6
12	Leçon 34: Projets d'avenir (p.100-101)	3		6
13	Leçon 35: Envie de changements (p.102-103)	3		6
14	Leçon 36 : Le pain, manges-en ! (104-105)	3		6
15	Savoir-faire (p.106) Evaluation (p.107-108)	3		6
		45	**90**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình : Nouveau Taxi 1 – Nhà xuất bản Hachette Français langue étrangère 2009

7.2. Tài liệu tham khảo

- Grammaire progressive – Niveau débutant et intermédiaire – CLE international – Paris 1998
- Les clés du nouveau DELF A1 et A2 – Editions maisons des Langues – Paris 2012

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Khảo sát trình độ ngoại ngữ đầu khóa học bằng một bài kiểm tra viết-đọc-ngữ pháp tương đương trình độ A1-A2.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình(Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi trắc nghiệm 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=(Thi Viết x2 + Thi Nói)/3

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2. Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

TKHP lần 2 = (Thi Viết lần 2 x 2 + Thi Nói)/3

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY
NGOẠI NGỮ 3 – TIẾNG PHÁP 3

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: NN3

Tổng số tín chỉ: 2 (lý thuyết)

Phân bố thời gian: **30 tiết** (lý thuyết)

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: SV năm thứ hai

Học phần tiên quyết: NN1, NN2

Học phần học trước: NN2

Học phần song hành: không có

Giảng viên phụ trách: GV Ths. Nguyễn Thị Hiền

Cán bộ tham gia giảng dạy:

- GV Ths. Nguyễn Thị Hiền
- GV Ths. Cao Thị Phương Dung
- GV Ths. Trịnh Thị Thu Trang
- GV Ths. Trần Thị Hà Giang

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần NN3 là học phần cuối cùng trong chương trình học Ngoại ngữ, nhằm cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành Y về cấu trúc cơ thể người và một số chuyên ngành Y.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Về kiến thức: sinh viên cần nắm được vốn từ về chuyên ngành y.
- Về kỹ năng: sinh viên thực hành được kỹ năng đọc, viết với các chủ đề chuyên ngành y.
- Về thái độ: sinh viên củng cố, nâng cao nhận thức về vai trò của Tiếng Pháp trong chương trình học và trong chuyên ngành Y.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	**PARTIE 1: Anatomie simplifiée** 1.1 : Le visage 1.2 : Le corps 1.3 :Les viscères	3		6
2	**PARTIE 2 : Terminologie médicale :** 2.1. Séance 1	3		6
3	2.2. Séance 2	3		6
4	**PARTIE 3 : Spécialités médicales** 3.1. Gastro-Entérologie	3		6
5	3.2. Pneumologie	3		6
6	3.3. Cardio-Angéologie	3		6
7	3.4. Néphrologie - Urologie	3		6
8	Révision + Mini-test	3		6
9	**PARTIE 4: Savoir – faire** 4.1.Notices médicamenteuses 4.2.Interrogatoire médical 4.3. Abréviations courantes en médecine	3		6
10	**RÉCAPITULATION- ÔN TẬP CUỐI KỲ**	3		6
		30		**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, đóng vai

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận….

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

- Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- *Giáo trình chuyên ngành Y* -Bộ môn Ngoại ngữ- Trường ĐHYD Hải Phòng

7.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình : ***Santé-médecine.com*** – Florence Mourlhon-Dallies et Jacqueline Tolas – CLE international 2004

8. LƯỢNG GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

8.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình(Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

8.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 60 phút

8.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

TKHP=Thi Viết

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

TKHP lần 2 =Thi Viết lần 2

BAN GIÁM HIỆU	BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Th.S. Nguyễn Thị Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TIN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

(2016 – 2017)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ	: 02	Lý thuyết: 01	Thực hành: 01
Phân bổ thời gian (tiết)	: 45	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết)	: 60		

Đối tượng sinh viên: Năm thứ nhất

- Cử nhân Điều dưỡng
- Xét nghiệm y học
- Y đa khoa
- Y học dự phòng
- Y học cổ truyền
- Răng hàm mặt

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành, đồng thời cung cấp các kỹ năng thực hành soạn thảo văn bản Word và bảng tính Excel.

Học phần tin học đại cương gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết các bài tập thực hành trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài tập thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,...).

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học, máy tính, hệ điều hành; Các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word; lập, tính toán, phân tích và xử lý số liệu bằng Microsoft Excel.

- Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo máy tính, vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành; Hình thành và rèn luyện đồng thời các kỹ năng: làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, ...

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,... nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	TỰ HỌC
1	**Phần 1. Đại cương về tin học** - Thông tin, mã hóa thông tin, đơn vị đo thông tin - Cấu trúc máy tính: cấu tạo và chức năng từng thành phần máy tính.	1	2	4
	- Quản lý thông tin trên máy tính - Hệ điều hành Windows	2	4	8
2	**Phần 2. Microsoft Word** 1. Tổng quan về Microsoft Word 2. Các thao các cơ bản trên Word 3. Định dạng văn bản	2	4	8
	4. Chèn các đối tượng vào văn bản 5. Thao tác với bảng biểu 6. In tài liệu Word 7. Một số thao tác nâng cao	4	8	16
	Phần 3. Microsoft Excel 1. Tổng quan về Microsoft Excel 2. Định dạng dữ liệu trong bảng tính	2	4	8
3	3. Các thao tác với ô, hàng, cột và khối dữ liệu			
	4. Giới thiệu và sử dụng hàm trong Excel 5. Cơ sở dữ liệu trong Excel	2	4	8
	6. Biểu đồ/đồ thị trong Excel 7. In bảng tính	2	4	8
Tổng cộng		**15**	**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, ... trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính:

[1] Bộ môn Tin học, *Giáo trình tin học*, 2016.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[1]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word 2010, 2010.

[2]. Microsoft, Giáo trình hướng dẫn sử dụng Excel 2010, 2010.

[3]. Microsoft, Microsoft Word 2010 Step by Step, 2010.

[4]. Microsoft, Microsoft Excel 2010 Step by Step, 2010.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:

+ Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.

+ Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.

- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.

- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: **TKHP = (THI × 2 + TH)/3**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.

- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày…… tháng ….. năm 20….

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
	Trần Thanh Vân

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chúc

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DÂN SỐ HỌC 1
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ Y học dự phòng năm 1
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y Tế Công Cộng

1. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Dân số học là môn khoa học về dân số. Nghiên cứu DSH giúp cho người học nắm được một hệ thống kiến thức về dân số, những quá trình DSH, những lý thuyết về dân số và những lãnh vực ứng dụng.

Học phần này giới thiệu những khái niệm căn bản nhằm giúp người học có thể phân tích được các xu hướng biến động của các thành phần chính của dân số là sinh, chết, di dân và cơ cấu dân số.

2. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về dân số (quy mô, cơ cấu, mức sinh, mức chết) và các yếu tố ảnh hưởng.
2. Phân tích được sự tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giáo dục, môi trường.
3. Trình bày được các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

3. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Nhập môn Dân số học-Quy mô cơ cấu dân số	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
2.	Nguồn số liệu dân số	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
3.	Mức sinh và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
4.	Mức chết và các yếu tố ảnh hưởng	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà

5.	Di dân và đô thị hóa	3	0	6	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
6.	Dân số và phát triển kinh tế	3	0	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Dân số và giáo dục	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
8.	Dân số và môi trường	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
9.	Chính sách dân số	4	0	8	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
10.	Dự báo dân số	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	**60**	

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

5. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

Trần Chí Liêm, *Dân số học,* Hà nội, Nhà xuất bản Y học, 2009.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

7. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN DI TRUYỀN Y HỌC

1. **Mã số môn học:** Di truyền y học
2. **Đối tượng:** Y học dự phòng hệ chính quy
3. **Số tín chỉ:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. **Số tiết học: 45** Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
5. **Số lần thi:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. **Số giờ tự học:**_30
7. **Học phần tiên quyết:**_Sinh học đại cương, mô học, sinh lý, sinh hóa, miễn dịch, sinh lý bệnh.
8. **Mục tiêu:**
   1) Trình bày được các phương pháp nghiên cứu DT y học và ứng dụng.
   2) Nêu được đặc điểm bộ gen người, bộ NST người và một số kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học.
   3) Trình bày được các nguyên lý di truyền cơ bản chi phối các tính trạng, bệnh di truyền của người.
   4) Giải thích được nguyên nhân, cơ chế phát sinh một số bệnh tật di truyền ở người và nhận biết được dấu hiệu lâm sàng của một số bệnh tật di truyền ở người.
   5) Chỉ định được một số xét nghiệm di truyền cần thiết.
   6) Nêu được một số phương hướng điều trị, phòng bệnh di truyền ở người và tư vấn di truyền.
9. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	Nội dung bài giảng	Số tiết	
		LT	Tự học
1	**Phần 1: Các phương pháp nghiên cứu di truyền y học** phả hệ, nếp vân da, tế bào học, sinh đôi, di truyền học quần thể người...	1	2
2	**Phần 2: Bộ gen - bộ NST người và một số kỹ thuật DT y học** - Khái quát về bộ gen người. - Tiêu chuẩn xếp loại NST người. - Các phương pháp nhuộm tiêu bản NST người - Kĩ thuật di truyền ứng dụng trong y học	2	4
3	**Phần 3: Nhiễm sắc thể giới tính và vật thể giới tính ở người** - NST giới tính và chức năng. - Vật thể giới tính Barr, Drumstic, vật thể Y và ứng dụng.	1	2

4	**Phần 4: Các tính trạng và bệnh di truyền đơn gen ở người** - Phân loại bệnh rối loạn vật chất DT ở người - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể thường & đặc điểm. - Bệnh di truyền gen trội, lặn trên nhiễm sắc thể giới tính & đặc điểm.	2	4
5	**Phần 5: Các tính trạng và bệnh di truyền đa gen và đa nhân tố ở người**	1	**2**
6	**Phần 6. Di truyền nhóm máu ở người** - Di truyền nhóm máu ABO. - Di truyền nhóm máu Rh. - Di truyền nhóm máu MN... - Di truyền hệ kháng nguyên HLA.	1	2
7	**Phần 7: Bất thường bẩm sinh** Khái niệm; nguyên nhân, cơ chế gây BTBS, các giai đoạn tác động gây BTBS	1	2
8	**Phần 8: Di truyền ung thư** Đặc điểm sinh học của tế bào ung thư; nguyên nhân, cơ chế và cơ sở sinh học gây ung thư.	1	2
9	**Phần 9: Bệnh học NST ở người** - Các bệnh lệch bội NST:Down, Patau, Turner, Klinerfelter... - Các bệnh đột biến cấu trúc NST: hội chứng "mèu kêu", Down chuyển đoạn, NST Philadelphia, Fragyl X... - Hiện tượng lưỡng giới: giả, thật ở người.	2	4
10	**Phần 10: Đột biến gen và Di truyền bệnh phân tử ở người** - Phân loại bệnh đột biến gen - Các bệnh rối loạn phân tử Protein không là men : bệnh về hemoglobin; Bệnh về các yếu tố đông máu. - Các bệnh rối loạn phân tử Protein là men: rối loạn chuyển hoá đường; chuyển hoá a. amin; chuyển hoá Lipit.	2	4
11	**Phần 11: Phương pháp phòng và điều trị bệnh di truyền** - Phương hướng điều trị bệnh DT. - Phương hướng phòng bệnh DT. - Các phương pháp sàng lọc bệnh tật di truyền và chẩn đoán trước sinh. - Tư vấn di truyền: đối tượng, các nguyên tắc thực hiện, lời khuyên di truyền.	**1**	2
	Tổng	**15**	**30**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Phân tích nếp vân da bàn tay	4
2	Vật thể giới – cách làm tiêu bản tế bào niêm mạc miệng để xét nghiệm vật thể Barr	4
3	Nghiên cứu di truyền đơn gen bằng phương pháp lập và phân tích gia hệ	4
4	Khảo sát con sinh đôi, di truyền quần thể, kỹ thuật di truyền phân tử	4
5	Kỹ thuật làm tiêu bản phân tích bộ NST người	4
6	Phương pháp lập và phân tích bộ NST người	4
7	Quan sát và kết luận hình ảnh lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh di truyền người.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng	30

10. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

11. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời trắc nghiệm

    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

12. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

13. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

14. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Di truyền Y học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Thài liệu tham khảo:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2006), Thực tập Di truyền Y học, Nhà xuất bản Y học.
2. Neil A. Campbell và cs. (2008), Sinh học, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), Sinh học phân tử, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thị Hồng Nhung và cs. (2017), Sinh học tế bào và Di truyền học, Nhà xuất bản Y học.
5. Đái Duy Ban (1998), Công nghệ DNA trong điều trị gen các bệnh hiểm nghèo, Nhà xuất bản Y học.
6. Đái Duy Ban (2003), Sinh học phân tử của ung thư vòm họng, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
7. Lê Văn Trực (2002), Trắc nghiệm Di truyền học đại cương, Nhà xuất bản Thanh niên.
8. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người (2011), Nhà xuất bản Y học.
9. Chu Văn Mẫn và cs (2002), Di truyền người, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
10. Nguyễn Viết Nhân, Hà Thị Minh Thi (2005), Di truyền Y học, Đại học Huế.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Ekức

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Hóa học
- Mã môn học: .....
- Số tín chỉ: 3 (2LT/1TH)
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc: Đại học – BS Y học Dự phòng
- Loại môn học:
  - Bắt buộc: ☑
- Các môn học tiên quyết (những môn phải học trước môn này):không
- Các môn học kế tiếp (những môn học ngay sau môn này): hóa hữu cơ, hóa lý dược, hóa phân tích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
  - Làm bài tập trên lớp : 5 tiết
  - Thảo luận : 5 tiết
  - Thực hành, thực tập : 30 tiết
  - Tự học : 60giờ
- Bộ môn phụ trách môn học: hóa học

2. Mục tiêu của môn học

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sỹ Y học cổ truyền có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kĩ năng thực hành cơ bản để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết có hiệu quả các vấn đề về sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể:

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng;
- Có tinh thần hợp tác và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản làm nền tảng cho y học dự phòng;
- Trình bày được nội dung cơ bản của các nguyên lí cơ bản của nhiệt động hóa học để giải thích các quá trình hóa học, định luật Hess và các hệ quả, các khái niệm nội năng, enthalpy, entropy, thế đẳng nhiệt đẳng áp, các loại hằng số cân bằng và nguyên lý chuyển dịch cân bằng, tốc độ phản ứng.
- Phân biệt được các loại dung dịch, biết cách pha chế dung dịch, xác định được độ pH.
- Trình bày được các tính chất hóa học cơ bản của hợp chất vô cơ, ứng dụng của một số chất vô cơ trong ngành y.

- Trình bày được tên gọi, phương pháp điều chế, tính chất hóa học chính, ứng dụng của các chất hữu cơ. Viết được qui trình điều chế một số hợp chất có nhóm chức, viết được tên và công thức các chất được sử dụng trong ngành y.

Về kĩ năng

- Biết cách sử dụng các dụng cụ đơn giản để tiến hành thí nghiệm chứng minh các chất vô cơ và hữu cơ.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Phần Lý thuyết Hóa học: gồm 3 phần và 1 bài thi kết thúc phần lý thuyết

+ Phần Hóa đại cương bao gồm cả lí thuyết, bài tập về Nguyên lý I của NĐLH, hiệu ứng nhiệt, định luật Hess, nhiệt sinh, nhiệt cháy, nhiệt biến đổi trạng thái tập hợp, nguyên lý II, entropy, thế đẳng nhiệt đẳng áp. Xác chiều hướng diễn biến của quá trình hóa học, cân bằng hoá học và tốc độ phản ứng, tính chất chung của dung dịch, tính độ pH.

+ Phần Hóa vô cơ gồm các tính chất cơ bản của kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ.

+ Phần Hóa hữu cơ gồm tên gọi, điều chế, tính chất chính của các chất hữu cơ.

Phần Thực Hành

+ Phần thực hành gồm 7 bài thực hành và 1 bài thi kết thúc.

4. Tài liệu học tập, tham khảo

1/ Bộ môn Hóa học, Giáo trình Hoá học, (Lưu hành nội bộ).

2/ Bộ môn Hóa học, Thực hành Hóa học, (Lưu hành nội bộ).

3/ Hóa Đại cương , ĐH Y Hà Nội

5. Hình thức tổ chức dạy – học

5.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết
1	Cấu tạo nguyên tử. Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	3
2	Nhiệt động học	3
3	Động hóa học	3
4	Đại cương về dung dịch	5
5	Các chất vô cơ	3
6	Đại cương về hóa hữu cơ	3
7	Hydrocacbon	4
8	Hợp chất chứa oxy	3
9	Hợp chất chứa nitơ và tạp chức	3
	Tổng	30

5.2. Thực hành

STT	Nội dung thực hành	Số tiết
1	Bài1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong PTN.	4
2	Bài 2: Phương phân phân tích trung hòa	4
3	Bài 3: Phương pháp Complexon	4
4	Bài 4: Phương phân Pemanganat	4
5	Bài 5: Dung dịch đệm	4
6	Bài 6: Dung dịch keo	5
7	Bài 7: Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	5
	Tổng	30

5.3. Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Tuần 1: Từ:…. Đến…	Cấu tạo nguyên tử. Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học (5)	2	1			5h	*Đọc quyển …, trang… Chuẩn bị câu hỏi …*	
Tuần 2: Từ:…. Đến…	Nhiệt động học (3) + Động hóa học (2)	3	1		2	5h		
Tuần 3: Từ:…. Đến…	Động hóa học (1) + Đại cương về dung dịch (4)	3	2	1	4	10h		
Tuần 4: Từ:…. Đến…	Đại cương về dung dịch (5)	3	2	1	4	10h		
Tuần 5: Từ:…. Đến…	Đại cương về dung dịch (1) + Các chất vô cơ (4)	3	2	1	4	10h		
Tuần 6: Từ:…. Đến…	Đại cương về hóa hữu cơ (5)	4	1	1	8	5h		
Tuần 7: Từ:…. Đến…	Hydrocacbon (5)	4	1		8	5h		
Tuần 8: Từ:…. Đến…	Hợp chất chứa oxy (5)	4	1	1		5h		
Tuần 9: Từ:…. Đến…	Hợp chất chứa nito và tạp chức	4	1	1		5h		

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

- Thuyết trình, phát vấn, làm mẫu, thảo luận nhóm.

7. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: trau dồi kỹ năng làm việc theo nhóm, để chuẩn bị bài Seminar trước khi lên lớp và kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet..) để có chất lượng bài Seminar.

8. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

Thi kết thúc học phần : Lý thuyết: thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Thực hành: vấn đáp và tiến hành một số phản ứng cụ thể.

Cách tính điểm: ĐTB = (LTx2+TH)/3

10. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

- PGS.TS Vũ Thị Kim Loan
- TS Bùi Ngọc Tân
- TS Nguyễn Văn Dưỡng
- Th.S Nguyễn Thị Hương
- Th.S Ngô Thanh Hường
- Th.S Nguyễn Thị Cúc

11. Cơ sở vật chất:

Phòng thí nghiệm, các máy móc, hóa chất thiết bị cần thiết.

Ban Giám Hiệu	Trưởng Bộ môn
	Vũ Thị Kim Loan

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiến

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ SINH Y HỌC

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Mã học phần:
2. Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
3. Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành : 30
4. Số giờ tự học (tiết): 45
5. Đối tượng sinh viên : Y học dư phòng.
6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y Vật Lý

II. MÔ TẢ VỀ HỌC PHẦN

Học phần Y Vật lý – Lý sinh bao gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường với hình thức thuyết trình có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết kiến thức trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài thực hành thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,…).

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Phân tích được một số hiện tượng vật lý và hóa lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống.
- Vận dụng các định luật vật lý và hóa lý để giải thích các quá trình hóa lý xảy ra trong cơ thể sống
- Trình bày được cơ chế tác dụng và hậu quả của các tác nhân vật lý lên cơ thể sống
- Trình bày được một số kiến thức y vật lý cơ bản và những ứng dụng của nó trong chẩn đoán, thăm dò chức năng và điều trị.
- Thực hiện được một số phương pháp đo lường trong vật lý – lý sinh tại phòng thực tập.
- Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác và khoa học trong học tập.

IV. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

- Th.S Nguyễn Phú Nghĩa
- Th.S Phạm Thị Vân
- Th.S Nguyễn Thị Hiền
- Th.S Hà Minh Tâm
- Th.S Mai Thị Là
- Th.S Đào Việt Phương

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Nhiệt độ và nhiệt lượng	1		1
2	Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học	1		3
3	Nguyên lý thứ hai nhiệt động học	1		2
4	Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sống	0		2
5	Sự vận chuyển máu trong cơ thể	1		2
6	Sự vận chuyển khí trong cơ thể	1		2
7	Các loại điện thế sinh vật	0		2
8	Ghi điện sinh học	1		2
9	Tác dụng sinh vật của dòng điện và ứng dụng trong điều trị	1		1
10	Bản chất vật lý của âm và siêu âm	1		1
11	Ứng dụng của âm và siêu âm trong y học	1		1
12	Các định luật cơ bản về ánh sáng. Mắt và dụng cụ bổ trợ	1		2
13	Bản chất của ánh sáng.Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống	1		3
14	Ứng dụng của Laser trong y hoc	1		1
15	Cấu tạo nguyên tử và hạt nhân nguyên tử. Các loại tia phóng xạ	0		2
16	Tương tác của bức xạ ion hóa với vật chất	1		1
17	Tác dụng sinh vật của bức xạ ion hóa	1		1
18	Ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y sinh	1		1

	học			
19	Tính thấm màng tế bào da ếch		4	2
20	Ảnh hưởng của các ion K, Zn lên hoạt động của bó xoang		4	2
21	Đo nhiệt dung riêng của chất lỏng		2	1
22	Kỹ thuật ghi đo điện tâm đồ		4	2
23	Tác dụng của dòng điện một chiều và phương pháp điện châm .		2	1
24	Xác định thị trường của mắt		4	2
25	Đo ngưỡng nghe		4	2
26	Chẩn đoán hình ảnh bằng siêu âm		2	1
27	Đo gia tốc trọng trường bằng con lắc vật lý		4	2
	Tổng số	15	30	45

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học:

Truyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài giảng.

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Bài giảng lý sinh do bộ môn soạn

Bài thực hành do bộ môn biên soạn

2. Tài liệu tham khảo

Lý sinh Y học – Trường đại học Y Hà Nội 1998, 2005, 2015

Vật lý đại cương - Trường đại học Dược Hà Nội 2008

Lý sinh cử nhân điều dưỡng - Phan Sỹ An, 2012

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1 Kiểm tra, đánh giá ban đầu: Giảng viên thăm hỏi sinh viên bằng những câu hỏi nhỏ.

2. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình:

- *Chuyên cần:* sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bộ môn đầy đủ, tích cực.
- *Kiểm tra thường xuyên:* sinh viên hóàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên đã giao.

(ĐG ban đầu và ĐG quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần)

3 Kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần:

-Dựa trên kết quả thi kết thúc học phần: tự luận

Công thức điểm = (LT X 2 +TH)/3

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. *Học phần lý thuyết:* giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên
2. *Học phần thực hành:* phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Ngô Phú Nghĩa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. **Mã số môn học:** Sinh học đại cương
2. **Đối tượng:** Y học dự phòng hệ chính quy
3. **Số tín chỉ:** 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
4. **Số tiết học:** 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
5. **Số lần thi: 2** Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
6. **Số giờ tự học:** 30
7. **Mục tiêu:**
   1) Trình bày được cấu trúc, chức năng của tế bào và các hoạt động sống cơ bản của cơ thể sống.
   2) Trình bày được cơ sở di truyền trong tế bào và các qui luật di truyền cơ bản ở sinh vật.
   3) Trình bày được quá trình phát triển cá thể ở động vật.
   4) Trình bày được phân loại đột biến và cơ chế phát sinh đột biến.
8. **Nội dung chi tiết**

LÝ THUYẾT

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Tự học
1	**Sinh học tế bào** - Các phương pháp nghiên cứu tế bào. - Cấu trúc và chức năng màng, các bào quan và nhân tế bào. - Sự vận chuyển vất chất qua màng tế bào. - Sự phân chia của tế bào, sự tạo tinh và tạo trứng ở người. - Sự vận động của tế bào.	04	08
2	**Di truyền học** **I. Cơ sở vật chất di truyền:** ADN, ARN, tổng hợp Protein và cơ chế điều hoà hoạt động của gen. **II. Các có chế di truyền cơ bản ở sinh vật:** di truyền đơn gen, đa gen đa nhân tố, các tính trạng bị hạn chế bởi giới và bị ảnh hưởng bởi giới tính.	03	06
3	**Sinh học phát triển các thể:** - Các phương thức sinh sản ở sinh vật. - Các giai đoạn phát triển cá thể và phát triển phôi. - Các cơ chế điều khiển quá trình phát triển cá thể. - Sự tái sinh ở sinh vật.	04	08

4	**Đột biến:** - Phân loại đột biến. - Cơ chế đột biến đa bội , lệch bội. - Cơ chế đột biến cấu trúc NST. - Đột biến gen.	**04**	08
	Tổng số giờ:	**15**	**30**

THỰC HÀNH

STT	Tên bài	Số giờ
1	Sử dụng kính hiển vi quang học	4
2	Hình dạng tế bào, nhân tế bào.	4
3	Trao đổi chất qua màng tế bào, sự vận động của tế bào	4
4	Cấu trúc hiển vi và siêu hiển vi của màng, bào quan và nhân của tế bào	4
5	Nhiễm sắc thể của một số loài	4
6	Phân bào nguyên nhiễm ở tế bào động – thực vật	4
7	Phân bào giảm nhiễm– các tế bào sinh dục - sự phát triển phôi.	4
8	Ôn tập	2
	Tổng số	**30**

9. Phương pháp giảng dạy:

- ✓ Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- ✓ Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- ✓ Thực hành tại phòng thực hành
- ✓ Sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

10. Lượng giá:

- ✓ Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên (hỏi bài cũ, kiến thức đã học)
- ✓ Đánh giá trong quá trình học: Theo dõi thái độ học tập của sinh viên gồm: ôn bài trước khi đến lớp, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, tích cực tham gia hoạt động nhóm, trả lời câu hỏi.
- ✓ Hình thức đánh giá:
  - o Sinh viên đạt yêu cầu của đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học sẽ đủ điều kiện thi cuối kỳ.
  - o Hình thức thi: Thi lý thuyết bằng trả lời câu hỏi trắc nghiệm
    Thi thực hành bằng phương pháp chạy trạm OSPE.
- ✓ Kết quả môn học: = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/ 3

11. Cơ sở vật chất:

- ✓ Lý thuyết: Phòng học có máy chiếu
- ✓ Thực hành: Phòng thực tập có đầy đủ kính hiển vi, đèn chiếu sáng để soi kính, dụng cụ, hóa chất và trang thiết bị cần thiết.

12. Giảng viên chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Ths. Nguyễn Thị Tươi.

13. Tài liệu học tập:

Tài liệu dạy học:

1. Trịnh Văn Bảo và cs. (2008), *Sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Bộ môn Sinh học Di truyền (2015), *Thực tập Sinh học*, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tài liệu tham khảo:

1. Neil A. Campbell và cs. (2008), *Sinh học*, Pearson Benjamin Cumming, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
2. Hồ Huỳnh Thùy Dương (1997), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
3. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 1)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. W. D. Philips, T. J. Chilton (2005), *Sinh học (tập 2)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
5. Ngô Giang Liên (1993), *Thực tập Tế bào học,* Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Trịnh Văn Bảo và cs. (2005), *Thực tập Sinh học*, Nhà xuất bản Y học.
7. Đỗ Kính (2008), *Phôi thai học: thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.

Hải Phòng, ngày... tháng... năm 201

BAN GIÁM HIỆU

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiến

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN TÂM LÝ – ĐẠO ĐỨC Y HỌC

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 tín chỉ
Phân bố thời gian: 30 tiết Lý thuyết: 30 tiết
Số giờ tự học: 60 giờ
Đối tượng sinh viên: **Y DỰ PHÒNG**
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Phần tâm lý y học: Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học y học: tâm lý học đại cương, tâm lý người bệnh và tâm lý người thầy thuốc, giao tiếp trong y học và một số liệu pháp tâm lý được sử dụng trong y học.

Phần đạo đức y học: Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản của đạo đức y học, các nguyên tắc y đức cơ bản, các mối quan hệ về mặt y đức giữa nhân viên y tế với nhau, với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Phần Tâm lý:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa của tâm lý học y học là môn học cần thiết cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế với người bệnh và người nhà bệnh nhân.
2. Trình bày được một số đặc điểm cơ bản về tâm lý người bệnh, tâm lý người thầy thuốc.
3. Nêu được diễn biến tâm lý của người bệnh khi đến khám và nằm viện.
4. Bước đầu hiểu tâm lý người bệnh, biết cách tác động đến tâm lý người bệnh, người nhà bệnh nhân.
5. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc học tập, thực hành và nghiên cứu y dược học.

Phần Đạo đức

1. Trình bày được một số vấn đề cơ bản của Đạo đức y học
2. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức y học

3. Vận dụng được các nguyên tắc đạo đức trong các mối quan hệ đồng nghiệp, cộng đồng, bệnh nhân và sinh viên và trong nghiên cứu y sinh học

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Phần Tâm lý

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Tâm lý học y học	01	02	Ths. Thiện
2	Tâm lý học nhân cách	01	02	Ths. Thành
3	Gia đình – Xã hội – Stress tâm lý	02	04	Ths. Thành
4	Giao tiếp, giao tiếp trong y học	03	06	Ths. Thiện
5	Stress tâm lý – Tâm lý lứa tuổi	02	04	Ths. Mai Anh
6	Liệu pháp tâm lý	02	04	Ths. Mai Anh
7	Tâm lý bệnh nhân đến khám bệnh	02	04	Ths. Duyên
8	Tâm lý bệnh nhân nằm trong bệnh viện	02	04	Ths. Duyên
	Tổng	**15**	**30**	

Phần Đạo đức

STT	Nội dung	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Lịch sử phát triển và các tấm gương đạo đức y học thế giới và Việt Nam	02	04	Gs Thức
2	Một số vấn đề cơ bản về đạo đức học	04	08	Ths. Thiện
3	Các nguyên tắc đạo đức y học	02	04	Gs Thức
4	Quan hệ giữa bệnh nhân và thầy thuốc	03	06	Ths. Hiếu
5	Quan hệ giữa thầy thuốc với đồng nghiệp và với cộng đồng	02	04	Ths. Hiếu
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	02	04	BS. Linh
	Tổng	**15**	**30**	

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Giảng lý thuyết trên lớp, Xermina, DH dự án

5.2. Phương pháp học:

- Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: tự học theo giáo trình và sách tham khảo mà bộ môn giới thiệu. Chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.
- Tham gia nhóm học tập, diễn đàn

VI. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng Đạo đức y học – ĐH Y Dược Hải Phòng, NXB Y học, 2014
- Bài giảng Tâm lý đạo đức y học do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Tâm lý y học, Nguyễn Văn Nhận – NXB Y học 2006
- Những bậc thầy nổi danh về y đức – NXB Y học, 2013
- Những chỉ dẫn quốc tế về đạo đức cho các nghiên cứu y sinh có đối tượng nghiên cứu liên quan đến con người – NXB thống kê 2010

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên
- Kiểm tra – đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập
- Kiểm tra - đánh giá kết thúc học phần : Thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm

Công thức tính điểm tổng kết học phần: TKHP = LT

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT **TM.BỘ MÔN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Phùng Chí Thiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

BỘ MÔN TIN HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ỨNG DỤNG

(2015 – 2016)

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bổ thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 60

Đối tượng sinh viên: (năm thứ nhất)

- Y đa khoa
- Y học dự phòng
- Y học cổ truyền
- Răng hàm mặt

Học phần tiên quyết: Tin học đại cương, Toán xác suất thống kê.

Học phần học trước: Tin học đại cương

Học phần song hành: không

Giáo viên giảng dạy: Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Chăm, Trịnh Anh Tuấn, Lương Thanh Nhạn, Đoàn Văn Thành, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Văn Trọng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Tin học ứng dụng với việc khai thác và sử dụng phần mềm thống kê sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết kế cấu trúc bảng lưu dữ liệu, nhập, trình bày, thống kê, phân tích, … số liệu.

Học phần gồm 2 tín chỉ: 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Trong đó:

- Các tiết giảng lý thuyết thực hiện trên giảng đường có sự hỗ trợ của máy chiếu (projector) và các thiết bị dạy học trực quan. Các buổi thảo luận và bài tập được thực hiện theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Các tiết thực hành được thực hiện ở phòng máy dưới sự hướng dẫn của giảng viên và các kỹ thuật viên nhằm giải quyết các bài tập thực hành trên cơ sở nội dung lý thuyết đã được truyền đạt. Kết thúc các buổi thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng bài tập thông qua các bài kiểm tra lượng giá (trắc nghiệm hoặc vấn đáp,…).

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để khai thác và sử dụng phần mềm thống kê trong thiết kế cấu trúc lưu các bảng số liệu, thống kê, phân tích số liệu đáp ứng các yêu cầu từ cơ bản đến nâng cao.

Vận dụng các lệnh, các hàm trong chương trình môn học để thực hiện các nghiên cứu, tính toán, phân tích và thống kê trong y học và nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được trang bị để thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành:

+ Thiết kế cấu trúc bảng số liệu, nhập, mã hóa, phân tích và thống kê số liệu.

+ Phiên giải các kết quả thống kê, lập các báo cáo số liệu.

- Thái độ:

Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu, thảo luận; sáng tạo trong thực hiện các yêu cầu của bài tập thực hành,... nghiêm túc chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	TỰ HỌC
1	Tổng quan về thống kê	1	0	0
2	Tạo file cơ sở dữ liệu	2	6	14
3	Các lệnh cơ bản trong thống kê	4	5	10
4	Các lệnh thống kê cơ bản	4	8	12
5	Hàm trong thống kê	2	5	10
6	Chương trình trong thống kê	2	6	14
Tổng cộng		**15**	**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: Giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, ... trên cơ sở lấy người học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên là người nêu vấn đề và tổng kết.

- Thực hành: Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, nêu tình huống, thảo luận cách giải quyết, sinh viên thực hiện trên máy tính dưới sự giám sát, hỗ trợ của giảng viên, kỹ thuật viên.

5.2. Phương pháp học và tự học:

- Sinh viên học: lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận nhóm, kiểm tra và thực hành tại phòng máy tính.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Giáo trình chính

[1]. Bộ môn Tin học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, *Giáo trình Tin học ứng dụng*, 2015.

6.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Cự Linh, Thống kê y tế công cộng – Phần thống kê cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[2]. Phạm Việt Cường, Thống kê y tế công cộng – Phần phân tích số liệu, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2009.

[3]. Nguyễn Ngọc Rạng, Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học, Nhà xuất bản Y học TP Hồ Chí Minh, 2012.

[4]. Nguyễn Văn Tuấn, *Lâm sàng thống kê -Ý nghĩa của odds ratio và relative risk*, Chương trình huấn luyện y khoa - YKHOA.NET Training, www.ykhoa.net/baigiang/lamsangthongke/lstk14_oddratio.pdf

[5]. Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Đình Nguyên, *Nguy cơ tương đối (RR)và Odds ratio (OR)*, https://tqhien.files.wordpress.com/2011/10/phan-biet-rr-va-or.ppt

[6]. https://www.cdc.gov/epiinfo/pdfs/UserGuide/EI7Full.pdf

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu:

Vấn đáp sinh viên về kiến thức đã được học.

Kiểm tra – đánh giá quá trình:

Đánh giá nhận xét sinh viên sau các bài thực hành (mức độ hoàn thành, chất lượng, ý thức học tập…)

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ

- Điều kiện dự thi hết học phần:
  + Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.
  + Điểm thi thực hành từ 5.0 trở lên.
- Thi kết thúc học phần: thi viết hoặc vấn đáp.
- Điểm tổng kết phọc phần được tính theo công thức: **TKHP = (THI × 2 + TH)/3**

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- 02 phòng thực hành: mỗi phòng có 30 máy tính được nối mạng Internet.
- Máy chiếu, máy in.

Hải Phòng, ngày..... Tháng ..... năm 20....

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	Trần Thanh Vân
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TOÁN HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

Năm học: 2015 – 2016

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
- Số tiết: 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60
- Số tiết tự học: 90
- Đối tượng: **Bác sĩ y học dự phòng K9.**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Đào Thu Hằng
- ThS. Nguyễn Ngọc Tú
- ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo
- ThS. Nguyễn Thị Huệ

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Học phần Xác suất thống kê y học dành cho đối tượng Bác sĩ y học dự phòng gồm 4 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành). Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm.
- Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

+ Định nghĩa xác suất và các công thức tính xác suất.

+ Đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất và các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên. Một số quy luật phân phối xác suất thường gặp.

+ Mẫu và các đặc trưng mẫu.

+ Ước lượng tham số.

+ Kiểm định giả thiết thống kê.

+ Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

*** Về kiến thức:**

- Hiểu được các kiến thức Xác suất thống kê cơ bản: Xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất; Mẫu; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thiết; Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến.

*** Về kỹ năng:**

- Giải được các bài tập xác suất, thống kê cơ bản.

*** Về thái độ:**

- Nhận thức được ứng dụng của Xác suất thống kê trong nghiên cứu y học.
- Đi học đầy đủ, nghiêm túc; làm bài tập về nhà đầy đủ và có ý thức tham gia vào bài giảng trên lớp.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1	Hiện tượng ngẫu nhiên và xác suất của hiện tượng ngẫu nhiên: các khái niệm cơ bản; phép toán và mối quan hệ giữa các hiện tượng; các định nghĩa xác suất (định nghĩa cổ điển, định nghĩa theo tần suất, định nghĩa theo hình học), tính chất của xác suất.	3		6
2	Các công thức xác suất: công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ và Bayes, công thức Bernoulli. Các tham số xét nghiệm: xác suất chẩn đoán đúng, giá trị của dương tính, giá trị của âm tính, độ nhạy, độ đặc hiệu.	3	4	8
3	Đại lượng ngẫu nhiên: định nghĩa, phân loại, bảng phân bố xác suất, hàm mật độ, hàm phân phối, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.	3		6
4	Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng. Tính gần đúng các xác suất liên quan đến quy luật nhị	4		8

	thức.			
5	Mẫu và các đặc trưng mẫu: mẫu, các cách chọn mẫu, các đặc trưng mẫu, các phương pháp trình bày mẫu.	3	4	8
6	Ước lượng tham số: ước lượng điểm (định nghĩa ước lượng điểm, ước lượng không chệch, ước lượng vững, ước lượng hiệu quả; ước lượng điểm cho kỳ vọng, phương sai và xác suất), ước lượng khoảng (định nghĩa khoảng tin cậy; ước lượng khoảng cho kỳ vọng, phương sai và xác suất; độ chính xác của ước lượng và cỡ mẫu cần thiết).	3	9	11
7	Kiểm định giả thiết thống kê: nguyên lý chung, kiểm định giả thiết về giá trị trung bình, kiểm định giả thiết về tỷ lệ, so sánh hai trung bình, so sánh hai phương sai.	4	16	16
8	So sánh hai tỷ lệ, so sánh nhiều tỷ lệ và kiểm định giả thiết về tính độc lập, kiểm định giả thiết về luật phân phối. Các chỉ số thường dùng trong Y học: nguy cơ tương đối, tỷ suất chênh.	4	13	14
9	Tương quan và hồi quy tuyến tính đơn biến, đa biến: hệ số tương quan mẫu và cách đánh giá mức độ	3	14	13
	tương quan tuyến tính, hệ số tương quan riêng phần, phương trình hồi quy tuyến tính một biến, hai biến.			
TỔNG		**30**	**60**	**90**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Lý thuyết:

Phối hợp các phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, SV tự nghiên cứu tài liệu, động não, dạy học dựa trên vấn đề.

- Thực hành: SV tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm, thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu học tập:

1. Giáo trình thống kê Y học, Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Bài tập Xác suất thống kê Y Dược, Bộ môn Toán học – Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục, 2010.
2. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012.
3. Đặng Hùng Thắng, *Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
5. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu:** Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức về tổ hợp, xác suất và thống kê của SV ở phổ thông.
- **Đánh giá quá trình:** Thái độ học tập, chuẩn bị bài, tham gia bài giảng trên lớp, làm bài tập trong các giờ thực hành (01 điểm hệ số 1).
- **Đánh giá cuối học phần:** 01 bài thi tự luận 60 phút (hệ số 2).

Điều kiện để được dự thi hết học phần: Điểm đánh giá quá trình đạt 5.0 trở lên.

Các điểm được tính theo thang điểm 10.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Đức	**ThS. Nguyễn Tiến Thắng**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Khoa Điều dưỡng
Bộ môn Điều dưỡng cơ bản

Đối tượng: RHM, YHDP, YHCT
Năm học: 2016 - 2017

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
Môn học: Điều dưỡng cơ bản

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: 16.01

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 75

Đối tượng sinh viên (dự kiến): **Y học cổ truyền , Y học dự phòng, Răng hàm mặt**

Học phần tiên quyết: Giải phẫu

Học phần học trước: Sinh lý

Học phần song hành: Kỹ năng giao tiếp

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Điều dưỡng cơ bản

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Là môn học kỹ năng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong thực hành chăm sóc người bệnh.
- Môn học bao gồm 2 phần chính. Nội dung bao gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm, mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, các xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Là môn học kỹ năng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất trong thực hành chăm sóc người bệnh.
- Môn học bao gồm 2 phần chính. Nội dung bao gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe mà người điều dưỡng phải làm, mô tả các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ

bản, các tai biến xảy ra trong và sau khi làm thủ thuật, các xử trí các tai biến; nguyên tắc cơ bản và xử trí các tình huống sơ cứu thông thường.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI HỌC	TIẾT GIẢNG		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Giới thiệu về điều dưỡng	1	0	2
2	Tâm lý người bệnh và hoạt động chăm sóc của điều dưỡng viên.	1	0	4
3	Vệ sinh khoa phòng bệnh viện.	1	0	4
4	Một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh	1	2	3
5	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.	1	0	2
6	Chăm sóc người bệnh trước và sau mổ.	1	0	6
7	Theo dõi người bệnh nằm điều trị tại bệnh viện.	1	2	6
8	Vận chuyển người bệnh.	1	2	4
9	Tiêm thuốc.	1	10	10
10	Truyền dịch, truyền máu.	1	2	8
11	Rửa dạ dày, hút dịch dạ dày, cho ăn bằng ống sonde, hút dịch tá tràng, thụt đại tràng.	1	4	10
12	Thông tiểu.	1	2	4
13	Băng vết thương, thay băng, cắt chỉ.	1	2	4
14	Các biện pháp hồi sức đơn giản ban đầu.	1	2	4
15	Liệu pháp Oxy	1	2	4

	Tổng số tiết giảng	**15**	**30**	**75**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm, động não, hoạt động hỏi đáp, bài tập tình huống
- Thực hành: mô phỏng, thảo luận nhóm, đóng vai.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học…
- Tại phòng thực hành: giảng viên làm mẫu, sinh viên quan sát sau đó tự thực hành dưới sự giám sát và chỉnh sửa của giảng viên và các trợ giảng…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề…, tự học trên mô hình, tranh ảnh, tự học kỹ năng, làm bài tập tình huống.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình Điều dưỡng cơ cở do Bộ môn biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2002), Điều dưỡng cơ bản. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản – Tập 1,2. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 2 tập. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Y tế (2010), Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1,2. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Fundamental Nursing: Concepts, process and practice /Kathleen G.Hoover. - 3rd - USA: Mosby,1993. 309p.; 24cm.

6. Fundamentals of Nursing: human health and function. - Second edition. - Philadenphia: Lippincott,1996. - 1580 p; 29cm.
7. Fundamental Nursing: concepts and skills / Cole, Grace. - 2ed. - USA: Mosby, 1996. - 679 p.:24 cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

*** Lý thuyết :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Câu hỏi ngắn, tình huống
- Đánh giá trong quá trình:
  + Điểm danh
  + Cho câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm
- Kết thúc học phần

+ Hình thức thi : Thi viết
+ Phương pháp : Câu hỏi ngắn
  + Thời gian : 60 phút

*** Thực hành :**

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: câu hỏi ngắn
- Đánh giá trong quá trình:
  + Điểm danh
  + Quan sát, lượng giá bằng bảng kiểm
- Kết thúc học phần
  + Hình thức thi : Thi chạy trạm
  + Phương pháp : Sử dụng bảng kiểm (thang điểm 2 – 1 – 0)

*** Điều kiện dự thi hết học phần:**

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết thực giảng của học phần.
- Sinh viên tham dự học từ 70-90% số tiết thực giảng của học phần thì *bị nhận điểm 0 và* phải thi lại học phần đó.
- Sinh viên tham dự học ít hơn 70% số tiết thực giảng của học phần thì phải học lại học phần đó.

+ Sinh viên phải có mặt 90% giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành.

+ Điểm kiểm tra thực hành từ 5.0 trở lên

- Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: TKHP = (LTx2 +TH)/3

8. Cơ sở vật chất

*** Lý thuyết:** Giảng đường, máy chiếu, mic, máy tính xách tay, phấn , bảng.

*** Thực hành:** Phòng thực hành, mô hình, trang thiêt bị, vật liệu dạy học.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

STT	Họ và tên GV	Tên học phần được phân công giảng dạy	Ghi chú
1	ThS.Lê Thị Nhung	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
2	ThS.Nguyễn Thị Anh Thư	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
3	ThS. Đỗ Thị Tuyết Mai	Điều dưỡng cơ bản	Lý thuyết, thực hành
4	CN. Hoàng Tuấn Anh	Điều dưỡng cơ bản	Dạy thực hành
5	ThS. Đỗ Thị Ninh	Điều dưỡng cơ bản	Dạy thực hành
6	Đỗ Như Quỳnh	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
7	Đỗ Thị Phượng	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
8	Đỗ Thị Hà Mi	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành
9	Bùi Thị Thanh Mai	Điều dưỡng cơ bản	Trợ giảng thực hành

Ban Giám hiệu	Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Thái Lan Anh	ThS. Lê Thị Nhung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
KHOA DƯỢC HỌC
BỘ MÔN DƯỢC LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN DƯỢC LÝ VÀ ĐỘC CHẤT

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số TC: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian(tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Tự học: 75

Đối tượng sinh viên: Bác sỹ y học dự phòng

Học phần tiên quyết: sinh học, giải phẫu, mô học, sinh lý, sinh hoá, ký sinh trùng, vi sinh

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: sinh lý bệnh, miễn dịch, giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Hùng	Bộ môn Dược lý
2	ThS. BS Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Dược lý
3	BS Nguyễn Thị Thu Phương	Bộ môn Dược lý
4	Ths. BS Phạm Thúy Hằng	Bộ môn Dược lý
5	Ths Đỗ Thị Hà Phương	Bộ môn Dược lý
6	BS Nguyễn Thị Minh Thảo	Bộ môn Dược lý
7	DS Đỗ Thị Bích Diệp	Bộ môn Dược lý

2.MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý và độc chất. Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý đại cương, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của thuốc. Ngoài ra, các kiến thức cơ bản về một số chất độc khí, chất độc vô cơ và hữu cơ….. Chương trình thực hành đề cập đến một số thực nghiệm trên động vật, kê đơn và phân tích đơn thuốc. Qua đó sinh viên hiểu được cơ chế tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc trong điều trị, phòng bệnh đạt hiệu quả cao đồng thời giảm các tác dụng không mong muốn của thuốc. Giúp cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc trong cộng đồng được an toàn và hợp lý.

3.MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích được dược động học , cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của các thuốc đại diện trong từng nhóm

- Trình bảy khái niệm cơ bản, cách xử trí một số chất độc…
- Phân tích được tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí

3.2. Kỹ năng:

- Sử dụng thuốc trong điều trị, dự phòng bệnh đạt hiệu quả cao.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của người thầy thuốc trong việc phòng bệnh.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Lý thuyết

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	Tự học
1	Dược lý đại cương	04	04
2	Thuốc tác dụng trên TKTV	04	03
3	Dược lý tâm thần	04	04
4	- Thuốc an thần và thuốc ngủ -Thuốc chữa động kinh và parkinson	04	04
5	- Thuốc tê -Thuốc giảm đau loại morphin - Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm phi steroid	04	04
	- Thuốc tẩy giun sán, amip, thuốc chữa sốt rét -Thuốc chữa thiếu máu	01	04
6	-Thuốc kháng sinh -Thuốc chống lao -Thuốc sát khuẩn	04	03
7	-Thuốc kháng Histamin H1, H2 -Thuốc điều chỉnh rối loạn tiêu hoá, rối loạn hô hấp	04	03
8	-Thuốc tác dụng trên tim mạch: điều trị THA, suy tim, thuốc lợi tiểu…	04	04
9	-Thuốc điều trị một số rối loạn chuyển hóa: gout, đái tháo đường.. -Thuốc tác dụng trên quá trình đông máu	04	04
10	- Một số thuốc có nguồn gốc hormon: corticoid… - Thuốc chữa ung thư	04	04
11	-Nguyên tắc điều trị ngộ độc thuốc cấp tính - Vitamin	04	04
	Tổng	**45**	**45**

4.2. Thực hành

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT	
		Lên lớp	*Tự học*
1	- Phổ biến quy chế , nội quy phòng thực tập, quy chế thi thực tập - Quy chế kê đơn thuốc và quy định về nhãn thuốc -Thực nghiệm: +Định khu tác dụng của Strychnin +Tác dụng của rượu trên thân nhiệt	05	05
2	- Dạng bào chế chính: thuốc uống dạng lỏng -Thực nghiệm: +Tác dụng đối lập của Ether và Strychnin +Tác dụng của Morphin và Cafein trên hô hấp	04	04
3	-Dạng bào chế chính: thuốc dạng rắn -Thực nghiệm: Tác dụng của Acetylcholin, Atropin, Adrenalin trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
4	- Dạng bào chế chính: thuốc tiêm và dịch truyền - Thực nghiệm: Tác dụng của Nicotin và Spartein trên huyết áp chó - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
5	- Dạng bào chế chính: các dạng bào chế còn lại. - Thực nghiệm: Tác dụng của Digital trên tim ếch tại chỗ Tác dụng của Cloralhydrat và Cafein trên thần kinh trung ương	04	04
	- Hướng dẫn kê đơn thuốc		
6	-Thực nghiệm: +Tác dụng của Magiesulfat trên nhu động ruột +Tác dụng của Magiesulfat và Canxiclorua trên trương lực cơ - Hướng dẫn kê đơn thuốc	04	04
7	- Ôn tập: nội dung đã học và các dạng bào chế - Giải đáp thắc mắc	05	05
Tổng		**30**	**30**

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1.Phương pháp dạy:

- lý thuyết : thuyết trình, thảo luận nhóm
- thực hành : thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành thực nghiệm.

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

- Khi thực tập: sinh viên được làm hoặc quan sát thực nghiêm, giải thích kết quả và rút ra kết luận, ứng dụng lâm sàng.

- Sinh viên tự học: tìm hiểu nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, đọc và tra cứu tài liệu.

6.TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Dược lý học cơ bản – Trường Đại học Y Hải Phòng
- Bài giảng thực tập Dược lý – Trường Đại học Y Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn Dược lý-Đại học Y Hà Nội, ***Dược lý học lâm sàng***, NXB Y học, 2012
- Bộ Y tế (2012), ***Dược lý học tập1, 2***, NXB Y học.
- Bertram G. Katzung and el (2009), ***Basic and Clinical Pharmacology 12th Edn***, the McGraw - Hill Companies.
- Laurence Bruton and el, ***Goodman & Gilman's Manual of Pharmacology and Therapeutics***, 11th edition the McGraw-Hill Companies.
- Martindale: the complete drug, 36th edition – pharmaceutical press

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoin.
- phấn, bút dạ.
- thuôc, hoá chất, bơm tiêm, bông, cồn .....

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy thực nghiệm

8.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi sinh viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
+ Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình học tập làm điều kiện để đánh giá kết thúc học phần.

*Điều kiện dự thi hết học phần:

- Học phần thực tập: tham dự đầy đủ các buổi thực hành.
- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp
- Học phần lý thuyết: tham dự ≥ 90% số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần: tự luận

*Điểm tổng kết học phần:= (LTx2 + TH)/3

- nếu sinh viên tham dự trên 70%, dưới 90% số tiết của học phần thì được điểm 0 và phải thi lại
- nếu sinh viên tham dự dưới 70% số tiết của học phần lý thuyết thì phải học lại

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiêu

Bm Dược lý

Ng Thị Thu Hường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU I
(Năm học 2016-2017)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
Số giờ tự học: 75
Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt, Y học cổ truyền, Y học dự phòng**
Học phần song hành: Sinh lý
Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân
ThS Phạm Thành Nguyên
BS Hoàng Sơn Lâm
BS Trần Xuân Bách
BS Trần Thị Xen
BS Lê Thị Yến
BS Lê Phi Đại

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần của chi trên và chi dưới, đầu mặt cổ trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe

2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở chi trên, chi dưới và đầu – mặt – cổ.

3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.

4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5.NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Mục tiêu, đối tượng ngành GP – Đại cương cơ, xương, khớp	1	2
2	Xương khớp chi trên	2	4
3	Cơ chi trên	2	4
4	Mạch, thần kinh chi trên	4	8
5	Xương khớp chi dưới	2	4
6	Cơ chi dưới	2	4
7	Mạch, thần kinh chi dưới	4	8
8	Cân cơ đầu mặt cổ	2	4
9	Các động mạch cảnh	2	4
10	ĐM dưới đòn. Đám rối thần kinh cổ. Tĩnh mạch. Bạch mạch	2	4
11	Miệng răng lưỡi tuyến nước bọt mũi hầu	2	4
12	Thanh quản, khí quản, tuyến giáp	2	4
13	Cơ quan nghe, thăng bằng, Cơ quan thị giác	3	6
Tổng		**30**	**60**

5.2. Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1	Xương khớp chi trên - chi dưới	4	2
2	Vai, nách, cánh tay, khuỷu	4	2
3	Cẳng tay - Bàn tay	4	2
4	Mông, đùi sau, khoeo- Cẳng chân sau, ống gót, gan chân	4	2
5	Vùng đùi trước trong, cẳng chân trước, mu chân	4	2
6	Thị giáo xương sọ mặt, khớp thái dương-hàm, cơ nhai ĐM cảnh - dưới đòn, cân cơ vùng cổ	4	2
7	Đường hô hấp trên, Miệng-Răng-Lưỡi-Tuyến nước bọt. Hầu - Thanh quản - Khí quản - Tuyến giáp - Tai - Mắt	4	2
8	Ôn tập	2	1
Tổng		**30**	**15**

6.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu hệ thống chi - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 1 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 – Học viện Quân Y

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc (bản mềm)

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc (bản mềm)

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM.BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Bảo Trân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN GIẢI PHẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC PHẦN GIẢI PHẪU II
(Năm học 2015-2016)

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 59 Lý thuyết: 31 Thực hành: 28

Số giờ tự học: 78

Đối tượng sinh viên: **Bác sĩ đa khoa, Răng-Hàm-Mặt, Y học cổ truyền, Y học dự phòng**

Học phần song hành: Sinh lý

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY:

ThS Nguyễn Bảo Trân

ThS Phạm Thành Nguyên

BS Hoàng Sơn Lâm

BS Trần Xuân Bách

BS Trần Thị Xen

BS Lê Thị Yến

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể và liên quan của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực bụng và hệ thần kinh trên cơ thể người bình thường; những liên hệ về chức năng và lâm sàng thích hợp.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Hiểu và nêu được ý nghĩa giải phẫu học là môn học cơ bản nhất cho các môn học thuộc chuyên ngành khoa học sức khỏe
2. Mô tả được các đặc điểm cơ bản về giải phẫu của các cấu trúc, bộ phận, cơ quan thành phần ở ngực, bụng, hố chậu và hệ thần kinh.

3. Nêu được mối liên quan giữa hình thái với chức năng và lâm sàng phù hợp.
4. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức giải phẫu vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y dược học

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

5.1 Lý thuyết

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	Tự học
1	Cơ thành bụng trước bên, ống bẹn	1	2
2	Đại cương tuần hoàn - Tim, mạch máu lớn ngực bụng	4	8
3	Phổi, màng phổi - trung thất	2	4
4	Phúc mạc, dạ dày, tỳ	2	4
5	Tá tràng, tuỵ, gan,cuống gan, tĩnh mạch cửa	4	8
6	Ruột non – Ruột già	2	4
7	Thận - Niệu quản – Bàng quang - Niệu đạo	3	6
8	Phôi thai sinh dục – Cơ quan sinh dục nam, nữ	2	4
9	Đại cương thần kinh	1	2
10	Tuỷ sống. Hành não. Cầu não. Tiểu não. Trung não	3	6
11	Gian não - Đoan não	2	4
12	Đường dẫn truyền thần kinh - Các dây thần kinh sọ	3	6
13	TK thực vật - Mạch não tuỷ - Màng não - Hệ não thất	2	4
	Tổng	**31**	**62**

5.2. Thực tập:

Stt	Nội dung	Số tiết	
		TH	Tự học
1	Thị giáo: Xương cơ thân mình, ống bẹn.	4	2
2	Tim phổi trung thất	4	2

3	Phúc mạc, dạ dày, gan, lách,	4	2
4	Tá tuỵ, ruột non, ruột già	4	2
5	Tiết niệu, sinh dục	4	2
6	Thị giác đáy chậu, mổ chó	4	2
7	Hình thể ngoài, trong: Tủy sống, thân não, đại não	4	2
8	Hệ thống não thất, gian não, nền sọ Đường dẫn truyền thần kinh, các dây thần kinh sọ Thần kinh thực vật, mạch máu não, màng não	4	2
Tổng		**32**	**16**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

6.1 Phương pháp dạy:

Lý thuyết: - Giảng lý thuyết trên lớp

- Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm

Thực hành: - Hướng dẫn trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

6.2 Phương pháp học:

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên thi thể, tiêu bản, mô hình và tranh giải phẫu

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, atlas giải phẫu.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

7.1 Tài liệu giảng dạy:

Giải phẫu thần kinh - Nguyễn Hữu Chỉnh - NXB Y học

Tài liệu do Bộ môn biên soạn

7.2 Tài liệu tham khảo:

Giải phẫu người - Nguyễn Văn Huy - NXB Y học

Giải phẫu người tập 2,3 - Trịnh Văn Minh - NXB Y học

Bài giảng Giải phẫu học tập 1,2 và 3 – Học viện Quân Y

Gray's Anatomy - 40th Edition, 2008 - Elsevier Inc.

Gray's Anatomy for Students - 2007 - Elsevier Inc.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi Sinh viên, phỏng vấn....

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận
- Kiểm tra thường xuyên: Hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn

Đánh giá kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: Hình thức chạy trạm
- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm

Trọng số (%) các điểm:

Đánh giá ban đầu, đánh giá trong quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần

- Kiểm tra thực hành: 1/3
- Thi kết thúc học phần: 2/3

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Học phần lý thuyết: Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Phòng thực hành có đầy đủ mô hình, tranh, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng Bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC GIẢI PHẪU BỆNH

1. THÔNG TIN MÔN HỌC

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học: 15

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ YHDP

Học phần tiên quyết: Mô học

Học phần học trước: Giải phẫu

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giải phẫu bệnh - Y pháp

Giảng viên tham gia giảng dạy: Ngô Quang Dương, Phạm Văn Tuy.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh là môn khoa học hình thái và cơ chế gây bệnh, nên còn có thể gọi là môn bệnh học. Những biến đổi do bệnh tật gây nên gọi là tổn thương, hình thái tổn thương là các đặc điểm có thể quan sát phát hiện qua nhìn bằng mắt (đại thể), hoặc/và trợ giúp của kính hiển vi (vi thể), kính hiển vi điện tử (siêu vi) hoặc sinh học phân tử (bệnh học phân tử). Xét nghiệm giải phẫu bệnh phục vụ chẩn đoán và gián tiếp tham gia điều trị, phòng bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức: Giúp sinh viên nắm được vai trò của giải phẫu bệnh trong ngành y nói chung, chuyên ngành ung thư nói riêng; nắm được các kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái tế bào và mô trong quá trình bệnh lý.
- Kỹ năng: Có kỹ năng tư duy tổng hợp, sử dụng được kết quả sinh thiết và tế bào bệnh học để xác định chẩn đoán các bệnh thường gặp ở Việt Nam, đóng góp cho điều trị, phòng bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

Giải phẫu bệnh kinh điển được chia thành 2 phần: Giải phẫu bệnh đại cương (Viêm, u, rối loạn chuyển hoá, rối loạn tuần hoàn, bệnh lý bẩm sinh và di truyền,...) và giải phẫu bệnh bộ phận (bệnh học các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu,...)

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết		
		LT	TH	Tự học

1	Bài mở đầu, tổn thương cơ bản của tế bào và mô, rối loạn tuần hoàn	3	2	2
2	Bệnh học viêm, viêm đặc hiệu	4	4	3
3	Bệnh học u, ung thư	4	4	3
4	Bệnh học tim mạch	4	2	1
5	Bệnh học hô hấp	4	4	2
6	Bệnh học SD nữ	4	4	
7	Bệnh học hệ bạch huyết, tổn thương của não	2	2	2
8	Bệnh học hệ tiêu hoá	4	4	2
9	Bệnh nội tiết	1	4	
Tổng		**30**	**30**	**15**

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình
- Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập, soi tiêu bản mô bệnh học và chẩn đoán bệnh.

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi kiến thức
- Khi thực tập: Sinh viên quan sát kính hiển vi tiêu bản mô bệnh học, nhận định, trao đổi và tự chẩn đoán.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng; tự học trên sách báo, video…

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Giải phẫu bệnh lý, nhà xuất bản y học 2004
- Giáo trình giải phẫu bệnh của bộ môn biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Giải phẫu bệnh, Học viện Quân Y năm 2010.

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Kiểm tra - đánh giá ban đầu:

+ Bộ môn hỏi thăm sinh viên về các môn học trước (Giải phẫu, mô phôi học), về nội dung môn học, phần nào khó, phần nào dễ học.

+ Hỏi những câu hỏi ngắn liên quan đến những bài học trước đó để đánh giá mức độ học - hiểu của sinh viên.

- Kiểm tra - đánh giá trong quá trình:

+ Theo dõi sỹ số, theo dõi thái độ học tập của sinh viên.

+ Sử dụng kết quả đánh giá ban đầu và kết quả đánh giá quá trình làm điều kiện kiểm tra - đánh giá kết thúc.

- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ (kết thúc):

+ Thi thực hành:

Sinh viên tham gia đủ các buổi thực hành sẽ được thi thực hành.

Hình thức kiểm tra: Vấn đáp.

+ Thi lý thuyết: Sinh viên thi đạt thực hành sẽ được thi lý thuyết

Hình thức thi: Tự luận

Thời lượng: 90 phút

Điểm tổng kết tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: Giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: Phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, kính hiển vi đủ với số lượng sinh viên, tiêu bản phù hợp với nội dung bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Phạm Văn Tuy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG BỘ MÔN HOÁ SINH ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc ----------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH

ĐỐI TƯỢNG: YHDP

1. Mã số môn học: HS

2. Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2; Thực hành: 2

3. Số tiết học: Lý thuyết: 30 tiết; Thực hành: 60 tiết

4. Số lần thi: 4 Lý thuyết: 2, thực hành: 2

5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:

   1. Trình bày được cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
   2. Trình bày đựơc các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
   3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết		Thực hành	
		Số giờ	GV	Số giờ	GV
HỌC PHẦN I: CẤU TẠO VÀ CHUYỂN HOÁ					
1	Hóa học Protid, Enzyme	2	GS Lý	4	ThS Mai
2	Năng lượng sinh học, CH aa	2	Ths Mai	8	ThS Thảo
3	Hóa học, CH Glucid	2	Ths Thảo	4	BS Giang

4	Hóa học, CH Lipid	1	BS Giang	4	KTV Thương KTV Bình KTV Hạnh
5	Liên quan 3 chuyển hoá	Tự đọc		0	
6	Hoá sinh màng	Tự đọc		0	
	Cộng	**15**		**30**	
HỌC PHẦN II: HOÁ SINH MÔ VÀ CƠ QUAN					
1	Hormon, CHMN	4	PGS Lý	4	ThS Mai ThS Thảo BS Giang KTV Bình
2	HS thận- NT, AB	4	ThS Mai	8	
3	Hb, HS gan	4	ThS Thảo	4	
4	HS máu	3	ThS Mai	14	
	Cộng	**15**		**30**	

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 1**

- Lý thuyết

Bài 1: Bài mở đầu và hoá học protid

* Bài mở đầu: yêu cầu sinh viên phải trình bày được:

1. Khái niệm, mục tiêu học môn hoá sinh
2. Đơn vị dùng trong hoá sinh
3. Một số danh pháp sử dụng trong hóa sinh

* **Hoá học protid**: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được khái niệm protid

2. Định nghĩa acid amin, công thức tổng quát

3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch, nhu cầu cơ thể

4. Mô tả tính chất của acid amin, ứng dụng

5. Trình bày vai trò của acid amin

6. Trình bày khái niệm peptid, một số peptid sinh học

7. Trình bày khái niệm protein, cấu trúc bậc, phân loại protein, ví dụ minh hoạ;

8. Mô tả tính chất của protein, ứng dụng

9. Mô tả vai trò của protein

Bài 2: Enzym: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày khái niệm enzyme, vai trò sinh học của enzyme
2. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ
3. Mô tả thành phần cấu tạo của enzyme; động học enzyme
4. Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzyme
5. Phân loại coenzyme. Mối liên quan giữa vitamin và coenzyme

Bài 3: Năng lượng sinh học: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày được khái niệm sự hô hấp tế bào
2. Mô tả được các thành phần tham gia CHHTB
3. Vẽ được sơ đồ vận chuyển điện tử (tạo H_2O), kết quả
4. Trình bày được sự phosphoryl-oxy hoá, cho vi dụ minh hoạ
5. Kể tên các lien kết giàu năng lượng, cho ví dụ minh hoạ
6. Trình bày các giai đoạn của chu trình Krebs.
7. Trình bày được vị trí, bản chất, kết quả, ý nghĩa chu trình Krebs.

Bài 5: Chuyển hoá acid amin, a nucleic: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày được sự tiêu hoá protein, peptid
2. Mô tả sự thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa.
3. Mô tả thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá: vị trí, phản ứng tổng quát, phản ứng đặc trưng, kết quả, ý nghĩa
4. Trình bày số phận NH_3, chu trình ure: nguyên liệu, các phản ứng, kết quả
5. Mô tả thoái hoá nhóm carboxyl, kết quả, ý nghĩa
6. Mô tả thoái hoá khung carbon
7. Trình bày được thành phần cấu tạo của mononucleotide
8. Mô tả vai trò của mononucleotide
9. Vẽ được sơ đồ thoái hoá base nitơ nhân purin

Bài 4: hoá học glucid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên trình bày được:

1. Trình bày khái niệm, vai trò, phân loại glucid
2. Định nghĩa monosaccarid, cách gọi tên, cấu tạo mạch
3. Mô tả tính chất của monosaccarid, ứng dụng
4. Trình bày tên, công thức cấu tạo, tính chất, vai trò của một số disaccarid thường gặp
5. Phân loại, cấu tạo, và vai trò của polysaccarid

Bài 6: Chuyển hoá glucid: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được quá trình tiêu hoá glucid
2. Trình bày được sự phân ly glycogen (phosphoryl phân)
3. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường hexodiphosphat (con đường đường phân) trong điều kiện hiếu khí và yếm khí: vị trí, các giai đoạn, phản ứng, kết quả, ý nghĩa
4. Mô tả thoái hoá glucose theo con đườmg hexomonophosphate (chu trình pentose phosphate): vị trí, sơ đồ tổng quát, kết quả, ý nghĩa
5. Mô tả thoái hoá glucose theo con đường uronic
6. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glucose
7. Trình bày nguyên liệu, các con đường tổng hợp glycogen
8. Trình bày một số rối loạn chuyển hoá glucid

Bài 7: hoá học lipid: sau 2 tiết học, yêu cầu sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa, vai trò của lipid
2. Phân loại acid béo, alcol
3. Phân loại lipid thuần, cho ví dụ, vai trò từng loại
4. Mô tả tính chất của triglycerid, ứng dụng
5. Phân loại lipid tạp, cho ví dụ, vai trò từng loại
6. Trình bày thành phần cấu tạo, cấu trúc, vai trò của lipoprotein

Bài 8: Chuyển hoá lipid: sau 2 tiết học, sinh viên phải

1. Trình bày được sự tiêu hoá lipid
2. Trình bày được sự thoái hoá glycerol
3. Trình bày được sự thoái hoá acid béo: vị trí, các bước, các giai đoạn của quá trình beta oxy hoá, kết quả
4. Mô tả sự hình thành thể cetonic và thoái hoá

5. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở bào tương: các enzyme, nguyên liệu, sơ đồ tổng hợp, kết quả
6. Mô tả quá trình tổng hợp acid béo ở ty thể: nguyên liệu, các phản ứng.
7. Trình bày quá trình tổng hợp glycerol, leucithin, cephalin
8. Điều hoà tổng hợp cholesterol

Bài 10: Mối liên quan giữa 3 chuyển hoá (tự đọc):

1. Vẽ được sơ đồ về sự liên quan giữa 3 chuyển hoá G, L, P
2. Mô tả được các yếu tố điều hoà chuyển hoá

Bài 11: Hoá sinh màng: (tự học):

1. Mô tả cấu tạo màng tế bào
2. Trình bày các cơ chế vận chuyển các chất qua màng
3. Trình bày một số bệnh liên quan đến màng tế bào

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được ***nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng*** và ***giải thích được kết quả*** và ***ứng dụng*** từng phản ứng cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Hoá học glucid:

1. Phản ưng xác định tính khử của monosaccarid (Phản ứng Fehling)
2. Phản ứng đóng vòng của các cetose (Selivanoff)
3. Phản ừng xác định tính khử của disaccarid

Bài 2: Hóa học glucid (tiếp)

4. Phản ừng thuỷ phân disaccarid
5. Phản ứng thuỷ phân tinh bột
6. Xác định acid lactic trong cơ

Bài 3: Hoá học lipid

1. Nhũ tương hoá dầu lạc
2. Chiết xuất leucithin
3. Xà phòng hoá dầu lạc

Bài 4+5: Hoá học protid

1. Phản ứng Ninhydrin

2. Phản ứng biure
3. Tủa protein bằng nhiệt độ
4. Tủa protein bằng acid hữu cơ
5. Tủa protein bàng acid vô cơ
6. Tủa protein bằng dung môi hữu cơ
7. Tủa protein bằng muối kim loại nặng
8. Xác định điểm đẳng điện của albumin trứng
9. Phân đoạn albumin bằng phương pháp diêm tich

Bài 6+7: Enzym

1. Ảnh hưởng của nhiệt độ tới hoạt động của enzyme
2. Ảnh hưởng của pH đến hoạt động của enzyme
3. Ảnh hưởng của chất ức chế, chất hoạt hoá tới hoạt động của enzyme
4. Xác định hoạt động của enzyme amylase
5. Xác định hoạt động của enzyme transaminase
6. Xác định hoạt động của enzyme lipase
7. Xác định hoạt động của enzyme catalase

*** Mục tiêu chi tiết cho học phần 2:**

- Lý thuyết

Bài 1: Chuyển hoá muối nước: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của nước và một số chất điện giải trong cơ thể
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sự vận chuyển nước giữa gian bào và lòng mạch
3. Vẽ sơ đồ trao đổi nước giữa gian bào và lòng mạch.
4. Vẽ sơ đồ trao đổi muối giữa tế bào và gian bào
5. Mô tả các loại rối loạn chuyển hoá muối nước

Bài 2: Hormon: sau 2 tiết, sinh viên phải

1. Định nghĩa, phân loại hormone, mỗi loại cho một ví dụ
2. Trình bày được nguyên tắc tác dụng của hormone.
3. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone tan trong nước (adrenalin), hormone steroid.

4. Trình bày các chất truyền tin thứ 2 (truyền tin nội bào)
5. Trình bày các phản ứng tổng hợp, thoái hoá của catecholamine

Bài 3: Hoá sinh thận- nước tiểu: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiêt nước tiểu
2. Trình bày được chức năng nội tiết của thận, bệnh lý liên quan
3. Trình bày được chức năng thăng bằng acid- base của thận, các xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid, base
4. Mô tả tính chất lý, hoá học, thành phần của nước tiểu bình thường
5. Kể tên các chất bất thường trong nước tiểu và một số bệnh lý liên quan
6. Mô tả cơ chế xuất hiện glucose, protein, cetonic, sắc tố mật trong nước tiểu

Bài 4: Thăng bằng acid-base: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày định nghĩa hệ đệm, các hệ đệm trong huyết tương và huyết cầu
2. Trình bày cơ chế đệm của hệ đệm bicarbonate, Hb
3. Trình bày vai trò điều hoà thăng bằng acid - base bởi phổi và thận
4. Mô tả các xét nghiệm đánh giá thăng bằng acid base
5. Mô tả các loại rối loạn thăng bằng acid-base

Bài 5: Hb: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được vai trò của Hb
2. Mô tả cấu tạo của Hb, các loại Hb ở người trưởng thành
3. Mô tả được tính chất của Hb, ứng dụng
4. Trình bày được nguyên liệu, vị trí, các rối loạn tổng hợp Hb
5. Vẽ sơ đồ thoái hoá Hb tạo sắc tố mật
6. Trình bày rối loạn thoái hoá Hb

Bài 6: Hoá sinh gan: sau 2 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày chức năng chuyển hoá của gan, các xét nghiệm hoá sinh đánh giá suy chức năng chuyển hoá
2. Trình bày chức năng tạo và bài tiết mật của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật
3. Trình bày chức năng khử độc của gan, các xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc

4. Trình bày một số xét ngiệm hoá sinh đánh giá tổn thương gan.

Bài 7: Hoá sinh máu: sau 3 tiết học, sinh viên phải:

1. Trình bày được nồng độ bình thường, bất thường của một số chất điện giải và các bệnh lý liên quan
2. Trình bày được: nguồn gốc, nồng độ bình thường, bất thường của một số chất hữu cơ không enzyme trong máu, các bệnh lý thường gặp
3. Trình bày được: nguồn gốc, hoạt độ bình thường, bất thường của một sô enzyme huyết thanh, các bệnh lý liên quan
4. Trình bày được nồng độ một số hormone thường gặp, bệnh lý liên quan
5. Trình bày một số chỉ dấu khối u, giá trị bình thường, bệnh lý liên quan

- Thực hành

Mục tiêu chung: sau khi học xong, sinh viên phải: trình bày được ***nguyên tắc, tiến hành đúng phản ứng*** và ***nhận đinh được kết quả*** từng xét nghiệm cụ thể trong từng bài:

Bài 1: Sau khi học xong, sinh viên phải

1. Trình bày được định luật Lambert-Beer, ứng dụng
2. Mô tả một số tham số cần cài đặt cho máy hóa sinh
3. Cách lấy bệnh phẩm

Bài 2: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng protein, albumin, calci huyết thanh, phản ứng rivalta và tìm protein niệu

Bài 3: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng glucose, cholesterol, triglyceride, HDL-C huyết thanh, và tìm glucose, cetone niệu

Bài 4: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng định lượng ure, creatinin huyết thanh, và tổng phân tích nước tiểu

Bài 5: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên tắc, tiến hành được phản ứng và nhận định được kết quả định lượng bilirubin trong huyết thanh và tìm sắc tố mật, muối mật trong nước tiểu

Bài 6: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ AST, ALT, GGT và amylase huyết thanh

Bài 7: sau khi học xong, yêu cầu sinh viên phải:

Trình bày được nguyên lý, tiến hành và nhận định được kết quả phản ứng đo hoạt độ CK, CK-MB, LDH, ALP huyết thanh

Bài 8: Phân tich phiếu xét nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên phải:

1. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý gan điển hình
2. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý tim-mạch điển hình
3. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý thận điển hình
4. Phân tích được phiếu xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý chuyển hoá điển hình

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ, làm bài tập nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: Phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - Không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi kết thúc học phần I:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm

- Thi kết thúc học phần II:

Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính

Thực hành: thi vấn đáp: chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được.

- Điểm học phần 1 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

- Điểm học phần 2 = (lý thuyết x2 + thực hành)/ 3

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh, ĐHYHN dành cho BSĐK, 2001

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hoá sinh: Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nghiêm Xuân Luật, 2007

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

Hóa sinh, Nxb Y học, 2007

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học phần I: học kỳ I năm 2.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Học phần II: học kỳ I năm 2

Môn học tiên quyết: hoá sinh I

Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

Sđt: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

Phó trưởng phụ trách bộ môn

ThS Nguyễn Thị Phương Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bộ môn Ký sinh trùng	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	---------***---------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 02

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

Số giờ tự học (tiết): 15

Đối tượng sinh viên: **Bác sỹ y học dự phòng**

Học phần tiên quyết: Sinh học, Sinh lý

Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Ký sinh trùng**

Giảng viên giảng dạy:

- TS. Đinh Thị Thanh Mai
- TS. Vũ Văn Thái
- Ths. Võ Thị Thanh Hiền
- KTV. Lại Thị Thanh Thủy
- KTV. Nguyễn Thị Mùi
- CN. Bùi Thị Hồng Ánh
- CN. Trịnh Văn Khương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần ký sinh trùng cho phép sinh viên hiểu rõ đặc điểm sinh học, chu kỳ, đường lây, đặc điểm dịch tễ học, bệnh học, hiểu được các biểu hiện bệnh lý lâm sàng, các phương pháp và kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và phác đồ điều trị cũng như nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng thường gặp và ít gặp trên người Việt Nam để bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trình bày những kiến thức cơ bản về chu kỳ, dịch tễ, cách phòng chống bệnh ký sinh trùng.

- Trình bày đặc điểm hình thái, chu kỳ phát triển, đường lây nhiễm và tác hại của một số loài ký sinh trùng thường gặp ở Việt Nam.
- Trình bày được các biểu hiện bệnh lý do giun sán gây ra, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.
- Trình bày được các nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng ở Việt Nam.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương ký sinh trùng y học	3		1
2.	- Đại cương giun ký sinh - Giun đũa - Giun tóc - Giun kim - Giun móc/giun mỏ	4		1
3.	- Giun chỉ bạch huyết - Đại cương sán lá ký sinh - Sán lá ký sinh (Sán lá gan nhỏ - Sán lá ruột - Sán lá phổi) - Đại cương sán dây ký sinh - Sán dây ký sinh (Sán dây lợn - Sán dây bò)	5		1
4.	- Đại cương đơn bào			
	- Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*) - Trùng roi - Trùng lông - Trùng hình cung	3		1
5.	- Ký sinh trùng sốt rét (Đặc điểm sinh học) - Ký sinh trùng sốt rét (Bệnh học - Dịch tễ học)	4		1
6.	- Ký sinh trùng sốt rét (Dịch tễ học - Phòng chống sốt rét)	3		1
7.	- Đại cương tiết túc ký sinh - Lớp nhện - Lớp côn trùng	3		1
8.	- Giun sán hiếm gặp	2		1

	- Các bệnh nhiễm trùng cơ hội			
9.	- Nấm ký sinh - Tổng kết	3		1
11.	Hình thể trứng và ấu trùng giun sán thường gặp		4	
12.	Hình thể giun sán trưởng thành		4	
13.	Hình thể đơn bào		4	
14.	Xét nghiệm phân: - Phương pháp trực tiếp - Phương pháp phong phú Willis		4	
15.	Kỹ thuật xét nghiệm tìm mầm bệnh ký sinh trùng ở ngoại cảnh (đất, nước, rau, ...)		4	
16.	Kỹ thuật xét nghiệm tìm mầm bệnh ký sinh trùng ở vật chủ trung gian (ốc, cá, chó, ...)		4	
17.	Xét nghiệm máu: - Phương pháp lấy máu - Kỹ thuật làm tiêu bản máu		4	
18.	Xét nghiệm máu: Phương pháp nhuộm tiêu bản máu		4	
19.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Lý thuyết - xem tiêu bản mẫu)		4	
20.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
21.	Hình thể ký sinh trùng sốt rét (Tự soi)		4	
22.	Hình thể tiết túc		4	
23.	Mổ muỗi		4	
24.	Hình thể và phương pháp xét nghiệm nấm trực tiếp		4	
25.	Ôn tập		4	
26.	Thi thực hành			

5. Phương pháp dạy học:

- Lý thuyết: Kết hợp giảng truyền thống và công cụ hỗ trợ (máy chiếu).
- Thực hành: + Thảo luận nhóm.

+ Thực tập tại phòng xét nghiệm của bộ môn, hướng dẫn kỹ thuật kết hợp với nhận định và phân tích tình huống, soi kính hiển vi.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu dạy học

- Bài giảng ký sinh trùng y học (Trường Đại học Y Hà Nội), năm 2012.
- Tài liệu bài giảng thực hành ký sinh trùng (Trường Đại học Y Hải Phòng)
- Thực hành ký sinh trùng (Đại học Y Hải Phòng), năm 2015.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang phòng chống bệnh sốt rét, năm 2011.
- Kỹ thuật ký sinh trùng y học.
- Cẩm nang xét nghiệm chẩn đoán giun sán.
- Cẩm nang phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người, năm 2010.

7. Lượng giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn đầu giờ giảng, đặt tình huống...
- Đánh giá quá trình: Tham gia đủ các buổi học, tích cực hoạt động nhóm...
- Đánh giá kết thúc học phần: 100%
  + Kiểm tra thực hành: soi tiêu bản và thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm.
  + Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy.

=> Sử dụng kỹ thuật đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình làm điều kiện tham gia thi kết thúc học phần.

- Chuyên cần: tham gia học tập đầy đủ các buổi lý thuyết và thực hành.
- Kiểm tra thường xuyên: chấm điểm sau mỗi buổi thực hành.

8. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết : phòng học, máy chiếu, máy tính.
- Thực hành: 2 phòng thực hành, kính hiển vi, hóa chất...

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Ban giám hiệu	Phụ trách bộ môn
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Thức	Đinh Thị Thanh Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
Bộ môn: Mô – Phôi thai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Mã số: Mô học - Phôi thai học

2. Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

3. Số tiết học: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 1, Thực hành: 1)

5. Đối tượng: Bác sỹ Y học dự phòng

6. Giảng viên giảng dạy:

- TS Vũ Sỹ Khảng
- ThS. Phạm Thị Thu Thủy
- BS. Khổng Thị Vân Anh: *đi học cao học*
- BS. Phạm Thùy Linh
- BS. Phạm Hồng Minh
- BS. Trần Thị Thanh Bình: *về trường từ tháng 11/2015*
- Bs Đỗ Đình Tiệp
- KTV Hoàng Văn Chính
- KTV Phạm Thị Thái
- KTV Nguyễn Tuyết Nhung

7. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các tế bào và mô đại cương trong cơ thể người bình thường.

2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo vi thể và siêu vi thể của các mô cơ quan của cơ thể người bình thường. Liên hệ được với hoạt động chức năng của chúng.

3. Mô tả được sự hình thành và phát triển của phôi người từ khi thụ tinh đến giai đoạn thành mầm các cơ quan.

4. Mô tả được sự hình thành và phát triển cấu tạo, chức năng các bộ phận phụ của phôi người.

5. Mô tả được sự hình thành và phát triển của một số cơ quan và hệ cơ quan.

6. Giải thích được sự hình thành một số dị tật bẩm sinh thường gặp

8. Nội dung:

8.1. Lý thuyết

STT	Nội dung giảng	Số tiết	Tự học
1	Nhập môn – Biểu mô – Mô liên kết chính thức	03	
2	Mô sụn – Mô xương – Mô cơ	03	
3	Mô thần kinh – Hệ bạch huyết	03	

4	Hệ tiêu hóa	03	
5	Hệ tiết niệu – Hệ sinh dục nữ	03	
6	Thị giác – Thính giác	03	
7	Phôi đại cương	04	
8	Phôi tiêu hóa – Tiết niệu – Sinh dục	04	
9	Phôi sinh dục – Phôi hệ tim mạch	04	
Tổng		**30**	**60**

8.2. Thực hành

STT	Nội dung bài học	Số tiết
1	Biểu mô	04
2	Mô liên kết	04
3	Mô cơ – Mô thần kinh	04
4	Hệ tuần hoàn – Hệ bạch huyết	04
5	Ống tiêu hóa chính thức	04
6	Tuyến tiêu hóa – Phổi – Da & phụ thuộc da	04
7	Thận – Sinh dục – Nội tiết – Mắt – Rau	04
8	Ôn tập	02
Tổng		**30**

9. Phương pháp dạy - học:

9.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, nghiên cứu trước tài liệu, thảo luận nhóm
- Thực hành: + Thảo luận nhóm
  + Mô tả, minh hoạ bằng tranh ảnh, video, tiêu bản
  + Hướng dẫn xem tiêu bản trên kính hiển vi

9.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu của môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

10. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi cử. Sinh viên cần học trước các học phần: sinh học, giải phẫu để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.
- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQ

+ Thực hành: thi chạy trạm

Tỷ trọng điểm: (LTx2+TH)/3

11. Tài liệu học tập:

11.1. Tài liệu giảng dạy

1. Mô - phôi : Phần mô học: sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế: Y học, 2007. - 299tr. ; 27cm.
2. Phôi thai học : Thực nghiệm và ứng dụng lâm sàng / Đỗ Kính. - Tái bản lần thứ hai, có chỉnh sửa và bổ sung: Y học, 2015. - 858 tr. : minh hoạ ; 27 cm
3. Thực hành mô học (Đại học Y Hải Phòng), năm 2011.

11.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mô học/ Phan Chiến Thắng - Nhà xuất bản Y học, 2005- 326tr.
2. Mô học tạng và hệ thống/ Nguyễn Trí Dũng - Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2010. - 305tr; 26cm.
3. Bài giảng phôi thai học/ Nguyễn Dũng Tuấn- Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyên nhân và phân loại tật bẩm sinh ở người: Y học, 2011.- 202tr. ;21cm.

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.
- Thực hành: giảng dạy tại phòng thực hành của Bộ môn tầng 5 khu nhà A

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2016

Ban giám hiệu	Trưởng bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	PGS.TS. Vũ Sỹ Khảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 1*

3. Số tín chỉ: 2 . Lý thuyết: 1. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 15. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 45

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt, Bác sỹ Y học cổ truyền hệ chính qui (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng, điều hòa chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan và toàn cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng các bước tiến hành và phân tích, diễn giải một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học cơ bản (Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu).
- Có kĩ năng phân tích, lập luận, diễn giải được các biểu hiện chức năng và điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và biểu hiện của các chức năng khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp, thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

Sinh lý học là môn học gồm:

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý đại cương đề cập đến các các nội dung về Đặc điểm cơ thể sống và nội môi; Sinh lý tế bào; Sinh lý máu và dịch thể; Chuyển hóa năng lượng; Quá trình điều nhiệt trong cơ thể, Sinh lý thần kinh).

- Phần thực hành gồm: một số các kĩ thuật xét nghiệm máu, một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 12 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

**** Điều kiện:***

- Môn học tiên quyết: các môn học cơ bản (Sinh học, Di truyền...), môn y học cơ sở (Giải phẫu, Mô học).
- Môn học song hành: các môn y học Cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

**** Yêu cầu:***

- Thao tác được một số kĩ thuật: Nhận dạng các tế bào máu; Định lượng Hb; nhóm máu ABO, Rh; Thời gian máu chảy; Thời gian máu đông; Tốc độ máu lắng; Định sức bền hồng cầu.
- Nhận định, phân tích được kết quả xét nghiệm công thức máu. Nhận định, giải thích được kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng hệ thần kinh.
- Thực hiện được kĩ năng ra quyết định: đưa ra được chỉ định làm xét nghiệm cho một số tình trạng bệnh và giải thích.
- Giải thích được các thực nghiệm đã học.

**** Chỉ tiêu:***

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành x 33%
  + Một bài thi hết học phần lý thuyết x 67%.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1. Đại cương cơ thể sống và hằng tính nội môi

1. Đặc điểm của sự sống

2. Nội môi và hằng tính nội môi

2.1. Nội môi

2.2. Hằng tính nội môi và hệ thống ổn định hằng tính nội môi

3. Điều hòa chức năng

3.1. Điều hòa bằng đường thần kinh

3.2. Điều hòa bằng đường thể dịch

3.3. Cơ chế điều hòa ngược

Bài 2: Sinh lý học tế bào

1. Đặc điểm cấu trúc chức năng của màng tế bào

2. Quá trình vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.1. Quá trình khuếch tán

2.2. Quá trình vận chuyển tích cực

Bài 3: Điện thế màng và điện thế hoạt động

1. Cơ sở vật lý của điện thế màng

2. Điện thế nghỉ

3. Điện thế hoạt động

Bài 4: Sinh lý máu

1. Những tính chất và chức năng chung của máu

1.1. Tính chất của máu

1.2. Chức năng chung của máu

2. Hồng cầu

2.1. Hình thái và số lượng hồng cầu

2.2. Chức năng của hồng cầu

2.3. Điều hòa số lượng hồng cầu

2.4. Rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu

3. Nhóm máu và truyền máu

3.1. Hệ thống nhóm máu ABO

3.2. Hệ thống nhóm máu Rh

4. Bạch cầu

4.1. Chức năng của các loại bạch cầu

4.2. Số lượng và công thức bạch cầu

5. Tiểu cầu

5.1. Cấu trúc, đặc tính của tiểu cầu

5.2. Chức năng của tiểu cầu

6. Quá trình cầm máu

6.1. Giai đoạn thành mạch

6.2. Giai đoạn tạo nút tiểu cầu

6.3. Giai đoạn tạo cục máu đông

6.4. Giai đoạn co và tan cục máu đông

6.5. Những chất gây đông và chất chống đông sử dụng trong lâm sàng

Bài 5: Chuyển hóa năng lượng

1. Các dạng năng lượng trong cơ thể

2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng

2.1. Tiêu hao năng lượng cho tồn tại và duy trì sự sống

2.2. Tiêu hao năng lượng cho phát triển cơ thể

2.3. Tiêu hao năng lượng cho sinh sản

3. Nguyên tắc của các phương pháp đo tiêu hao năng lượng

4. Điều hòa chuyển hóa năng lượng

4.1. Ở mức tế bào

4.2. Ở mức cơ thể

Bài 6: Điều hòa thân nhiệt

1. Thân nhiệt và các yếu tố ảnh hưởng tới thân nhiệt

2. Quá trình sinh nhiệt

3. Quá trình tỏa nhiệt

4. Cơ chế điều nhiệt

4.1. Cơ chế chống nóng

4.2. Cơ chế chống lạnh

4.3. Các biện pháp điều nhiệt riêng của loài người

5. Sốt, tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt

Bài 7: Sinh lý hệ thần kinh

1. Sinh lý hệ thần kinh trung ương

1.1. Vai trò của hệ thần kinh trung ương

1.2. Cơ chế hoạt động của hệ thần kinh trung ương

2. Chức năng của các đơn vị cấu trúc hệ thần kinh trung ương

2.1. Chức năng của neuron

2.2. Các synap thần kinh

3. Chức năng các cấu trúc thuộc hệ thần kinh trung ương

3.1. Tủy sống

3.2. Hành não

3.3. Não giữa

3.4. Thể lưới

3.5. Tiểu não

3.6. Não trước và vỏ não

4. Hệ thần kinh thực vật

4.1. Thần kinh giao cảm

4.2. Thần kinh phó giao cảm

5. Thần kinh cấp cao

**** Thực hành:***

Bài 1.Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.

Bài 2. Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.

Bài 3. Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.

Bài 4. Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.

Bài 5. Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.

Bài 6. Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.

Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.

13. Phương pháp giảng

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, thảo luận nhóm.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác mẫu, tiến hành các thực nghiệm hoặc phân tích mẫu kết quả xét nghiệm.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bảng.
- Kính hiển vi, buồng đếm tế bào máu, ống potain, máu, lam kính, bông cồn, kim chích, hóa chất, động vật thực nghiệm ếch, bồ câu, thỏ, bàn mổ, panh, kéo, …

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn

- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: (*điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Phần lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	Đại cương cơ thể sống, hằng tính nội môi	1	PGS. Mùi	[2-5]	Thuyết trình, Pháp vấn, Thảo luận
2	Sinh lý tế bào	2	PGS. Mùi		
3	Sinh lý máu	4	ThS Hồng		
4	Sinh lý chuyển hóa năng lượng	2	ThS. Trang		
5	Sinh lý điều nhiệt	2	ThS. Trang		
6	Sinh lý thần kinh	4	PGS. Mùi		
Tổng		**15**			

**** Thực hành***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TLHT/ TLTK	Hình thức học
1	Bài 1: Đếm số lượng hồng cầu, Đếm số lượng bạch cầu máu ngoại vi.	5	ThS Hồng	[1]	- GV: *giới thiệu bài học* - KTV: *thao tác mẫu hướng dẫn*
2	Bài 2: Định lượng Hemoglobin. Đo tốc độ máu lắng.	4	ThS Nguyên		

3	Bài 3: Định công thức bạch cầu phổ thông và công thức Arthnet.	5	ThS Nguyên		*kỹ thuật.* - SV: *+ Quan sát, Thực hiện kĩ thuật.* *+ Viết báo cáo thực hành*
4	Bài 4: Định thời gian đông máu, định thời gian chảy máu.	4	ThS Đông		
5	Bài 5: Định nhóm máu ABO. Định sức bền hồng cầu.	4	ThS. Trang		
6	Bài 6. Bài Thí nghiệm Phân tích cung phản xạ tủy, Duỗi cứng mất não trên thỏ.	4	PGS Mùi		
7	Bài 7. Thí nghiệm Phá một bên tiểu não ếch và tiểu não bồ câu.	4	PGS Mùi		
	Tổng	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. Phạm Văn Thức

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THEO TÍN CHỈ
SINH LÝ HỌC

1. Mã số học phần:

2. Tên học phần: *Sinh lý 2*

3. Số tín chỉ: 3 . Lý thuyết: 2. Thực hành: 1
Số tiết lý thuyết: 30. Thực hành 30.
Số giờ tự học: 60

4. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ Đa khoa, Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sĩ răng hàm mặt, Bác sỹ Y học cổ truyền hệ chính qui (6 năm).

5. Năm học: năm thứ 2.

6. Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi.

7. Cán bộ tham gia giảng dạy

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi
2. ThS. Đào Thu Hồng
3. ThS. Vũ Thành Đông
4. ThS. Phạm Thị Nguyên
5. ThS. Trần Thị Quỳnh Trang

8. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

**** Về kiến thức:***

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể.
- Ứng dụng được kiến thức sinh lý học để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, sự điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và khi có sự tác động của một số yếu tố.

**** Về kỹ năng:***

- Thao tác đúng một số kỹ thuật thăm dò chức năng (Bắt mạch, Đo huyết áp, Nghe tiếng tim, Đo chức năng thông khí phổi, Điện tâm đồ, chẩn đoán thai sớm).
- Nhận định, diễn giải được các kết quả thăm dò chức năng.
- Thao tác, giải thích được các kết quả thực nghiệm đánh giá chức năng một số cơ quan tuần hoàn, nội tiết, sinh sản.

**** Về thái độ:***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm về pháp lý, đạo đức cũng như phạm vi chuyên môn của các bác sĩ, kĩ thuật viên, điều dưỡng viên trong giao tiếp thực hành những kĩ thuật xét nghiệm.
- Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong thực hành nghề nghiệp sau này.

9. Mô tả học phần

- Phần lý thuyết gồm: Sinh lý các hệ cơ quan Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Tiết niệu, Nội tiết, Sinh sản.
- Phần thực hành gồm: phương pháp thăm dò chức năng một số cơ quan, và một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

10. Phân bố thời gian giảng dạy trong học kỳ: 16 tuần

11. Điều kiện và yêu cầu của học phần

** Điều kiện:*

- Môn học tiên quyết: môn Y học cơ sở (Sinh lý 1, Giải phẫu 2).
- Môn học song hành: các môn Y học cơ sở (Sinh hóa, Ký sinh trùng...).

** Yêu cầu:*

- Đọc được các thông số đo chức năng hô hấp, điện tâm đồ, điện não đồ bình thường.
- Thực hiện được kỹ thuật chẩn đoán thai sớm, bắt mạch, đo huyết áp, nghe tiếng tim và nhận định đúng kết quả.
- Quan sát và giải thích được cơ chế của các biểu hiện bình thường cũng như các rối loạn bất thường trên thực nghiệm.

** Chỉ tiêu:*

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên, 100% các buổi thực hành.
- Chỉ tiêu bài kiểm tra:
  + Một bài thi thực hành
  + Một bài thi kết thúc học phần lý thuyết.

12. Nội dung học phần

**** Lý thuyết:***

Bài 1: Sinh lý tuần hoàn

1. Sinh lý tim

1.1. Các đặc tính sinh lý cơ tim

1.2. Chu kỳ tim

1.3. Điều hòa hoạt động tim

2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

2.1. Các loại huyết áp động mạch

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng lên huyết áp động mạch

2.3. Điều hòa tuần hoàn động mạch

3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 2: Sinh lý hô hấp

1. Chức năng thông khí

2. Chức năng vận chuyển khí

2.1. Máu vận chuyển oxy

2.2. Máu vận chuyển CO_2

3. Quá trình trao đổi khí

4. Điều hòa hô hấp

4.1. Vai trò của các trung tâm hô hấp

4.2. Vai trò của một số yếu tố và cấu trúc thần kinh khác

4.3. Vai trò của một số yếu tố thể dịch

Bài 3: Sinh lý tiêu hóa

1. Tiêu hóa ở miệng

1.1. Hoạt động cơ học

1.2. Hoạt động bài tiết nước bọt

2. Tiêu hóa ở dạ dày

2.1. Hoạt động cơ học

2.2. Hoạt động bài tiết dịch vị

3. Tiêu hóa ở ruột non

3.1. Hoạt động cơ học

3.2. Hoạt động bài tiết dịch tụy

3.3. Hoạt động bài tiết dịch mật

3.4. Hoạt động bài tiết dịch ruột non

4. Tiêu hóa ở ruột già

5. Chức năng chủ yếu của gan

Bài 4: Sinh lý tiết niệu

1. Quá trình lọc ở cầu thận

2. Quá trình tái hấp thu ở ống lượng gần, quai Henle

3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống lượn xa và ống góp

4. Nguyên lý của một số phương pháp thăm dò chức năng thận.

5. Thận nhân tạo

Bài 5: Sinh lý nội tiết

1. Đại cương về các tuyến nội tiết và hormon

2. Chức năng nội tiết vùng dưới đồi

3. Chức năng nội tiết tuyến yên

4. Chức năng nội tiết tuyến giáp, tuyến cận giáp

5. Chức năng nội tiết tuyến thượng thận

6. Chức năng nội tiết tuyến tụy

Bài 6: Sinh lý sinh sản

1. Sinh lý sinh sản nam

1.1. Chức năng ngoại tiết của tinh hoàn

1.2. Chức năng nội tiết của tinh hoàn

1.3. Dậy thì và suy giảm chức năng sinh dục nam

1.4. Rối loạn hoạt động chức năng sinh dục nam

2. Sinh lý sinh sản nữ

2.1. Chức năng ngoại tiết của buồng trứng

2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng

2.3. Chu kỳ kinh nguyệt

2.4. Dậy thì và mãn kinh

2.5. Thụ thai, mang thai, sổ thai

2.6. Các hormon trong thời kỳ có thai

2.7. Nghiệm pháp chẩn đoán thai sớm

3. Cơ sở sinh lý học của các biện pháp tránh thai

**** Thực hành:***

Bài 1: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.

Bài 2. Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim, Nút buộc Stanius.

Bài 3. Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.

Bài 4. Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor. Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.

Bài 5. Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.

Bài 6. Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.

Bài 7. Chẩn đoán có thai bằng sinh vật học và miễn dịch học.

13. Phương pháp giảng:

- Lý thuyết: thuyết trình cải tiến, pháp vấn, tình huống thảo luận.
- Thực hành: thuyết trình, thao tác các thực nghiệm, thao tác mẫu các kĩ thuật.

14. Vật liệu giảng dạy

- Giáo trình.
- Máy chiếu, powerpoint.
- Phấn, bút dạ, bảng.
- Huyết áp, ống nghe, Máy đo điện tim, kết quả điện tim. Máy đo chức năng hô hấp, máy điện não, máy siêu âm.
- Động vật thực nghiệm ếch, chó, thỏ, panh, kéo, bàn mổ, thuốc, hóa chất, máy kích thích điện, hệ thống đo chức năng sống,...

15. Đánh giá

15.1. Đánh giá ban đầu

- Pháp vấn

15.2. Đánh giá quá trình

- Pháp vấn
- Kiểm tra viết ngắn 10'

15.2. Đánh giá kết thúc học phần

- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần
- Lý thuyết: thi viết.
- Thực hành: thi vấn đáp.
- Tổng điểm môn: (*điểm thực hành x hệ số 1 + điểm lý thuyết x hệ số 2)/3 = điểm học phần*

16. Tài liệu học tập, tham khảo

**** Tài liệu học tập***

1. Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Dược Hải Phòng. Thực tập Sinh lý học.
2. Bộ Y tế (2011). Sinh lý học. Chủ biên Phạm Thị Minh Đức, NXB Y học.

**** Tài liệu tham khảo***

3. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2002). Sinh lý học Tập I. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
4. Bộ môn Sinh lý học Học Viện Quân Y (2004). Sinh lý học Tập II. Chủ biên Lê Văn Sơn, NXB Quân đội nhân dân.
5. Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

17. Lịch học

**** Lý thuyết***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	TL học tập/TLTK	Hình thức học
1	Sinh lý hệ tuần hoàn	5	ThS. Hồng	[2-5]	Thuyết trình, pháp vấn, thảo luận
2	Sinh lý hệ hô hấp	5	ThS. Nguyên		
3	Sinh lý hệ tiêu hóa	5	ThS. Trang		
4	Sinh lý hệ tiết niệu	5	ThS. Nguyên		
5	Sinh lý nội tiết	5	ThS. Đông		
6	Sinh lý sinh sản	5	PGS. Mùi		
	Tổng số	30			

**** Thực hành***

Tuần thứ	Nội dung chính	Số tiết	Giảng viên	Tài liệu học tập/TLTK	Hình thức học
1	**Bài 1**: Ghi đồ thị hoạt động tim ếch, nghiên cứu tính hưng phấn của cơ tim.	4	PGS. Mùi	[1]	- **GV**: *thuyết trình* - **KTV**: *tiến hành thực hiện kĩ thuật* - **SV**: + *Quan sát, tiến hành, nhận định, phân tích kết quả.* + *Viết báo cáo thực hành*
2	**Bài 2**: Thí nghiệm vai trò của dây X lên hoạt động tim, Nút buộc Stanius.	4	ThS. Đông		
3	**Bài 3**: Ghi huyết áp động mạch chó, nghiên cứu ảnh hưởng của dây X và một số hoá chất lên huyết áp (Tường trình Thí nghiệm). Quan sát tuần hoàn mao mạch ếch.	4	PGS. Mùi		
	Bài 4: Đo huyết áp động mạch người. Đo HA qua Labtutor.		ThS.		
4	Bắt mạch. Nghe tiếng tim. Ghi điện tim. Đo chức năng hô hấp.	5	Nguyên		
5	**Bài 5.** Quan sát hoạt động của chu chuyển tim trên siêu âm đồ. Điện não đồ, lưu huyết não.	5	ThS. Hồng		
6	**Bài 6:** Thí nghiệm cắt tuyến yên, Gây hạ đường huyết bằng Insulin trên thỏ.	4	ThS. Trang		
7	**Bài 7:** Chẩn đoán có thai sớm bằng sinh vật học và miễn dịch học.	4	ThS. Trang		

	Tổng số	30			

18. CƠ SỞ VẬT CHẤT

18.1. Học phần lý thuyết:

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

18.2. Học phần thực hành:

- Phòng thực hành có đầy đủ bàn, ghế, tủ, phương tiện, hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc	PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi

YHDP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 45 Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): 92
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ y học dự phòng
Học phần tiên quyết: Sinh lý học
Học phần học trước: Giải phẫu, Hóa sinh
Học phần song hành: Dược lý, Giải phẫu bệnh, Vi sinh
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch
Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng, Trần Thị Thu Hằng.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn và suy giảm miễn dịch.

- Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về sinh lý bệnh để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- ***Kiến thức:*** Trình bày được những quy luật chung về bệnh lý của các cơ quan chức phận, của một số quá trình bệnh lý điển hình và của bệnh nói chung; mô tả được cấu tạo và cơ chế hoạt động của các cơ quan, tế bào miễn dịch, các phân tử trực thuộc của hệ miễn dịch, mối quan hệ hợp tác điều hòa giữa chúng trong đáp ứng miễn dịch nói chung và miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh như nhiễm trùng, ung thư; cũng như cơ chế khái quát của các hiện tượng bệnh lý miễn dịch

(quá mẫn, tự miễn, suy giảm miễn dịch) và một số nguyên lý chung về điều trị rối loạn miễn dịch

- ***Kỹ năng:*** Có kỹ năng suy luận tổng hợp, phân tích các tình huống xét nghiệm, áp dụng các kiến thức thích hợp vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh

- ***Thái độ:*** có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỷ mỷ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về môn SLB và các khái niệm cơ bản	2	2	4
2	Sinh lý bệnh phản ứng viêm	2	2	4
3	Sinh lý bệnh phản ứng sốt	2		4
4	Rối loạn chuyển hóa các chất và thăng bằng kiềm toan	2	4	8
5	Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn	2	2	4
6	Sinh lý bệnh chức năng hô hấp	2	2	4
7	Sinh lý bệnh chức năng tạo máu	2	4	4
8	Sinh lý bệnh chức năng chức năng gan	2	2	4
9	Sinh lý bệnh chức năng tiêu hóa	2	2	4
10	Sinh lý bệnh chức năng tiết niệu	2	4	4
11	Sinh lý bệnh chức năng thần kinh	1		2
12	Sinh lý bệnh chức năng nội tiết	2		4
13	Sinh lý bệnh quá trình lão hóa	2		4
14	Đại cương về đáp ứng miễn dịch-Miễn dịch tự nhiên	2		4
15	Kháng nguyên và phức hợp hòa hợp mô(MHC)	2		4
16	Tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch	1		2
17	Hệ thống bổ thể	2		4
18	Miễn dịch dịch thể	2	2	2
19	Miễn dịch tế bào	2	2	2
20	Kiểm soát và điều hòa miễn dịch	1		2
21	Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật	1		2
22	Miễn dịch chống ung thư	2		8
23	Miễn dịch ghép	1		2
24	Đại cương về miễn dịch bệnh lý	2	2	4
25	Trị liệu miễn dịch	2		2
Tổng		**45**	**30**	**92**

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1:	- *Đại cương môn học* - *Sinh lý bệnh phản ứng viêm*	- Giảng viên phân tích các khái niệm cơ bản và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các hàng rào miễn dịch, phân loại hệ thống miễn dịch - Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng viêm và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các phản ứng xảy ra trong viêm				- Sinh viên tìm hiểu cụ thể các hàng rào miễn dịch và các cách phân loại hệ thống miễn dịch sau khi đã được giảng viên hướng dẫn - Sinh viêm tìm hiểu bản chất các phản ứng xảy ra trong viêm sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	

	- Sinh lý bệnh chức năng gan *- Hệ thống bổ thể*	- Giảng viên tóm lược qua các chức năng và cơ chế hoạt động của gan - Giảng viên phân tích rối loạn chuyển hóa glucid và protid khi gan bị bệnh. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh - Giảng viên phân tích cơ chế hoạt hóa bổ thể, con đường hoạt hóa cổ điển, đồng thời hướng dẫn sinh viên tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể				- Sinh viên tự tìm hiểu về các rối loạn khác khi gan bị bệnh trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu con đường cạnh để hoạt hóa bổ thể sau khi đã được giảng viên hướng dẫn trên lớp	

Tuần 2:	- *Sinh lý bệnh hệ thần kinh* - *Sinh lý bệnh nội tiết*	- Giảng viên phân tích một số cơ chế bệnh sinh của rối loạn chức năng thần kinh. Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các triệu chứng lâm sàng - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của một số rối loạn nội tiết thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tìm hiểu các triệu chứng lâm sàng của các rối loạn chức năng thần kinh - Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của một số rối loạn nội tiết thường gặp sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết	

	- Tế bào cơ quan miễn dịch *- Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật*	- Giảng viên phân loại tế bào miễn dịch và phân tích minh họa cho sinh viên quá trình biệt hóa của 1 dòng tế bào. Sau đó hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác - Giảng viên phân tích cho sinh viên các cơ chế chính trong đáp ứng miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc thêm các tài liệu tham khảo liên quan tới nội dung bài giảng				- Sau khi được giảng viên hướng dẫn chi tiết, sinh viên tự đọc hiểu quá trình biệt hóa của các dòng tế bào miễn dịch khác - Sau bài học sinh viên tìm hiểu thêm các kiến thức về cơ chế miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật mà giảng viên đã hướng dẫn trên lớp	
Tuần 3:	*- Sinh lý bệnh hệ tiết niệu* *- Rối loạn*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên sự thay đổi về số lượng và				- Sau khi đã hiểu cơ chế sự thay đổi số lượng và chất lượng	

	thăng bằng acid - base	chất lượng nước tiểu, sau đó hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về sự thay đổi các thông số sinh hóa máu liên quan - Giảng viên phân tích cho sinh viên thấy rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiễm toan hoặc nhiễm kiềm. Trên cơ sở đó sinh viên sẽ tìm hiểu cơ chế của rối loạn thăng bằng acid base còn lại				nước tiểu sinh viên tìm hiểu thêm sự thay đổi sinh hóa máu liên quan trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn chi tiết - Sinh viên tìm hiểu sự rối loạn thăng bằng acid base theo hướng nhiếm toan hoặc nhiễm kiềm trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn cụ thể trên lớp	
	- Sinh lý bệnh phản ứng sốt *- Rối loạn chuyển hóa các chất*	- Giảng viên phân tích các giai đoạn chính của phản ứng sốt và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu thêm về các biểu hiện xảy ra trong sốt - Giảng viên phân tích một				- Sinh viên tự tìm hiểu thêm các biểu hiện xảy ra trong sốt sau khi giảng viên đã hướng dẫn cụ thể - Sinh viên tự tìm hiểu	

		vài rối loạn chuyển hóa thường gặp và hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu các rối loạn chuyển hóa còn lại				các rối loạn chuyển hóa còn lại sau khi đã đượng giảng viên hướng dẫn trọng điểm	
	- Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa	- Giảng viên phân tích minh họa cơ chế của rối loạn tăng nhu động ruột hoặc giảm nhu động ruột đồng thời hướng dẫn sinh viên cách đọc hiểu cơ chế của rối loạn tiêu hóa còn lại. Sau khi đã hiểu về cơ chế bệnh sinh các rối loạn tiêu hóa sinh viên tự tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng				- Sinh viên tự đọc hiểu cơ chế của rối loạn tăng hoặc giảm nhu động ruột sau khi đã được giảng viên hướng dẫn cụ thể. Đồng thwoif tìm hiểu thêm một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng	
	- Sinh lý bệnh cấu tạo máu *- Sinh lý bệnh hệ hô*	- Giảng viên phân tích sự thay đổi bệnh lý dòng hồng cầu và một vài thay đổi của dòng				- Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng	

	hấp	bạch cầu và tiểu cầu. Đồng thời hướng dẫn sinh viên tiếp tục tìm hiểu các thay đổi bệnh lý khác của dòng bạch cầu và tiểu cầu - Giảng viên phân tích các thăm dò chức năng hô hấp và triệu chứng lâm sàng của một số rối loạn hô hấp thưởng gặp. Cuối giờ học giảng viên hướng dẫn các trọng điểm mà sinh viên cần nắm được để tìm hiểu thêm về các rối loạn hô hấp khác		So sánh rối loạn thông khí hạn chế và rối loạn thông khí tắc nghẽn		bạch cầu và tiểu cầu sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp - Sinh viên tiếp tục tìm hiểu các rối loạn hô hấp ít phổ biến sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết trên lớp	
	- Miễn dịch dịch thể *- Miễn dịch tế bào* *- Miễn dịch bệnh lý*	- Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế				- Sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn trên cơ sở giảng viên đã phân tích cụ thể	

		hoạt động của hệ thống miễn dịch tế bào - Giảng viên phân tích cho sinh viên 4 typ quá mẫn của miễn dịch bệnh lý và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các bệnh lý minh họa của từng typ quá mẫn				cơ chế của quá mẫn	
Tuần 4:	- *Thực tập: Thực nghiệm sốc chấn thương*	- Minh họa khái niệm về sốc do tác nhân cụ thể là tác nhân cơ học - Làm rõ các khái niệm đã học ở học phần lý thuyết			- Sinh viên kiến tập thực nghiệm sốc chấn thương và các thí nghiệm nhằm tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của sốc chấn thương trên súc vật	Đọc trước các khái niệm Bệnh, bệnh nguyên, vòng xoắn bệnh lý và quy trình thực hiện các thí nghiệm trước khi tới lớp	
	- *Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn* - *Điều hòa miễn dịch* - *Kháng nguyên*	- Giảng viên phân tích minh họa cho sinh viên cơ chế bệnh sinh của suy tim, tăng huyết áp và hướng dẫn sinh				- Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn trên cơ sở giảng	

		viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh các bệnh lý khác của hệ tuần hoàn - Giảng viên phân tích cho sinh viên cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể - Giảng viên phân tích cấu trúc phân tử kháng nguyên và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cơ chế hoạt động của kháng nguyên				viên đã minh họa các bệnh lý điển hình - Sinh viên hệ thống lại cơ chế điều hòa miễn dịch của cơ thể mà giảng viên đã phân tích trên lớp - Sinh viên tìm hiểu cơ chế hoạt động của kháng nguyên sau khi đã được giảng viên hướng dẫn chi tiết	
	- Sinh lý bệnh tuổi già	Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích các đặc điểm cơ bản trong cơ chế bệnh sinh các hệ cơ quan của tuổi già. Lấy ví dụ minh họa 1 hệ cơ quan				Sinh viên tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của các hệ cơ quan còn lại trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn trên lớp	
	- Thực tập: Thực nghiệm rối loạn	Minh họa lý thuyết:			- Sinh viên thực hành thí nghiệm gây	- Sinh viên đọc trước bài lý thuyết	

	chuyển hóa muối nước viêm	- Rối loạn chuyển hóa muối nước - Cơ chế bệnh sinh của phản ứng viêm ở phase cấp			thay đổi áp lực thẩm thấu ở ếch - Sinh viên kiến tập các thực nghiệm còn lại dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: áp nóng gây viêm, garo đùi ếch, thay đổi áp lực keo	ở nhà - Sinh viên đọc trước các thực nghiệm cần thực hiện ở nhà	
Tuần 5:	- *Thực tập: Thực nghiệm minh họa một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp*	- Minh họa ảnh hưởng của một số yếu tố đến các giai đoạn của hô hấp - Trên cơ sở sinh viên đac quan sát thí			Sinh viên kiến tập các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thỏ ngửi	- Sinh viên đọc lại các giai đoạn của hô hấp - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần	
		nghiệm, giảng viên sẽ cùng sinh viên phân tích cơ chế của sự thay đổi hô hấp ở các thí nghiệm			NH3 đậm đặc, tiêm acid – kiềm vào tĩnh mạch rìa tai thỏ - Kẹp khí quản thỏ - Tiêm AgNO3 vào tĩnh mạch	làm	

					đùi chó		
	- Thực tập:Thực nghiệm về chức năng chống độc khử độc của gan và rối loạn chức phận tiêu hóa	- Minh họa chức năng chống độc khử độc của gan - Minh họa rối loạn chức năng hệ tiêu hóa			Sinh viên quan sát các thí nghiệm và ghi lại kết quả dưới dự hướng dẫn của kỹ thuật viên: - Tiêm Adreanlin và nước lọc phân vào tĩnh mạch đùi và tĩnh mạch mạc treo chó - Tiêm nước muối nóng, AgNO3 vào ruột chó	- Sinh viên đọc phần lý thuyết liên quan tới bài học - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm	
Tuần 6:	*- Thực tập: Phân tích huyết đồ*	- Giảng viên nhắc lại các thông số của các dòng tế bào máu - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích huyết đồ (3 bước cụ thể)			Sinh viên phân tích 1 huyết đồ và giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh cấu tạo máu - Sinh viên tự phân tích các huyết đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
	- Thực tập: Phân tích	- Giảng viên nhắc lại sự thay đổi của số			Sinh viên phân tích 1 niệu đồ và	- Sinh viên đọc lại bài sinh lý bệnh	

	niệu đồ	lượng nước tiểu, chất lượng nước tiểu và các chỉ số sinh hóa liên quan - Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách phân tích niệu đồ (3 bước cụ thể)			giảng viên góp ý sửa đổi bổ sung	hệ tiết niệu - Sinh viên tự phân tích các niệu đồ còn lại trong giáo trình thực tập	
Tuần 7	- *Thực tập: Thực nghiệm sốc truyền máu khác loài*	- Minh họa bệnh cảnh sốc - Giảng viên phân tích cơ chế quá mẫn typ 2 trong thực nghiệm này			- Sinh viên quan sát các thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên: - Thực nghiệm tiêm truyền máu gà cho chó - Phản ứng chéo, phản ứng xác định vai trò của bổ thể	- Sinh viên đọc lại bài miễn dịch bệnh lý - Sinh viên đọc trước các thí nghiệm cần tiến hành	
	- *Thực tập:Một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán*	- Giảng viên giới thiệu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch dịch thể - Giảng viên phân tích một số kí thuậ miễn			- Sinh viên kiến tập kĩ thuật ngưng kết thụ động - Sinh viên thực hành đổ lam thạch tiêu chuẩn và đục giếng	Sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào sau khi giảng viên hướng dẫn	

		dịch hiện nay còn sử dụng trong chẩn đoán - Giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nguyên lý chung của kĩ thuật miễn dịch tế bào			thạch	cụ thể trên lớp	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả thực nghiệm, phân tích phiếu xét nghiệm

6.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hành các thí nghiệm, tham gia trao dổi, thảo luận
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận, … tự học trên mô hình, video.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Sinh lý bệnh và miễn dịch, Nhà xuất bản Y học
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Miễn dịch học, Nhà xuất bản Y học
3. Sinh lý bệnh học / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2004. - 452tr. ; 24cm
4. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần miễn dịch học: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa / Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 157tr. ; 27cm.
5. Sinh lý bệnh và miễn dịch: phần sinh lý bệnh: Sách đào tạo bác sĩ đa khoa Bộ y tế. - H. : Y học, 2007. - 255tr. ; 27cm.
6. Miễn dịch học cơ bản. - H. : Y học, 1986. - 422 tr. ; 21 cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học thực hành mới được thi hết học phần thực hành.

+ Hình thức thi: thi viết

+ Thời lượng thi: 50 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng

8.2. Thi lý thuyết:

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Sinh lý bệnh – miễn dịch

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Sinh lý bệnh – miễn dịch

- ***Đánh giá quá trình: :*** sinh viên cần tự giác thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, ghi chép đầy đủ kết quả thí nghiệm và phân tích tất cả các huyết đồ niệu đồ trong giáo trình thực hành

- ***Đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 120 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LTx2 + TH)/3**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, súc vật phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	Phạm Huy Quyền

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BỘ MÔN VI SINH	**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỐI TƯỢNG: SV Y HỌC DỰ PHÒNG NĂM 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3	Lý thuyết: 2	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 46	Thực hành: 16

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Sinh viên Y học dự phòng, năm 2

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Mô học

Học phần học trước:

Học phần song hành: Ký sinh trùng, Giải phẫu bệnh, Sinh lý bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Vi sinh Y học

- TS. Nguyễn Hùng Cường
- ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- ThS. Trần Thị Vượng
- Th.S. Phạm Thị Tâm
- CN. Nguyễn Thị Thanh Phượng
- BS. Trịnh Thị Hằng
- CN. Nguyễn Quang Huy
- CN. Vũ Thị Nữ
- CN. Nguyễn Ngọc Mỹ Trinh

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Vai trò

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây bệnh nhiễm khuẩn (vi khuẩn và virus). Các kiến thức này là cơ sở để sinh viên tiếp cận kiến thức y học lâm sàng.

2.2. Vị trí học phần

Học phần thuộc khối kiến thức y học cơ sở, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên Y học dự phòng năm thứ hai.

2.3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

- Kiến thức đại cương về vi khuẩn, virus, khử trùng tiệt trùng, kháng sinh,

trùng thường gặp.

- Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong xét nghiệm vi sinh: Lấy bệnh phẩm phục vụ chẩn đoán vi khuẩn, virus; Thực hiện được kỹ thuật nhuộm vi khuẩn (Nhộm đơn, Gram, Ziehl-Neelsen) và nhận biết được hình thể của vi khuẩn trên tiêu bản nhuộm.

- Thực hiện được kỹ thuật kháng sinh đồ và phân tích được kết quả.

- Biết được một số qui trình nuôi cấy chẩn đoán vi khuẩn; nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch và SHPT ứng dụng trong chẩn đoán vi sinh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. LÝ THUYẾT

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	Tự học
Tín chỉ 1: Vi sinh đại cương		**14**	**20**
Bài 1	Đại cương về VSV và VSV y học. Hình thể, cấu tạo và sinh lý của vi khuẩn Di truyền học vi khuẩn.	4	4
Bài 2	Đại cương virus. Sự đề kháng của cơ thể chống VSV Kháng sinh và kháng kháng sinh	4	4
Bài 3	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của VSV. Nhiễm trùng bệnh viện.	4	6
	Vaccin và huyết thanh.		
Bài 4	*Ricketsia, Chlamydia, Mycoplasma* Phương pháp chẩn đoán VSV Khử trùng- Tiệt trùng.	2	6
Tín chỉ 2: Các chuyên đề vi khuẩn và virus		**16**	**32**
Bài 1	Các cầu khuẩn gây bệnh (tụ cầu vàng, liên cầu A, phế cầu, lậu cầu, não mô cầu)	2	4
Bài 2	Họ vi khuẩn đường ruột (thương hàn, lỵ, *E.coli*) Vi khuẩn tả	2	4
Bài 3	*Mycobacterium* (lao).	2	4

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy học

Lý thuyết: Giảng dạy tích cực: Kết hợp giảng viết bảng; giảng có công cụ hỗ trợ (máy chiếu); sinh viên viết báo cáo, trình bày và thảo luận theo nhóm.

Thực hành:

- Thảo luận nhóm lớn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học…
- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận, …
- Khi thực tập thực tế: thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch, bài báo cáo,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,… tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

6.2. Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học – PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học – Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG, BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (32/0)
- Số chứng chỉ: 1
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ YHDP năm 5, Y học cổ truyền năm 4
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học "Chương trình y tế quốc gia" giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phổ cập về các chương trình y tế quốc gia đang được thực hiện trong gia đoạn hiện nay.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được được mục tiêu, giải pháp chung của ngành y tế để thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia
2. Trình bày được mục tiêu định hướng và các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của từng chương trình mục tiêu y tế quốc gia
3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	Tự học	
1.	Giới thiệu về các chương trình YTQG	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương

2.	Chương trình phòng chống SDD	3	0	6	Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh
3.	Chương trình đảm bảo chất lượng và VSATTP	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Thắm
4.	Chương trình phòng chống sốt xuất huyết	3	0	6	PGS. TS. Phạm Minh Khuê
5.	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	3	0	6	Ths. Trần Thị Bích Hồi
6.	Chương trình phòng chống sốt rét	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương
7.	Chương trình vệ sinh môi trường	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
8.	Chương trình phòng chống TNTT	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Minh Ngọc
9.	Chương trình phòng chống thảm họa	2	0	4	PGS. TS. Dương Thị Hương
10.	Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá	2	0	4	BSCKII. Nguyễn Bá Dụng
11.	Chương trình phòng chống Lao	2	0	4	PGS. TS. Phạm Minh Khuê
12.	Chương trình phòng chống bệnh tâm thần tại cộng đồng	2	0	4	Ths. Trần Thị Thúy Hà
13.	Chương trình phòng chống rượu, ma túy	2	0	4	Ths. Nguyễn Thị Thắm
14.	Chương trình phòng chống bệnh không mạn tính không lây	3	0	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
	TỔNG SỐ	32	0	**64**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận câu hỏi của giảng viên

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Các chương trình y tế quốc gia gia đoạn 2016-2020, chiến lược 2020, 2030

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

PHÓ HIỆU TRƯỞNG	LÃNH ĐẠO KHOA
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: SỨC KHỎE SINH SẢN
ĐỐI TƯỢNG: Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết:2 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 32 Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 56
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ y học dự phòng năm 5 hoặc 6
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Sản khoa, Giáo dục sức khỏe
- Học phần song hành: Sức khỏe lứa tuổi (không bắt buộc)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Khái niệm Sức khỏe sinh sản (SKSS) đơn giản là chăm sóc cho tất cả mọi người từ khi là bào thai tới khi về già. Mục tiêu là chăm sóc cho người phụ nữ để phát triển hoàn hảo về thể chất và có sức khoẻ tốt đồng thời có được những hiểu biết về những vấn đề sức khoẻ sinh sản. Theo số liệu thống kê của Bộ Y Tế (2003), tỷ lệ tử vong mẹ Việt Nam khoảng 160/100.000 trẻ đẻ sống, nghĩa là cứ một ngày có 7.5 bà mẹ chết có liên quan đến thai sản. Ngoài ra, Việt Nam cũng là một nước có tỷ lệ nạo hút thai cao nhất thế giới. Các tai biến sản khoa, vấn đề về ung thư sinh sản, các vấn đề sức khoẻ sinh sản từ trẻ em, đến vị thành niên và người trong độ tuổi sinh sản, người già vẫn đang là mối quan tâm hàng đầu, nổi cộm và cấp bách mà chúng ta cần phải hướng đến.

Đã từ lâu Đảng và nhà nước ta đã hiểu và có các chính sách ưu tiên hàng đầu cho sức khoẻ bà mẹ và trẻ em nói riêng và các vấn đề SKSS nói chung. SKSS có đối tượng tương đối rộng lớn bao hàm cả phụ nữ và trẻ em cũng như nam giới.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày và phân tích các vấn đề SKSS/SKTD tại Việt Nam
2. Trình bày những chính sách và giải pháp can thiệp SKSS/SKTD tại Việt Nam
3. Phân tích giới và quyền trong các chương trình sức khỏe sinh sản tại Việt Nam
4. Xây dựng được các giải pháp can thiệp phù hợp cho một vấn đề SKSS tại Việt Nam

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ tự học	Thầy cô phụ trách
1.	Đại cương về SKSS và sức khỏe tình dục	4		4	B1_Cô Thắm
2.	Sức khỏe sinh sản vị thành niên	4		8	B2_Cô Hương
3.	Viêm nhiễm đường sinh dục và các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, HIV/AIDS	4		8	B3_Cô Hà
4.	Chương trình Làm mẹ an toàn	4		8	B4_Cô Thắm
5.	Các biện pháp tránh thai	4		8	B5_Cô Hà
6.	Các vấn đề kế hoạch hoá gia đình	4		4	B6_Cô Hà
7.	Các vấn đề về giới, phá thai và vô sinh	4		8	B7_Thắm
8.	Sức khỏe sinh sản người cao tuổi	4		8	B8_Cô Hương
	Tổng	**32**	**0**	**56**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng
- Tài liệu thực tập, các bài tập tình huống

6.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y tế công cộng (2016). Giáo trình sức khỏe sinh sản. Nhà xuất bản Y học
- Trần Chí Liêm (2009). Dân số học. Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai, thi vấn đáp, thi viết
- Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi lý thuyết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

HIỆU TRƯỞNG	LÃNH ĐẠO KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiêu	PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

A. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2	Lý thuyết: 1	Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết):	Lý thuyết: 15	Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết):	Lý thuyết: 30	Thực hành: 30

Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ Y học dự phòng
Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Giải phẫu bệnh
Học phần học trước: Triệu học học Nội Khoa, Triệu chứng học Ngoại khoa.
Học phần song hành: Bệnh học Nội, Bệnh học Ngoại
Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Chẩn đoán hình ảnh
Cán bộ giảng dạy:

1. ThS. Bùi Hoàng Tú - Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn
2. ThS. Phạm Quốc Thành - Giảng viên
3. TS. Hoàng Đức Hạ - Giảng viên kiêm chức

B. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Vai trò

- Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về các biểu hiện hình ảnh trong bệnh lý các cơ quan, bộ máy của cơ thể theo thứ tự ưu tiên từ phương pháp chẩn đoán hình ảnh thông dụng đến các phương pháp hiện đại.

2. Vị trí học phần

- Học phần thuộc khối kiến thức y học lâm sàng, được giảng dạy cho đối tượng sinh viên bác sỹ đa khoa sau khi đã hoàn thành khối kiến thức cơ bản.

3. Kiến thức trang bị cho sinh viên

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thứ về:
- Triệu chứng học về hình ảnh của các cơ quan như phổi, tim mạch, xương, tiêu hóa, tiết niệu…
- Những hình ảnh của các cơ quan, hệ thống của cơ thể trong một số bệnh thường gặp.
- Kỹ năng phân tích và đọc được một số phim thông thường như viêm phổi, u phổi, sỏi tiết niệu.

4. Quan hệ với các học phần khác

- Kiến thức học phần thuộc kiến thức chuyên ngành y học lâm sàng nên được giảng dạy khi sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc kiến thức cơ bản và dạy đồng thời với các môn y học lâm sàng khác.

5. Nội dung - phương pháp tự học của sinh viên

- Khi thực tập: sinh viên quan sát, thực hiện dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tham gia trao đổi, thảo luận....
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận, báo cáo chuyên đề,... tự học trên tài liệu sách giáo khoa, tài liệu bài giảng của giáo viên, tài liệu sưu tầm, tự học kỹ năng.

C. NỘI DUNG

TT	Tên bài giảng/ Chủ đề	Thời gian		
		TS	LT	TH
1	Chẩn đoán hình ảnh tim phổi	9	3	6
2	Chẩn đoán hình ảnh gan mật tụy	9	3	6
3	Chẩn đoán hình ảnh ống tiêu hóa - cấp cứu bụng	9	3	6
4	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu	9	3	6
5	Chẩn đoán hình ảnh hệ vận động	9	3	6
	Tổng số	45	15	30

D. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001. - 174tr. ; 27cm
- Chẩn đoán hình ảnh: dùng cho đào tạo bác sĩ đa khoa / Ch.b. Nguyễn Duy Huề. - H. : Y học, 2010. - 384 tr. ; 27 cm

2. Tài liệu tham khảo

- Cẩm nang siêu âm. - H. : Y học, 2004. - 368 tr. ; 21 cm.
- Chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiết niệu / Lange, S. - H. : Y học, 1999. - 191tr. ; 27 cm.
- Chẩn đoán X quang trẻ em xương chi và tuổi xương / Trần Văn Tiến. - H. : Y học, 1999. - 252 tr. ; 19 cm.
- Hướng dẫn thực hành siêu âm ổ bụng / Taboury. - H. : Y học, 2001. - 282tr. ; 19 cm
- Siêu âm bụng tổng quát / Nguyễn Phước Bảo Quân. - H. : Y học, 2002-. 553 tr. ; 27 cm.
- Thực hành X - quang ngực / Nguyễn Văn Thành. - Tái bản lần thứ 3 có sửa chữa bổ sung. - H. : Y học, 2015. - 170tr. : Hình minh hoạ ; 24cm

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: điểm danh
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra bài cũ, kiểm tra kiến thức tự sưu tầm, tìm hiểu...

- Thi thực hành:

+ Lượng giá sau khi kết thúc chương trình thực hành bằng cách cho đọc phim, xem trên Powerpoint và cho điểm. Thời gian kiểm tra 15 phút

+ Đây là điều kiện để thi lý thuyết

- Thi kết thúc học phần: Thi trắc nghiệm thời gian 60 phút

Điểm thi thực hành: Điểm kiểm tra đọc phim trên máy chiếu cuối học phần.
Điểm thi lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần.
Điểm môn học:

ĐMH = (ĐTLT x 2 + ĐTTH) /3

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Lý thuyết: Giảng đường, bảng, máy chiếu, micro, loa đài.
2. Thực hành: Phòng thực tập, đèn đọc phim, bộ phim tài liệu

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN

Bùi Văng Tố

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DA LIỄU

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian: 60 tiết Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 60

Đối tượng sinh viên: Y HỌC DỰ PHÒNG

Học phần tiên quyết: Nội cơ sở, ngoại cơ sở, nội bệnh học

Học phần học trước:

Học phần song hành:

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Da liễu

II. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- Ths. Nguyễn Văn Hà
- Ths. Nguyễn Thị Liên
- Ths. Đào Minh Châu
- Bs. Nguyễn Thị Thanh Thanh Huyền
- Bs. Nguyễn Thị Lệ Thủy

III. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính về các bệnh da, hoa liễu thông thường như: bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh da do virus, các bệnh lây truyền qua đường tình dục.... Sau đó sẽ đi thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi giao ban, đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa da liễu và phòng khám da liễu tại khoa khám bệnh.

- Kỳ vọng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học áp dụng được vào thực tế để chẩn đoán, xử trí và quản lý cũng như tư vấn giáo dục sức khoẻ phòng chống một số bệnh da, hoa liễu thường gặp.

IV. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1.Trình bày được đặc điểm dịch tễ học cơ bản của một số bệnh Da liễu thường gặp

2. Trình bày được cơ chế sinh bệnh học cơ bản của một số bệnh da liễu thường gặp

3. Mô tả được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh da liễu thường gặp

4. Chẩn đoán được một số bệnh da liễu thường gặp

5. Xử trí được một số bệnh da liễu thường gặp

V. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học LT/TH
1	Giải phẫu, Sinh lý da,. Thương tổn cơ bản.	1	5	4/4

2	Bệnh eczema	2	5	3/4
3	Bệnh vảy nến	2	5	3/3
4	Nhiễm độc da dị ứng thuốc	2	5	2/2
5	Bệnh Phong	2	4	4/4
6	Bệnh Zona	2	5	4/4
7	Bệnh lậu	1	4	3/3
8	Bệnh giang mai	1	4	3/3
9	Bệnh ghẻ, bệnh chốc	1	4	2/2
10	Bệnh nấm da	1	4	2/2
	Tổng	**15**	**45**	30/30

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

6.1 Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm

- Thực hành: thực tập tại bệnh viện, dạy học bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh.

6.2 Phương pháp học và tự học

- Sinh viên nghe giảng trên lớp và trao đổi, thuyết trình theo chủ đề, thảo luận nhóm

- Khi thực hành lâm sàng, sinh viên thăm khám bệnh, làm bệnh án để trình bày ca lâm sàng, thảo luận nhóm

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

– Giáo trình Bài Giảng Bệnh Da liễu do Bộ Môn biên soạn theo chương trình của Dự án Hà Lan

7.2. Tài liệu tham khảo

– Bệnh học Da liễu, tập 1 – Bộ Môn Da liễu Đại học Y Hà Nội

– Giáo trình bệnh Da và hoa liễu – Học Viện Quân Y

– Da liễu học – Nhà xuất bản giáo dục

– Hướng dẫn sử dụng kháng sinh – Bộ Y Tế

– Miễn dịch học – Nhà xuất bản Y học

– Chuyên đề dị ứng học – Nhà xuất bản Y học

– Fitzpatrick's Clinical Dermatology.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Kiểm tra – đánh giá ban đầu:** Thăm hỏi, phát vấn
- **Kiểm tra – đánh giá trong quá trình**: Tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ tại bệnh viện, chuẩn bị bài tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp
- Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần. Nghỉ bao nhiêu buổi không đc thi
- **Kiểm tra – đánh giá kết thúc học phần**:

  -*Lý thuyết:* thi viết
- Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LT +TH)/2**

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- - lí thuyết: Giảng đường , máy chiếu…

- -Thực hành: Phòng thực hành: khoa Da liễu bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Da liễu bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp
- Đề xuất của Bộ môn:
    - Đề nghị nhà trường đầu tư thêm cho Bộ môn các tài liệu tranh, ảnh, mô hình da và các bệnh Da liễu.
    - Đầu tư phòng học cho sinh viên giao ban và học lâm sàng tại viện.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Ths. Nguyễn Văn Hà

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DÂN SỐ HỌC 2
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2 (1/1)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (15/30)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ Y học dự phòng năm 6
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 3 đơn vị học trình bao gồm 2 lý thuyếtvà 1 thực hành. Hoàn thành học phần này sinh viên hiểu được về các nghiệp vụ trong công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Đây là các kỹ năng rất cần thiết cho cán bộ y tế dự phòng

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được sự tác động qua lại giữa dân số và kinh tế, giáo dục, môi trường.
2. Trình bày được các chính sách ổn định và nâng cao chất lượng dân số.

4. NỘI DUNG

STT	Tênbài	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết tự học	Giảng viên
1	Dân số và y tế	3	6	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
2	Chương trình Kế hoạch hóa gia đình	3	6	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
3	Vấn đề giới và dân số	3	6	6	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
4	Giáo dục truyền thông Dân số-Kế hoạch hóa gia đình	3	6	6	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5	Chất lượng dân số	3	6	6	Ths. Trần Thị

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng: Y học dự phòng

Mã số:

Số tín chỉ: 3	**Lý thuyết: 2**	**Thực hành:1**
Số tiết học: 60	**Lý thuyết: 30**	**Thực hành: 30**
Số tiết tự học:75	**Lý thuyết: 60**	**Thực hành: 15**

Số lần kiểm tra: 2

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng

Mục tiêu kiến thức:

1. Nêu được đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học
2. Trình bày được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa, đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
3. Phân tích được những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
4. Nêu được những đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng.
5. Nêu được vai trò của dịch tễ học trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của DT trong y học.
2. Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật của DTH để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Tính toán được các số đo mắc bệnh và tử vong
2. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh

3. NỘI DUNG MÔN HỌC

Số TT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH	Tự học
1	Cách đề cập và chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	1	0	4
2	Số đo mắc bệnh và tử vong	2	4	4
3	Phương pháp nghiên cứu mô tả	2	0	4
4	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	2	4	4
5	Phương pháp nghiên cứu thuần tập	2	4	4
6	Phương pháp nghiên cứu can thiệp	2	0	4
7	Sàng tuyển phát hiện bệnh sớm	2	4	4
8	Chẩn đoán cộng đồng	1	4	4
9	Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	2	2	4
10	Các sai số trong nghiên cứu dich tễ học	2	0	4
11	Xử lý, phân tích số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu	2	4	7
12	Dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng	2	0	8
13	Dịch tễ học các nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, máu, da, niêm mạc	2	0	8
14	Giám sát dịch tễ học	2	0	4
15	Dịch tễ học và dự phòng nhiễm HIV/AIDS	2	0	4
16	Các nguyễn lý về miễn dịch và vaccine, chương trình tiêm chủng mở rộng	2	4	4
	Tổng:	**30**	**30**	**75**

4. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy tích cực
- Thảo luận nhóm
- Làm bài tập mẫu
- Tham quan thực địa

5. Lượng giá:

- Thi viết cải tiến
- Thi trắc nghiệm.
- Làm bài tập chuyên đề
- Đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 2+ điểm thi thực hành)/3

6. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng (2012)
- Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ hoc, NXB Y học (2012)
- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2006
- PGS.TS. Dương Đình Thiện, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học, 2001.

- Trường Đại học Y Hà Nội, Thực hành dịch tễ học, NXB Y học, 1996

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Dịch tễ học. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Phòng thực hành tại khoa Y tế công cộng

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

BAN GIÁM HIỆU	KHOA YTCC	TRƯỞNG BỘ MÔN
Phạm Văn Thức	Nguyễn Bá Dụng	Nguyễn Thị Thanh Bình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: DỊCH TỄ HỌC

Đối tượng: Y học dự phòng

Mã số:

Số tín chỉ: 5	**Lý thuyết: 3**	**Thực hành:2**
Số tiết tự học: 80	**Lý thuyết: 45**	**Thực hành: 60**
Số lần kiểm tra: 2	**Số chứng chỉ: 1**	

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Dịch tễ học gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng; cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học; các sai số và khống chế sai số trong nghiên cứu dịch tễ học.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng

Mục tiêu kiến thức:

1. Nêu được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa, đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
2. Phân tích được điểm mạnh và hạn chế của thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
3. Trình bày được vai trò của dịch tễ học trong phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng và đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp.
4. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và biện pháp dự phòng một số bệnh lây và không lây phổ biến

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của dịch tễ học trong y học.
2. Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật của dịch tễ học để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát bệnh
2. Phân tích và giải thích được những số đo mô tả bệnh trạng và số đo kết hợp.
3. Ứng dụng dịch tễ học trong trong phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế, thực hành lâm sàng và đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình can thiệp.

3. NỘI DUNG HỌC TẬP

Số TT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH	Tự học
1	Số đo mắc bệnh và tử vong	0	8	8
2	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng và thuần tập	0	8	8
3	Nguyên lý phòng chống dịch	4	8	8
4	Các nguyên lý về miễn dịch và vaccine phòng bệnh, chương trình tiêm chủng mở rộng	3	8	8
5	Điều tra xử lý vụ dịch	4	12	8
6	Ứng dụng thống kê trong phân tích dịch tễ học	4	8	8
7	Phân tích mối quan hệ nhân quả	4	8	8
8	Dịch tễ học, chính sách y tế và lập kế hoạch y tế	2	0	8
9	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	2	0	8
10	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc	2	0	8
11	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	2	0	8
12	Dịch tễ học nhóm bệnh truyền nhiễm đường máu	2	0	8
13	Dịch tễ học các bệnh do động vật và vecto truyền bệnh	4	0	4
14	Dịch tễ học một số bệnh không lây phổ biến	4	0	8
15	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm mới nổi	4	0	4
16	Kiểm dịch quốc tế	4	0	8
	Tổng:	**45**	**60**	**120**

4. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy tích cực
- Thảo luận nhóm
- Làm bài tập mẫu
- Tham quan thực địa

5. Lượng giá:

- Thi viết cải tiến
- Thi trắc nghiệm.
- Làm bài tập chuyên đề
- Đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 2+ điểm thi thực hành)/3

6. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng (2012)
- Trường Đại học Y Hải phòng. Dịch tễ học, NXB Y học (2012)
- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2006

- PGS.TS. Dương Đình Thiện, Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, NXB Y học, 2001.
- Trường Đại học Y Hà Nội, Thực hành dịch tễ học, NXB Y học, 1996

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Dịch tễ học. Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Phòng thực hành tại khoa Y tế công cộng

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

BAN GIÁM HIỆU	KHOA YTCC	TRƯỞNG BỘ MÔN
Phạm Văn Đức	Nguyễn Bá Dụng	Nguyễn Thị Thanh Bình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM 1

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 30 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ y học dự phòng năm 3
- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh, giáo dục sức khỏe
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm – Khoa Y tế công cộng
- Cán bộ tham gia giảng dạy:

  ThS. Nguyễn Thị Thắm

  ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Dinh dưỡng và An Toàn thực phẩm là một trong những bộ môn thuộc khoa học Y học dự phòng và Y tế công cộng với sự phối hợp của nhiều môn khoa học khác như kĩ thuật công nghệ, vệ sinh, sinh lí, sinh hóa, độc chất, dịch tễ học, sức khỏe môi trường, các bộ môn lâm sàng…, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm giúp hạn chế những ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người do chế độ ăn không hợp lý và thực phẩm không an toàn gây ra.

Học phần này giúp cho sinh viên chuyên khoa y học dự phòng nắm được những kiến thức cơ bản của môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, bao gồm vài trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với con người, chế độ ăn hợp lý với từng tình trạng sinh lý và bệnh lý cụ thể để góp phần phòng và điều trị bệnh, các biện pháp dự phòng và hạn chế tác hại của thực phẩm không an toàn đối với sức khỏe của con người.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1 Áp dụng được kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng.

2 Áp dụng được các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống công cộng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1.	Dinh dưỡng sức khoẻ và bệnh tật	4		2
2.	Vai trò của các chất dinh dưỡng	4		4
3.	Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng	4		4
4.	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thức ăn	4		4
5.	Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi	4		4
6.	Vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khoẻ	2		2
7.	Ngộ độc thức ăn và các biện pháp phòng chống	4		4
8.	Điều kiện vệ sinh đối với cơ sở chế biến thực phẩm và bếp ăn tập thể	2		2
9.	Yêu cầu vệ sinh trong chế biến bảo quản và vận chuyển thực phẩm	2		4
10.	Thu thập kích thước nhân trắc		4	4
11.	Phương pháp đánh giá nhanh tình trạng dinh dưỡng ở cộng đồng		4	4
12.	Khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ		4	4
13.	Sử dụng biểu đồ tăng trưởng		4	4
14.	Tính nhu cầu năng lượng cho các đối tượng		8	8
15.	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ tiêu nhân trắc		4	4
16.	Chế độ ăn bổ sung		4	4
	TỔNG SỐ:	**30**	**30**	**60**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và giảng thực hành để hoàn thành bài tập thực hành được giao
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hải phòng. NXB Y học, 2012
- Tài liệu thực tập của BM Dinh Dưỡng & an toàn thực phẩm
- Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cộng đồng. Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học
- Thực hành Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2012). Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản y học

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hải phòng. NXB Y học, 2012
- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hà Nội. NXB Y học, 2012
- Trường Đại học Y Hà Nội, Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, NXB Y học, 2006.
- Bảng thành phần hóa học của thực phẩm (2006). Viện Dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nhi, Bài giảng Nhi Khoa tập 1, NXB Y học 2006
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nội, Bệnh học Nội Khoa, NXB Y học, 2012

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành
- Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai
- Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. Lượng giá

Đánh giá ban đầu: Sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ, tích cực tại bộ môn

8.1. Lượng giá đầu khóa học

+ Đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt được trước khi học môn:

- Anh/chị biết những vấn đề sức khỏe nào liên quan đến dinh dưỡng?
- Chuyển hóa cơ bản là gì? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới chuyển hóa cơ bản?
- Chất dinh dưỡng là gì? Có những nhóm chất dinh dưỡng nào?
- Theo anh/chị có mấy nhóm thức ăn? Kể tên?
- Anh/chị đã từng bị ngộ độc thực phẩm bao giờ chưa? Tại sao anh/chị cho rằng đó là ngộ độc thực phẩm? Cách xử trí?
- Theo anh/chị có mối liên quan giữa dinh dưỡng và điều trị không?

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ, hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

8.2. Lượng giá quá trình: Kiểm tra tư cách

8.3. Lượng giá cuối khóa:

+ Yêu cầu về thực hành:

- Sinh viên vắng mặt 1 buổi thực hành không được tham gia thi thực hành.
- Điểm phần thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên
- Hình thức thi: thi thực hành, thi vấn đáp
- Sinh viên vắng mặt trên 20% tổng số tiết quy định của học phần không được dự thi hết học phần.
- Bài thi hết môn, hình thức thi: Test
- Bài tập, tình huống

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành

Ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PHẠM VĂN HÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 32 Thực hành: 60
- Số giờ tự học: 120
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ y học dự phòng năm 6
- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh, giáo dục sức khỏe
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm - Khoa Y tế công cộng
- Cán bộ tham gia giảng dạy:

  ThS. Nguyễn Thị Thắm

  ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Dinh dưỡng và An Toàn thực phẩm là một trong những bộ môn thuộc khoa học Y học dự phòng và Y tế công cộng với sự phối hợp của nhiều môn khoa học khác như kĩ thuật công nghệ, vệ sinh, sinh lí, sinh hóa, độc chất, dịch tễ học, sức khỏe môi trường, các bộ môn lâm sàng..., Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm giúp hạn chế những ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người do chế độ ăn không hợp lý và thực phẩm không an toàn gây ra.

Học phần này giúp cho sinh viên chuyên khoa y học dự phòng nắm được những kiến thức cơ bản của môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, bao gồm vài trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng đối với con người, chế độ ăn hợp lý với từng tình trạng sinh lý và bệnh lý cụ thể để góp phần phòng và điều trị bệnh, các biện pháp dự phòng và hạn chế tác hại của thực phẩm không an toàn đối với sức khỏe của con người.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1 Áp dụng được kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng.

2 Vận dụng được các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng.

3 Áp dụng được các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống công cộng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1.	Dinh dưỡng sức khoẻ và bệnh tật	2		4
2.	Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi	2		4
3.	DTH các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức cộng đồng	4		14
4.	Dinh dưỡng dự phòng trong các bệnh mạn tính	4		16
5.	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng	2		4
6.	Xây dựng chương trình can thiệp dinh dưỡng	4	8	16
7.	Nguyên tắc chung của dinh dưỡng điều trị	2		4
8.	Dinh dưỡng điều trị trong một số bệnh	4		8
9.	Điều tra ngộ độc thực phẩm	4	8	16
10.	Thức ăn đường phố	2		4
11.	Các hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm	4		8
12.	Giám sát thanh tra thực phẩm	2		8
13.	Phát hiện một số bệnh dinh dưỡng ở cộng đồng		4	4
14.	Điều tra tiêu thụ lương thực, thực phẩm		4	4
15.	Điều tra khẩu phần		8	8
16.	Đánh giá khẩu phần		8	8
17.	Xây dựng khẩu phần		12	12
18.	Điều tra ngộ độc thực phẩm		4	4
19.	Kiểm tra vệ sinh thực phẩm cơ sở sản xuất chế biến ăn uống công cộng		4	4
	TỔNG SỐ:	**32**	**60**	**150**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và giảng thực hành để hoàn thành bài tập thực hành được giao
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hải phòng. NXB Y học, 2012
- Tài liệu thực tập của BM Dinh Dưỡng & ATTP
- Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cộng đồng. Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học
- Thực hành Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2012). Trường Đại học Y Hà Nội. NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hải phòng. NXB Y học, 2012
- Giáo trình Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hà Nội. NXB Y học, 2012
- Trường Đại học Y Hà Nội, Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, NXB Y học, 2006.
- Bảng thành phần hóa học của thực phẩm (2006). Viện Dinh dưỡng. NXB Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nhi, Bài giảng Nhi Khoa tập 1, NXB Y học 2006
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Nội, Bệnh học Nội Khoa, NXB Y học, 2012

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành
- Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai
- Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. Lượng giá

Đánh giá ban đầu: Sinh viên tham gia học tập trên lớp và thực hành đầy đủ, tích cực tại bộ môn

8.1. Lượng giá đầu khóa học

+ Đặt ra một số câu hỏi ngắn đề đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt được trước khi học môn:

- Anh/chị biết những vấn đề sức khỏe nào liên quan đến dinh dưỡng?
- Chuyển hóa cơ bản là gì? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới chuyển hóa cơ bản?
- Chất dinh dưỡng là gì? Có những nhóm chất dinh dưỡng nào?
- Theo anh/chị có mấy nhóm thức ăn? Kể tên?
- Anh/chị đã từng bị ngộ độc thực phẩm bao giờ chưa? Tại sao anh/chị cho rằng đó là ngộ độc thực phẩm? Cách xử trí?
- Theo anh/chị có mối liên quan giữa dinh dưỡng và điều trị không?

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ, hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học

8.2. Lượng giá quá trình: Kiểm tra tư cách

8.3. Lượng giá cuối khóa:

+ Yêu cầu về thực hành:

- Sinh viên vắng mặt 1 buổi thực hành không được tham gia thi thực hành.
- Điểm phần thực hành phải đạt từ 5 điểm trở lên
- Hình thức thi: thi thực hành, thi vấn đáp
- Sinh viên vắng mặt trên 20% tổng số tiết quy định của học phần không được dự thi hết học phần.
- Bài thi hết môn, hình thức thi: Test
- Bài tập, tình huống

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành

Ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

PHẠM VĂN HÁN

TRƯỜNG ĐH Y HP
KHOA Y TẾ CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KHOA HỌC HÀNH VI VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE 1
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2(2/0)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/0)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ y học dự phòng năm 2
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình lý thuyết. Sinh viên sẽ được học lý thuyết tại giảng đường. Các kỹ năng thực hành được rèn luyện tại giảng đường. Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về truyền thông – giáo dục sức khỏe. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Phân tích được yếu tố ảnh hưởng và các bước của quá trình thay đổi hành vi SK
2. Mô tả được mục đích, vị trí, vai trò và nguyên tắc của truyền thông giáo dục SK
3. Trình bày được các bước trong lập kế hoạch và các nguyên tắc chính để lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Trình bày được cách tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. NỘI DUNG

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết			Người giảng
		LT	TH	TH	
1.	Khái niệm, vị trí, vai trò của TT-GDSK và nâng cao sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2.	Hành vi sức khỏe & quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	0	8	Ths. Trần Thị Bích Hồi
3.	Một số nguyên tắc trong TT-GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh

4.	Nội dung TT-GDSK	4		8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
5.	Các phương pháp và phương tiện truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Lê Trần Tuấn Anh
6.	Kỹ năng truyền thông GDSK	4	0	8	Ths. Trần Thị Thúy Hà
7.	Lập kế hoạch truyền thông GDSK và quản lý hoạt động GDSK	6	0	12	Ths. Trần Thị Bích Hồi
	TỔNG SỐ	**30**	**0**	**60**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập – Tự do – Hạnhphúc

BM Y HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KHOA HỌC HÀNH VI VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE 2
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mãsố: Số ĐVHT: 2(1/1)
- Sốhọcphần: 1 Sốtiếthọc: (15/30)
- Sốchứngchỉ: 1 Sốgiờtựhọc: 30
- Đốitượngsinhviên: Bácsỹ Y họcdựphòngnămthứ 6
- Họcphầntiênquyết: Không
- Họcphầnhọctrước: Không
- Họcphần song hành: Không
- Bộmônphụtráchgiảngdạy: Bộmôn Y họcxãhội – Khoa Y tếcông cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Họcphầnnàybaogồm 2 đơnvịhọctrìnhbaogồm 1 lýthuyếtvà 1 thựchành. Hoànthànhhọcphầnnàysinhviênhiểuđượcvềnângcaosứckhỏe, cáchtriểnkhaicácchương trìnhnângcaosứckhỏetạicộngđồngvànơilàmviệc.Đâylàcáckỹnăngrấtcầnthiếtc hocánbộ y tếdựphòng

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình được khái niệm nâng cao sức khỏe và các mô hình nâng cao sức khỏe.
2. Trình bày được các bước thực hiện đánh giá nhu cầu sức khỏe và phát triển cộng đồng trong NCSK

4. NỘI DUNG

STT	Tênbài	Sốtiết LT	Sốtiết TH	Sốtiết TH	Giảngviên
1	Giớithiệuvềnângcaosứckhỏe	3	2	2	Ths. TrầnThịBíchHồi
2	Lậpkếhoạchnângcaosứckhỏe	3	6	6	Ths. TrầnThịBíchHồi
3	Đánhgiáchương trìnhnângcaos ứckhỏe	3	6	6	Ths. TrầnThịBíchHồi
4	Pháttriểncộngđồngtrongnângc aosứckhỏe	3	8	8	Ths. TrầnThịThúyHà
5	Nângcaosứckhỏe ở mộtsốcơsở	3	8	8	Ths. TrầnThịThúyHà
	TỔNG	15	30	30	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phươngphápdạy

- Líthuyết: thuyếttrình, thảoluậnnhóm, bàitậptìnhhuống

5.2. Phươngpháphọc, tựhọc

- Sinhviênlênlớpnghegiảngvàthamgiatraođổi, thuyếttrình, thảoluậnnhóm, làmbàikiểmtratheoyêucầumônhọc.
- Thựchành: Phântíchcácbàitậptìnhhuống
- Sinhviêntựhọc: chuẩnbịnội dung theoyêucầucủagiảngviênđểhoànthànhbàitập, thuyếttrình, thảoluậnnhóm, tựđọctàiliệuthamkhảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tàiliệugiảngdạy

- Tàiliệupháttay - Khoa Y tếcôngcộng, ĐHY DượcHảiPhòng

6.2. Tàiliệuthamkhảo

- Bộ y tế (2007), Khoa học hành vi - Giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.

- Đàm Khải Hoàn (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyêncần: thamgiahọctậptrênlớp
- Kiểmtrathườngxuyên: 1 bàikiểmtravềcácnội dung tựhọc, tựnghiêncứutàiliệuhoặccâuhỏingắn
- Thikếtthúchọcphần: thiviết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảngđường, máychiếu, phấnbảng

Hảiphòng, ngàythángnăm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG I

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã số:

Số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1

Số tiết học Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Số giờ tự học của sinh viên 60 giờ

Đối tượng: Bác sĩ y học dự phòng năm 3

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, THCĐ1. Dược

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Khoa học môi trường sinh thái và sức khỏe môi trường cung cấp thông tin cơ bản về hệ sinh thái, sự tác động qua lại của những hiện tượng tự nhiên, của nhân tạo đối với môi trường sinh thái và sức khỏe con người; cung cấp những nguyên lý cơ bản của môi trường sinh thái, tác động phá vỡ cân bằng sinh thái từ các hoạt động của con người.

Mục đích môn học giúp cho học viên có kiến thức tổng quan về môi trường và đa dạng hệ sinh thái.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các nguyên lý cơ bản của sinh thái học áp dụng trong bảo vệ môi trường.
2. Phân tích được ảnh hưởng của các hoạt động kinh tế-xã hội lên môi trường
3. Đề xuất được các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái
4. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ luật môi trường trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. NỘI DỤNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	SỐ GIỜ LÊN LỚP	SỐ GIỜ	Buổi giảng	Giảng viên

		Lý thuyết	Thực hành	TỰ HỌC		
1	Con người và môi trường sinh thái	1	0	2	1	TS. Hương
2	Hệ sinh thái	1	2	2	1	TS. Hương
3	Quần thể sinh vật	1	2	2	1	TS. Hương
4	Quần xã sinh vật	1	2	2	1	TS. Hương
5	Môi trường không khí	2	4	4	2	ThS. Ngọc
6	Môi trường nước	2	4	4	3	TS. Hương
7	Môi trường đất	2	4	4	2	ThS. Ngọc
8	Độc chất và môi trường	4	0	8	4	ThS. Ngọc
9	Hệ sinh thái nông nghiệp	2	0	4	3	TS. Hương
10	Thảm hoạ và môi trường	2	2	4	5	TS. Hương
12	Dân số, phát triển môi trường	2	2	4	6	ThS. Ngọc
13	Khai thác sử dụng năng lượng và môi trường	2	2	4	6	ThS. Ngọc
14	Đô thị hoá và môi trường	2	0	4	7	ThS. Ngọc
15	Luật môi trường	2	0	4	8	ThS. Ngọc
16	Thực trạng và xu hướng môi trường ở Việt nam	2	2	4	8	ThS. Ngọc
17	Đánh giá tác động môi trường	2	4	4	5	TS. Hương
	TỔNG SỐ	**30**	**30**	**60**		

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

5.1. Lý thuyết giảng theo

Thuyết trình ngắn có lồng ghép hỏi đáp, nêu vấn đề. Lồng ghép các hoạt động giảng dạy sự dụng các phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

Thảo luận nhóm

Bài tập tình huống

5.2. Thực hành

Thực hành tại phòng thí nghiệm, xét nghiệm các mẫu môi trường, nhận định và phiên giải kết quả

Thực hành tại giảng đường: thảo luận nhóm giải quyết trường hợp

5.3. Phương pháp học, tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, nghe giảng kỹ thuật, thực hiện đo máy, nhận định và phân tích kết quả, viết báo cáo

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

6.1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ môi trường, Nhà xuất bản y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Y Tế. Trường Đại học Y Hà Nội (1995). Vệ sinh môi trường - Tập 1
2) Bộ Y Tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2002). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 2
3) Doãn Ngọc Hải (2015). Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường - Tập 2, Nhà xuất bản y học
4) Đào Ngọc Phong (1997). Bài giảng khoa học môi trường
5) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học
6) Nguyễn Thị Thu (2007). Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học
7) Merri Weinger (1999). Teacher's guide on basic environmental health, World health organization

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Câu hỏi lượng giá đầu học phần:

a) Anh/Chị hãy cho biết khái niệm về sinh thái học, quần xã, quần thể sinh vật, hệ sinh thái?

b) Những yếu tố ảnh hưởng của yếu tố sinh thái lên đời sống sinh vật?

c) Theo Anh/Chị nền nông nghiệp hiện đại có tác động đến đời sống và con người và môi trường như thế nào?

d) Những tác nhân gây ô nhiễm môi trường hiện nay là gì?

Câu hỏi lượng giá giữa học phần: bài kiểm tra tư cách, sinh viên làm bài tập tình huống sau, nộp lấy bài tư cách:

Gia đình bà Sửu ở xóm 1, một huyện nghèo của Thanh Hóa, trước đây thường xuyên sử dụng nguồn nước giếng khơi để ăn uống và sinh hoạt. Nhà bà Sửu có một bể chứa nước sạch để dự trữ nước khi trạm cấp nước bị mất điện, không cung cấp nước. Nguồn nước có màu vàng, có mùi lạ, vị mặn.

Là cán bộ y tế, Anh/Chị đánh giá như thế nào về bể chứa nước của gia đình bà Sửu? Anh/Chị sẽ tư vấn ra sao trong trường hợp này?

Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành

Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành

Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai hoặc hoán đổi thi tự luận

Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY:

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy:
  - TS. Dương Thị Hương – Trưởng Bộ môn SKMT
  - ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc – Phó trưởng Bộ môn SKMT
  - BS. Nguyễn Quang Đức – Giáo vụ Bộ môn SKMT

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng

Phòng thực hành: dụng cụ thực hành, máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày tháng năm 201...

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG KHOA

PHẠM VĂN HÁN

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CỘNG

BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: KINH TẾ Y TẾ
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 2 (1/1)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (15/30)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ Y học dự phòng năm 5
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này bao gồm 2 đơn vị học trình bao gồm 1 lý thuyết và 1 thực hành. Hoàn thành học phần này sinh viên hiểu được về các khái niệm liên quan kinh tế trong y tế, phân tích các mô hình tài chính y tế. Đây là các kỹ năng rất cần thiết cho cán bộ y tế dự phòng

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các khái niệm về kinh tế, kinh tế y tế; mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển; các bước của quá trình phân tích chi phí.
2. So sánh được các mô hình tài chính y tế; phân tích ưu, nhược điểm của viện phí; phân tích khó khăn khi thực hiện bảo hiểm y tế;
3. Phân tích được chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe; phân tích, lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết TH	Giảng viên
1	Giới thiệu kinh tế & kinh tế y tế	2	4	4	Ths. Trần Thị Bích Hồi
2	Phân tích chi phí y tế	2	4	4	Ths. Trần Thị Bích Hồi
3	Đánh giá kinh tế y tế	2	4	4	Ths. Trần Thị Bích Hồi
4	Đánh giá gánh nặng bệnh tật cộng đồng	2	4	4	Ths. Trần Thị Bích Hồi
5	Các mô hình tài chính y tế	3	6	6	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng

6	Viện phí	2	4	4	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
7	Bảo hiểm y tế	2	4	4	BSCKII.Nguyễn Bá Dụng
	TỔNG	15	30	30	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Thực hành: Phân tích các bài tập tình huống
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Kinh tế y tế và Bảo hiểm y tế Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chúc 200

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BỘ MÔN LAO VÀ BỆNH PHỔI	**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
----------	----------
	Hải Phòng, ngày .... Tháng.... Năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN LAO VÀ BỆNH PHỔI

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45

Số giờ tự học: 30 tiết

Đối tượng sinh viên: **Bác sỹ Y học dự phòng.**

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lao và bệnh phổi

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành lao và bệnh phổi. Bao gồm những kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh lý về lao: lao phổi, lao các cơ quan khác, dự phòng bệnh lao, chương trình chống lao quốc gia…

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

3.1 Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về bệnh lao, vi khuẩn lao

3.2 Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp phát hiện vi khuẩn lao của các thể lao.

3.3 Trình bày được cách chẩn đoán các thể bệnh lao.

3.4 Trình bày được nguyên tắc điều trị và điều trị cụ thể các thể bệnh lao, hiểu rõ các thuốc chống lao.

3.5 Trình bày được công tác phòng chống lao của chương trình chống lao quốc gia, các phương pháp phòng bệnh lao.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1 Lý thuyết

STT	Tên bài giảng lý thuyết	Số tiết		Giảng viên
		LT	Tự học	
1	Đại cương bệnh lao + Sinh bệnh học bệnh lao + Dịch tễ học bệnh lao	01	01	PGS.TS. Phục
2	Lao phổi mãn tính	01	01	TS. Điện
3	Lao sơ nhiễm	01	01	
4	Phòng bệnh lao và chương trình chống lao quốc gia	01	01	
5	Vi trùng lao	01	01	ThS. Thọ
6	Chẩn đoán lao bằng Xquang	01	01	
7	Lao màng phổi	01	01	
8	Lao xương khớp	01	01	
9	Bệnh lao phối hợp	01	01	
10	Lao phổi cấp	01	01	
11	Lao màng bụng	01	01	
12	Lao tiết niệu sinh dục	01	01	
13	Lao màng não	01	01	
14	Cấp cứu ho ra máu	01	01	
15	Lao hạch	01	01	BS. Kiên
16	Điều trị bệnh lao	01	01	TS. Điện

4.2 Thực hành

STT	Tên bài giảng thực hành	Số tiết		Giảng viên
		TH	Tự học	
1	Gặp gỡ Sinh viên	02	00	ThS. Thọ
2	Bình BA lao phổi tái phát	03	02	TS. Điện
3	Bình BA lao xương khớp	03	01	ThS. Thọ
4	Bình BA Lao phổi mới	03	01	TS. Điện
5	Bình BA ho ra máu	03	01	ThS. Thọ
6	Bình BA lao màng phổi	03	01	
7	Bình BA lao màng bụng	03	01	
8	Bình BA lao HIV	03	01	
9	Bình BA lao phổi cấp	03	01	
10	Đọc XQ	04	02	

11	Bình BA lao màng não	03	01	TS. Điện
12	Bình BA lao sơ nhiễm	03	01	ThS. Thọ
14	Bình BA lao hạch	03	01	BS. Kiên
15	Thực tập vi trùng lao	02	00	BS.CK2. Tuấn

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: Giảng lý thuyết trên lớp, thiết kế bài giảng lấy sinh viên làm trung tâm. Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm.

- Thực hành: Hướng dẫn sinh viên học trên bệnh nhân cụ thể. Bình các thể bệnh lao trên bệnh nhân cụ thể.

5.2 Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.

- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh nhân tỉ mỉ, kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.

- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy:

Bệnh học lao – Bộ môn lao và bệnh phổi, Trường ĐH Y Hải Phòng: Tài liệu học tập do bộ môn biên soạn.

6.2 Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học lao – GS.TS. Trần Văn Sáng, NXB Y Học – Hà Nội, 2007.
- Bệnh lao phổi / Gao Bei Li. - H. : Nxb. Hà Nội, 2004. - 163tr. ; 19 cm.
- Các phương pháp phát hiện, chẩn đoán lao phổi, lao kê, lao màng não / Hoàng Minh. - H. : Y học, 2002. - 202tr. ; 25cm

- Hướng dẫn kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao kháng đa thuốc. - H. : Y học, 2010. - 119tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Lao và bệnh phổi : Ban hành kèm theo Quyết định số 1918/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế / Nguyễn Việt Cồ: Y học - 123tr. ; 27cm
- Hướng dẫn quy trình thực hành chuẩn xét nghiệm vi khuẩn lao. - H. : Y học, 2012. - 399tr. ; 27cm
- Lao màng não lao màng ngoài tim lao màng bụng. - H. : Y học, 2002. - 336 tr. ; 21 cm
- WHO report 2006: Global tuberculosis control: surveillance, planning, financing. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 242p. ; 27cm

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1 Đánh giá sinh viên dựa trên các tiêu chí sau:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra, đánh giá ban đầu
- Kiểm tra, đánh giá quá trình
- Kiểm tra kết thúc học phần.

7.2 Hình thức đánh giá:

- Đánh giá ban đầu: Thi test
- Đánh giá quá trình: Thi test
- Đánh giá kết thúc học phần: + Lý thuyết: thi tự luận.
  + Lâm sàng: Thi vấn đáp

7.3 Trọng số % các điểm:

+ Lý thuyết:
- Chuyên cần: 5%
- Kiểm tra quá trình giữa học phần (ĐKT 1): 15%
- Thi kết thúc học phần (ĐKT 2): 80%

+ **Lâm sàng:** Thi kết thúc học phần: 100%

7.4 Công thức tính điểm:

+ **Điểm lý thuyết** = (chuyên cần x 5%) + (ĐKT 1 x 15%) + (ĐKT 2 x 80%)

+ **Điểm lâm sàng** = điểm thi vấn đáp kết thúc học phần

+ **Tổng điểm trung bình môn học** = (Điểm lý thuyết + điểm lâm sàng) / 2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh (Loa, micro, …)

- Trang bị phim Xquang lao phổi điển hình phục vụ học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM. BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Trần Quang Phục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC MẮT
Đào tạo theo tín chỉ cho YHDP

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng học viên: YHDP

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Giải phẫu

Học phần song hành: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Thần kinh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mắt

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Nguyễn Văn Được: Phó trưởng phụ trách Bộ môn-Giáo vụ
- Ths. Nguyễn Thị Thu Trang: Phó trưởng Bộ môn-Giáo vụ
- PGS.TS. Khúc Thị Nhụn: Nguyên trưởng Bộ môn
- Bs. Bùi Thị Dịu: Giảng viên
- Bs. Vũ Khánh Toàn: Giảng viên
- Ths. Hoàng Tùng Sơn: Trưởng khoa Mắt Việt Tiệp
- Ths. Nguyễn Thị Thanh Thu: Phó trưởng khoa Mắt Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu mắt, đường dẫn truyền thần kinh thị giác, các triệu chứng cơ bản và một số bệnh lý thường gặp tại mắt. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị mắt, tư vấn, hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về tình trạng, bệnh lý phần trước nhãn cầu, phần sau nhãn cầu, đường dẫn truyền thần kinh thị giác và bệnh thuộc các bộ phận phụ của mắt.

2. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị của tất cả các bệnh thông thường về mắt.

3. Xử trí được các cấp cứu, chấn thương mắt thường gặp, đặc biệt glôcôm cơn cấp, bỏng mắt, tắc động mạch trung tâm võng mạc, rách da mi, vỡ nhãn cầu.

4. Kiến tập các thủ thuật cơ bản của mắt như đo nhãn áp, thông lệ đạo, siêu âm, chích chắp lẹo, lấy dị vật kết giác mạc.

5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.

6. Tư vấn, hướng dẫn được vệ sinh phòng bệnh cho người bệnh và cộng đồng một số bệnh thường gặp như tật khúc xạ, bệnh mắt hột, viêm kết mạc cấp thành dịch, chấn thương mắt, bỏng mắt.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài học	Số tiết LT	Số tiết TH	Tự học
1	Giải phẫu và sinh lý mắt	02	06	04
2	Thị lực và tật khúc xạ	02	06	04
3	Chẩn đoán nguyên nhân mờ mắt	02	06	04
4	Bệnh Glôcôm	01	03	02
5	Chẩn đoán nguyên nhân đỏ mắt	01	03	02
6	Bệnh viêm loét giác mạc	01	03	02
7	Bệnh viêm mống mắt thể mi cấp	01	03	02
8	Viêm kết mạc	01	03	02
9	Đục thể thủy tinh	01	03	02
10	Chấn thương-bỏng mắt	02	06	04
11	Biểu hiện ở mắt trong một số bệnh toàn than	01	03	02
Tổng		**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa mắt bệnh viện Đại học Y.
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Mắt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

- Khoa Mắt Bệnh viện Việt Tiệp

- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng mắt - TMH – RHM: Bộ môn Mắt Đại học Y Hà Nội.

2. Các hội chứng nhãn khoa với bệnh lý toàn thân. Tái bản lần 3. NXB Y học 2000.

3. Giải phẫu Mắt ứng dụng trong lâm sàng và sinh lý thị giác. Nguyễn Xuân Nguyên. NXB Y học 1993.

4. Giáo trình nhãn khoa. Bộ môn Mắt Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Nhãn khoa giản yếu tập I, II.

6. Tài liệu giảng thực hành mắt. Bộ môn Mắt Đại học Y Dược Hải Phòng. Dự án Hà Lan

7. Thực hành nhãn khoa tập I, II. Đại học Y Hà Nội.

8. Thực hành nhãn khoa. NXB Y học 2002.

9. Ophthalmologie: a pocket textbook atlas. Gerhard KL. NewYork 2000.

10. Textbook of Ophthalmology. Kenneth WR. 1er Edition. London 1997.

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: GV đặt các câu hỏi nhỏ

- Lượng giá trong quá trình học: câu hỏi, tình huống lâm sàng

- Kiểm tra lí thuyết: 01 bài tự luận 90 phút.

- Công thức điểm: LT.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Mắt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Mắt bệnh viện Việt Tiệp với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng.

PHÓ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BỘ MÔN	HIỆU TRƯỞNG
ThS. Nguyễn Văn Được	**GS.TS. Phạm Văn Thức**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI & PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NGOẠI BỆNH LÝ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): YHDP

Học phần tiên quyết: Ngoại cơ sở, Phẫu thuật thực hành.

Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh

Học phần song hành: Ngoại Bệnh lý - LT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bệnh lý các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp. Nêu được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt các bệnh Ngoại khoa thường gặp. Trình bày được các nguyên tắc sơ cứu và chỉ định điều trị Ngoại khoa

3 MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Chẩn đoán được một số cấp cứu ngoại khoa và bệnh lý ngoại khoa thường gặp
- Sơ cứu được một số cấp cứu ngoại khoa
- Đề xuất chuyển sớm và đúng tuyến điều trị
- Thực hiện được một số thủ thuật và tiểu phẫu đơn giản.
- Thực hiện được một số vấn đề về truyền thông giáo dục phòng bệnh Ngoại khoa.

4. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Giờ LT	Giờ TH	Tự học	Giảng viên
1	Viêm ruột thừa cấp	2	8	8	BS Tiến
2	Thủng dạ dày	3	10	10	BS Tiến
3	Bỏng	3	8	8	BS Tiến
4	Tắc ruột	3	8	8	BS Tùng
5	Chấn thương và vết thương bụng	3	8	8	BS Thương
6	Chấn thương và vết thương sọ não	3	8	8	BS Hùng B
7	Xử trí CT sọ não trong 48 giờ đầu	3	8	8	BS Hùng B
8	Chấn thương- vết thương ngực	3	8	8	BS Hùng B
9	Sỏi tiết niệu	3	8	8	BS Cường
10	Gãy xương chi dưới	2	8	8	BS Chuyện
11	Gãy xương chi trên	2	8	8	BS Chuyện
	Tổng số	30	90	90	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm, hướng dẫn ở phòng tiền lâm sàng….

b. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,…
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,…

5. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Bệnh học Ngoại khoa - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2006, Tập 1,2

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,…
- Kiểm tra thường xuyên: 5 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu sẽ không được ti lý thuyết và phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Công thức điểm= TH

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

  + Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

  + Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- ***Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 60 phút
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- Công thức điểm= LT

7. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bệnh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
GS.TS. PHẠM VĂN THỨC	Phạm Văn Duyệt

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN NGOẠI & PTTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
NGOẠI CƠ SỞ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết): 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90

Số giờ tự học (tiết): 90

Đối tượng sinh viên (dự kiến): YHDP

Học phần tiên quyết: không

Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh ngoại khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh ngoại khoa và các hội chứng thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Khai thác được bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân.
- Khám đúng kỹ thuật, thành thạo và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng của các hội chứng Ngoại khoa thường gặp trong lâm sàng.
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Nêu được các nguyên nhân chính của triệu chứng và hội chứng thường gặp.
- Đánh giá và vận dụng được các kết quả xét nghiệm trong lâm sàng.

- Thực hiện một số động tác vô trùng cơ bản trong Ngoại khoa

4. TỔ CHỨC DẠY HỌC (Chương trình chi tiết kèm theo)

STT	Tên bài giảng	Giờ LT	Giờ TH	Tự học	Giảng viên
1	Khám bụng ngoại khoa	2	6	6	PGS.TS Duyệt
2	H/c VPM	2	6	6	PGS.TS Duyệt
3	Bệnh án ngoại khoa	2	6	6	PGS.TS Duyệt
4	Đại cương gây mê, gây tê	1	6	6	ThS Hùng E
5	Choáng giảm thể tích	1	6	6	ThS Hùng E
6	H/c chảy máu trong	2	6	6	ThS Tiến
7	Chuẩn bị BN trước mổ	2	6	6	ThS Tiến
8	Hội chứng TALNS	2	6	6	BS Hùng B
9	Khám cột sống, đầu mặt cổ	2	6	6	BS Hùng B
10	Khám CTSN	2	6	6	BS Hùng B
11	Khám mạch máu TK ngoại vi	2	6	6	ThS May
12	Khám chấn thương VT ngực	2	6	6	ThS May
13	T/c nhọt, hậu bối, áp xe, chín mé	2	6	6	ThS Thành F
14	Các loại bột	2	6	6	ThS Thành F
15	Khám chi, T/c học gãy xương, sai khớp	2	6	6	ThS Thành F
16	Đại cương bỏng	2	4	4	TS Trung
	Tổng số	30	90	90	

NỘI DUNG HỌC PHẦN

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

a. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,…

b. **Phương pháp học và tự học**

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,...

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

a. **Tài liệu giảng dạy**

- Triệu chứng học ngoại khoa – Bộ môn Ngoại, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

b. **Tài liệu tham khảo**

- Ngoại khoa cơ sở - Các bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 1999.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...
- Kiểm tra thường xuyên: 5 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu không được thi lý thuyết và phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.
- Công thức điểm= TH

Thi lý thuyết

- ***Đánh giá ban đầu.***

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Ngoại cơ sở.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Ngoại cơ sở.

- ***Kiểm tra – đánh giá quá trình:*** sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- ***Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ:*** Sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 60 phút
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2
- Sinh viên tham dự học ít hơn 80% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần
- Công thức điểm= LT

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Khu giảng đường trường đại học Y Dược Hải Phòng tại bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng:

+ Máy chiếu, máy tính xách tay

+ Bàn ghế

+ Loa, míc

Khoa cấp cứu tại các Bênh viện thực hành của Trường: Khám tiếp nhận bệnh nhân, làm bệnh án, tham gia trực.

Các khoa điều trị: Đi buồng điểm bệnh, khám bệnh nhân, giảng lâm sàng, tham gia trực.

Phòng mổ bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Kiến An, Bệnh viện Trẻ em: Kiến tập, tham gia phụ mổ.

BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Văn Duyệt

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG

BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độclập – Tự do – Hạnhphúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: NHÂN HỌC VÀ Y XÃ HỘI HỌC
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số ĐVHT: 2 (1/1)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (15/30)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: Bác sỹ Y học dự phòng năm 5
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nhân học y tế và xã hội học y tế là các chuyên ngành hẹp thuộc 2 ngành Nhân học và Xã hội học. Học phần này gồm 2 tín chỉ trong đó 1 lý thuyết và 1 thực hành. Học phần này giúp sinh viên có thể áp dụng để thiết kế các chương trình đánh giá và can thiệp y tế tốt hơn dựa trên những hiểu biết sâu sắc về cộng đồng với bối cảnh văn hóa của họ

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được khái niệm về nhân học y tế
2. Phân tích được các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến sức khỏe
3. Áp dụng được cách tiếp cận nhân học để thiết kế các chương trình đánh giá và can thiệp cộng đồng

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết tự học
1	Nhập môn Nhân học và xã hội học y tế	1	2	2
2	Đặc điểm cơ bản của nhân học	1	3	2
3	Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe	2	4	4
4	Ốm đau, bệnh tật và chăm sóc sức khỏe từ quan điểm nhân học	2	4	4
5	Giới và sức khỏe	1	3	2
6	Sức khỏe sinh sản từ góc nhìn văn hóa	2	4	4
7	Bệnh mạn tính và các yếu tố xã hội	2	3	4
8	Lệ thuộc chất và các yếu tố xã hội	2	4	4
9	Nghề y và các yếu tố xã hội tác động đến lựa chọn nghề	2	3	4
	TỔNG	15	30	30

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Thực hành: Phân tích các bài tập tình huống
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Trường Đại học Y Hà Nội (2012), Đại cương nhân học và xã hội học y tế, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

-Y học xã hội và Tổ chức Y tế, Tổng hội Y học Việt Nam, nhà xuất bản Tri Thức, năm 2007.

- http://www.molisa.gov.vn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Bộ môn: NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT NHI KHOA

Dành cho: Y học dự phòng

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 04 Lý thuyết: 02 Thực hành: 02

Phân bố thời gian: 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90

Số tiết tự học: 80 tiết

Đối tượng sinh viên: **Y học dự phòng**

Học phần tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, vi sinh, ký sinh trùng

Học phần học trước: Nội cơ sở

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nhi

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng
2. PGS.TS. Đinh Văn Thức
3. PGS.TS. Đặng Văn Chức
4. TS. Vũ Văn Quang
5. ThS. Trần Thị Thắm
6. ThS. Nguyễn Bùi Bình
7. BSNT. Hà Thị Thu Huyền
8. BSNT. Trịnh Thị Thuần
9. BSNT. Đặng Thị Ngoan
10. BSNT. Trần Thị Hải Yến
11. BSNT. Trần Đức Tâm
12. ThS. Chu Thị Hà
13. ThS. Phạm Thị Ngọc
14. ThS. Nguyễn Việt Hà

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhi khoa, giúp cho sinh viên chẩn đoán và xử trí được những bệnh thường gặp ở trẻ em như tiêu chảy cấp, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và một số bệnh khác: viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm màng não mủ, thấp tim…Bên cạnh đó học phần cũng giúp cho sinh viên có kiến thức, kĩ năng trong việc tiếp cận và phân loại trẻ bệnh theo chương trình quốc gia về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (chương trình IMCI). Đồng thời, cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em, hướng dẫn bà mẹ thực hành về nuôi dưỡng trẻ.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Kiến thức:

1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh thông thường ở trẻ em
2. Trình bày được phác đồ điều trị của những bệnh trên

Thực hành:

1. Khám đúng và phát hiện được những triệu chứng của một số bệnh thông thường ở trẻ em.
2. Đề xuất các xét nghiệm để chẩn đoán những bệnh thông thường ở trẻ em và đọc kết quả những xét nghiệm đó.
3. Chẩn đoán được những bệnh thông thường ở trẻ em.
4. Chỉ định điều trị được những bệnh thông thường ở trẻ em.
5. Thực hành được một số kỹ năng cơ bản

*Thái độ:*Xác định được bệnh lý trẻ em là cấp tính, diễn biến nhanh chóng và khó tiên lượng. Khám cho trẻ em là khó khăn

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên chủ đề / Bài học	Số tiết
1	**Đặc điểm phát triển thể chất trẻ em** 1. Đại cương 2. Sự phát triển chiều cao 2.1. Sự phát triển chiều dài của thai nhi 2.2. Trẻ dưới 1 tuổi. 2.3. Trẻ trên 1 tuổi 3. Sự phát triển cân nặng 3.1. Sự phát triển cân nặng của thai nhi 3.2. Sự phát triển cân nặng của trẻ dưới 1 tuổi 3.3. Sự phát triển cân nặng của trẻ trên 1 tuổi	Tự học: 4

	3.4. Biểu đồ phát triển (Growth chart) 4. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay 5. Tỷ lệ giữa các phần trong cơ thể 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.	
2	**Đặc điểm phát triển tinh thần vận động TE** 1. Những nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi 3.1. Đánh giá sự phát triển tâm thần vận động 3.2. Sự phát triển tâm thần và vận động qua từng lứa tuổi	Tự học: 4
3	**Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đủ, thiếu tháng** 1. Một số khái niệm 2.Đặc điểm giải phẫu, sinh lý một số cơ quan của trẻ sơ sinh 3.Tiêu chuẩn đánh giá trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng (hình thể ngoài) 4. Những hiện tượng sinh lý của trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh	Tự học: 4
	4.1. Vàng da sinh lý 4.2. Sụt cân sinh lý 4.3. Biến động sinh dục 5. Theo dõi, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh 5.1. Theo dõi 5.2. Chăm sóc 5.3. Nuôi dưỡng 5.4. Thuốc	
4	**Viêm cầu thận cấp** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và dịch tễ học của VCTC 3.Bệnh sinh	Lý thuyết: 1 Thực hành:3 Tự học: 2

	4. Lâm sàng và xét nghiệm 4.1. Lâm sàng 4.2. Xét nghiệm 4.2.1. Nước tiểu 4.2.2. Máu 5. Thể lâm sàng 5.1. Thể tiềm tàng 5.2.Thể thông thường 5.3. Thể tăng HA 5.4. Thể đái máu 5.5. Thể vô niệu 6. Tiến triển và tiên lượng 6.1. Tiến triển 6.2. Tiên lượng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1. Nguyên tắc 8.2. Điều trị cụ thể 8.2.1. Nghỉ ngơi 8.2.2. Chế độ ăn uống 8.2.3. Kháng sinh 8.2.4. Thuốc lợi tiểu 8.2.5. Điều trị biến chứng 9. Phòng bệnh * Phòng tiên phát * Thứ phát	
5	**Hội chứng thận hư** 1. Khái niệm HCTH 2. Dịch tễ 3. Sinh lý bệnh 3.1. Protein niệu 3.2. Phù 3.3. Giảm protid máu nhất là Albumin máu 3.4. Tăng Lipid và Cholesterol	Lý thuyết: 1 Thực hành:3 Tự học: 2

	3.5. Sơ đồ sinh lý bệnh của HCTH (Thomson & CharlersWorth 1994) 4. Lâm sàng và xét nghiệm của HCTH tiên phát đơn thuần 4.1. Phù 4.2.Không có dấu hiệu của VCTC 4.3. Dấu hiệu toàn thân khác 4.4. Xét nghiệm nước tiểu 4.5. Xét nghiệm máu 5. HCTH tiên phát kết hợp 6. Biến chứng 6.1. Nhiễm khuẩn 6.2. Chậm lớn, thiếu dinh dưỡng, thiếu máu, bướu cổ… 6.3. Co giật do hạ Canxi máu 6.4. Rối loạn điện giải 6.5. Suy thận cấp 6.6. Tắc mạch 6.7. Cơn đau bụng 6.8. Biến chứng do điều trị Steroid 7. Tiến triển và tiên lượng 7.1. Tiến triển 7.2. Tiên lượng	
	8. Điều trị 8.1. Chế độ ăn uống 8.2. Liệu pháp Steroid 8.3. Điều trị triệu chứng 8.4. Điều trị biến chứng 9.Phòng bệnh	
6	**Tiêu chảy cấp** 1. Định nghĩa và phân loại 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc và tỉ lệ tử vong 2.2. Đường lây truyền 2.3. Yếu tố nguy cơ mắc bệnh TCC 2.3.1. Yếu tố vật chủ làm tăng tính cảm	Lý thuyết: 1 Thực hành:3 Tự học: 2

	thụ đối với bệnh TCC 2.3.2. Tính chất mùa: có sự khác biệt theo mùa và địa dư 2.3.3. Những tập quán làm tăng nguy cơ tiêu chảy 2.3.4. Bệnh tiêu chảy có thể lan rộng gây các vụ dịch: tả, lị… 2.4. Tác nhân gây bệnh 2.4. 1. Rotavirus 2.4. 2. Vi khuẩn 2.4. 3. Kí sinh trùng 3. Sinh lý bệnh của TCC 3.1. Sinh lý hấp thu nước và điện giải 3.2.Bệnh sinh tiêu chảy 3.2.1. Virus 3.2.2. Vi khuẩn 3.2.3. Đơn bào 4 . Hậu quả của tiêu chảy phân nước 4.1. Mất nước , mất Natri 4.2. Nhiễm toan chuyển hoá 4.3. Thiếu Kali 5. Triệu chứng lâm sàng của TCC 5.1. Triệu chứng tiêu hoá 5.2. Triệu chứng mất nước 5.3. Dấu hiệu toàn thân 5.4. Một số triệu chứng theo nguyên nhân hay gặp 6. Xét nghiệm 7. Chẩn đoán 7.1.Phân loại mức độ mất nước 7.2. Phân loại mất nước và xử trí theo tuyến 8. Điều trị: 8.1.Bồi phụ nước và điện giải 8.1.1. Phác đồ A 8.1.2. Phác đồ B 8.1.3. Phác đồ C	

	8.2. Dinh dưỡng khi tiêu chảy 8.3. Điều trị nhiễm khuẩn 8.4. Không dùng thuốc chống nôn, cầm ỉa 8.5. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh	
7	**Đặc điểm hệ hô hấp trẻ em** 1. Đặc điểm giải phẫu 1.1. Mũi 1.2 Họng - hầu 1.3. Thanh- khí- phế quản 1.4. Phổi 1.5. Màng phổi và trung thất 1.6. Lồng ngực 2. Đặc điểm sinh lý 2.1. Đường thở 2.2. Nhịp thở 2.3. Kiểu thở 2.4. Quá trình trao đổi khí ở phổi 2.5. Điều hoà hô hấp	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
8	**Nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)** 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân 3. Các yếu tố nguy cơ	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	4. Lâm sàng và cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	
9	**Viêm phổi** 1. Dịch tễ học	Lý thuyết: 1 Thực hành:3

	2. Nguyên nhân của bệnh viêm phổi 3. Các yếu tố nguy cơ 4. Lâm sàng và cận lâm sàng 4.1 Giai đoạn khởi phát 4.2 Giai đoạn toàn phát 4.3 Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 5.1. Phân loại theo IMCI 5.2 Chẩn đoán xác định 6. Điều trị 6.1. Tại tuyến y tế cơ sở 6.2. Điều trị tại bệnh viện 7. Phòng bệnh 7.1. Phòng mắc bệnh 7.2. Phòng biến chứng	Tự học: 2
10	**Đặc điểm hệ tim mạch trẻ em** 1. Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai và vòng tuần hoàn sau đẻ 1.1.Đặc điểm vòng tuần hoàn rau thai 1.2 Đặc điểm vòng tuần hoàn sau đẻ 2. Đặc điểm giải phẫu 2.1 Đặc điểm của tim 2.2 Đặc điểm mạch máu 3. Một số chỉ số huyết động 3.1. Tiếng tim 3.2 Mạch 3.3 Huyết áp 3.4. Khối lượng máu tuần hoàn 3.5 Tốc độ tuần hoàn	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
11	**Đặc điểm hệ thần kinh trẻ em** 1. Đặc điểm cấu tạo hệ thần kinh trẻ em 1.1 . Não bộ 1.1.1 Đặc điểm giải phẫu, tổ chức học 1.1.2 Thành phần hoá học 1.2. Tiểu não 1.3. Tuỷ sống	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	1.4. Hệ thần kinh thực vật 2. Đặc điểm sinh lý, bệnh lý 2.1. Đặc điểm sinh lý 2.2. Đặc điểm bệnh lý	
12	**Xuất huyết não màng não** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Vị trí xuất huyết 2. Nguyên nhân gây XHNMN trẻ em 2.1. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ em dưới 3 tháng tuổi * Xuất huyết não màng não sớm * Xuất huyết não màng não muộn: 2.2. Nguyên nhân gây XHNMN ở trẻ trên 3 tháng 3. Lâm sàng 3.1. Xuất huyết não màng não ở trẻ dưới 3 tháng 3.1.1. Xuất huyết não màng não sớm 3.1.2. Xuất huyết não màng não muộn * Trường hợp nặng điển hình * Trường hợp nhẹ không điển hình 3. 2 . Xuất huyết não màng não ở trẻ trên 3 tháng	Lý thuyết: 1 Thực hành:3 Tự học: 2
	3.3. Cận lâm sàng * Xét nghiệm máu * Chọc dịch não tuỷ thấy * Các xét nghiệm khác 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt * Với viêm màng não mủ * Động kinh trẻ em * Tetani trẻ nhỏ * Phế quản phế viêm sơ sinh 5. Điều trị * Chăm sóc	

	* Chống chảy máu và chống thiếu máu * Điều trị triệu chứng khác * Phẫu thuật 6. Tiến triển và di chứng * Tiến triển * Di chứng 7 . Phòng bệnh	
13	**Viêm màng não mủ** 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây bệnh 2.1 Vi khuẩn gây bệnh 2.2. Đường xâm nhập 3. Triệu chứng lâm sàng. 3.1. Thời kỳ khởi phát 3.2. Thời kỳ toàn phát 3.2.1. Nhiễm trùng nhiễm độc 3.2.2. Hội chứng não màng não * Cơ năng * Khám thực thể * Các triệu chứng khác 4. Cận lâm sàng * Chọc dịch não tuỷ(DNT) * Xét nghiệm máu và một số xét nghiệm khác	Lý thuyết: 1 Thực hành:3 Tự học: 2
	5 . Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định * Dựa vào lâm sàng có * Cận lâm sàng xác định qua kết quả dịch não tuỷ 5.2 Chẩn đoán phân biệt * Lao màng não * Viêm màng não do vi rút * Xuất huyết não màng não * Khi dịch não tuỷ có máu do chạm phải mạch máu 6. Tiến triển biến chứng di chứng * Tiến triển	

	* Biến chứng * Di chứng 7. Điều trị 7.1. Liệu pháp kháng sinh 7.1.1. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị VMNM trẻ em 7.1.2. Điều trị cụ thể * Khi chưa biết vi khuẩn * Khi biết vi khuẩn * Thời gian sử dụng kháng sinh * Bệnh nhân khỏi bệnh khi 7.2. Điều trị triệu chứng 7.3. Chế độ chăm sóc dinh dưỡng	
14	**Đặc điểm máu ngoại vi trẻ em** 1. Đặc điểm sự tạo máu 1.1 Sự tạo máu trong bào thai 1.2 Sự tạo máu sau sinh 1.2.1 Nơi tạo máu 1.2.2 Đặc điểm sự tạo máu sau sinh 1.2.3 Hình ảnh máu ở tuỷ xương 2. Đặc điểm máu ngoại biên trẻ em 2.1 Hồng cầu 2.1.1. Số lượng 2.1.2. Đường kính hồng cầu 2.1.3. Thể tích hồng cầu trung bình 2.1.4 Các đặc điểm khác 2.2 Huyết sắc tố (Hb). 2.2.1 Số lượng Hb: 2.2.2 Lượng Hb trung bình hồng cầu 2.2.3 Nồng độ Hb trung bình hồng cầu 2.2.4 Thành phần Hb 2.3. Bạch cầu 2.4. Tiểu cầu 3. Một số đặc điểm khác 3.1 Khối lượng máu tuần hoàn 3.2. Phức bộ Prothrombin	Lý thuyết:1 Thực hành: 3 Tự học: 2

15	**Hội chứng thiếu máu ở trẻ em** 1. HỘI CHỨNG THIẾU MÁU 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học thiếu máu 1.3. Phân loại thiếu máu 1. 3.1. Phân loại theo nguyên nhân 1. 3.1.1. Thiếu máu do giảm sinh Thiếu máu do thiếu các yếu tố tạo máu Thiếu máu do giảm sản và bất sản tuỷ 1.3.1.2. Thiếu máu do tan máu Tan máu do nguyên nhân bất thường tại hồng cầu, di truyền Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu mắc phải 1. 3.1.3. Thiếu máu do chảy máu 1.3.2. Phân loại theo huyết học 1.3.2.1. Thiếu máu nhược sắc hồng cầu nhỏ 1.3.2.2.Thiếu máu đẳng sắc, hồng cầu bình thường 1.3.2.3. Thiếu máu hồng cầu to 1.4 Chăm sóc sức khoẻ ban đầu: 2. THIẾU MÁU DINH DƯỠNG (THIẾU SẮT) 2.2 Nhắc lại chuyển hoá sắt 2.3. Nguyên nhân thiếu máu do thiếu sắt 2.4. Triệu chứng thiếu máu do thiếu sắt 2. 4.1 Triệu chứng lâm sàng 2. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng 2.5. Chẩn đoán 2. 5.1 Chẩn đoán xác định 2. 5.2 Chẩn đoán phân biệt 2.6. Điều trị 2. 6.1 Điều trị thiếu sắt 2.6.2 Điều trị nguyên nhân gây thiếu sắt 2.7 Phòng bệnh 3. THIẾU MÁU TAN MÁU (HUYẾT TÁN) 3.1. Định nghĩa và dịch tễ học thiếu máu tan máu	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	3.2. Nguyên nhân tan máu 3.2.1 Tan máu do nguyên nhân tại hồng cầu 3.2.2 Tan máu do nguyên nhân ngoài hồng cầu 3.3. Triệu chứng chung của thiếu máu tan máu 3.3.1. Triệu chứng lâm sàng Thiếu máu tan máu cấp Thiếu máu tan máu mãn tính 3.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng 3.4. Điều trị thiếu máu tan máu 3.4.1. Tuyến y tế cơ sở 3.4.2. Tại bệnh viện 3.5. Bệnh Beta Thalassemia 3.5.1 Định nghĩa 3.5.2 Triệu chứng 3.5.3. Chẩn đoán xác định dựa vào các xét nghiệm 3.5.4 Điều trị	
16	**Suy dinh dưỡng thiếu Protein năng lượng** 1 . Định nghĩa 2. Tình hình suy dinh dưỡng trẻ em trên thế giới và Việt nam 3. Nguyên nhân 4. Triệu chứng lâm sàng SDD	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	5. Xét nghiệm 6. Phân loại SDD 7. Điều trị Suy dinh dưỡng: 7.1 Điều trị SDD độ I và II 7.2 Điều trị SDD nặng 8. Phòng bệnh suy dinh dưỡng	
17	**Bệnh thấp tim** 1. Đại cương 1.1. Khái niệm 1.2. Lịch sử nghiên cứu 1.3. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân gây bệnh	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	2.1. Đặc điểm liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm 2.2.Bằng chứng gây bệnh của liên cầu khuẩn β tan huyết nhóm A 3. Giải phẫu bệnh 3.1. Giai đoạn đầu 3.2. Giai đoạn tổn thương hạt và tạo thành huyết khối 3.3. Giai đoạn xơ hóa 4. Sinh lí bệnh 5. Lâm sàng 5.1. Viêm khớp 5.2. Viêm tim 5.3. Múa vờn (chorea de syndeham) 5.4. Hạt thấp Meynet 5.5. Hồng ban vòng 5.6. Các triệu chứng khác ít gặp 6. Cận lâm sàng 6.1. Những dấu hiệu chứng tỏ nhiễm liên cầu 6.2. Các dấu hiệu chứng tỏ tình trạng viêm 6.3. Các dấu hiệu chứng tỏ tổn thương tim 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán phân biệt	
	8. Điều trị 8.1. Chế độ nghỉ ngơi 8.2. Kháng sinh 8.3. Chống viêm 8.4. Điều trị triệu chứng 9. Phòng bệnh 9.1. Phòng thấp tiên phát (phòng thấp cấp I) 9.2. Phòng thấp tái phát (phòng thấp cấp II)	
18	**Hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh** 1. Sự thích nghi của trẻ sơ sinh 2. Đánh giá mức độ suy hô hấp 1.1. Theo chỉ số Apgar	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	1.2. Theo chỉ số Signuta 1.3. Theo chỉ số Silverman 3. Nguyên nhân suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 3.1. Nguyên nhân từ hệ tim mạch 3.2. Nguyên nhân thần kinh 3.3. Nguyên nhân chuyển hoá 3.4. Nguyên nhân tại hệ hô hấp 3.4.1. Đường hô hấp trên 3.4.2. Đường hô hấp dưới * Bẩm sinh * Mắc phải 4. Một số bệnh thường gặp gây suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 4.1. Cơn khó thở thanh quản thoáng qua 4.2. Hội chứng hít 4.3. Tổ chức phổi non 4.4. Xuất huyết phổi 4.5.Viêm phổi sau sinh 4.6. Bệnh màng trong 5. Điều trị hội chứng suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 5.1. Điều trị nguyên nhân 5.2. Điều trị triệu chứng 5.2.1. Thở oxy ~~5.2.2. Chống toan máu~~ 5.2.3. Chống nhiễm khuẩn: 5.2.4. Chống rối loạn thân nhiệt: 5.2.5. Dinh dưỡng	
19	**Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em (IMCI)** 1. Dịch tễ học các bệnh thường gặp ở trẻ em và sự cần thiết của xử trí lồng ghép 2. Tình hình triển khai IMCI 2.1. Trên thế giới 2.2. Trong khu vực 2.3. Tại Việt Nam 3. Tiến trình xử trí lồng ghép	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 4

	4. Xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi 4.1. Kiểm tra dấu hiệu nguy hiểm toàn thân 4.2. Đánh giá và xử trí ho hoặc khó thở 4.3. Đánh giá và xử trí tiêu chảy 4.3.1 Cho tình trạng mất nước 4.3.2. Nếu tiêu chảy 14 ngày hoặc hơn 4.3.3. Có máu trong phân 4.4. Đánh giá và xử trí sốt 4.4.1. Sốt có nguy cơ sốt rét 4.4.2. Sốt không có nguy cơ sốt rét 4.4.3. Phân loại và xử trí sởi 4.4.4. Phân loại và xử trí sốt xuất huyết (nếu có nguy cơ SXH) 4.5. Phân loại và xử trí vấn đề về tai 4.6. Kiểm tra dinh dưỡng và thiếu máu 4.7. Đánh giá về tiêm chủng 4.8. Đánh giá vấn đề khác 5. Điều trị trẻ 6. Chăm sóc trẻ khám lại 7. Tham vấn cho bà mẹ 8. Xử trí trẻ bệnh từ 1 tuần đến 2 tháng	
20	**Hội chứng vàng da ở trẻ sơ sinh** 1. Các giai đoạn chuyển hoá bilirubin trong cơ thể 2. Nguyên nhân vàng da ở trẻ sơ sinh 2.1. Vàng da sinh lý 2.2. Vàng da bệnh lý * Do sản xuất quá nhiều * Do thiếu hoặc rối loạn chức phận Enzym 3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng tăng Bilirubin trực tiếp 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của hội chứng tăng Bilirubin gián tiếp	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	4.1. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ ABO 4.1.1. Cơ chế: 4.1.2. Lâm sàng 4.1.3. Cận lâm sàng 4.2. Vàng da do nguyên nhân bất đồng nhóm máu mẹ con hệ Rh 4.2.1. Cơ chế 4.2.2. Lâm sàng 4.2.3. Xét nghiệm 4.3. Hậu quả của tăng Bilirubin gián tiếp. 5. Điều trị tăng Bilirubin tự do 5.1. Dùng ánh sáng liệu pháp 5.1.1. Cơ chế 5.1.2. Chỉ định 5.1.3. Kỹ thuật 5.1.4. Theo dõi và điều trị tác dụng phụ của chiếu đèn 5.2. Thay máu 5.2.1. Chỉ định 5.2.2. Kỹ thuật 5.2.3. Tai biến của thay máu 5.2.4. Theo dõi và điều trị tăng cường	
21	**Nhiễm khuẩn Sơ sinh** 1. Các phương thức tự bảo vệ của thai nhi và trẻ sơ sinh 1.1. Miễn dịch tế bào 1.2. Đại thực bào và chức năng thực bào 1.3. Hệ thống bổ thể 1.4. Miễn dịch dịch thể 2. Đường xâm nhập của mầm bệnh vào thai và trẻ sơ sinh 2.1. Vào thai nhi 2.2. Vào trẻ sơ sinh 3. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ sơ sinh 3.1. Nhiễm khuẩn da và niêm mạc	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	6.4.1. Điều trị bằng thuốc 6.4.2. Chăm sóc và nuôi dưỡng 6.5. Phòng bệnh	
22	**Sốt và sốt cao co giật ở trẻ em** 1. Định nghĩa, cơ chế bệnh sinh của sốt ở trẻ em 1.1. Định nghĩa 1.2. Cơ chế bệnh sinh của sốt 1.3. Đặc điểm điều hoà thân nhiệt ở trẻ em 1.4. Hậu quả của sốt ở trẻ em 2. Phân loại sốt 2.1. Theo mức độ 2.2. Theo thời gian 2.3. Theo kiểu sốt 2.4. Những vị trí đo nhiệt độ cơ thể 3. Nguyên nhân của sốt 3.1. Sốt cấp tính 3.2. Sốt kéo dài 3.2.1. Nguyên nhân do các bệnh nhiễm trùng * Các bệnh do vi khuẩn * Các bệnh do virus và Rickettsia * Các bệnh ký sinh trùng 3.2.2. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức tân (tổ chức tạo máu) * Các bệnh máu và cơ quan tạo máu * Các khối u khác 3.2.3. Sốt kéo dài do bệnh của tổ chức liên kết 3.2.4. Sốt kéo dài do các nguyên nhân khác 4. Sốt và sốt cao co giật 4.1. Tiếp cận chẩn đoán bệnh nhi co giật 4.2. Chẩn đoán bệnh nhi sốt cao co giật Định nghĩa Lâm sàng	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	4.3. Xử trí bệnh nhi sốt 4.3.1. Hạ thân nhiệt 4.3.2. Bù đủ nước, dinh dưỡng và vitamin 4.3.3. Tìm nguyên nhân 4.3.4. Chẩn đoán và xử trí bệnh nhân sốt cao co giật 4.4. Xử trí bệnh nhi sốt cao co giật 5. Phòng bệnh	
23	**Hôn mê ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	
24	**Ngộ độc cấp ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 4. Sinh lý bệnh 5. Lâm sàng. 6. Cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1. Chẩn đoán xác định 7.2. Chẩn đoán nguyên nhân 7.3. Chẩn đoán phân biệt	Lý thuyết:1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	8. Điều trị 8.1 Nguyên tắc điều trị 8.2. Chế độ ăn, chăm sóc và theo dõi 8.3. Thuốc 9. Tiên lượng 10. Phòng bệnh	
25	**Hen phế quản** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dịch tễ học 4. Bệnh sinh 4.1. Do cơ chế miễn dịch 4.2. Do ức chế thụ thể β - Adrenergic 4.3. Tăng tiết Cholin 4.4. Thiểu năng tuỷ thượng thận 4.5. Do tổn thương niêm mạc phế quản 5. Phân loại hen phế quản 5.1. Phân loại theo nguyên nhân sinh bệnh 5.1.1. Hen phế quản không dị ứng 5.1.2. Hen phế quản dị ứng * Hen phế quản dị ứng không nhiễm khuẩn * Hen phế quản dị ứng nhiễm khuẩn	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	5.2. Phân loại cơn hen theo mức độ 5.2.1. Phân loại cơn hen phế quản cấp theo mức độ 5.2.2. Phân loại cơn hen phế quản mạn theo tính chất tái phát * Cơn hen nhẹ * Cơn hen trung bình * Cơn hen nặng 6. Triệu chứng: 6.1. Triệu chứng cơ năng 6.2. Triệu chứng thực thể	

	6.3 Triệu chứng cận lâm sàng 7. Chẩn đoán 7.1 Chẩn đoán xác định * Triệu chứng lâm sàng * Cận lâm sàng 7.2 Chẩn đoán phân biệt 8. Điều trị 8.1 Điều trị cơn khó thở 8.2. Điều trị khác 9. Phòng tái phát	
26	**Hội chứng xuất huyết** 1. HỘI CHỨNG XUẤT HUYẾT 1.1. Cơ chế đông và cầm máu 1.1.1. Giai đoạn thành mạch 1.1.2. Giai đoạn tiểu cầu thực sự 1.1.3. Đông máu thực sự 1.1.4. Giai đoạn sau đông máu 1.2. Phân loại xuất huyết ở trẻ em 1.2.1. Xuất huyết do tổn thương thành mạch 1.2.2. Xuất huyết do nguyên nhân tiểu cầu 1.2.2.1. Do rối loạn số lượng 1.2.2.2. Do rối loạn chất lượng 1.2.3. Xuất huyết do nguyên nhân huyết tương	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	1.2.3.1. Rối loạn sinh thromboplastin nội sinh 1.2.3.2. Rối loạn sinh thrombin 1.2.3.3. Rối loạn sinh Fibrin 1.2.4. Xuất huyết do nguyên nhân phối hợp 2. MỘT SỐ BỆNH XUẤT HUYẾT HAY GẶP Ở TRẺ EM 2.1. Xuất huyết giảm tiểu cầu 2.1.1. Xuất huyết gảim tiểu cầu tiên phát 2.1.2. Xuất huyết giảm tiểu cầu thứ phát Xuất huyết giảm tiểu cầu do thuốc Xuất huyết giảm tiểu cầu sau nhiễm trùng 2.1. 3. Dịch tễ học	

	2.1.4. Triệu chứng lâm sàng 2.1.5. Xét nghiệm 2.1.6. Điều trị 2.1.7. Phòng bệnh 2.2. Bệnh Hemophilia 2.2.1. Dịch tễ học 2.2.2. Định nghĩa 2.2.3. Nguyên nhân 2.2.4. Triệu chứng lâm sàng 2.2.5. Xét nghiệm 2.2.6. Chẩn đoán 2.2.7. Điều trị 2.2.8. Phòng chảy máu tái phát 2.3. Bệnh Schonlein – Henoch	
27	**Nguyên tắc sử dụng thuốc cho trẻ em** 1. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ em 1.1. Đường uống 1.2. Đường tiêm 1.3. Đường da và niêm mạc 2. Chuyển hoá thuốc trong cơ thể trẻ em 2.1. Sự phân bố thuốc 2.2. Khả năng gắn thuốc với protein huyết tương 2.3. Chuyển hoá thuốc 2.4. Bài tiết thuốc 3. Ảnh hưởng của tuổi đến động dược học 3.1. Tác dụng duy nhất ở trẻ em 3.2. Phản ứng thuốc 3.2.1. Phản ứng do thuốc 3.2.2. Phản ứng tuỳ theo từng giai đoạn tăng trưởng 3.3. Các tác dụng phụ của thuốc 3.3.1. Tăng nhạy cảm với tác dụng phụ 3.3.2. Giảm nhạy cảm với tác dụng phụ 4. Cách tính liều lượng thuốc dùng cho trẻ em 5. Một số vấn đề thực hành khi dùng thuốc cho trẻ em 5.1. Phân loại điều trị ở trẻ em	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	5.2. Lựa chọn thuốc 5.3. Đường dùng 5.4. Những lưu ý khác 5.5. Kê đơn thuốc 5.6. Nguyên tắc dùng kháng sinh trong Nhi khoa 6.Liều lượng một số thuốc hay dùng trong Nhi khoa	
28	**Nhiễm trùng tiết niệu** 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 2.1. Tỉ lệ mắc 2.2 Đường vào 2.3. Yếu tố thuận lợi 2.4. Tác nhân gây bệnh 3. Triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn đường tiết niệu 3.1. Sơ sinh 3.2. Trẻ nhỏ 3.3. Trong viêm đài bể thận cấp 3.4. Trong viêm đài bể thận mạn 3.5. Trong viêm bàng quang chảy máu 4. Cận lâm sàng 4.1.Máu 4.2. Nước tiểu	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán nguyên nhân 6. Điều trị 6.1. Nguyên tắc 6.2. Điều trị cụ thể * NTTN dưới * NTTN trên 7. Phòng bệnh	
29	**Bệnh tim bẩm sinh** 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Thực hành: 2

	1.3. Nguyên nhân: gồm 2 nhóm chính 2. Phân loại 2.1. Nhóm TBS không có luồng thông 2.2. Nhóm TBS có luồng thông trái - phải 2.3. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái: gồm 2 nhóm 2.3.1 Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi giảm 2.3.2. Nhóm TBS có luồng thông phải - trái với tuần hoàn phổi tăng 3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp 3.1 Thông liên thất 3.1.1 Giải phẫu bệnh 3.1.2 Lâm sàng 3.1.3 Cận lâm sàng 3.1.4 Diễn biến - biến chứng 3.1.5 Điều trị 3.2 Còn ống động mạch 3.2.1. Giải phẫu bệnh 3.2.2. Lâm sàng 3.2.3. Cận lâm sàng 3.2.4. Diễn biến - biến chứng 3.2.5 Điều trị	
	3.3 Thông liên nhĩ 3.3.1. Giải phẫu bệnh 3.3.2. Lâm sàng (TLN lỗ thứ phát) 3.3.3. Cận lâm sàng 3.1.4. Diễn biến - biến chứng 3.1.5. Điều trị 3.4. Tứ chứng Fallot 3.4.1. Giải phẫu bệnh 3.4.2. Lâm sàng 3.4.3. Cận lâm sàng 3.4.4 Diễn biến - biến chứng 3.4.5 Điều trị 4. Phòng bệnh	

	4.1. Phòng không mắc bệnh TBS 4.2. Phòng biến chứng của TBS	
30	**Suy tim ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1 Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 2. Sinh lý bệnh 2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến cung lượng tim 2.2. Cơ chế bù trừ trong suy tim 2.3. Hậu quả của suy tim 3. Nguyên nhân suy tim 3.1. Do tăng gánh thể tích (tăng tiền gánh) 3.2. Do tăng gánh áp lực (tăng hậu gánh) 3.3. Tại cơ tim 3.4. Do rối loạn nhịp tim 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1 Suy tim trái 4.2. Suy tim phải 4.3. Suy tim toàn bộ 5. Đánh giá mức độ suy tim theo hiệp hội tim mạch Newyork (NYHA) 6. Điều trị 6.1. Những biện pháp điều trị chung	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	6.1.1. Những biện pháp không dùng thuốc 6.1.2. Các thuốc điều trị trong suy tim 7.Phòng bệnh	
31	**Chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu:** 1. Đại cương 2. Tinh thần và nội dung cơ bản của CSSKBĐ 2.1. Định nghĩa sức khỏe của WHO 2.2. Khái niệm về CSSKBĐ 2.3. Nội dung của CSSKBĐ 3. Bối cảnh của chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4. Chiến lược CSSKBĐ cho trẻ em 4.1. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng 4.2. Bù nước nằng đường uống	Tự học: 4

	4.3. Bảo đảm cho trẻ được bú sữa mẹ 4.4. Tiêm chủng 4.5. Kế hoạch hóa gia đình 4.6 Cung cấp đầy đủ thực phẩm cho các bà mẹ và trẻ em 4.7. Giáo dục sức khỏe cho các bà mẹ 5. Tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em nước ta 5.1. Một số tiêu chí sức khỏe và xã hội của nước ta 5.2. Tình hình bệnh tật 6. Mục tiêu sức khỏe trẻ em từ 2010 đến 2020	
32	**Bệnh thiếu vitamin A** 1. Dịch tễ học bệnh thiếu Vitamin A 2 . Nguồn gốc, vai trò, chuyển hoá của Vitamin A. 2.1 Nguồn gốc 2.2. Chuyển hóa của Vitamin A trong cơ thể 2.3. Vai trò của Vitamin A với cơ thể 3. Nguyên nhân thiếu vitamin A ở trẻ em Việt Nam 3.1. Do chế độ ăn thiếu Vitamin A 3.2 Do bệnh tật. 4. Triệu chứng lâm sàng bệnh do thiếu Vitamin A 4.1. Thời kỳ đầu(thời kỳ tiền lâm sàng) 4.2. Thời kỳ toàn phát (thời kỳ lâm sàng)	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2
	5. Xét nghiệm 6. Chẩn đoán : 6.1.Chẩn đoán sớm 6.2. Chẩn đoán muộn 7. Điều trị bệnh thiếu Vitamin A 7.1. Chỉ định cho những trẻ 7 .2 . Liều lượng và cách sử dụng 8. Phòng chống bệnh thiếu vitamin A 8.1 . Truyền thông giáo dục sức khoẻ 8.2 . Uống vitamin A phòng bệnh	
33	**Bệnh thiếu vitamin B1** 1. Đại cương 2. Nguồn gốc,vai trò và chuyển hoá của vitamin B_1	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	2.1. Nguồn gốc Vitamine B_1 2.2 Vai trò của Vitamin B_1 2.3. Nhu cầu và chuyển hoá Vitamin B_1 3. Nguyên nhân gây thiếu Vitamin B_1 4. Triệu chứng lâm sàng 4.1. Thể tim mạch 4.2. Thể thần kinh 4.3. Thể mãn tính 4.4. Thể tiềm tàng 5. Chẩn đoán 6 . Điều trị 6.1 Chế độ ăn 6.2. Thuốc Vitamin B_1 7. Phòng bệnh thiếu Vitamin B_1	
34	**Bướu cổ đơn thuần ở trẻ em** 1. Dịch tễ học 2. Bệnh nguyên 2.1. Yếu tố ngoại sinh 2.2. Yếu tố nội sinh 3. Bệnh sinh 4. Phân loại bướu cổ 4.1. Phân loại theo mức độ 4.2. Theo giải phẫu lâm sàng	Tự học: 2
	5. Triệu chứng 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Triệu chứng cận lâm sàng 6. Tiến triển và biến chứng 7. Chuẩn đoán bướu cổ đơn thuần. 7.1. Ở tuyến y tế cơ sở 7.2. Ở cơ sở y tế tuyến trên 7.3. Chuẩn đoán phân biệt 8. Điều trị và phòng bệnh 8.1. Điều trị nội khoa 8.2. Điều trị ngoại khoa 9. Phòng bệnh	
35	**Suy giáp trạng bẩm sinh**	Lý thuyết: 1

	1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Dịch tễ học 1.3. Quá trình tổng hợp hormon giáp trạng chứa Iốt. 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2.1. Nguyên nhân 2.1.1. Suy giáp trạng tiên phát 2.1.2. Suy giáp trạng thứ phát 2.1.3. Một số nguyên nhân khác 2.2.Cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng SGT bẩm sinh 3.1 Suy giáp trạng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ 3.2. Suy giáp trạng ở trẻ lớn 3.2.1. Chậm phát triển thể chất 3.2.2. Chậm phát triển tinh thần vận động 3.2.3. Rối loạn phát triển hình thái 3.2.4. Thâm nhiễm da, niêm mạc, rối loạn lông tóc, móng. 3.2.5. Triệu chứng hệ cơ 3.2.6. Các rối loạn khác 4. Cận lâm sàng 4.1 Các xét nghiệm đặc hiệu	Thực hành: 3 Tự học: 2
	4.2 Xét nghiệm không đặc hiệu 5. Chẩn đoán 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2 Chẩn đoán nguyên nhân 5.3 Chẩn đoán phân biệt với 6. Điều trị suy giáp trạng bẩm sinh 7. Tiên lượng 8. Phòng bệnh	
36	**Táo bón ở trẻ em** 1. Đại cương 2. Sinh lý của quá trình thải phân 3. Nguyên nhân 3.1. Nguyên nhân nội khoa	Tự học: 2

	3.2. Nguyên nhân ngoại khoa 4 .Bệnh cảnh lâm sàng 4.1. Hỏi bệnh 4.2. Thăm khám 4.3. Bệnh biểu hiện ngay trong thời kỳ sơ sinh 4.4. Bệnh biểu hiện trên trẻ lớn 5. Cận lâm sàng 5.1. XQ giúp chẩn đoán 5.2. Đo áp suất trực tràng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 7.1. Theo nguyên nhân nội khoa 7.1.1. Điều trị tại cộng đồng 7.1.2. Tại cơ sở Y tế 7.2. Nguyên nhân ngoại khoa 8. Phòng bệnh	
37	**Hội chứng nôn trớ** 1. Đại cương và dịch tễ học 1.1. Dịch tễ học 1.2. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Theo tuổi 2.2. Theo thời gian kéo dài	Tự học: 2
	3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Nôn do phì đại cơ gây hẹp môn vị 3.2. Nôn do luồng trào ngược dạ dày - thực quản 4. Điều trị 4.1 Một số thuốc chống nôn thường dùng 4.2. Tại cộng đồng 4.3. Tại cơ sở y tế	
38	**Đau bụng ở trẻ em** 1. Đại cương 1.1. Dịch tễ học 1.2. Định nghĩa 1.3. Cơ chế đau bụng 2. Nguyên nhân	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	2.1. Theo vị trí đau 2.2. Đau bụng cấp hay tái diễn 2.3. Đau bụng do bệnh ngoại khoa hay nội khoa 3. Lâm sàng 3.1. Đánh giá một trẻ đau bụng 3.2. Khám thực thể 4. Cận lâm sàng 5. Điều trị 5.1. Tại cộng đồng 5.2. Tại bệnh viện 6. Phòng bệnh	
39	**Hội chứng biếng ăn ở trẻ em** 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân biếng ăn 2.1. Nguyên nhân rõ rệt 2.1.1. Mọc răng 2.1.2. Các bệnh nội khoa 2.1.3. Các bệnh nhiễm khuẩn 2.1.4. Nguyên nhân ăn uống 2.2. Nguyên nhân tâm thần 3. Điều trị 3.1.Điều trị tại nhà trong những trường hợp 3.2.Điều trị tại cơ sở y tế trong những trường hợp sau 4. Phòng bệnh	Tự học: 2
40	**Chỉ định và tai biến tiêm chủng:** 1. Đại cương 2. Các vaccine tiêm chủng mở rộng 2.1 Vaccine BCG 2.2. Vaccine viêm gan B liều sơ sinh 2.3. Vaccine Quinvaxem 2.4. Vaccine phòng bại liệt (OPV) 2.5. Vaccine phòng sởi (Measles Vaccine) 2.6. Vaccine viêm não Nhật Bản (Japanese B Encephalitis vaccine) 2.7. Vaccine tiêm nhắc bệnh bạch hầu – ho gà –	Lý thuyết: 1 Thực hành: 3 Tự học: 2

	uốn ván (DPT vaccine) 2.8. Vaccine phòng tả (Cholera vaccine) 2.9. Vaccine thương hàn (Typhoid vaccine) 2.10. Vaccine uốn ván (Tetanus vaccine) 3. Những lưu ý khi tiwwm chủng 4. Chống chỉ định tiêm chủng 5. Tai biến tiêm chủng 6. Lịch tiêm chủng mở rộng	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- **Lý thuyết:** Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp
- **Thực hành:** Giảng bên giường bệnh, trình ca lâm sàng, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu của học phần
- Thực hành: Sinh viên thăm khám bệnh, tham gia trao đổi, thảo luận và trình bệnh án lâm sàng
- Tự học: Sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thảo luận nhóm, minh họa qua tranh ảnh. Sinh viên có thể tự học theo nhóm/tổ tại trường, bệnh viện

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy:

1. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), Bài giảng Nhi khoa tập 1, NXB Y học
2. Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2013), Bài giảng Nhi khoa tập 2, NXB Y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa", tập 1, Nhà xuất bản Y học
2. Bộ môn Nhi, Đại học Y Hà Nội (2009), "Bài giảng Nhi khoa",tập 2, Nhà xuất bản Y học.
3. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2013). Phác đồ điều trị Nhi khoa. NXB Y học.
4. Bệnh viện Nhi đồng 2 (2013), Phác đồ điều trị Nhi khoa, NXB Y học

5. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý huyết học". Nhà xuất bản Y học
6. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hồi sức tích cực". Nhà xuất bản Y học
7. Bộ Y tế (2015), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Hồng Đức|
8. Dự án nhân rộng mô hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em (2015), "Giáo trình Nhi khoa lý thuyết - Kỹ năng".
9. Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà (2015), "Sách giáo khoa Nhi khoa - Textbook of Pediatrics", Nhà xuất bản Y học Hà Nội
10. Nguyễn Công Khanh (2009), "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học
11. Trần Đình Long (2003), "Bệnh lý học sơ sinh". Nhà xuất bản y học.
12. Nguyễn Ngọc Sáng (2015), "Hướng dẫn lâm sàng Nhi khoa tập 1". Nhà xuất bản Y học
13. Nguyễn Ngọc Sáng (2012), "Nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em". Nhà xuất bản Y học.
14. Waldo E. Nelson, Robert M. Kliegman (2015), *Nelson Textbook of Pediatrics* 20th ed, *Saunders W.B*, Elsevier Science Health Science Division.
15. Yap HK (2012), Pediatric Nephrology

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu: Thăm hỏi tình hình học tập của sinh viên khi học các môn học trước.

7.2. Đánh giá trong quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành tại bệnh viện (đi học đầy đủ, đi trực đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận..)
- Thái độ học tập, tham gia các hoạt động thảo luận nhóm khi học tập tại bộ môn.
- Đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình sẽ là điều kiện thi kết thúc học phần.

7.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi lâm sàng: làm bệnh án + Thi vấn đáp
- Thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy tính (Test), Thi tự luận
- Áp dụng thang điểm 10

- Thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy tính (Test), Thi tự luận
- Áp dụng thang điểm 10
- Công thức điểm: LS; LT

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

8.1.Lý thuyết

- Phòng học rộng rãi, đủ bàn ghế, phấn bảng, máy chiếu, loa, micro,…

8,2 Thực hành

- Sinh viên học lâm sàng tại khoa phòng của Bệnh viện
- Bình bệnh án tại giảng đường.

HIỆU TRƯỞNG	**Trưởng bộ môn Nhi**
	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bộ môn Nội	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hải Phòng, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NỘI BỆNH LÝ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 30 Thực hành: 45
Số giờ tự học (tiết): 150
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học dự phòng
Học phần tiên quyết: Nội cơ sở
Học phần trước: Giải phẫu bệnh, dược lý.
Học phần song hành: không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. TS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ~~ThS Vũ Thị Thu Trang~~
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. ThS Đỗ Thị Thanh Loan
12. ThS Đoàn Thị Út
13. BSNT Đỗ Quang Tùng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng hỏi bệnh, khám bệnh; phát hiện các triệu chứng, hội chứng lâm sàng chính để chẩn đoán sơ bộ, chẩn đoán phân biệt; đề xuất và phân tích xét nghiệm để chẩn đoán xác định. Xử trí bước đầu các bệnh nội khoa thường gặp, phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu thông thường. Phân loại bệnh nhân, tư vấn giáo dục sức khỏe và sử dụng thuốc hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Mô tả được triệu chứng điển hình, cách chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh nội khoa thường gặp.
- Phát hiện và xử trí kịp thời các trường hợp cấp cứu nội khoa thường gặp.
- Phân loại và ra quyết định chuyển bệnh nhân đúng những trường hợp nặng vượt quá khả năng của tuyến cơ sở.
- Trình bày đúng các biện pháp tư vấn, phòng bệnh và quản lý sức khỏe tại cộng đồng.
- Sử dụng thuốc hợp lý trong điều trị bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Tăng huyết áp	2	3	10
2.	Hẹp hở van 2 lá	1	2	6
3.	Điều trị suy tim	1	2	6
4.	Hen phế quản	2	3	10
5.	Viêm phế quản cấp, mạn	1	2	6
6.	Chẩn đoán và điều trị nội khoa loét dạ dày tá tràng	2	3	10
7.	Chẩn đoán và xử trí xuất huyết tiêu hóa cao	1	2	6
8.	Viêm khớp dạng thấp	2	3	10
9.	Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân	1	2	6
10.	Đái tháo đường	2	2	8
11.	Basedow	2	3	10
12.	Tâm phế mạn	1	2	6
13.	Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn	2	3	10
14.	Xơ gan	2	3	10
15.	Áp xe gan do amip	1	2	6
16.	Điện giật	1	1	4
17.	Ngạt nước	1	1	4
18.	Rắn cắn	1	1	4
19.	Nguyên tắc xử trí ngộ độc cấp	1	1	4
20.	Một số ngộ độc cấp thường gặp (phospho hữu cơ, Bacbituric, thuốc chuột,…)	1	1	4
21.	COPD	2	3	10

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1 Phương pháp dạy

- Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,...

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,...

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bệnh học nội khoa tập 1– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bệnh học nội khoa tập 2– Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2011.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bệnh học nội khoa tập 1- Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Bệnh học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 1 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2012.
- Điều trị học nội khoa tập 2 - Các bộ môn Nội, đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội bệnh học.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội bệnh học.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.
- Thực hành:
  + Mô hình.
  + Máy đo huyết áp.
  + Thước dây.
  + Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bộ môn Nội	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hải Phòng, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NỘI CƠ SỞ

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
Phân bố thời gian (tiết): 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90
Số giờ tự học (tiết): 240
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Y học dự phòng
Học phần tiên quyết: không
Học phần trước: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh
Học phần song hành: không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội
Giảng viên:

1. PGS Phạm Văn Nhiên
2. PGS Nguyễn Thị Dung
3. PGS Đỗ Thị Tính
4. BSCKII. Ngô Văn Điển
5. TS Vũ Mạnh Tân
6. ThS Lê Thị Diệu Hiền
7. ThS Kê Thị Lan Anh
8. ~~ThS Vũ Thị Thu Trang~~
9. ThS Nguyễn Ngọc Ánh
10. ThS Trịnh Hồng Nhung
11. ThS Đỗ Thị Thanh Loan
12. ThS Đoàn Thị Út
13. BSNT Đỗ Quang Tùng
14. BSNT Phạm Chính Nghĩa
15. BSNT Bùi Hồng Nhung
16. BS Đào Trọng Dương
17. BS Bùi Đức Hiển
18. BS Trần Văn Dũng
19. BS Lưu Mạnh Cường

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh nội khoa, các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Kỹ năng về khai thác bệnh sử, tiền sử, kỹ thuật khám toàn thân và các hệ cơ quan; phát hiện các triệu

chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính của bệnh; phát hiện các nguyên nhân chính của các hội chứng, triệu chứng trên lâm sàng, để chẩn đoán sơ bộ nguyên nhân các bệnh nội khoa và các hội chứng thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Mô tả được nội dung cần hỏi về bệnh sử, tiền sử của bệnh nhân.
- Khám đúng kỹ thuật, thành thạo và phát hiện được các triệu chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Mô tả được các triệu chứng, hội chứng thường gặp trong lâm sàng.
- Nêu được các nguyên nhân chính của triệu chứng và hội chứng thường gặp.
- Đánh giá và vận dụng được các kết quả xét nghiệm trong lâm sàng.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1.	Tiếp cận bệnh nhân và làm bệnh án	2	6	16
2.	Khám bộ máy tuần hoàn	2	9	24
3.	Hội chứng suy tim	1	3	8
4.	Khám bệnh nhân thiếu máu	1	3	8
5.	Khám và chẩn đoán xuất huyết	1	6	16
6.	Khám bộ máy hô hấp	2	6	16
7.	Hội chứng tràn dịch màng phổi	1	6	16
8.	Hội chứng tràn khí màng phổi	1	3	8
9.	Khám bộ máy tiêu hóa	2	6	16
10.	Khám và chẩn đoán gan to	1	3	8
11.	Khám bệnh nhân đau bụng	1	3	8
12.	Khám và chẩn đoán phù	1	6	16
13.	Khám bệnh nhân khó thở	1	6	16
14.	Khám và chẩn đoán hạch to	1	3	8
15.	Khám và chẩn đoán lách to	1	3	8
16.	Khám và chẩn đoán sốt	1	3	8
17.	Khám bệnh nhân đái tháo đường	1	3	8
18.	Khám hệ tiết niệu	2	9	24
19.	Khám và chẩn đoán đái máu	1	3	8
20.	Khám bệnh nhân đau lưng	1	3	8
21.	Khám bênh nhân đau ngực	1	3	8
22.	Khám hệ vận động	2	9	24
23.	Khám hệ thần kinh	2	9	24

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Thực tập tại phòng bệnh, giảng đầu giường, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu từng ca, đóng vai, báo cáo giao ban, đi buồng, bảng kiểm,...

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám bệnh, thảo luận và trình ca lâm sàng, đóng vai, bảng kiểm,...
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên, thuyết trình, thảo luận, tự học trên bệnh nhân, tự học kỹ năng,...

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Triệu chứng học nội khoa – Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, nhà xuất bản Y học năm 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

- Nội khoa cơ sở tập 1 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Nội khoa cơ sở tập 2 - Các bộ môn Nội, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y học năm 2011.
- Bài giảng kỹ năng giao tiếp cho sinh viên y khoa, nhà xuất bản Y học năm 2014.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành lâm sàng

- Thăm hỏi sinh viên bằng các câu hỏi liên quan môn học
- Chuyên cần: sinh viên đi thực hành bệnh viện đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận,...
- Kiểm tra thường xuyên: 8 bệnh án lâm sàng, đạt chỉ tiêu lâm sàng
- Kiểm tra thực hành:
- Thi kết thúc học phần: làm bệnh án, thực hiện kỹ thuật trên người bệnh, vấn đáp.
- Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu phải học lại lâm sàng đầy đủ trong vòng 2 tuần trước khi thi lại lần 2.

Thi lý thuyết

- Đánh giá ban đầu.

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Nội cơ sở.

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Nội cơ sở.

- Kiểm tra – đánh giá quá trình: sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại các khoa, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng
- Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.
- Hình thức thi: tự luận
- Thời lượng thi: 120 phút
- Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.
- Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.
- Đánh giá ban đầu và ĐG trong quá trình được dung làm ĐK thi kết thúc học phần

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:
  + Giảng đường.
  + Máy chiếu.
  + Bảng.
  + Loa đài, micro.
- Thực hành:
  + Mô hình.
  + Máy đo huyết áp.
  + Thước dây.
  + Tranh minh hoạ.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS.TS. Phạm Văn Nhiên

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BM PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỌC PHẦN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1.THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 1 Thực hành: 2

Phân bố thời gian: 105 Lý thuyết: 15 Thực hành: 90

Số giờ tự học: 30 giờ

Đối tượng sinh viên: Y4 Y học dự phòng

* Học phần tiên quyết: sinh viên phải tích lũy được tín chỉ của các học phần sau:

- Các môn học chung: NLCB 1; NLCB 2; TT HCM; Đường lối cách mạng; ngoại ngữ 1-2-3; tin học đại cương; GDTC 1-2-3; GDQP
- Các môn cơ sở khối ngành: dân số học; truyền thông giáo dục sức khỏe; sinh học; di truyền; lý sinh; hóa học 1-2; tin học ứng dụng; toán XSTK; tâm lí y học- đạo đức y học.
- Các môn cơ sở ngành: Giải phẫu 1-2; mô phôi; sinh lí 1-2; hóa sinh 1-2; vi sinh; kí sinh trùng; giải phẫu bệnh; sinh lí miễn dịch; dược lí; dinh dưỡng và VS AT TP; SK MT- SK NN; dịch tễ học; điều dưỡng cơ bản; chẩn đoán hình ảnh; thực tập cộng đồng 1
- Các môn chuyên ngành: nội cơ sở; ngoại cơ sở; nội bệnh lí 1-2; ngoại bệnh lí 1-2; phụ sản 1-2; truyền nhiễm; nhi khoa 1-2.
- Các môn bổ trợ: pháp luật & CSYT; dị ứng; hóa sinh lâm sàng; y pháp; PTTH; y học quân sự; y học biển.

* Học phần học trước: thần kinh

* Học phần song hành: y học cổ truyền; lao & bệnh phổi; răng hàm mặt; tai mũi họng; mắt; da liễu; thần kinh; tâm thần; ung thư; CT Y tế quốc gia; Y học gia đình; Tổ chức & QLYT

Bộ môn phụ trách giảng dạy: bô môn Phục hồi chức năng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

- Phục hồi chức năng là một môn học lâm sàng,thuộc lĩnh vực y học phục hồi_ là 1 trong 3 lĩnh vực thuộc hệ thống y tế hiện nay (Y học dự phòng, y học điều trị và y học phục hồi).
- Sau khi nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về các biện pháp phòng bệnh, phác đồ điều trị một số bệnh thuộc 4 chuyên ngành lớn như Nội, Ngoại, Sản, Nhi và một số chuyên khoa chuyên ngành khác, thì phục hồi chức năng sẽ giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về vấn đề phục hồi lại sức khỏe, đưa người bệnh, người khuyết tật hội nhập, tái hội nhập xã hội, cộng đồng như thế nào? Đồng nghĩa với việc cho thấy rằng nhiệm vụ của y tế không chỉ

dừng lại ở việc chữa khỏi bệnh mà còn có giá trị nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Vì vậy, phục hồi chức năng có mối quan hệ mật thiết không chỉ với các chuyên khoa chuyên ngành trong y tế mà còn với các tổ chức, ban ngành trong xã hội, địa phương.

- Sinh viên học tập tại bộ môn, ngoài học những kiến thức về lí thuyết, lâm sàng trong quá trình điều trị bệnh, phục hồi bệnh, còn được trải nghiệm những vấn đề về khuyết tật nói chung.
- Sinh viên đa khoa học 2 tín chỉ: 1 lí thuyết, 1 thực hành về phục hồi chức năng. Các bài giảng lí thuyết theo nội dung dưới đây và sinh viên phải tự học thêm 30 giờ với những phần bài tập, phần nội dung do giảng viên bộ môn chuẩn bị. Thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp sẽ giúp sinh viên trang bị những kiến thức hữu ích về chuyên ngành này.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

3.1. Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức đại cương về PHCN- VLTL: khái niệm, vai trò, các kĩ thuật và hình thức PHCN; các phương thức VLTL thường dùng; phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF)….
- Nắm vững được nguyên tắc điều trị, phục hồi chức năng một số bệnh, tật, di chứng thường gặp.

3.2. Kĩ năng:

- Thăm khám lượng giá được chức năng người khuyết tật và một số bệnh lý thường gặp trong khoa Phục hồi chức năng.
- Điều trị được một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

3.3. Thái độ:

- Hình thành được đức tính cẩn thận, tỉ mỉ trong thăm khám người bệnh.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

STT	Chủ đề	Số tiết/ Số giờ		
		LT	TH	Tự học
Phần 1. Đại cương Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng				
1.	Đại cương về phân loại chức năng, khuyết tật và sức khỏe- ICF	1	4	2
2.	Đại cương phục hồi chức năng. Các thương tật thứ phát thường gặp, cách phòng ngừa.	1	4	2
3.	Vận động trị liệu	1	10	2
4.	Các phương thức vật lí trị liệu thường dùng. - Nhiệt trị liệu - Điện trị liệu - Ánh sáng trị liệu	2	16	4

	- Tác nhân cơ học - Thủy trị liệu - Siêu âm			
5.	Lượng giá chức năng, thăm khám người khuyết tật. Thử cơ bằng tay. Đo tầm vận động khớp.	1	12	2
Phần 2. Phục hồi chức năng bệnh học				
6.	PHCN bệnh nhân tổn thương thần kinh trung ương. - PHCN BN liệt ½ người do TBMN - PHCN BN TT tủy sống	2	6	2 2
7.	PHCN bệnh nhân tổn thương thần kinh ngoại biên - HC thắt lưng hông - HC cổ vai cánh tay	2	10	2
8.	PHCN phần mềm quanh khớp - Viêm quanh khớp vai - Một số viêm gân thường gặp	1	8	 2 2
9.	PHCN BN gãy xương	1	4	2
10.	Sự phát triển bình thường của trẻ từ 0-15 tuổi. Một số khuyết tật thường gặp	1	4	4
11.	PHCN trẻ chậm phát triển trí tuệ PHCN trẻ bại não	2	12	2
Tổng		15 tiết	90 giờ	30 giờ

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC:

5.1: Phương pháp dạy:

**** Lý thuyết:***

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Phương pháp suy nghĩ- từng cặp- chia sẻ.
- Phương pháp động não.
- Dạy học dựa trên vấn đề.
- Câu hỏi lượng giá cuối mỗi bài học.

**** Thực hành:***

- Phân nhóm sinh theo giảng viên/ bác sĩ.
- Cơ sở thực tập: Khoa Phục hồi chức năng BV ĐH Y Hải Phòng và/ hoặc BV Việt Tiệp.
- Phương pháp dạy:

+ Giao ban
+ Bình bệnh án

+ Phương pháp đóng vai.
+ Phương pháp học dựa trên vấn đề
+ C

Bài giảng	Số giờ	Ghi chú
Bắt buộc		
1. Kiến tập trang thiết bị VLTL	**4**	
2. Thăm khám- lượng giá bệnh nhân	**20**	
3. PHCN bệnh nhân có HC thắt lưng hông	**6**	Giải phẫu chức năng, cơ chế bệnh sinh, thăm khám- lượng giá- điều trị (dùng thuốc, không dùng thuốc, tư vấn phòng bệnh)
4. PHCN bệnh nhân có HC cổ vai cánh tay	**6**	
5. PHCN bệnh nhân liệt do TBMN	**6**	
6. PHCN bệnh nhân gãy xương	**4**	
7. PHCN bệnh viêm- thoái hóa khớp	**6**	
8. PHCN tổn thương phần mềm quanh khớp	**6**	
9. PHCN bệnh nhân bại não	**6**	
10. PHCN bệnh nhân KT trí tuệ	**6**	
11. Giao ban	1 giờ/ 1 buổi x 4 buổi/ 1 tuần x 3,5 tuần= **14 giờ**	
12. Bình bệnh án	2 giờ/1 buổi/ 1 tuần x 3 tuần= **6 giờ**	
Tổng	**90 giờ**	
Không bắt buộc		
1. Loãng xương		
2. Vẹo cột sống		
3. CT tủy sống		
4. Gout		

ase studies.
+ Phương pháp hoạt động nhóm.
- Nội dung học thực hành:

5.2: Phương pháp học và tự học:

- ***Lý thuyết***: sinh viên lên lớp nghe giảng, trước mỗi bài học giảng viên sẽ dành 1 khoảng thời gian để sinh viên đọc trước tài liệu về vấn đề học (khuyến khích đọc trước tài liệu tại nhà). Tham gia trao đổi với người khác (GV-SV) về vấn đề đó.

- ***Thực hành:***

+ Nắm vững chương trình học thực hành.
+ Lên kế hoạch cho từng bài bao gồm: đọc tài liệu, tự ghi chép từng phần hỏi bệnh, khám bệnh, nguyên tắc điều trị.
+ Quan sát quá trình thăm khám- chẩn đoán và điều trị của Giảng viên/ Bác sĩ về mặt bệnh đã đọc trước.

+ Nêu câu hỏi với giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn nếu có vấn đề thắc mắc (Nên tự chủ động tìm câu trả lời trước khi đặt câu hỏi với giảng viên/ bác sĩ. Khi chưa chắc chắn về phần đáp án mình tìm được, có thể trao đổi với giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn)

+ Khi đã nắm vững về 1 mặt bệnh, chủ động đề nghị được thăm khám lâm sàng dưới sự giám sát của giảng viên/ bác sĩ hướng dẫn.

- Tự học: PHCN gồm 2 phần: đại cương và PHCN bệnh. Phần đại cương sinh viên tự học theo nội dung câu hỏi của bộ môn. Phần PHCN bệnh, sinh viên học theo hình thức thảo luận nhóm, thuyết trình theo case studies hoặc giải quyết vấn đề dựa vào nội dung GV yêu cầu…

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC:

6.1. Tài liệu giảng dạy:

Tài liệu Phục hồi chức năng phát tay, Bộ môn Phục hồi chức năng- Trường Đại học Y Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo:

(1) Trần Trọng Hải, Trần Quý Tường, Cao Minh Châu và cộng sự (2010), *Bộ tài liệu Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học.

(2) Lê Quang Khanh, Hoàng Ngọc Chương (2010), *Giải phẫu chức năng hệ vận động và hệ thần kinh*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

(3) Nguyễn Thị Ngọc Lan (2011), *Bệnh học cơ xương khớp nội khoa*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

(4) Nguyễn Xuân Nghiên, Cao Minh Châu, Trần Văn Chương và cs (2010), *Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng sách chuyên khảo dùng cho cán bộ ngành Phục hồi chức năng,* Nhà xuất bản Y học- Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

7.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Phục hồi chức năng.
- Yêu cầu: sinh viên nhớ- hiểu kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học môn Phục hồi chức năng.

7.2. Đánh giá quá trình:

- Chuyên cần: tham gia học đầy đủ trên lớp lý thuyết và thực hành tại bệnh viện.
- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu, tích cực trong hoạt động thảo luận nhóm và trên lớp.

7.3. Đánh giá hết môn: Hình thức thi:

- Thi thực hành: thi vấn đáp hoặc tình huống lâm sàng.
- Thi lý thuyết: thi viết
- **Điểm môn học = (Điểm lâm sàng + điểm lý thuyết) /2**

Trọng số (%) các điểm: đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình được sử dụng làm điều kiện thi kết thúc học phần.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

Học phần thực hành: Thực hành tại Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng và Khoa Phục hồi chức năng- Bệnh viện Việt Tiệp.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	P. TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BM
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Ths. Vũ Văn Túy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần:
Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
Phân bố thời gian: Lý thuyết: 30 Thực hành: 60
Số giờ tự học: 90
Đối tượng sinh viên: Y học dự phòng
Học phần tiên quyết: Không
Học phần học trước: Không
Học phần song hành: Không
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nghiên cứu khoa học là quá trình tìm kiếm và phát hiện những vấn đề mà các nhà khoa học hoặc các nhà quản lý, hoạch định chính sách chưa biết hoặc chưa rõ ràng. Nghiên cứu khoa học là việc thu thập, phân tích và lí giải số liệu để giải quyết một vấn đề hay trả lời một câu hỏi (Theo Varkevisser và cộng sự, 1991). Nói cách khác, nghiên cứu khoa học phải bao gồm các bước thu thập số liệu, phân tích số liệu để có thông tin và và trình bày các thông tin này trong phần kết quả và phần bàn luận, lí giải các thông tin đó để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu hay đề xuất các biện pháp giải quyết vấn đề.

Học phần này giúp cho sinh viên chuyên khoa y học dự phòng nắm được những thiết kế cơ bản trong nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng bao gồm cả các phương pháp định tính, định lương, nghiên cứu kết hợp. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết cho một nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng từ thiết kế, chọn mẫu, thu thập, phân tích, trình bày kết quả và các vấn đề liên quan đến tuân thủ đạo đức nghiên cứu, dự trù quản lý các nguồn lực phục vụ nghiên cứu.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu trong y học và các bước tiến hành xây dựng một đề cương NCKH

Phân tích vấn đề nghiên cứu và lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên

Xây dựng được mục tiêu nghiên cứu và Biến số nghiờn cứu

Lựa chọn thiết kế nghiên cứu, xác định cỡ mẫu và cách chọn mẫu, lựa chọn các kỹ thuật thu thập thông tin.

Lập kế hoạch xử lý và phõn tích số liệu

Lập kế hoạch nghiên cưu về nhân lực, thời gian và kinh phí

Viết đề cương NCKH theo qui định

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ tự học	GV phụ trách
1	Tổng quan về NCSKCĐ và vai trò của các môn học - Các bước xây dựng đề cương nghiên cứu	3	1	4	PGS. TS Khuê
2	Phân tích vấn đề và lựa chọn vấn đề NC ưu tiên	2	4	4	ThS. Bình

3	Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu	2	4	2	PGS. TS Khuê
4	Xây dựng mục tiêu và biến số nghiên cứu	2	4	2	PGS. TS Hương
5	Lựa chọn thiết kế nghiên cứu	1	5	4	ThS. Bình
6	Phương pháp nghiên cứu định tính/(nhân học)	3	3	2	BSCKII. Dụng
7	Xác định cỡ mẫu và quy trình chọn mẫu cho từng loại NC	2	3	4	ThS. Bình
8	Phương pháp đánh giá nhanh và huy động sự tham gia cộng đồng	2	3	4	ThS. Tân
9	Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	2	4	4	ThS. Bình
10	Quản lý chất lượng số liệu	1	2	4	ThS. Ngọc
11	Lập kế hoạch trình bày kết quả nghiên cứu	2	4	4	ThS. Hải
12	Lập kế hoạch NC về nhân lực, thời gian và kinh phí	1	3	4	ThS. Thắm
13	Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu	2	2	4	ThS. Hà
14	Cách viết và trình bày đề cương NC	2	3	4	ThS. Bình
15	Thu thập thông tin bổ xung từ internet	3	5	4	PGS. TS Khuê
16	Bổ sung kỹ năng phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu	0	10	4	ThS. Hải
	Tổng	**30**	**60**	**90**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

Thực hành:

+ Sinh viên lựa chọn vấn đề nghiên cứu theo nhóm dựa trên đề tài luận văn hay chủ đề quan tâm trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Vận dụng những kiến thức đó học để thực hành thiết kế một đề cương nghiên cứu cụ thể. Thảo luận nhóm và trình bày theo là chủ yếu dưới sự hướng dẫn của giảng viên

+ Kết quả cuối cùng của đợt học là đề cương nghiên cứu có liên quan đến luận văn tốt nghiệp

5.2. Phương pháp học, tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.

Khi thực tập: Thảo luận nhóm và trình bày theo là chủ yếu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả cuối cùng của đợt học là đề cương nghiên cứu có liên quan đến luận văn tốt nghiệp

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng (2012)

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hải Phòng, Dịch tễ học, NXB Y học, 2012

2. Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học, 2006
3. Trường Đại học Y Hà Nội, Thống kê Y học cơ bản, NXB Y học, 2012
4. Nghiên cứu hệ thống y tế phương pháp nghiên cứu y học / Phạm Song. - H. : Y học.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành

Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Kiểm tra thực hành: chấm điểm đề cương nghiên cứu liên quan đến luận văn tốt nghiệp

Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai, thi vấn đáp, thi viết

Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY:

Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Dược Hải Phòng

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành: máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Thức	PHẠM VĂN HÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Khoa : RHM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN RĂNG HÀM MẶT

I. THÔNG TIN HỌC PHẦN

1. Mã số: 08
2. Số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành : 01
3. Số tiết học: 60 Lý thuyết: 15 Thực hành : 45
4. Số giờ tự học : 30
5. Số lần kiểm tra: 01 Số chứng chỉ:
6. Đối tượng sinh viên : YHDP
7. Học phần tiên quyết : Các môn cơ sở, nội, ngoại, sản, nhi
8. Học phần học song hành : Mắt, Tai mũi họng
9. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Răng hàm mặt

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Nội dung bao gồm giới thiệu những bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM và những dị tật bẩm sinh, chấn thương vùng hàm mặt, ung thư và các khối u lành tính vùng hàm mặt. Mỗi bệnh đều có giới thiệu về cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và đặc biệt là nguyên tắc dự phòng. Mối liên quan đến bệnh lý vùng đầu mặt cổ cũng như toàn thân.

III. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức : trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh phổ biến nhất trong chuyên ngành RHM.
- Thái độ : Không tách bệnh lý ở một vùng ra khỏi bệnh lý chung của toàn bộ cơ thể. Đề cao vai trò công tác dự phòng trong phòng chống bệnh sâu răng, viêm lợi, ung thư đầu mặt cổ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý RHM thường gặp.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1.	Răng và bộ răng	2	2
2.	Sâu răng	4	4
3.	Các biến chứng của sâu răng	2	2
4.	Bệnh nha chu	3	2
5.	Viêm nhiễm răng miệng hàm mặt	3	2
6.	Chấn thương hàm mặt	4	4
7.	Khe hở môi vòm miệng bẩm sinh	2	2
8	Khối u vùng hàm mặt	2	4
9.	Chăm sóc răng miệng ban đầu	4	2
10	Liên quan giữa sức khỏe răng miệng với sức khỏe toàn thân	2	2

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Lý thuyết : Thuyết trình
- Thực hành : Giảng lý thuyết lâm sàng

  Giảng theo case lâm sàng, Thảo luận nhóm

  Thực hành trên mô hình và bệnh nhân

  Nghiên cứu trường hợp, đóng vai

2. Phương pháp học, tự học

- Tự học : chuẩn bị nội dung theo yêu cầu giảng viên, dựa trên tài liệu giảng viên gợi ý, tự tìm tòi trước khi lên lớp. Giảng viên sẽ sẽ giải thích tất cả thắc mắc, làm rõ thêm, sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm kiểm tra yêu cầu môn học

- Khi thực tập lâm sàng : sinh viên tự thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên

VI. LƯỢNG GIÁ

1. Lượng giá ban đầu : thăm hỏi, phỏng vấn sinh viên.
2. Lượng giá trong quá trình : theo dõi sĩ số, đánh giá thái độ học tập.
3. Lượng giá kết thúc : lượng giá ban đầu và lượng giá trong quá trình là điều kiện thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi : tham gia 90% giờ giảng lý thuyết, 95% giờ giảng thực hành
- Điểm thi áp dụng thang 10
- Hình thức thi lý thuyết : Thi viết cải tiến
- Hình thức thi thực hành : Vấn đáp

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình do bộ môn biên soạn

2. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bài giảng răng hàm mặt, NXB Y học 2014 – Bộ môn phẫu thuật hàm mặt, khoa Răng Hàm Mặt, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

VIII. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

Khoa răng hàm mặt

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : phòng học với máy chiếu, đầy đủ bàn ghế, mic nói, bảng viết, phấn.
- Thực hành : phòng thực hành với ghế máy nha khoa, dụng cụ và vật liệu nha khoa.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Phạm Văn Liêu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN SẢN PHỤ KHOA

1. **Mã số:**
2. **Số đơn vị học trình:** 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2
3. **Số tiết học:** 120 Lý thuyết: 30 Thực hành: 90
4. **Đối tượng sinh viên : Y học dự phòng**
5. **Mục tiêu môn học:**

5.1. Kiến thức

- Trình bày được các kiến thức sinh lý sinh dục nữ.
- Nêu được các kiến thức chung về chẩn đoán, theo dõi các trường hợp thai nghén bình thường (bao gồm chăm sóc trẻ sơ sinh)
- Trình bày được khái niệm về đẻ khó, thai nghén bệnh lý và các thủ thuật sản khoa thông thường
- Trình bày được khái niệm về một số bệnh phụ khoa hay gặp
- Trình bày được công tác tư vấn về kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng
- Vận dụng kiến thức về sản phụ khoa, dân số kế hoạch hóa gia đình trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

5.2. Thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa trong chương trình đào tạo bác sỹ y học dự phòng cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.
- Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề thai nghén, sinh đẻ, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và KHHGĐ.

6. **Nội dung:**

STT	Tên bài	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành
1	Sinh lý Phụ khoa	1	
2	Sự thụ thai, di trú, làm tổ và phát triển của trứng và phần phụ	1	
3	Sinh lý chuyển dạ	1	
4	Chẩn đoán thai nghén	1	5

5	Tư vấn chăm sóc trước sinh và quản lý thai nghén	1	5
6	Sổ rau thường & Hậu sản thường	2	5
7	Khống chế nhiễm khuẩn	1	
8	Tiền sản giật- Sản giật	2	5
9	Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	1	5
10	Thai nghén có nguy cơ cao	1	5
11	Chảy máu thời kỳ sổ rau	1	5
12	Vỡ tử cung	1	5
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh	1	5
14	Nhiễm khuẩn hậu sản	1	5
15	Chửa ngoài tử cung	1	5
16	U nang buồng trứng	1	5
17	U xơ tử cung	1	
18	Ung thư cổ tử cung	2	5
19	Tư vấn trong nạo phá thai	1	5
20	Tư vấn tránh thai & KHHGĐ	1	5
21	Ung thư niêm mạc tử cung	1	
22	Viêm đường sinh dục dưới	1	5
23	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi vị thành niên	1	
24	Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe sinh sản tuổi tiền/ mãn kinh	1	
25	Phòng chống nhiễm HIV/ AIDS với bà mẹ và trẻ sơ sinh	1	5
26	Các biện pháp tránh thai và nạo phá thai an toàn	2	5
TỔNG		30	90

Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy theo phương pháp tích cực, sinh viên đóng vai trò chủ đạo
- Đóng vai
- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Giải quyết vấn đề
- Case study
- Cầm tay chỉ việc trên mô hình và trên bệnh nhân

7. **Lượng giá:**

- Đánh giá ban đầu bằng bài test trắc nghiệm ngắn trước mỗi bài học
- Đáng giá quá trình tình huống lâm sàng khi sinh viên kết thúc mỗi khoa
- Đáng giá kết thúc học phần bằng bài thi test và thi lâm sàng hỏi bệnh thăm khám các kỹ năng trên bệnh nhân và thi bệnh án trên bàn hỏi thi.
- Công thức điểm = LT
- Công thức điểm = LS

8. **Tài liệu học tập:**

- Tài liệu giảng dạy sản phụ khoa Dự án Hà Lan - trường Đại học Y Hải Phòng

9. **Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:** BM sản phụ khoa

Các giảng viên giảng dạy

Lê Thanh Bình	BSCK II
Trần Thị Việt Phương	BS CK II
Lại Thị Nguyệt Hằng	Bs CK II
Ngô Thị Uyên	Th.s
Đào Hải Yến	Th.s
Bùi Thị Minh Thu	Th.s
Nguyễn Thị Hoàng Trang	Th.s
Thái Thị Huyền	Bs

11. Tài liệu tham khảo

1. Bài giảng sản phụ khoa : Tập 1 / Trường Đại học Y Hà Nội. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Y học, 2004. - 316tr. ; 27cm
2. Bài giảng sản phụ khoa: Tập 2 / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2002. - 404tr. ; 27cm
3. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.
4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành phụ - sản : Ban hành kèm theo quyết định số 1377/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Y tế. - H. : Y học, 2016. - 283tr. ; 27cm
5. Hướng dẫn thực hành phụ khoa / Rozenbaum, H.. - Tp. HCM. : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh; 2000. – 280tr ; 19 cm.
6. Lâm sàng sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 2001. – 507tr. ; 19cm.
7. Phẫu thuật sản phụ khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Y học, 1998. - 832 tr. ; 27 cm.
8. Phòng chống 5 tai biến sản khoa / Phan Trường Duyệt. - H. : Yhọc, 1995. – 32tr.; 19cm
9. Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành / Trường đại học Y Hà Nội - Bộ môn Sản Phụ khoa. - H. : Y học, 2004. - 457tr. ; 21cm.
10. Phụ khoa hình minh họa / Govan A.D.T. - H. : Y học, 1993. - 477 tr. ; 24 cm.
11. Sản khoa hình minh họa. - H. : Y hoc, 2006. - 443 tr. ; 27 cm
12. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản: đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.

Tài liệu nước ngoài

13. Clinical manual of gynecology / Stovall, Thomas G. - 2nd ed. - London : Mcgraw-Hil, 1992. - 658p. ; 19cm
14. Comprehensive gynecology review. - 2nd ed. - London : Mosby, 1992. - 298p. ; 19cm
15. Obstetric and perinatal infections / Charles, David. - London : Mosby, 1993. - 365p. ; 19cm
16. Obstetrics fistula:guiding principles for clinical management and programme development. - Geneva : World Health Organization, 2006. - 73p. ; 27cm.

12. Cơ sở vật chất

- Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là cơ sở cho sinh viên thực tập, Đây là bệnh viện tuyến 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hàng năm có khoảng 15.000 sản phụ sinh đẻ tại đây, mỗi ngày khám 400 lượt bệnh nhân
- Cở sở thực hành thực địa: Khoa Sản – Bệnh viện đa khoa Kiến An. Đây là bệnh viện khu vực 4 với đầy đủ các khoa phòng trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tiếp nhận bệnh nhân từ các tuyến cơ sở chuyển đến.
- Giảng đường trường đại học y Hải Phòng với đầy đủ hệ thống máy chiếu, loa, ánh sáng
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng tiền lâm sàng với đầy đủ các mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.
- Giảng đường đặt tại Bệnh viện đa khoa Kiến An là nơi giao ban, thực hiện các kỹ năng lâm sàng trên mô hình, trang thiết bị hỗ trợ học tập.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chiêu	Ngô Văn Hoàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SỨC KHOẺ LỨA TUỔI

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng: Bác sĩ y học dự phòng

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, THCĐ1, Dược

Học phần học trước: Khoa học môi trường sinh thái, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp 1, Dinh dưỡng an toàn thực phẩm 1, Dịch tễ 1, Nhi, Truyền nhiễm, Răng, Tai mũi họng, Mắt, Nội

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sức khỏe lứa tuổi được đề cập trọng tâm vào hai đối tượng chính là lứa tuổi học đường và người cao tuổi trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe lứa tuổi tại cộng đồng. Môn học cung cấp cơ sở khoa học và bằng chứng về các ảnh hưởng của môi trường học tập và môi trường sống cộng đồng, gia đình và thói quen bản thân đối với sức khỏe.

Mục đích của môn học cung cấp kiến thức cơ bản và hệ thống lại các nhóm bệnh học hay gặp ở mỗi lứa tuổi, nguyên nhân, can thiệp dự phòng bệnh.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên

ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

1. Xác định các vấn đề sức khoẻ ưu tiên lên từng lứa tuổi
2. Phân tích nguyên nhân và các yếu tố liên quan theo từng vấn đề sức khoẻ
3. Đề xuất các biện pháp dự phòng phù hợp với các điều kiện về kinh tế văn hoá và các điều kiện y tế

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		Số giờ tự học	Buổi giảng	GIẢNG VIÊN
	LT	TH			
1. Tổng quan Sức khoẻ lứa tuổi	2	0	4	1	TS. Hương
2. Các giải pháp dự phòng theo lứa tuổi	2	4	4	1	TS. Hương
3. Đại cương sức khoẻ người cao tuổi	1	2	2	2	TS. Hương
4. Các vấn đề sức khoẻ của người cao tuổi	1	4	2	2	TS. Hương
5. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	4	2	2	TS. Hương
6. Đại cương sức khỏe trường học	1	2	2	3	ThS. Ngọc
7. Vệ sinh trường học	2	4	4	3	ThS. Ngọc
8. Mô hình bệnh tật và các yếu tố nguy cơ sức khỏe trường học	2	2	4	4	ThS. Ngọc
9. Giải pháp dự phòng và chăm sóc sức khỏe trường học	2	4	4	4	ThS. Ngọc
10. Chương trình y tế học đường	1	4	2	4	ThS. Ngọc
Tổng	**15**	**30**	**30**		

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

5.1. Lý thuyết giảng theo

Thuyết trình ngắn có lồng ghép hỏi đáp, nêu vấn đề. Lồng ghép các hoạt động giảng dạy sử dụng các phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

Thảo luận nhóm

Bài tập tình huống

5.2. Thực hành

Thực hành tại phòng thí nghiệm, xét nghiệm các mẫu môi trường, nhận định và phiên giải kết quả

Thực hành tại giảng đường: thảo luận nhóm giải quyết trường hợp

5.3. Phương pháp học, tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.

Khi thực tập: sinh viên áp dụng lý thuyết đã học, nghe giảng kỹ thuật, thực hiện đo máy, nhận định và phân tích kết quả, viết báo cáo.

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo.

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chỉnh (2002). Sức khoẻ lứa tuổi – Tập 3

6.2. Tài liệu tham khảo

1) Khoa Y tế công cộng trường ĐHYDHP (2016). Chương trình y tế quốc gia
2) Khoa Y tế công cộng trường ĐHYDHP (2012). Tài liệu học tập Chương trình y tế quốc gia (BS YHDP)
3) WHO Geneva (1988). Education for health: A manual on health education in primary health care

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Câu hỏi lượng giá đầu học phần:

1. Anh/Chị hãy cho biết định nghĩa người cao tuổi và nhận xét tình hình dân số Việt Nam hiện nay?

2. Các nhóm bệnh thường gặp ở người cao tuổi hiện nay là gì?
3. Những yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến người cao tuổi là gì?
4. Anh/Chị hãy liệt kê các vấn đề sức khỏe trường học phổ biến hiện nay?
5. Các bệnh học đường phổ biến hiện nay và các giải pháp dự phòng?

Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành

Kiểm tra thường xuyên: 01 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành

Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai hoặc hoán đổi thi tự luận

Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY:

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy:
  - TS. Dương Thị Hương – Trưởng Bộ môn SKMT
  - ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc – Phó trưởng Bộ môn SKMT
  - BS. Nguyễn Quang Đức – Giáo vụ Bộ môn SKMT

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng, giấy A4
- Phòng thực hành: dụng cụ thực hành, máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày tháng năm 201...

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PHẠM VĂN HÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG 2

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 75 Lý thuyết: 45 Thực hành: 30

Số giờ tự học của sinh viên 90 giờ

Đối tượng: Y học dự phòng

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh, ký sinh trùng, THCĐ1, Dược

Học phần học trước: Khoa học môi trường sinh thái, Sức khỏe nghề nghiệp 1, Dinh dưỡng an toàn thực phẩm 1, Dịch tễ 1

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sức khỏe môi trường cung cấp thông tin cơ bản về khái niệm, các tác nhân, nguồn phát sinh ô nhiễm, các yếu tố ảnh hưởng đến phát tán ô nhiễm và dự phòng.

Mục đích môn học giúp cho học viên có kiến thức tổng quan về môi trường.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các định nghĩa, khái niệm và nguồn gốc các yếu tố nguy cơ môi trường ảnh hưởng lên sức khoẻ cộng đồng
2. Phát hiện và khảo sát, đánh giá được một số yếu tố môi trường, tác động của môi trường lên sức khoẻ cộng đồng
3. Đề xuất được các biện pháp phù hợp phòng chống ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững cho các vùng sinh thái khác nhau
4. Phối hợp được với các đơn vị liên quan trong các hoạt động thuộc lĩnh vực sức khoẻ môi trường.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		SỐ GIỜ TỰ HỌC	BUỔI GIẢNG	GIẢNG VIÊN
		LT	TH			
1.	Mô hình sức khỏe môi trường	2		4	1	TS. Hương
2.	Ô nhiễm không khí và sức khoẻ	4		8	2	ThS. Ngọc
3.	Cung cấp nước sạch	4		4	1	TS. Hương
4.	Ô nhiễm nước và sức khoẻ	4		4	4	TS. Hương
5.	Xử lý nước thải	2		2	4	TS. Hương
6.	Ô nhiễm đất và sức khoẻ	4		4	3	ThS. Ngọc
7.	Xử lý chất thải rắn	2		4	5	TS. Hương
8.	Sức khoẻ môi trường đô thị khu dân cư	4		4	6	ThS. Ngọc
9.	Ô nhiễm nhà ở và sức khoẻ	4		4	7	ThS. Ngọc
10.	Vệ sinh bệnh viện	2		4	4	TS. Hương
11.	Nghiên cứu dịch tễ học môi trường	4		8	8	ThS. Ngọc
12.	Đánh giá và quản lý nguy cơ môi trường	4		8	9	TS. Hương
13.	Ảnh hưởng của thảm họa đối với môi trường	2		4	9	ThS. Ngọc
14.	Dịch tễ học các bệnh liên quan tới môi trường	3		6	10	TS. Hương
15.	Xét nghiệm nước 1: Lấy mẫu nước, lý tính, NO_2, NH_3, hữu cơ, muối		4	2		Bs. Đức
16.	Xét nghiệm nước 2: Test Clo - Clo thừa, độ cứng, Clo hoạt động, Fe toàn phần		4	2		Bs. Đức
17.	Vi sinh trong nước: hiếu khí, kỵ khí, Coliform		4	4		Bs. Đức
18.	Xét nghiệm nước thải: oxy hoà tan trong nước, BOD		4	2		Bs. Đức
19.	Vi sinh vật không khí: hiếu khí, tan huyết và nấm mốc		6	4		Bs. Đức
20.	Ký sinh trùng đất		4	4		Bs. Đức
21.	Chất thải bệnh viện		4	4		Bs. Đức
	TỔNG SỐ	**45**	**30**	**90**		

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

5.1. Lý thuyết giảng theo

Thuyết trình ngắn có lồng ghép hỏi đáp, nêu vấn đề. Lồng ghép các hoạt động giảng dạy sử dụng các phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

Thảo luận nhóm

Bài tập tình huống

5.2. Thực hành

Thực hành tại phòng thí nghiệm, xét nghiệm các mẫu môi trường, nhận định và phiên giải kết quả

Thực hành tại giảng đường: thảo luận nhóm giải quyết trường hợp

5.3. Phương pháp học, tự học

Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, nghe giảng kỹ thuật, thực hiện đo máy, nhận định và phân tích kết quả, viết báo cáo

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Hải Phòng (2012). Tài liệu học tập lý thuyết
- Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ môi trường, Nhà xuất bản y học

6.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ Y Tế. Trường Đại học Y Hà Nội (1995). Vệ sinh môi trường - Tập 1
2) Bộ Y Tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2002). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 2
3) B. Wisner (2002). Environmental health in emergencies and disasters, Geneva : World Health Organization
4) Doãn Ngọc Hải (2015). Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường - Tập 2, Nhà xuất bản y học
5) Đào Ngọc Phong (2009). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1, Nhà xuất bản y học
6) Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chỉnh (2002). Sức khoẻ môi trường – Tập 1, Nhà xuất bản y học
7) Environmental policy and public health : Air ollution, global climate change, and wilderness, San Francisco : Jossey-Bass, 2012
8) Geneva : WHO (1996). Creating supportive environments for health
9) Geneva : WHO (2000). Hazardous chemicals in human and environmental health
10) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học
11) Nguyễn Thị Thu (2007). Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học
12) McGaw-Hill (2011). Environmental geology.
13) Rom N. William (1992). Environmental and occupational medicine, Boston : Little.

14) The World Bank (2008) Global monitoring report 2008: MDGs and Environment

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Câu hỏi lượng giá đầu học phần:

1. Các bước lượng giá nguy cơ một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng là gì?
2. Các biện pháp dự phòng ô nhiễm môi trường không khí đang áp dụng hiện nay là gì?
3. Phương pháp lượng giá và các chỉ tiêu đánh gia ô nhiễm môi trường đất?
4. Trình bày các yếu tố nguy cơ đối với nhiễm trùng bệnh viện và nêu các biện pháp dự phòng nhiễm trùng bệnh viện?

Câu hỏi lượng giá giữa học phần: bài kiểm tra tư cách, sinh viên làm bài tập tình huống sau, nộp lấy bài tư cách:

Khi xuống thực địa nông thôn, sau khi bão lụt qua, bạn tư vấn dân sử dụng nguồn nước và cách xử trí nguồn nước tại chỗ như thế nào?

Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành

Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành

Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai hoặc hoán đổi thi tự luận

Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

8. TÊN BỘ MÔN CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY:

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy:
  - TS. Dương Thị Hương – Trưởng Bộ môn SKMT
  - ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc – Phó trưởng Bộ môn SKMT
  - BS. Nguyễn Quang Đức – Giáo vụ Bộ môn SKMT

9. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường: Máy chiếu, phấn bảng
- Phòng thực hành: dụng cụ thực hành, máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày tháng năm 201...

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG KHOA
HIỆU TRƯỞNG	
GS.TS. Phạm Văn Chiêu	PHẠM VĂN HÁN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP 1
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ y học dự phòng năm 3
- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lí, hóa sinh, vi sinh
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp – Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sức khỏe nghề nghiệp là một trong những bộ môn thuộc khoa học Y học dự phòng và Y tế công cộng với sự phối hợp của nhiều môn khoa học khác như vật lí, hóa học, kĩ thuật công nghệ, vệ sinh, sinh lí, sinh hóa, độc chất, dịch tễ họ, sức khỏe môi trường, các bộ môn lâm sàng…, Sức khỏe nghề nghiệp có mục đích cuối cùng là hạn chế được các yếu tố tác hại nghề nghiệp, bảo vệ sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp phát sinh từ quá trình lao động.

Học phần này giúp cho sinh viên chuyên khoa y học dự phòng nắm được những kiến thức cơ bản và hiện đại của môn sức khỏe nghề nghiệp, bao gồm những yếu tố nguy cơ trong quá trình lao động, ảnh hưởng của nó đến sức khỏe người lao động cũng như công tác vệ sinh – an toàn lao động, các biện pháp dự phòng, cải thiện điều kiện lao động để bảo vệ sức khỏe người lao động, hạn chế tối đa các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp và phòng ngừa tai nạn lao động.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

a. Trình bày được các nhóm yếu tố tác hại nghề nghiệp và những ảnh hưởng của nó đến sức khoẻ người lao động.
b. Trình bày được đặc trưng bệnh học, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh nghề nghiệp thường gặp
c. Nhận thức được tầm quan trọng của tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong dự phòng tai nạn trong lao động và bệnh nghề nghiệp.
d. Đề xuất được một số giải pháp can thiệp thích hợp phòng chống các yếu tố tác hại nghề nghiệp để bảo vệ sức khoẻ người lao động
e. Phối hợp được với tuyến y tế chuyên ngành trong các hoạt động liên quan sức khoẻ nghề nghiệp.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

a. **Nội dung học tập lý thuyết**

STT	Tên bài	Số giờ LT	Số giờ tự học	Buổi giảng

1	Đại cương SKNN	1	2	1
2	Tác hại nghề nghiệp và biện pháp phòng chống	1	2	1
3	Mệt mỏi trong lao động	1	2	1
4	Vi khí hậu nóng trong sản xuất	2	4	2
5	Tiếng ồn và điếc nghề nghiệp	1	2	2
6	Tai nạn trong lao động	1	2	2
7	Độc chất học trong sản xuất	2	4	3
8	Nhiễm độc chì vô cơ trong sản xuất	1	2	3
9	Nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật	1	2	3
10	Bụi và bệnh bụi phổi	2	4	4
11	Écgônômi - tư thế và điều kiện lao động	2	4	4
	Tổng số	**15**	**30**	

b. Nội dung học tập thực hành

STT	Tên bài	Số giờ TH
1	Phương pháp khảo sát vi khí hậu tại nơi làm việc	4
2	Phương pháp khảo sát tiếng ồn tại nơi làm việc	4
3	Kĩ thuật đo bụi bằng máy chỉ báo bụi hiện số điện tử	4
4	Kĩ thuật đo và đánh giá chiếu sáng tại nơi làm việc	4
5	Kĩ thuật đo và đánh giá kết quả đo thính lực đồ	4
6	Kĩ thuật đo độ rung tại nơi làm việc	4
7	Thăm dò chức năng hô hấp - kĩ thuật đo và đánh giá KQ đo	4
8	Thăm dò chức năng hô hấp - phân tích các hội chứng bệnh lí	2
	Tổng số	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, nghe giảng kỹ thuật, thực hiện đo máy, nhận định và phân tích kết quả, viết báo cáo
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu học tập:

1) Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Dược Hải Phòng (2015). Tài liệu học tập lý thuyết và thực hành

2) Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ nghề nghiệp, Nhà xuất bản y học

3) Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Dược Hải Phòng (2015). Tài liệu hướng dẫn tự học

6.2. Tài liệu tham khảo:

1) Bộ y tế (1998). Tóm tắt báo cáo: Hội nghị khoa học y học lao động toàn quốc lần thứ ba

2) Bộ y tế, Viện y học lao động và vệ sinh môi trường (2000. Tài liệu tập huấn kỹ thuật giám sát môi trường lao động

3) Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (1999). Sổ tay cấp cứu tại chỗ trong các cơ sở sản xuất, Nhà xuất bản y học

4) Bộ Y tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Sức Khỏe Nghề Nghiệp, Nhà xuất bản y học

5) Bộ Y tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Thực tập Sức Khỏe Nghề Nghiệp (Giáo trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng), Nhà xuất bản y học

6) Bùi Thanh Tâm, TNguyễn Thúy Quỳnh (2008). Sức Khỏe Nghề Nghiệp (đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng), Nhà xuất bản giáo dục

7) Đào Ngọc Phong (2009). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1. Nhà xuất bản y học

8) Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chỉnh (2002). Sức khỏe nghề nghiệp (vệ sinh lao động) - Tập 2, Nhà xuất bản y học

9) Lê Trung (2009). Các bệnh hô hấp nghề nghiệp, Nhà xuất bản y học

10) M. Karvonen, M.I.Mikheev (1993). Dịch tễ học trong Y học lao động, WHO Regional Publications

11) Marc Corbière; Marie-josé Durand (2011). Du trouble mental à l'incapacité au travail. Presses de l'Université du Québec

12) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học

13) Nguyễn Thị Hồng Tú, Nguyễn Ngọc Ánh (1997). Sổ tay về sinh lao động và chăm sóc sức khỏe công nhân, Nhà xuất bản y học

14) Nguyễn Thị Hồng Tú (2001). Nâng cao sức khỏe nơi làm việc (tài liệu huấn luyện cho cán bộ y tế quận, huyện), Nhà xuất bản lao động - xã hội

15) Nguyễn Thị Hồng Tú (2001). Nâng cao sức khỏe nơi làm việc (tài liệu huấn luyện cho công nhân), Nhà xuất bản y học

16) Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Tâm (2008). Sức khỏe nghề nghiệp (đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng)

17) Nguyễn Trần Hiển, Lưu Thị Minh Châu (2006). Dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS cho nhân viên y tế, Nhà xuất bản y học

18) Tạ Tuyết Bình, BS Trần Thanh Hà (1997). Tâm sinh lý lao động và ergonomie, Nhà xuất bản y học
19) Tổ chức y tế thế giới và Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (2001). Chiến lược toàn cầu về y tế lao động và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học
20) Tổ chức y tế thế giới và Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (2001). Hướng dẫn xây dựng nơi làm việc lành mạnh khu vực Tây Thái Bình Dương, Nhà xuất bản lao động - xã hội

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Câu hỏi lượng giá đầu học phần:
    - Anh / chị hãy cho biết hệ thống sức khỏe nghề nghiệp hiện nay của địa phương nơi anh/chị sinh sống?
    - Anh/chị có biết những nguy cơ về sức khỏe với người lao động trong ngành y tế?
- Câu hỏi lượng giá giữa học phần: bài kiểm tra tư cách, sinh viên làm một trong các tình huống sau, nộp bài lấy điểm tư cách
    - Tình huống 1:
        - **Công việc của công nhân trong dây chuyền sản xuất giày được mô tả như sau**
            - Đối tượng tuyển: lao động nhàn rỗi nông nghiệp
            - Làm việc trong tư thế đứng, trong dây chuyền, công việc quét keo, ép dán
            - Thời gian làm từ 7h30 đến 11h30, nghỉ ăn trưa 1giờ 30, bắt đầu lại vào lúc 1h. Công nhân mang theo thức ăn hoặc mua tại các quánăn nhỏ, ăn tại phân xưởng, nghỉ tại phân xưởng chờ thời gian làm việc tiếp
            - Môi trường lao động có hơi keo. Lao động dây chuyền bắt đầu từ quét keo, ép dán, sấy khô, cắt bavia, tẩy keo dư.
            - Thường xuyên làm thêm giờ tuỳ theo thời vụ công việc
            - Công nhân đi làm xa hoặc nghỉ trọ gần xí nghiệp
            - **yêu cầu: phát hiện nguy cơ gây mệt mỏi**
    - Tình huống 2
        - **Lao động kế toán**
            - Kế toán viên làm việc với máy vi tính thời gian làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ một giờ ăn trưa .
            - Phòng làm việc có diện tích 20m2, bố trí 15 máy vi tính.
            - Bàn đặt máy tính bố trí theo hàng ngang, tất cả đều quay về một hướng,
            - Lưng ghế của người ngồi trước áp sát phần sau máy vi tính của người ngồi sau.
            - Bàn đặt máy cao. Bàn phím cao hơn tầm với ngang của cánh tay và cẳng tay khi tạo góc 95°.

- Không có một qui định đặc biệt nào về thời gian nghi giữa giờ. Phần lớn thời gian người lao động giữ nguyên vị trí tại bàn máy tính mới đảm bảo giải quyết hết công việc.
- **Yêu cầu phân tích vị trí lao động và phát hiện các yếu tố gây mệt mỏi?**

- Lượng giá thực hành: sinh viên tham gia đầy đủ các buổi thực hành, nộp báo cáo thực hành sau mỗi buổi, điểm thực hành tính trên trung bình các điểm từ mỗi buổi
- Lượng giá hết học phần: điểm điều kiện từ các báo cáo thực hành để tính tư cách thi lý thuyết, điểm thi lý thuyết sẽ là điểm chung cả học phần. Hình thức thi lý thuyết: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai
- Trọng số (%) các điểm (thang điểm 10):
  - Chuyên cần: 10%
  - Kiểm tra thường xuyên: 10%
  - Kiểm tra thực hành: 10%
  - Thi kết thúc học phần: 70%

8. DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY

1) TS Phạm Minh Khuê – Trưởng BM SKNN
2) ThS Hoàng Thị Giang – giáo vụ BM SKNN
3) ThS Nguyễn Thanh Hải – BM SKNN
4) Bùi Thị Hương – Kĩ thuật viên
5) Nguyễn Thị Bích Phương – Kĩ thuật viên

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Giảng đường học tập có đủ chỗ ngồi cho sinh viên
- Máy chiếu
- Bảng viết, bút/phấn
- Labo thực hành: dụng cụ thực hành, máy móc, tiêu hao

Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2015

Trưởng bộ môn	P. Trưởng khoa	Ban Giám hiệu
	Nguyễn Bá Dũng	Phạm Văn Tiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP 2
ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 3 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian : Lý thuyết: 45 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 90
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ y học dự phòng năm 6
- Học phần tiên quyết: Sức khỏe nghề nghiệp 1
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp – Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sức khỏe nghề nghiệp là một trong những bộ môn thuộc khoa học Y học dự phòng và Y tế công cộng với sự phối hợp của nhiều môn khoa học khác như vật lí, hóa học, kĩ thuật công nghệ, vệ sinh, sinh lí, sinh hóa, độc chất, dịch tễ họ, sức khỏe môi trường, các bộ môn lâm sàng…, Sức khỏe nghề nghiệp có mục đích cuối cùng là hạn chế được các yếu tố tác hại nghề nghiệp, bảo vệ sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp phát sinh từ quá trình lao động.

Học phần này giúp cho sinh viên chuyên khoa y học dự phòng nắm được những kiến thức cơ bản và hiện đại của môn sức khỏe nghề nghiệp, bao gồm những yếu tố nguy cơ trong quá trình lao động, ảnh hưởng của nó đến sức khỏe người lao động cũng như công tác vệ sinh – an toàn lao động, các biện pháp dự phòng, cải thiện điều kiện lao động để bảo vệ sức khỏe người lao động, hạn chế tối đa các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp và phòng ngừa tai nạn lao động.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

a. Áp dụng được phương pháp dịch tễ học trong nghiên cứu sức khoẻ nghề nghiệp.

b. Xác định và đánh giá được các yếu tố nguy cơ trong lao động.

c. Đề xuất được các giải pháp cải thiện điều kiện lao động và phòng chống tai nạn lao động.

4. . NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1. Nội dung học tập lý thuyết

STT	CHỦ ĐỀ	Số giờ LT	Số giờ tự học	Buổi giảng
1	Nhắc lại đại cương SKNN	2	4	1
2	SKNN trong chiến lược CSSK người lao động	2	4	1
3	Tâm sinh lí lao động và Ecgonomie	1	2	2
4	Stress nghề nghiệp	2	4	2
5	Rung chuyển NN	2	4	2
6	Bức xạ trong sản xuất	2	4	3
7	Bệnh giảm áp và cao áp	2	4	3
8	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc CO	2	4	4
9	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc benzen	2	4	4
10	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc thủy ngân	2	4	5
11	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc mangan	2	4	5
12	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc asen	2	4	6
13	Độc chất học trong sản xuất- nhiễm độc TNT	2	4	6
14	Bệnh da nghề nghiệp	4	8	7
15	Viêm gan nghề nghiệp	2	4	8
16	Lao nghề nghiệp	2	4	8
17	Leptospira NN	2	4	9
18	HIV nghề nghiệp	2	4	9
19	SKNN ở các ngành nghề- ngành dệt may	2	4	10
20	SKNN ở các ngành nghề- ngành hóa chất	2	4	10
21	SKNN ở các ngành nghề- ngành xây dựng	2	4	11
22	SKNN ở các ngành nghề - ngành nông nghiệp	2	4	11
	Tổng	**45**	**90**	

4.2. Nội dung học tập thực hành

STT	Tên bài	Số giờ TH
1	Kĩ thuật đọc phim bệnh lí bụi phổi	4
2	Thực hành xử lí một số sự cố thường gặp trong thao tác nghề nghiệp của nhân viên y tế	4

3	Phát hiện và đánh giá nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở khám chữa bệnh	4
4	Phát hiện và đánh giá nguy cơ mất an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động y học dự phòng	4
5	Ca lâm sàng- nhóm bệnh lí nhiễm độc nghề nghiệp	4
6	Ca lâm sàng- nhóm bệnh lí nhiễm trùng nghề nghiệp	4
7	Ca lâm sàng- ergonomie tại nơi làm việc	3
8	Ca lâm sàng-nhóm bệnh lí bụi phổi	3
	Tổng số	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: thực tập tại phòng thí nghiệm, nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, nghe giảng kỹ thuật, thực hiện đo máy, nhận định và phân tích kết quả, viết báo cáo
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu học tập

1) Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Dược Hải Phòng (2015). Tài liệu học tập lý thuyết và thực hành

2) Bộ Y tế, Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ nghề nghiệp, Nhà xuất bản y học

3) Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Khoa Y tế công cộng, ĐH Y Dược Hải Phòng (2015). Tài liệu hướng dẫn tự học

6.2. Tài liệu tham khảo

1) Bộ y tế (1998). Tóm tắt báo cáo: Hội nghị khoa học y học lao động toàn quốc lần thứ ba

2) Bộ y tế, Viện y học lao động và vệ sinh môi trường (2000. Tài liệu tập huấn kỹ thuật giám sát môi trường lao động

3) Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (1999). Sổ tay cấp cứu tại chỗ trong các cơ sở sản xuất, Nhà xuất bản y học

4) Bộ Y tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Sức Khỏe Nghề Nghiệp, Nhà xuất bản y học

5) Bộ Y tế, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Thực tập Sức Khỏe Nghề Nghiệp (Giáo trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng), Nhà xuất bản y học

6) Bùi Thanh Tâm, TNguyễn Thúy Quỳnh (2008). Sức Khỏe Nghề Nghiệp (đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng), Nhà xuất bản giáo dục

7) Đào Ngọc Phong (2009). Vệ sinh môi trường dịch tễ - Tập 1. Nhà xuất bản y học

8) Đào Ngọc Phong, Nguyễn Hữu Chỉnh (2002). Sức khỏe nghề nghiệp (vệ sinh lao động) - Tập 2, Nhà xuất bản y học

9) Lê Trung (2009). Các bệnh hô hấp nghề nghiệp, Nhà xuất bản y học

10) M. Karvonen, M.I.Mikheev (1993). Dịch tễ học trong Y học lao động, WHO Regional Publications

11) Marc Corbière; Marie-josé Durand (2011). Du trouble mental à l'incapacité au travail, Presses de l'Université du Québec

12) Nguyễn Mạnh Liên (2006). Y học môi trường và lao động, Nhà xuất bản y học

13) Nguyễn Văn Sơn (2017). Hướng dẫn chuẩn đoán và giám định bệnh da nghề nghiệp , Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

14) Nguyễn Thị Hồng Tú, Nguyễn Ngọc Ánh (1997). Sổ tay về sinh lao động và chăm sóc sức khỏe công nhân, Nhà xuất bản y học

15) Nguyễn Thị Hồng Tú (2001). Nâng cao sức khỏe nơi làm việc (tài liệu huấn luyện cho cán bộ y tế quận, huyện), Nhà xuất bản lao động - xã hội

16) Nguyễn Thị Hồng Tú (2001). Nâng cao sức khỏe nơi làm việc (tài liệu huấn luyện cho công nhân), Nhà xuất bản y học

17) Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Tâm (2008). Sức khỏe nghề nghiệp (đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng)

18) Nguyễn Trần Hiển, Lưu Thị Minh Châu (2006). Dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS cho nhân viên y tế, Nhà xuất bản y học

19) Phạm Văn Thức, Nguyễn Văn Hùng (2010). Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, Nhà xuất bản y học

20) Tạ Tuyết Bình, BS Trần Thanh Hà (1997). Tâm sinh lý lao động và ergonomie, Nhà xuất bản y học

21) Tạp chí hoạt động khoa học công nghệ số 1.2.3.2015 (2015). An toàn - Sức khỏe và Môi trường lao động

22) Tổ chức y tế thế giới và Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (2001). Chiến lược toàn cầu về y tế lao động và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản y học

23) Tổ chức y tế thế giới và Bộ y tế, Vụ y tế dự phòng (2001). Hướng dẫn xây dựng nơi làm việc lành mạnh khu vực Tây Thái Bình Dương, Nhà xuất bản lao động - xã hội

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Câu hỏi lượng giá đầu khóa:
  - Anh / chị hãy cho biết những bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm tại Việt Nam?
  - Anh/chị hãy cho biết các hoạt động liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp đang triển khai tại địa phương mình?
- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành
  - Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
  - Mô tả đặc điểm dịch tễ học, nghề nghiệp có nguy cơ nhiễm viêm gan virus nghề nghiệp.
  - Mô tả đặc điểm dịch tễ học, nghề nghiệp có nguy cơ nhiễm HIV nghề nghiệp.
  - Trình bày cách đánh giá nguy cơ phơi nhiễm và 8 bước xử trí sau phơi nhiễm với HIV trong lao động.
  - Mô tả những đặc điểm chính của điều kiện lao động trong một ngành dệt.
  - Phân tích các yếu tố nguy cơ về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong ngành dệt-may.
  - Liệt kê một số biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người lao động trong ngành dệt-may.
- Kiểm tra thực hành: viết bài báo cáo thực hành
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai, thi vấn đáp, thi viết
- Trọng số (%) các điểm (thang điểm 10):
  - Chuyên cần: 10%
  - Kiểm tra thường xuyên: 10%
  - Kiểm tra thực hành: 10%
  - Thi kết thúc học phần: 70%

8. DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA GIẢNG DẠY

1) PGS. TS Phạm Minh Khuê – Trưởng BM SKNN
2) ThS Hoàng Thị Giang – giáo vụ BM SKNN
3) ThS Nguyễn Thanh Hải – giảng viên BM Sức khỏe nghề nghiệp
4) Bùi Thị Hương – Kĩ thuật viên
5) Nguyễn Thị Bích Phương – Kĩ thuật viên

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau:

1. Hiểu được sức khỏe tâm thần là gì và tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần
2. Nhận biết đúng các triệu chứng, hội chứng tâm thần
3. Chẩn đoán được một số bệnh tâm thần thường gặp
4. Biết cách tổ chức, quản lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho bệnh nhân tại cộng đồng

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương tâm thần học	2	0	4
2	RL cảm giác, tri giác, tư duy	2	6	4
3	RL chú ý, trí nhớ	1	3	2
4	Rl cảm xúc, RL hoạt động	1	3	2
5	RL trí tuệ, RL ý thức	1	3	2
6	Lạm dụng rượu và NR	4	14	8
7	Tâm thần phân liệt	3	11	6
8	CSSKTT tại cộng đồng	1	5	2
9	**Tổng**	**15**	**45**	**30**

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình, tình huống lâm sàng, thảo luận nhóm
- Thực hành lâm sàng: cho sinh viên thăm khám bệnh nhân tại khoa phòng, hướng dẫn lâm sàng, trình bày ca lâm sàng

2. Phương pháp học:

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thảo luận theo yêu cầu của giảng viên

- Khi thực tập lâm sàng: thăm khám bệnh, làm bệnh án, trình bày ca lâm sàng, thảo luận với giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học:sinh viên tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giáo viên sau đó trình bày, báo cáo, thảo luận giữa các nhóm sinh viên và với giảng viên

VI. TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do bộ môn cung cấp: Tập bài giảng dành cho đối tượng sinh viên Y học dự phòng

2. Tài liệu tham khảo:

1. Tâm thần học đại cương và điều trị các bệnh tâm thần, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, (2003).
2. Tâm thần học và tâm lý học y học, Nxb. Quân đội nhân dân, (2007).
3. Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 về các rối loạn tâm thần và hành vi (ICD10), Geneva, 1992.
4. Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu, NXB Y học, 2010.

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

1. Điều kiện dự thi hết học phần:

1.1. Đối với học phần lý thuyết

- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết giảng của học phần.
- Sinh viên tham dự học từ 70% đến <90% số tiết thì *bị nhận điểm 0 và* phải thi lại học phần đó.
- Sinh viên tham dự học dưới 70% số tiết giảng của học phần thì phải học lại học phần đó.

1.2. Đối với học phần thực hành

- Tham gia ít nhất 95% số giờ học lâm sàng, thực hành lâm sàng tại bệnh viện
- Sinh viên tham gia từ 90 đến <95% số giờ học lâm sàng, thực hành chuyên ngành phải thi lại.
- Sinh viên tham gia dưới 90% số giờ học lâm sàng, thực hành chuyên ngành phải học lại.

2. Đánh giá:

2.1. Đánh giá ban đầu:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các tiết học theo quy định của nhà trường.

- Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên các kiến thức của các chuyên ngành liên quan.

2.2. Đánh giá quá trình: thông qua thái độ học tập, hoạt động nhóm của sinh viên, bệnh án.

2.3. Đánh giá cuối môn học : thi tự luận, thời gian 60 phút

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, tài liệu, vở bút.
- Trang thiết bị thực hành lâm sàng: quần áo blouse bảo hộ lao động và các vật dụng khác phù hợp với nội dung từng bài giảng.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PHẠM VĂN MẠNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TAI MŨI HỌNG

Ngành:Y học dự phòng

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1. Thôn tin chung

- Tên học phần: Tai Mũi Họng
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Lâm sàng: 1
- Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 15 Lâm sàng: 45
- Học phần: + Bắt buộc ☒
  + Tự chọn ☐
- Các mã học phần tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tai Mũi Họng
- Giảng viên:
  + PGS.TS. Vũ Văn Sản
  + Ths. Tạ Hùng Sơn
  + Ths. Phùng Thị Vân Anh
  + Ths. Nguyễn Quang Đạo
  + Ths. Trần Hồng Hạnh
  + Ths. Phùng Thị Hoà
  + Ths. Trần Thị Thanh Thuý
  + Bs. Phạm Thanh Hải

2. Tóm tắt nội dụng học phần

Tai Mũi Họng là môn học nghiên cứu về giải phẫu ứng dụng, sinh lý và bệnh lý của các cơ quan tai, mũi, họng – thanh quản, và vùng đầu mặt cổ.

Tai Mũi Họng là một môn học chuyên sâu cần thiết đối với các đối tượng đào tạo vì bệnh lý của chuyên khoa Tai Mũi Họng là rất thường gặp, ở mọi lứa tuổi, giới tính, liên quan rất nhiều đến các chuyên khoa khác như nội khoa, ngoại khoa, mắt, răng hàm mặt, thần kinh – sọ não.

Bệnh lý của các cơ quan vùng tai mũi họng và đầu mặt cổ rất đa dạng, có thể chỉ là các bệnh lý hết sức thông thường, gặp hàng ngày, tự hồi phục, tuy nhiên cũng có thể là một bệnh lý hay một tình trạng cấp cứu có tính chất nguy hiểm đe dọa tính mạng người bệnh, hoặc có khi lại là biểu hiện bệnh lý của một hệ thống khác. Do đó, việc học tập môn Tai Mũi Họng là hết sức cần thiết cho quá trình thực hành sau này của nhân viên y tế, tránh bỏ sót các bệnh lý gây hậu quả đáng tiếc.

Để hoàn thành học phần này, trước hết sinh viên, học viên phải nắm được các kiến thức lý thuyết căn bản; sau đó, trong quá trình học tập lâm sàng, sinh viên cần quan sát, thực hành khám, nhận biết bệnh, tham gia hỗ trợ việc điều trị (nội khoa, thủ thuật, phẫu thuật), sau đó đối chiếu với kiến thức lý thuyết học được để nắm vững hơn các kiến thức chuyên sâu nhằm phục vụ cho quá trình công tác sau này.

Trước đây, việc học tập môn Tai Mũi Họng là rất khó khăn do các cơ quan

này đều nằm ở những vị trí sâu và kín đáo, rất khó đánh giá cũng như hình dung được bệnh lý nếu không được quan sát trực tiếp. Ngày nay, nhờ vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống khám nội soi và các hệ thống chẩn đoán hình ảnh hiện đại, nên sinh viên, học viên được quan sát những hình ảnh hết sức trực quan sinh động, giúp cho việc nắm bắt được các kiến thức dễ dàng hơn.

3. Mục tiêu của học phần

- Nắm được kiến thức giải phẫu và sinh lý cơ bản các cơ quan Tai Mũi Họng.
- Nắm được cách khám, các thao tác khám và hình ảnh giải phẫu bình thường.
- Nắm được triệu chứng lâm sàng, hình ảnh tổn thương bệnh học của một số bệnh cơ bản chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Chẩn đoán và điều trị được một số bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp.

4. Nội dung chi tiết học phần

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT		
		Số tiết lý thuyết	Số tiết lâm sàng	Tự học
1	Khám Tai Mũi Họng thông thường		4	
2	Vấn đề V.A	1	4	2
3	Viêm A-mi-đan	1	4	2
4	Viêm mũi	1	4	2
5	Viêm xoang	1	6	2
6	Viêm tai giữa cấp trẻ em	1	4	2
7	Viêm xương chũm	1	6	2
8	Biến chứng nội sọ do tai	1		2
9	Viêm thanh quản	1	5	2
10	Dị vật đường ăn	1	4	2
11	Dị vật đường thở	1		2
12	Chảy máu mũi	1	4	2
13	Ung thư vòm mũi họng	1		2
14	Ung thư thanh quản	1		2

15	Chấn thương tai mũi họng	1		2
16	Viêm tai giữa mủ nhầy			2
17	Nghe kém và đo sức nghe đơn giản	1		1
TỔNG		**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết:

+ Thuyết trình.
+ Thảo luận nhóm.

- Lâm sàng:

+ Ca lâm sàng
+ Giảng đầu giường
+ Thảo luận nhóm
+ Bình bệnh án

5.2. Phương pháp học và tự học

- Lên lớp: sinh viên lên lớp nghe giảng (sau khi đã tìm hiểu nội dung bài giảng qua tài liệu được cung cấp), trao đổi thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trao đổi trực tiếp với giảng viên về nội dung bài giảng.

- Thực tập lâm sàng: sinh viên quan sát các ca bệnh trong phòng khám và phòng bệnh, đối chiếu với lý thuyết, trao đổi thảo luận nhóm, trao đổi tìm hiểu ca bệnh với bác sỹ điều trị. Giảng viên đưa ra ca lâm sàng phù hợp với trình độ sinh viên và nội dung học để sinh viên thảo luận nhằm nắm được bài học.

- Sinh viên tự học: sinh viên phải đọc tài liệu trước khi lên lớp lý thuyết và thực hành lâm sàng, tự học theo tranh ảnh, trên mô hình, tự học kỹ năng.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Sách Bài giảng Tai Mũi Họng của Bộ môn Tai Mũi Họng - Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Sách Bài giảng điều dưỡng Tai Mũi Họng (lưu hành nội bộ) – Bộ môn Tai Mũi Họng – Đại học Y Dược Hải Phòng.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. F. Legent, P. Narcy, A. Beauvillian, P. Bordure (2003), *ORL Pathologie cervico – facial* 6e edition, Masson.

2. Võ Tấn (1990), *Tai mũi họng thực hành Tập 2, 3*, NXB Y học, Hà Nội.

3. Vũ Văn Sản (1993), *Cẩm nang Tai mũi họng*, (Bản dịch từ sách của Likhachev A.G.), NXB Y học, Hà Nội.

4. Vũ văn Sản (2003),*Viêm mũi dị ứng và Viêm mũi vận mạch*, NXB Y học, Hà Nội.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

7.1. Đánh giá ban đầu

Hình thức: đặt 1 số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn tai mũi họng như giải phẫu, sinh lý.

7.2. Đánh giá trong quá trình

Hình thực: theo dõi thái độ học tập, hoạt động nhóm, mức độ chuyên cần của sinh viên

7.3. Đánh giá kết thúc học phần

7.3.1. Kiểm tra phần lâm sàng

Yêu cầu sinh viên phải đảm bảo tham gia >95% số giờ học lâm sàng. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức sau:

- Bệnh án lâm sàng.
- Kiểm tra tình huống lâm sàng.
- Kiểm tra kỹ năng lâm sàng.

7.3.2. Kiểm tra lý thuyết

Sinh viên đạt ở phần thi lâm sàng mới được dự thi lý thuyết. Đánh giá kiến thức của sinh viên qua các hình thức:

- Thi test.
- Thi tự luận.
- Hỏi thi vấn đáp.

7.3.3. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức

$$\text{TKHP} = \frac{(LT+LS)}{2}$$

Trong đó: TKHP: là điểm tổng kết học phần

LT: là điểm thi lý thuyết

LS: là điểm thi lâm sàng

Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 *(từ 0 đến 10)*, làm tròn đến một chữ số thập phân, do hai giảng viên chấm, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế 43.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng, đủ bàn ghế phù hợp với số lượng sinh viên.

- Học phần lâm sang: khoa Tai mũi họng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, khoa Tai mũi họng Bệnh viện trẻ em Hải Phòng với các trang thiết bị, dụng cụ khám và điều trị bệnh lý tai mũi họng.

Giáo vụ	Trưởng Bộ môn	Ban Giám hiệu
Ths. Phùng Thị Vân Anh	PGS.TS. Vũ Văn Sản	HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG
BỘ MÔN THẦN KINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THẦN KINH

Đào tạo theo tín chỉ cho Bác sĩ Y học dự phòng

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Mã số:

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng học viên: Bác sỹ Y học dự phòng

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Giải phẫu, Bệnh học nội- ngoại

Học phần song hành: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Mắt

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Thần Kinh

Giảng viên tham gia giảng dạy:

- Ths. Ngô Văn Dũng: Phụ trách Bộ môn
- Ths. Nguyễn Tuấn Lượng: Giảng viên-Giáo vụ Bộ môn
- Ths. Đào Thị Hồng Hải: Giảng viên
- Ths: Chu Thị Thuận: Giảng viên
- Ts: Nguyễn Thị Thu Huyền: Trưởng khoa Thần Kinh bệnh viện Việt Tiệp
- Ts: Phùng Đức Lâm: Phó trưởng khoa Thần Kinh BV Việt Tiệp

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về giải phẫu hệ Thần kinh, các đường dẫn truyền thần kinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, hình ảnh cắt lớp vi tính não, cộng hưởng từ sọ não, tủy sống và một số bệnh lý thần kinh thường gặp. Sau khi học xong phần này, người học có khả năng chẩn đoán và lập phác đồ điều trị một số bệnh thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được kiến thức cơ bản về giải phẫu, đường đi của bó tháp, bó gối, các đường cảm giác, phản xạ, thần kinh ngoại biên, giải phẫu và chức năng các vùng vỏ não, thân não, tủy sống và các đường liên hệ.
2. Trình bày được các yếu tố dịch tễ cơ bản của một số bệnh lý thần kinh thường gặp.
3. Chẩn đoán được và lập được kế hoạch, phác đồ điều trị các bệnh lý thần kinh thường gặp, đặc biệt bệnh tai biến mạch não.
4. Kiến tập thủ thuật cơ bản như chọc dò dịch não tủy.
5. Tiên lượng được các bệnh điều trị nội khoa, phẫu thuật, can thiệp mạch, điều trị tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch, giữ người bệnh điều trị tại tuyến cơ sở hay chuyển lên tuyến chuyên khoa.
6. Tư vấn phòng bệnh, kiểm soát các yếu tố nguy cơ và điều trị dự phòng cấp 2 cho người bệnh, đặc biệt trong bệnh tai biến mạch não.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tên bài	Số tiết LT	Số tiết LS	Tự học
HC tăng áp lực nội sọ.	1	2	2
HC lâm sàng tổn thương tủy sống.	1	2	2
Hôn mê.		4	2
Đặc điểm của tổn thương TK TW & NB	1	1	1
HC liệt nửa người.	2	2	2
Đau thần kinh hông to	1	2	2
Khám 12 đôi dây TK sọ não.		4	1
Khám vận động.		4	1
Đau đầu	1	2	2
Viêm đa rễ và dây thần kinh cấp tính.	1	2	2
Nhược cơ.	1	2	2
HC liệt hai chân.	1	2	2
HC màng não.	1	2	2
Khám cảm giác.		4	1
Khám phản xạ		4	1
Tai biến mạch máu não	2	2	2

Động kinh	1	2	2
Đọc phim CT Scanner trong TBMN	1	2	1
Tổng số	**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Học lý thuyết tại:

- Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Giảng đường khoa thần kinh bệnh viện Việt Tiệp HP
- Phương pháp giảng dạy: Trình chiếu, phấn viết bảng.

5.2. Học lâm sàng tại:

- Khoa Thần Kinh Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
- Phương pháp: Ca lâm sàng, bình và làm bệnh án.

6. Tài liệu học tập

1. Bài giảng lý thuyết chuyên ngành thần kinh do bộ môn biên soạn.
2. Clinical Neurology, 2005
3. Textbook of clinical neurology 2004
4. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 2, PGS Nguyễn Văn Chương
5. Thực hành lâm sàng thần kinh học tập 3, PGS Nguyễn Văn Chương
6. Triệu chứng học thần kinh, đào tạo bác sĩ đa khoa,nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2008.
7. Thực hành thần kinh các bệnh và hội chứng thường gặp, 2008.
8. Ultimate review for the neurology boards,2008

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

- Lượng giá trước học phần: Giảng viên đặt các câu hỏi nhỏ
- Lượng giá trong quá trình học:
  + Câu hỏi, tình huống lâm sàng
  + Theo dõi sĩ số, thái độ học tập của sinh viên
- Lượng giá kết thúc:

Điều kiện thi kết thúc môn học:

+ Sử dụng kết quả quá trình ban đầu và kết quả trong quá trình là điều kiện thi kết thúc môn học.

+ Thi kết thúc môn học: hình thức thi vấn đáp

. Kiểm tra lý thuyết: câu hỏi lý thuyết

. Kiểm tra thực hành: câu hỏi nhỏ, các tình huống lâm sàng.

. Điểm đánh giá:(LT+TH)/2.

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

8.1. Lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp

số lượng sinh viên

8.2. Thực hành: Khoa Thần kinh bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng với trang thiết bị khám chữa bệnh, giảng dạy phù hợp với nội dung bài giảng

TRƯỞNG PHỤ TRÁCH BỘ MÔN	HIỆU TRƯỞNG
ThS. Ngô Văn Dũng	GS.TS. Phạm Văn Thức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: THỰC HÀNH CỘNG ĐỒNG

ĐỐI TƯỢNG: BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

I. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 6 (0/6)
- Số học phần: 3 Số tiết học: (0/270)
- Số chứng chỉ: 3
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ y học dự phòng năm 4, 6
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Sinh viên phải có kiến thức về Khoa học hành vi - GDSK, Tổ chức quản lý y tế, Khoa học môi trường sinh thái, tâm lý y đức.
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y tế công cộng

II. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CỘNG ĐỒNG 1

1. Mô tả học phần

Học phần này bao gồm 2 tín chỉ học trình thực hành. Đây là học phần tạo ra những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học được từ năm thứ nhất đến năm thứ ba tại cộng đồng. Thời gian là 8 tuần, 1 tuần tập huấn tại trường, 7 tuần tại xã. Các cán bộ y tế xã sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sỹ dự phòng trong tương lai. Sinh viên sẽ được tìm hiểu thực trạng tổ chức, quản lý và các hoạt động của hệ thống y tế xã. Sinh viên cũng được thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Thái độ tôn trọng cộng đồng, làm việc độc lập, ý thức tổ chức kỷ luật cũng là những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá sinh viên khi tham gia học phần này.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kỹ năng (mức độ 2)

1) Phân tích được thực trạng cơ cấu, tổ chức và nhiệm vụ của y tế cơ sở (Trạm y tế xã) tại địa điểm thực hành.

2) Phân tích được tình hình thực hiện chương trình y tế tại xã thực tập cộng đồng.

3) Thực hiện chẩn đoán cộng đồng và lập kế hoạch TT-GDSK để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.

4) Thực hiện được TT-GDSK tại cộng đồng.

5) Thực hiện khám, chẩn đoán và xử trí một số bệnh và cấp cứu thông thường tại trạm y tế xã

6) Tham gia một số hoạt động xã hội tại cộng đồng.

2.2.Thái độ.

1) Nhận thức được vai trò của người bác sĩ dự phòng tương lai trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2) Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số trong chăm sóc sức khỏe.

3) Nhận thức được tầm quan trọng phát triển y học cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe nhân dân của tuyến xã.

3. Nội dung

3.1. Tập huấn

Bài 1: Giới thiệu về nội dung, chỉ tiêu, yêu cầu học phần(5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các chỉ tiêu cần đạt được trong đợt thực hành cộng đồng
- Thực hành được một số kỹ năng như: kỹ năng quan sát hộ gia đình, kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, kỹ năng làm việc nhóm

Nội dung:

1. Kế hoạch thực hành cộng đồng
2. Các chỉ tiêu thực hành cộng đồng
3. Thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đã giao.
4. Các kỹ năng cần phải có tại cộng đồng
   - 4.1. Kỹ năng giao tiếp
   - 4.2. Kỹ năng quan sát
   - 4.3. Kỹ năng làm việc nhóm

Bài 2:Thực hành xây dựng bộ câu hỏi thu thập số liệu tại cộng đồng (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xác định được các biến số cụ thể trong nghiên cứu về một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.
- Xây dựng được bộ câu hỏi hoàn thiện về vấn đề nghiên cứu.

Nội dung:

1. Xác định được các biến số nghiên cứu tại cộng đồng
2. Xây dựng bộ câu hỏi
3. Bài tập tình huống: BT1: Tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải phòng có tỷ lệ người cao tuổi bị tăng huyết áp là 35%, trong năm vừa qua có 14 trường hợp tử vong do biến chứng của tăng huyết áp.

- Hãy xác định các biến số cho nghiên cứu này.
- Hãy thiết kế bộ câu hỏi để phỏng vấn người cao tuổi về kiến thức, thái độ, thực hành trong phòng chống bệnh tăng huyết áp.

Bài 3: Thực hành xây dựng bảng trống (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xây dựng được bảng trống cho nghiên cứu dựa trên bộ công cụ đã được thiết kế trong bài xây dựng bộ câu hỏi điều tra.

Nội dung:

1. Bảng trống và lý do tạo bảng trống
2. Xây dựng bảng trống theo bộ câu hỏi nghiên cứu được xây dựng ở bài 2.

Bài 4: Thực hành thu thập và xử lý số liệu (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Thu thập được số liệu giả định dựa trên ngôi làng số liệu.
- Xử lý được số liệu dựa trên số liệu nghiên cứu giả định.

Nội dung:

1. Cung cấp cho sinh viên số liệu giả định theo mô hình ngôi làng số liệu (Rút ra 10 câu hỏi đưa vào phiếu phỏng vấn)
2. Sinh viên chia nhóm và thực hành phân tích dựa trên số liệu giả định (đưa ra phiếu có câu trả lời sẵn sau đó dán lên bàn cho sinh viên thu thập theo phiếu trắng)

Bài 5: Hướng dẫn chẩn đoán cộng đồng và viết báo cáo (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xác định được vấn đề sức khỏe và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- Liệt kê được những nội dung cơ bản của bản báo cáo thực hành cộng đồng.

Nội dung:

1. Xác định được vấn đề sức khỏe và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên dựa trên tình huống giả định.
2. Yêu cầu nội dung cơ bản của báo cáo thực hành cộng đồng.

3.2 Tại Xã

Bài 1. Xử lý và phân tích số liệu (4 tiết – giảng viên YTCC)

Mục tiêu:

- Sau buổi học sinh viên có khả năng: xử lý và phân tích số liệu thực tế đã thu thập được từ điều tra cộng đồng nơi sinh viên thực tập.

Nội dung:

1. Kiểm tra phiếu điều tra và bảng kết quả của từng sinh viên thực hiện trong đợt điều tra cộng đồng.
2. Hướng dẫn sinh viên phân tích số liệu thực tế mà sinh viên đã thu thập được.
3. Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để điền kết quả vào bảng trống nghiên cứu của cả nhóm.

Bài 2. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức, hoạt động TYT xã và cách thức ghi chép thống kê báo cáo tại TYT (4 tiết – mời CB TYT giảng)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Phân tích được cơ cấu tổ chức và hoạt động của trạm y tế xã nơi sinh viên thực tập.
- Mô tả được thực trạng khám chữa bệnh và chuyển tuyến tại trạm y tế xã nơi sinh viên thực tập.
- Mô tả được về hoạt động quản lý y tế cơ bản tại TYT xã.

Nội dung:

1. Cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ tại trạm y tế xã

2. Chức năng nhiệm vụ và quản lý trạm y tế xã
   2.1. Nhiệm vụ của TYT xã
   2.2. Hoạt động quản lý y tế cơ bản tại TYT xã
   2.3. Một số dịch vụ y tế chủ yếu tại TYT xã
3. Các chương trình y tế tại TYT xã

Bài 3. Hướng dẫn chẩn đoán cộng đồng (4 tiết – giảng viên YTCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Xác định được vấn đề sức khỏe trong cộng đồng mà sinh viên đang thực tập
- Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng mà sinh viên đang thực tập

Nội dung:

1. Kiểm tra số liệu sinh viên thu thập được: số liệu sơ cấp và thứ cấp.
2. Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để xác định vấn đề sức khỏe số liệu thực tế mà sinh viên đã thu thập được.
3. Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng mà sinh viên thực tập.

Bài 4. Hướng dẫn lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và công tác liên hệ, chuẩn bị cộng đồng trong truyền thông (4 tiết – giảng viên YTCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch và công tác liên hệ, chuẩn bị cộng đồng trong truyền thông – GDSK.
- Lập được một bản kế hoạch hoàn thiện cho buổi truyền thông – GDSK về một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng nơi sinh viên thực tập.

Nội dung:

1. Mẫu kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng
2. Thảo luận nhóm lập kế hoạch
3. Hướng dẫn công tác liên hệ, chuẩn bị cộng đồng cho truyền thông – GDSK

Bài 5. Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe tại xã (4 tiết)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Tổ chức được một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng mà sinh viên thực tập.

Nội dung:

1. Kiểm tra kế hoạch truyền thông và bài truyền thông.
2. Hỗ trợ nhóm sinh viên chuẩn bị trước truyền thông (công tác mời đối tượng truyền thông, chuẩn bị địa điểm, phương tiện truyền thông, theo dõi sinh viên truyền thông thử).
3. Dự buổi truyền thông, rút kinh nghiệm sau buổi truyền thông.

III. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CỘNG ĐỒNG 2

1. Mô tả học phần

Học phần này bao gồm 2 tín chỉ học trình thực hành. Đây là học phần tạo ra những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học được từ năm thứ nhất đến năm thứ năm tại cộng đồng. Thời gian là 8 tuần, 1 tuần tập huấn tại trường, 7 tuần tại xã. Các cán bộ tại Trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại thực địa. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện một số kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết của người bác sỹ dự phòng trong tương lai. Sinh viên sẽ được thực tập tại các trung tâm y tế, công tác quản lý các hoạt động của hệ thống y tế xã. Sinh viên cũng được thực hành chẩn đoán cộng đồng, xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Kỹ năng làm việc tại cộng đồng, làm việc độc lập, ý thức tổ chức kỷ luật cũng là những tiêu chuẩn để xem xét đánh giá sinh viên khi tham gia học phần này.

2. Mục tiêu học phần

1) Xác định một vấn đề sức khỏe cộng đồng và một số yếu tố liên quan đến vấn đề sức khỏe được xác định tại cộng đồng.
2) Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn để thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn người dân tại hộ gia đình
3) Xử lý, phân tích số liệu và viết báo cáo và trình bày kết quả đợt thực hành cộng đồng

3. Nội dung học phần 2

3.1. Tập huấn

Bài 1: Giới thiệu về nội dung, chỉ tiêu, yêu cầu học phần(5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được các chỉ tiêu cần đạt được trong đợt thực hành cộng đồng
- Thực hành được một số kỹ năng như: kỹ năng quan sát hộ gia đình, kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, kỹ năng làm việc nhóm

Nội dung:

1. Kế hoạch thực hành cộng đồng
2. Các chỉ tiêu thực hành cộng đồng

   Thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đã giao.
3. Các kỹ năng cần phải có tại cộng đồng
   - 3.1. Kỹ năng giao tiếp
   - 3.2. Kỹ năng quan sát
   - 3.3. Kỹ năng làm việc nhóm

Bài 2:Thực hành xây dựng bộ câu hỏi thu thập số liệu tại cộng đồng (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xác định được các biến số cụ thể trong nghiên cứu về một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.
- Xây dựng được bộ câu hỏi hoàn thiện về vấn đề nghiên cứu.

Nội dung:

1. Xác định được các biến số nghiên cứu tại cộng đồng
2. Xây dựng bộ câu hỏi
3. Bài tập tình huống:

- Hãy xác định các biến số cho nghiên cứu này.
- Hãy thiết kế bộ câu hỏi để phỏng vấn người cao tuổi về kiến thức, thái độ, thực hành trong phòng chống bệnh tăng huyết áp.

Bài 3: Thực hành xây dựng bảng trống (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xây dựng được bảng trống cho nghiên cứu dựa trên bộ công cụ đã được thiết kế trong bài xây dựng bộ câu hỏi điều tra.

Nội dung:

1. Bảng trống và lý do tạo bảng trống
2. Xây dựng bảng trống theo bộ câu hỏi nghiên cứu được xây dựng ở bài 2.

Bài 4: Thực hành thu thập và xử lý số liệu (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Thu thập được số liệu giả định dựa trên ngôi làng số liệu.
- Xử lý được số liệu dựa trên số liệu nghiên cứu giả định.

Nội dung:

1. Cung cấp cho sinh viên số liệu giả định theo mô hình ngôi làng số liệu (Rút ra 10 câu hỏi đưa vào phiếu phỏng vấn)
2. Sinh viên chia nhóm và thực hành phân tích dựa trên số liệu giả định (đưa ra phiếu có câu trả lời sẵn sau đó dán lên bàn cho sinh viên thu thập theo phiếu trắng)

Bài 5: Hướng dẫn chẩn đoán cộng đồng và viết báo cáo (5 tiết – giảng viên YCCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Xác định được vấn đề sức khỏe và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- Liệt kê được những nội dung cơ bản của bản báo cáo thực hành cộng đồng.

Nội dung:

1. Xác định được vấn đề sức khỏe và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên dựa trên tình huống giả định.
2. Yêu cầu nội dung cơ bản của báo cáo thực hành cộng đồng.

3.2 Tại Trung tâm y tế huyện/trạm y tế xã

Bài 1. Xử lý và phân tích số liệu (4 tiết – giảng viên YTCC)

Mục tiêu:

- Sau buổi học sinh viên có khả năng: xử lý và phân tích số liệu thực tế đã thu thập được từ điều tra cộng đồng nơi sinh viên thực tập.

Nội dung:

1. Kiểm tra phiếu điều tra và bảng kết quả của từng sinh viên thực hiện trong đợt điều tra cộng đồng.
2. Hướng dẫn sinh viên phân tích số liệu thực tế mà sinh viên đã thu thập được.
3. Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để điền kết quả vào bảng trống nghiên cứu của cả nhóm.

Bài 2. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức, hoạt động TTYT và cách thức ghi chép thống kê báo cáo tại TTYT (4 tiết – mời CB TTYT giảng)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

1. Phân tích được cơ cấu tổ chức và hoạt động của trung tâm y tế nơi sinh viên thực tập.
2. Mô tả được về hoạt động quản lý y tế cơ bản tại TTYT.

Nội dung:

1. Cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ tại trung tâm y tế
2. Chức năng nhiệm vụ TTYT và quản lý trung tâm y tế
   2.1. Nhiệm vụ của TTYT
   2.2. Hoạt động quản lý y tế cơ bản tại TTYT
   2.3. Các khoa phòng của TTYT
3. Các chương trình y tế tại TTYT

Bài 3. Hướng dẫn chẩn đoán cộng đồng (4 tiết – giảng viên YTCC)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Xác định được vấn đề sức khỏe trong cộng đồng mà sinh viên đang thực tập
- Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng mà sinh viên đang thực tập

Nội dung:

- Kiểm tra số liệu sinh viên thu thập được: số liệu sơ cấp và thứ cấp.
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để xác định vấn đề sức khỏe số liệu thực tế mà sinh viên đã thu thập được.
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng mà sinh viên thực tập.

Bài 4. Hướng dẫn viết báo cáo thực hành cộng đồng

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Lập được một bản báo cáo hoàn thiện về một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng nơi sinh viên thực tập.

Nội dung:

- Mẫu báo cáo vấn đề sức khỏe tại cộng đồng
- Thảo luận nhóm lập kế hoạch

Bài 5. Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe tại xã (4 tiết)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Tổ chức được một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng mà sinh viên thực tập.

Nội dung:

- Kiểm tra kế hoạch truyền thông và bài truyền thông.
- Hỗ trợ nhóm sinh viên chuẩn bị trước truyền thông (công tác mời đối tượng truyền thông, chuẩn bị địa điểm, phương tiện truyền thông, theo dõi sinh viên truyền thông thử).
- Dự buổi truyền thông, rút kinh nghiệm sau buổi truyền thông.

VI. HỌC PHẦN: THỰC HÀNH CỘNG ĐỒNG 3

1. Mô tả học phần

Học phần này bao gồm 2 tín chỉ học trình thực hành. Đây là học phần tạo ra những cơ hội cho sinh viên thực hành các kiến thức đã học được từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu tại Trung tâm dự phòng thành phố, Trung tâm phòng chống HIV/IADS, Chi cục Dân số, Chi cục An toàn thực phẩm, Trung tâm truyền thông thành phố. Thời gian học là 8 tuần. Các cán bộ tại các Trung tâm thuộc khối dự phòng thành phố sẽ tham gia hướng dẫn sinh viên. Giảng viên nhà trường sẽ hướng dẫn, giám sát, đánh giá sinh viên trong quá trình học tại cơ sở. Sinh viên sẽ được học và rèn luyện những kỹ năng cần thiết của người bác sỹ dự phòng trong tương lai. Sinh viên sẽ được thực tập tại các trung tâm y tế thành phố. Sinh viên cũng được thực hành các công việc của người cán bộ y học dự phòng. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện thêm các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm, tổ

chức triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo.

2. Mục tiêu học phần

1. Phân tích được cơ cấu tổ chức của các trung tâm y tế dự phòng thành phố, đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế.
2. Viết được một báo cáo hoạt động của các trung tâm dựa trên các kết quả thực tập tại trung tâm
3. Đề xuất các can thiệp dựa trên các kết quả có được

3. Nội dung học phần 3

Bài 1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy hành chính các trung tâm y tế dự phòng (8 tiết – giảng viên tại các trung tâm)

Mục tiêu:

- Sau buổi học sinh viên có khả năng: phân tích được cơ cấu tổ chức của các trung tâm y tế dự phòng thành phố, đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế.

Nội dung:

- Giới thiệu các khoa phòng tại Trung tâm
- Hướng dẫn sinh viên tra cứu sổ sách và tham quan các khoa phòng tại Trung tâm
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để điền kết quả vào bảng trống nghiên cứu của cả nhóm.

Bài 2. Chức năng nhiệm vụ và hoạt động tại Trung tâm (8 tiết – mời CB trung tâm giảng)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Phân tích được hoạt động của trung tâm nơi sinh viên thực tập.
- Viết được một bản báo cáo đánh giá về hoạt động của Trung tâm nơi sinh viên thực tập.

Nội dung:

- Chức năng nhiệm vụ và quản lý trung tâm
    - Nhiệm vụ của trung tâm
    - Hoạt động quản lý y tế cơ bản tại trung tâm
- Các chương trình hoạt động tại Trung tâm

Bài 3. Hướng dẫn chẩn đoán vấn đề sức khỏe cộng đồng (8 tiết – giảng viên mời giảng)

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Xác định được vấn đề sức khỏe trong cộng đồng phù hợp lĩnh vực hoạt động nơi sinh viên đang thực tập
- Xây dựng được kế hoạch can thiệp và triển khai can thiệp vấn đề sức khỏe

Nội dung:

- Kiểm tra số liệu sinh viên thu thập được: số liệu sơ cấp và thứ cấp.
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để xác định vấn đề sức khỏe số liệu thực tế mà sinh viên đã thu thập được.
- Hướng dẫn sinh viên làm việc nhóm để xây dựng kế hoạch

Bài 4. Hướng dẫn viết báo cáo

Mục tiêu:

Sau buổi học sinh viên có khả năng:

- Lập được một bản báo cáo hoàn thiện về một chủ đề được yêu cầu

Nội dung:

- Mẫu báo cáo vấn đề sức khỏe tại cộng đồng
- Mẫu báo cáo đánh giá hoạt động
- Thảo luận nhóm lập kế hoạch

Bài 5. Hướng dẫn tổ chức hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe tại cộng đồng (8 tiết)

Mục tiêu:

Sau buổi học, sinh viên có khả năng:

- Tổ chức được một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng mà sinh viên thực tập.

Nội dung:

- Kiểm tra kế hoạch truyền thông và bài truyền thông.
- Hỗ trợ nhóm sinh viên chuẩn bị trước truyền thông (công tác mời đối tượng truyền thông, chuẩn bị địa điểm, phương tiện truyền thông, theo dõi sinh viên truyền thông thử).
- Dự buổi truyền thông, rút kinh nghiệm sau buổi truyền thông.

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

4.1. Phương pháp dạy

Thảo luận nhóm, case study, làm mẫu, đóng vai...

4.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Thực hành: Đi thực tế viết bài thu hoạch theo chủ đề giảng viên phân công
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

VI. TÀI LIỆU DẠY HỌC

5.1. Tài liệu giảng dạy

1. Giáo trình học tập: Giáo trình "Thực hành cộng đồng 1 – Khoa Y tế công cộng - Đại học Y Hải Phòng"

5.2. Tài liệu tham khảo

2. Trường đại học y Hải Phòng – Khoa YTCC (2012). Bài giảng Truyền thông - Giáo dục sức khoẻ.
3. Trường đại học y Hai Phòng – Bộ môn Y học xã hội (2012). Bài giảng Tổ chức quản lý y tế.
4. Trường đại học y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ môi trường. Nhà xuất bản y học
5. Trường đại học y Hải Phòng (2012). Sức khoẻ nghề nghiệp. Nhà xuất bản y học
6. Trường đại học y Hải Phòng (2012). Bài giảng Nội khoa. Nhà xuất bản y học
7. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học
8. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khỏe nghề nghiệp. Nhà xuất bản Y học
9. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). Dịch tễ học. Nhà xuất bản Y học
10. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản Y học

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điểm chuyên cần: là điểm trung bình cộng của các lần giảng viên xuống hướng dẫn và điểm đánh giá tại trạm y tế xã.
- Điểm kết thúc học phần: Trình bày báo cáo thu hoạch tại trường và điểm chuyên cần.

VIII. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng
- Phòng học tại các Trung tâm, Trạm y tế

Hải phòng, ngày 7 tháng 1 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG	LÃNH ĐẠO KHOA
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN

TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP
KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG
BM Y HỌC XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
MÔN HỌC: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ
ĐỐI TƯỢNG: Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- Mã số: Số tín chỉ: 4 (2/2)
- Số học phần: 1 Số tiết học: (30/60)
- Số chứng chỉ: 1 Số giờ tự học:
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ Y học dự phòng năm 5;
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y học xã hội – Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần này bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng

4. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Số tiết tự học
1	Tổng quan về Hệ thống y tế	3	4	6
2	Hệ thống tổ chức ngành y tế VN	2	4	4
3	Tổ chức mạng lưới y tế dự phòng	2	4	4
4	Quan điểm & chính sách y tế VN	3	4	6
5	Quản lý và quản lý y tế	2	4	4
6	Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế	3	6	6

7	Lập kế hoạch y tế	3	6	6
8	Điều hành, giám sát các hoạt động YT	2	6	4
9	Đánh giá các hoạt động y tế	2	6	4
10	Quản lý tài chính & vật tư y tế	2	4	4
11	Quản lý nhân lực y tế	2	4	4
12	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	2	4	4
13	Quản lý BV	2	4	4
	TỔNG	30	60	60

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống
- Thực hành: Đi thực tế tìm hiểu tại các TTYT thành phố, tuyến quận/huyện và xã phường

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Thực hành: Đi thực tế viết bài thu hoạch theo chủ đề giảng viên phân công
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay - Khoa Y tế công cộng, ĐHY Dược Hải Phòng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ y tế (2011),Tổ chức và quản lý y tế, Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, NXB Y học
- Trương Việt Dũng, Phạm Duy Luật (2009), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường Đại học y Hà Nội.
- Dương Huy Liệu, Trương Việt Dũng (2006), Quanr lý y tế, Nhà xuất bản y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 1 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: thi viết

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

Hải phòng, ngày tháng năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	LÃNH ĐẠO KHOA	LÃNH ĐẠO BM
PGS. TS. PHẠM VĂN HÁN	NGUYỄN BÁ DỤNG	TRẦN THỊ BÍCH HỒI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN TRUYỀN NHIỄM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày .... Tháng.... Năm 2015

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN TRUYỀN NHIỄM

1.THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 4 Lý thuyết: 2 Lâm sàng: 2

Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 30 Lâm sàng: 90

Số giờ tự học: 60 tiết

Đối tượng sinh viên: **Y HỌC DỰ PHÒNG**

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách: TRUYỀN NHIỄM

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành Truyền nhiễm. Bao gồm những kiến thức về dịch tễ, lâm sàng, chẩn đoán và vài nét điều trị các bệnh lý truyền nhiễm thường gặp. Trong đó, nội dung quan trọng nhất là trang bị kiến thức về dịch tễ và phòng lây truyền đối với bệnh Truyền nhiễm

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

1. Trình bày được các yếu tố dịch tễ học cơ bản của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.
2. Mô tả lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng
3. Trình bày được các nguyên tắc chẩn đoán một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng
4. Xử trí được một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng
5. Tư vấn phòng bệnh được cho một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

4.1 Lý thuyết (2 Tín chỉ - 30 tiết)

TT	TÊN BÀI LÝ THUYẾT	Số tiết		Giảng viên
		Lý thuyết	Tự học	
1	HIV/AIDS	4	8	Ths Anh
2	Sốt xuất huyết Dengue	2	4	Ths Liên
3	Viêm gan virus	3	6	Ths Anh
4	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi/tái nổi	2	4	Ths Anh
5	Uốn ván	2	4	Ths Liên
6	Nhiễm khuẩn huyết	3	6	Ths Liên
7	Sốt rét	2	4	BS Thoa
8	Dại	1	2	Bs Phương
9	Viêm màng não	2	4	Bs Thía
10	Thương hàn	2	4	Bs Thoa
11	Quai bị	1	2	Bs Thoa
12	Tả	1	2	Bs Thía
13	Viêm não	2	4	Ths Anh
14	Cúm	1	2	Ts Vinh
15	Sởi	1	2	BS Thoa
16	Thủy đậu	1	2	Bs Phương
Tổng số: 16 bài		**30 tiết**	**60 tiết**	

4.2 Thực hành (2 tín chỉ - 90 tiết)

TT	TÊN BÀI THỰC HÀNH	Số tiết		Giảng viên
		Lâm sàng	Tự học	
1	HIV/AIDS	12	0	Ths Anh
2	Sốt xuất huyết Dengue	6	0	Ths Liên
3	Viêm gan virus	9	0	Ths Anh
4	Các bệnh truyền nhiễm mới nổi/tái nổi	4	0	Ths Anh
5	Uốn ván	6	0	Ths Liên
6	Nhiễm khuẩn huyết	12	0	Ths Liên
7	Sốt rét	6	0	BS Thoa
8	Dại	3	0	Bs Phương
9	Viêm màng não	6	0	Bs Thía
10	Thương hàn	6	0	Bs Thoa
11	Quai bị	3	0	Bs Thoa
12	Tả	1	0	Bs Thía
13	Viêm não	6	0	Ths Anh
14	Cúm	3	0	Ts Vinh
15	Sởi	3	0	BS Thoa
16	Thủy đậu	2	0	Bs Phương
Tổng số: 16 bài		**90 tiết**	**0 tiết**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Lý thuyết: Tổ chức dạy học tại giảng đường trường hoặc giảng đường bệnh viện giảng

- Thuyết trình

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực:

+ Thảo luận nhóm

+ Đóng vai

+ Nghiên cứu tình huống

5.2. Thực hành: Tại bệnh viện

- Phân tích ca lâm sàng cụ thể
- Học lâm sàng theo từng nhóm nhỏ, giao ban hàng ngày…

5.3. Phương pháp học:

- Lý thuyết: Sinh viên chuẩn bị bài và đọc các bài lý thuyết trước, nghe giảng và thảo luận trong bài giảng.
- Lâm sàng: Đi học lâm sàng đầy đủ, khám bệnh và chăm sóc bệnh nhân tỉ mỉ, kỹ càng, trao đổi với bạn cùng học, giảng viên của bộ môn khi có thắc mắc.
- Tự học: Chuẩn bị nội dung bài học theo yêu cầu, nghiên cứu lại các bài đã học, đọc thêm các sách tham khảo cùng chuyên ngành.

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1 Tài liệu giảng dạy:

Bài giảng Truyền nhiễm (Dành cho Bác sĩ Y Học Dự Phòng), ĐH Y Hải Phòng: Tài liệu học tập do Bộ môn biên soạn.

6.2 Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y. Nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân 2015
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.
6. https://www.uptodate.com/home

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

7.1 Đánh giá sinh viên dựa trên các tiêu chí sau:

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận trên lớp.
- Kiểm tra, đánh giá ban đầu:
- Kiểm tra, đánh giá quá trình
- Kiểm tra kết thúc học phần.

7.2 Hình thức đánh giá:

- Đánh giá ban đầu: Phát vấn
- Đánh giá quá trình: Chấm bệnh án hàng tuần
- Đánh giá kết thúc học phần: + Lý thuyết: thi tự luận.
  + Lâm sàng: Thi vấn đáp

7.3 Trọng số % các điểm:

- Chuyên cần: 5%
- Kiểm tra quá trình giữa học phần: 15%
- Thi kết thúc học phần: 80%

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trang bị giảng đường với đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập: Bảng, bàn ghế, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh (Loa, micro, ...)
- Trang bị giấy A0, giá treo giấy A0 để phục vụ cho việc học thực hành của sinh viên.

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TM. BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Ths Phạm Thị Vân Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Bộ môn: Ung Bướu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BỘ MÔN UNG BƯỚU

1. THÔNG TIN HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết:1 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết):90 Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học: 30

Đối tượng sinh viên: Y học dự phòng

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ung Bướu

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các phương tiện, phương pháp thăm khám, các hìnhảnh, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh ung thư thường gặp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

** Kiến thức:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế, sàng lọc ung thư.

- Phân biệt được u lành và u ác.

- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán một số bệnh ung thư phổ biến.

- Trình bày được các phương pháp điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.

** Kỹ năng:*

- Khám phát hiện các triệu chứng bệnh.

- Tư vấn cho bệnh nhân ung thư.

- Áp dụng các kiến thứcđã học để chẩn đoán vàđiều trị bệnh ung thư thường gặp.

** Thái độ:*

Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN.

STT	Tên bài	Số tiết LT	Số tiết TH	Tự học
	LÝ THUYẾT			
1	Đại cương ung thư	2	0	3
2	Nguyên nhân ung thư	2	0	3
3	Sàng lọc ung thư	2	0	3
4	Chẩn đoán bệnh ung thư	2	0	3
5	Chẩn đoán GPB bệnh ung thư	2	0	3
6	Nguyên tắcđiều trị ung thư	1	0	3
7	Điều trị toàn thân ung thư	1	0	3
8	Phẫu thuật ung thư	1	5	3
9	Xạ trị ung thư	1	5	3
10	Điều trị đau do ung thư	1	3	3
	THỰC HÀNH			
11	K khoang miệng	0	2	0
12	K thực quản	0	2	0
13	K dạ dày	0	2	0
14	K gan	0	2	0
15	K đại trực tràng	0	2	0
16	K vú	0	2	0
17	K cổ tử cung	0	2	0
18	K buồng trứng	0	2	0
19	K hạch	0	2	0
20	K vòm	0	2	0
21	K phổi	0	2	0
22	K tiền liệt tuyến	0	2	0
23	K giáp	0	2	0
24	K hại họng –thanh quản	0	2	0
25	K phần mềm	0	2	0
26	K bàng quang	0	2	0

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Chủ yếu là thuyết trình, kết hợp với nêu và giải quyết vấn đề giảng dạy và học tập theo hướng tích cực, áp dụng công nghệ thông tin.

- Thực hành: Giảng lâm sàng trên thực tế bệnh nhân và các tình huống giảđịnh . Hướng dẫn các phương pháp khám phát hiện triệu chứng, đọc phim....

5.2. Phương pháp học.

Sinh viên nghe giảng, tham gia trao đổi, kiểm tra theo yêu cầu môn học

Thực tập: Sinh viên tham gia trao đổi, thảo luận nhóm thuyết trình trên phim, thảo luận case study

Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình, thảo luận, tự học trên tài liệu tham khảo, phim tài liệu.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC.

6.1. Tài liệu giảng dạy.

Giáo trình "Ung thư họcđại cương" - Đại học Y Hà Nội

Giáo trình "Chẩnđoán vàđiều trị bệnh ung thư" - Đại học Y Hà Nội.

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Ung bướu

6.2. Tài liệu tham khảo.

-Thực hành xạ trị bệnh ung thư, NXB y học năm 2003

- Điều trị nội khoa bệnh ung thư, NXB y học năm 2010

- Cẩm nang điều trị và chăm sóc bệnh nhân ung thư

- Ung Bướu học nội khoa, NXB y học năm 2004

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Chuyên cần: đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực trao đổi, thảo luận.

Kiểm tra thường xuyên: hoàn thành tốt bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra câu hỏi ngắn.

Thi kết thúc học phần

Điều kiện : Tham gia đầy đủ và tích cực các buổi học

- Lý thuyết: Thi tự luận
- Thực hành: Thi lâm sàng
- Điểm kết thúc học phần: (LT+TH)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường học tập tại trường với đầy đủ trang thiết bị học tập
- Giảng đường học thực hành tại bệnh viện.
- Sinh viên đi học lâm sàng tại TTUB – Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 01 Thực hành: 01

Phân bố thời gian (tiết): Lý thuyết: 15 Thực hành: 45

Số giờ tự học (tiết): 30

Đối tượng sinh viên: Y học dự phòng

Học phần tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, sinh lý bệnh, nội cơ sở, nội bệnh lý, ngoại, sản phụ khoa

Học phần học trước: Thần kinh

Học phần song hành

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học cổ truyền

Giảng viên giảng dạy: TS.Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS.Nguyễn Minh Thụy, ThS.Nguyễn Thị Thùy Dung, ThS.Nguyễn Thị Thanh Hoa, ThS.Lê Ngọc Sơn, ThS.Nguyễn Thị Thúy, BS.Đoàn Mỹ Hạnh, BSNT.Khúc Thị Song Hương, BS.Phạm Hải Dương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần YHCT cung cấp cho SV các kiến thức về

- Lý luận cơ bản của YHCT.
- Vị trí, tác dụng của các huyệt thường dùng.
- Tên gọi, bộ phận dùng, tác dụng, liều lượng của các vị thuốc nam thường dùng
- Kỹ thuật xoa bóp cơ bản
- Tư vấn điều trị và phòng bệnh một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, xoa bóp, thuốc nam

3.MỤC TIÊU

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Trình bày được nội dung cơ bản và ứng dụng của một số học thuyết YHCT
- Trình bày được vị trí, tác dụng của các huyệt thường dùng, làm được thủ thuật và xây dựng được công thức huyệt châm cứu trong điều trị một số bệnh thông thường.
- Trình bày được tên, bộ phận dùng, tác dụng, liều lượng của các vị thuốc nam thường dùng, ứng dụng trong điều trị một số bệnh thường gặp

- Làm được các động tác xoa bóp cơ bản
- Tư vấn điều trị và phòng bệnh một số bệnh thường gặp bằng châm cứu, xoa bóp, thuốc nam

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT LT	SỐ TIẾT TH	TỰ HỌC
1.	Học thuyết Âm dương- Ngũ hành	2		4
2.	Học thuyết tạng tượng Nguyên nhân gây bệnh	2		4
3.	Phương pháp chẩn đoán và điều trị của y học cổ truyền	2		4
4.	Đại cương châm cứu, hệ kinh lạc Vị trí, tác dụng 60 huyệt thường dùng	2	8	4
5.	Phương pháp châm cứu	2	8	
6.	70 vị thuốc nam thường dùng tại tuyến xã	2		
7.	Điều trị một số bệnh thường gặp bằng thuốc nam và châm cứu	3	8	4
8.	Chăm sóc BN cảm mạo bằng phương pháp dân gian		2	2
9.	Chăm sóc BN bằng phương pháp tập luyện dưỡng sinh		6	
10.	Kỹ thuật xoa bóp cơ bản		5	4
11.	Xoa bóp điều trị một số bệnh thường gặp		8	4
TỔNG SỐ		**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

Lý thuyết: Thuyết trình

Lâm sàng: Thực hành tại bệnh viện, thực hành trên mô hình, giảng đầu giường, thảo luận nhóm, bảng kiểm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Lâm sàng: Sinh viên tham gia trao đổi, thăm khám BN, trình bày ca lâm sàng, học thủ thuật dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Sinh viên tự học: nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình Y học cổ truyền dành cho Y5 Y học dự phòng do bộ môn biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 1, NXB Y học
2. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Bài giảng YHCT tập 2, NXB Y học
3. Khoa YHCT, trường ĐH Y Hà Nội (2010), Xoa bóp bấm huyệt, NXB Y học

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Đánh giá ban đầu: hỏithăm, phỏng vấn SV

Đánh giá trong quá trình

- Chuyên cần: Tham gia học tập trên lớp và đi lâm sàng tại bệnh viện đầy đủ

Lý thuyết: Đi học đầy đủ, nghỉ không quá 20% tổng số buổi học

Lâm sàng: Đi học đầy đủ, nghỉ học 01 buổi là không đủ điều kiện dự thi

-Kiểm tra thường xuyên:

Lâm sàng: Sinh viên thực hành thủ thuật. Đánh giá theo bảng kiểm

Lý thuyết: Thi viết cải tiến, thi test. Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra

Đánh giá kết thúc

-Thi kết thúc học phần:

Lâm sàng:Thi vấn đáp, thực hành thủ thuật

Lý thuyết: Thi test MCQ, test Đ/S

-Trọng số(%) các điểm

- Chuyên cần: là một trong những điều kiện quyết định sinh viên được tham gia thi kết thúc học phần
- Đánh giá ban đầu:10%
- Kiểm tra thường xuyên: 20%
- Thi kết thúc học phần: 70%

Điểm môn học = (điểm lý thuyết + điểm lâm sàng)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	Nguyễn Thị Thu Thiều

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN Y HỌC GIA ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
MÔN HỌC: Y HỌC GIA ĐÌNH NĂM HỌC

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần: Y học gia đình
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ Y học dự phòng
- Học phần tiên quyết: Nội bệnh học, Ngoại bệnh học, Nhi khoa, Sản - Phụ khoa, Truyền nhiễm và truyền thông - giáo dục sức khoẻ.
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Y học gia đình
- Giảng viên phụ trách giảng dạy:

STT	Giảng viên	Ghi chú
1	PGS.TS. Trịnh Thị Lý	Trưởng BM YHGĐ
2	ThS.BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	BM YHGĐ
3	ThS.BS. Nguyễn Văn Thành	BM YHGĐ
4	ThS.BS. Phùng Văn Duyên	BM YHGĐ
5	ThS.BS. Nguyễn Thùy Linh	BM YHGĐ

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học "Y học gia đình" giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyên ngành học gia đình tại Việt Nam. Sinh viên khi học xong môn học sẽ hiểu được một số nguyên tắc chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)

Sau khi học xong môn Y học gia đình, yêu cầu sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về y học gia đình để có khả năng:

- Trình bày được các khái niệm, nguyên lý, vị trí và vai trò của Y Học Gia đình trong hệ thống Y tế.
- Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Áp dụng được các nguyên lý y học gia đình vào giải quyết một số bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường.
- Nhận thức được vai trò của y hoc gia đình trong thực hành nghề nghiệp.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài	Lý thuyết	Tự học
	LÝ THUYẾT		
1	YHGĐ: nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ CSSK (Tổng quan YHGĐ)	04	08
2	Các công cụ đánh giá gia đình	04	08
3	Quy trình khám và quản lý bệnh nhân ngoại trú theo nguyên lý y học gia đình	04	08
4	Các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân, gia đình theo nguyên ly y học gia đình	03	06
	Tổng	**15**	**30**
	THỰC HÀNH		
1	Áp dụng các công cụ đánh giá gia đình vào nghiên cứu trường hợp	04	04
2	Thực hành kỹ năng giao tiếp và tư vấn cho bệnh nhân và gia đình theo tình huống cụ thể	06	06
3	Thực hành làm bệnh án y học gia đình	04	04
4	Thực hành chẩn đoán, hướng xử trí, theo dõi và dự phòng cho bệnh nhân và gia đình một số bệnh và tình huống cấp cứu thông thường	08	08

5	Thực hành các bước lập kế hoạch chăm sóc và quản lý sức khỏe cho cá nhân và gia đình.	08	4
	Tổng	**30**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)
- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)
- Đóng vai
- Xem phim

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Tài liệu phát tay của bộ môn

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bài giảng Y học gia đình (Đại học Y Hà Nội)– NXB Y học
- Y học gia đình (Đại học Y Dược thành phố HCM)– NXB Y học
- Family Practice – Mark A.Graber

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Học tại Trường tại các giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn..
- Thực hành: Học tại Khoa khám bệnh -Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- **Đánh giá ban đầu**: Hỏi sinh viên
- **Đánh giá trong quá trình học tập**:

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- Kiểm tra thường xuyên: kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu tài liệu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: Lý thuyết: Thi viết hoặc thi trắc nghiệm

  Thực hành: case study
- Điểm môn học = (điểm thi lý thuyết+điểm ca lâm sàng)/2

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

GS.TS. PHẠM VĂN THỨC

YHDP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH - DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số:
Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 1 Thực hành: 1
Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
Số giờ tự học (tiết): 30
Đối tượng sinh viên (dự kiến): Bác sỹ Y học sự phòng
Học phần tiên quyết: Sinh lý, Sinh lý bệnh-Miễn dịch
Học phần học trước: Điều dưỡng cơ bản
Học phần song hành: Da liễu, Tai mũi họng
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng
Giảng viên tham gia giảng dạy: Phạm Huy Quyến, Phùng Minh Sơn, Phạm Văn Linh, Nguyễn Thị Kim Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Vũ Thị Hồng,

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về cơ chế chung của phản ứng dị ứng; về cơ chế, biểu hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị các bệnh dị ứng thường gặp và các bệnh tự miễn chính.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về dị ứng và miễn dịch lâm sàng cơ bản để học tập, nghiên cứu các học phần liên quan: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Kiến thức:

- Trình bày được cơ chế chung của phản ứng dị ứng.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị các bệnh dị ứng thường gặp.
- Trình bày được cơ sở khoa học, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn của một số biện pháp trị liệu miễn dịch trong một số bệnh dị ứng và bệnh tự miễn.

Kỹ năng:

- Thực hành được test chẩn đoán bệnh dị ứng.
- Áp dụng các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị các cấp cứu phản ứng dị ứng (sốc phản vệ, cơn hen phế quản cấp, dị ứng thuốc…)

Thái độ: Có thái độ say mê tìm tòi học hỏi, yêu nghề, cẩn thận tỉ mỉ trong quá trình học tập.

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Đại cương về dị ứng học, dị nguyên, phương pháp điều trị đặc hiệu các bệnh dị ứng Thực hành test lảy da	2	4	4
2	Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu	1	2	2
3	Bệnh dị ứng nghề nghiệp	1	2	2
4	Viêm mũi dị ứng, Mày đay	1	4	2
5	Hen phế quản	2	4	4
6	Luput ban đỏ hệ thống	2	4	4
7	Bệnh tự miễn	2		4
8	Dị ứng thuốc	2	2	4
9	Sốc phản vệ	2	2	4
10	Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu		2	
11	Bệnh án dị ứng		2	
12	Viêm khớp dạng thấp		2	
Tổng		**15**	**30**	**30**

5. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực hành, thực tập,…	Tự học, tự nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Tuần 1:	- *Đại cương dị ứng học, dị nguyên* - *Chẩn đoán đặc hiệu* - *Viêm mũi dị ứng*	- Giảng viên phân tích cho sinh viên về nguồn gốc môn học, các khái niệm cơ bản và các phương pháp chẩn đoán đặc biệu các bệnh dị ứng - Giới thiệu các trọng điểm bài Viêm mũi				Sinh viên đọc trước bài ở nhà, tự nghiên cứu bài Viêm mũi dị ứng sau khi giảng viên hướng dẫn nội dung cần chú ý	

		dị ứng để sinh viên tự tìm hiểu					
	- Các phương pháp chẩn đoán dị ứng đặc hiệu *- Bệnh dị ứng nghề nghiệp*	- Giảng viên giới thiệu các phương pháp chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng, chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc, tiến hành - Giới thiệu một số bệnh nghề nghiệp thường gặp trong thực tế, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chi tiết				- Sinh viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm về các bệnh dị ứng nghề nghiệp khác có thể gặp trên thực tế trên cơ sở giảng viên đã hướng dẫn	
	- Hen phế quản *- Bệnh tự miễn* *- Luput ban đỏ hệ thống*	- Giảng viên phân tích chi tiết về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, thăm dò chức năng trong bệnh cảnh Hen phế quản - Hướng dẫn sinh viên các điểm trọng tâm cần lưu ý ở bệnh nhân mắc bệnh tự				- Sinh viên cần lưu ý các tiêu chuẩn chẩn đoán Luput ban đỏ hệ thống - Sinh viên tự tìm hiểu thêm về một số bệnh tự miễn sau khi đã được giảng viên hướng dẫn	

		miễn và luput ban đỏ hệ thống				trọng tâm	
	Dị ứng thuốc *- Sốc phản vệ*	- Giảng viên phân tích các triệu chứng nhận biết bệnh nhân dị ứng thuốc đặc trưng và hiếm gặp - Giảng viên phân tích sự thay đổi của các hệ cơ quan tương ứng triệu chứng lâm sàng khi bệnh nhân có sốc phản vệ					
Tuần 2:	*Thực hành lâm sàng*	Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành test lẩy da			Thực hành test lẩy da: sau khi được giảng viên nhắc lại phần lý thuyết, chỉ định, chống chỉ định, tiến hành thì sinh viên trực tiếp thực hành test chéo theo hình thức cặp đôi và đọc kết quả	Sinh viên tìm hiểu thêm các phác đồ điều trị số phản vệ cập nhật qua các năm theo khuyến cáo của WHO và Bộ y tế	

					dưới sự hướng dẫn của kĩ thuật viên - Bệnh án dị ứng		
	- *Thực hành lâm sàng*	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị - Giảng viên hướng dẫn quy trình tiến hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu và cách đọc kết quả			- Lâm sàng hen phế quản - Lâm sàng viêm khớp dạng thấp - Lâm sàng luput ban đỏ hệ thống - Lâm sàng dị ứng thuốc - Thực hành phản ứng tiêu bạch cầu đặc hiệu	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	
	- *Thực hành lâm sàng*	- Sau khi sinh viên trình bày tóm tắt bệnh án, giảng viên bổ sung góp ý và cùng sinh viên đưa ra chẩn đoán, hướng điều trị			- Lâm sàng sốc phản vệ - Lâm sàng viêm mũi dị ứng	Sinh viên tiếp tục khám và chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị cho các bệnh nhân khác trong khoa phòng	

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

6.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành: giảng lâm sàng tại bệnh viện, nghiên cứu các tình huống lâm sàng, thực hành các test chẩn đoán bệnh dị ứng

6.2. Phương pháp học và tự học

- Lý thuyết: nghe giảng, xem minh họa, thảo luận
- Thực hành: sinh viên thực hành các test chẩn đoán, tham gia trao đổi, thảo luận các tình huống lâm sàng, đóng vai
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu từng bài giảng để thuyết trình, thảo luận...

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình do Bộ môn Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn.

7.2. Tài liệu tham khảo

1. https://emedicine.medscape.com/allergy_immunology
1. Bài giảng dị ứng - Miễn dịch lâm sàng. - H. : Y học, 2011. – 174tr.
2. Dị ứng thuốc . - H. : Y học, 2011. - 397tr. ; 27cm
3. Hen phế quản. - H. : Y học, 2011. - 392tr. ; 27cm. Tập 2 : Phần thực hành, 2011. - 392tr.
4. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 1 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 199tr. ; 27cm
5. Miễn dịch đặc hiệu bằng dị nguyên : Tập 2 / Phạm Văn Thức. - H. : Y học, 2011. - 498tr. ; 27cm
6. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh về dị ứng - miễn dịch lâm sàng : Ban hành kèm theo Quyết định số 3942/QĐ-BYT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - H. : Y học, 2015. - 143tr. ; 27cm

8. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

8.1. Thi thực hành lâm sàng: sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng mới được thi hết học phần thực hành lâm sàng.

+ Hình thức thi: vấn đáp

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm từ 5.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được thi lần 2 trước khi thi lý thuyết

+ Sinh viên không tham dự số buổi học lâm sàng hoặc không đạt yêu cầu trong thi thực hành lần 2 sẽ không được tham gia thi lý thuyết và phải học lại học phần thực hành lâm sàng.

8.2. Thi lý thuyết:

- *Đánh giá ban đầu.*

+ Hình thức:đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của sinh viên về các môn học cần đạt trước khi học môn Dị ứng - MDLS

+ Yêu cầu: sinh viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học cần thiết bổ trợ cho việc học Dị ứng - MDLS

- *Đánh giá quá trình:* sinh viên cần tự giác thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và KTV, chủ động thăm khám bệnh nhân và chuẩn bị bệnh án học lâm sàng

- *Đánh giá cuối kỳ:* Sinh viên đạt điểm thực hành từ 5.0 trở lên và phải tham dự học ít nhất 90% tổng số tiết lý thuyết mới đủ điều kiện thi lý thuyết.

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 90 phút

+ Yêu cầu: sinh viên phải đạt điểm tổng kết từ 4.0 trở lên, sinh viên không đạt yêu cầu được tổ chức thi lần 2

+ Sinh viên tham dự học ít hơn 90% tổng số tiết lý thuyết thì nhận điểm 0 và phải thi lại.

+ Sinh viên không đủ điểm tổng kết 4.0 sau khi thi lý thuyết lần 2 hoặc tham dự học lý thuyết ít hơn 70% tổng số tiết lý thuyết thì phải học lại.

8.3. Cách tính điểm học phần:

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức: **TKHP = (LT + TH)/2**

9. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

9.1. Học phần lý thuyết: giảng đường có máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng sinh viên

9.2. Học phần thực hành lâm sàng: phòng thực hành giảng lý thuyết thực tập, phòng thực hành tiến hành các thực nghiệm với đầy đủ hóa chất, dụng cụ, phù hợp với nội dung bài giảng

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT	TRƯỞNG BỘ MÔN
	Phạm Huy Quyền

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y D HẢI PHÒNG

BỘ MÔN HOÁ SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC HOÁ SINH LÂM SÀNG

ĐỐI TƯỢNG: SINH VIÊN Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Mã số môn học: HS

2. Số tín chỉ: 2 tín chỉ; Lý thuyết: 1; thực hành: 1

3. Số tiết học: Lý thuyết: 15 tiết: thực hành: 30 tiết

4. Số lần thi: 2 Lý thuyết: 1, thực hành: 1

5. Mục tiêu: sau khi học xong môn hoá sinh, yêu cầu học viên phải khả năng:

   1. Trình bày đựơc cấu tạo hoá học và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống,
   2. Trình bày đựơc các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hoá sinh lâm sàng.
   3. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức hoá sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	Chuyên đề protid	4	4
2	Chuyên đề glucid	2	4
3	Chuyên đề lipid	2	0
4	Chuyên đề gan, thận	4	8
5	Chuyên đề máu, dịch sinh vật	3	14

	Cộng	**15**	**30**

Giảng viên: Phạm Thị Lý, Nguyên Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Phương Thảo, Bùi Thị Hương Giang, Dương Thị Minh Thoa

KTV: Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Phương Hạnh

Nội dung cụ thể cho từng bài học

1. Lý thuyết:

Bài mở đầu:

- Một số đơn vị sử dụng trong hoá sinh
- Danh pháp hoá sinh

Bài 1: Chuyên đề protid

1. Khái niệm về protid, phân loại và vai trò của protid?
2. Định nghĩa acid amin? Nhóm chức hoá học đặc trưng của acid amin?
3. Phân loại acid amin theo cấu tạo mạch và nhu cầu cơ thể.
4. Trình bày tính chất của acid amin và các ứng dụng trong y học
5. Mô tả vai trò của acid amin
6. Peptid là gì? Lấy ví dụ về một vài peptid sinh học.
7. Định nghĩa protein? Các liên kết trong phân tử protein? Các bậc cấu trúc của protein, mỗi loại cho một vi dụ?
8. Tính chất lý, hoá học của protein và ứng dụng trong y học
9. Phân loại protein? Vai trò của protein trong cơ thể người?

Enzym là gì? Những đặc điểm của chất xúc tác sinh học – enzyme?

10. Phân loại enzyme theo qui ước quốc tế, cho ví dụ minh hoạ?
11. Cấu tạo phân tử của enzyme?
12. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng enzyme?
13. Vai trò của coenzyme? Phân loại enzyme?
14. Liên quan giữa vitamin và enzym

15. Ví trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá protid?
16. Vị trí, đặc điểm về enzyme, coenzyme, cơ chất, và sản phẩm của quá trình thoái hoá nhóm amin theo con đường trao đổi amin?
17. Vị trí, đặc điểm về enzyme, coenzyme, cơ chất, và sản phẩm của quá trình thoái hoá nhóm amin theo con đường khử amin oxy hoá?
18. Số phận của NH_3 trong cơ thể?
19. Đặc điểm, ý nghĩa của quá trình khử nhóm carboxyl của acid amin?
20. Thành phần cấu tạo của acid nucleic? Cách gọi tên?
21. Vai trò của acid nucleic? Vị trí, sơ đồ, sản phẩm của quá trình thoái hoá base nitơ nhân purin?
22. Thành phần cấu tạo của Hb? Các loại Hb ở người?
23. Tính chất của Hb và các ứng dụng y học?
24. Vị trí, nguyên liệu, coenzyme tham gia tổng hợp Hb?
25. Vị tri, sơ đồ và đặc điểm của quá trình thoái hoá Hb ngoại mạch?
26. Mô tả rối loạn chuyển hoá Hb?

Bài 2: NLSH, glucid, lipid

1. Sự hình thành năng lượng ? Kết quả chuỗi hô hấp tế bào?
2. Định nghĩa sự phosphoryl oxy hóa, cho ví dụ minh hoạ?
3. Thế nào là liên kết giàu năng lượng? Đơn vị đặc trưng cho năng lượng?
4. Trình bày các liên kết giải năng lượng, Ví dụ, ý nghĩa?
5. Vị trí, nguyên liệu, kết quả về mặt năng lượng và sản phẩm của chu trình Krebs
6. Định nghĩa glucid? Vai trò của glucid với cơ thể sống?
7. Định nghĩa monosaccarid? Tính chất lý học và hoá học của monosaccarid? Ứng dụng?
8. Kể tên, công thức cấu tạo và tính chất của những disaccarid thường gặp?
9. Trình bày thành phần cấu tạo, vai trò, tính chất lý học của polysaccarid?
10. Vị trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá glucid? Quá trình hấp thu glucid?
11. Vị trí, enzyme tham gia, quá trình phân ly glycogen và sản phẩm?
12. Định nghĩa, vị trí, các giai đoạn, kết quả và ý nghĩa của con đường thoái hóa glucid
13. Vị trí, nguyên liệu và quá trình tân tạo glucose?
14. Mô tả các rối loạn chuyển hoá glucid thường gặp?

15. Định nghĩa lipid? Vai trò của lipid?
16. Thành phần cấu tạo, phân bố và vai trò của các lipid thuần? Tính chất của triglyceride, ứng dụng?
17. Thành phần cấu tạo, phân bố và vai trò của các phospholipid, glycolipid?
18. Thành phần cấu tạo, chuyển hoá, vai trò của các lipid máu (lipoprotein)?
19. Vị trí, enzyme tham gia và sản phẩm quá trình tiêu hoá lipid? Quá trình hấp thu lipid?
20. Vị trí, kết quả của quá trình thoái hoá acid béo no, mạch chẵn, lẻ, chưa bão hoà?
21. Sự hình thành thể cetonic và thoái hoá của nó, ý nghĩa?
22. Vị trí, nguyên liệu, enzyme tham gia và các giai đoạn của quá trình tổng hợp acid béo
23. Công thức cấu tạo, vai trò của cholesterol? Nguyên liệu tổng hợp và các yếu tố tham gia điều hoà tổng hợp cholesterol? Sản phẩm thoái hoá cholesterol?

Bài 3: Hoá sinh gan - mật, thận - nước tiểu

1. Mô tả thành phần cấu tạo của gan?
2. Trình bày chức năng chuyển hoá (glucid, lipid, protid) của gan? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng chuyển hoá của gan?
3. Trình bày chức năng tạo mật và bài tiết mật của gan/ Một số xét nghiệm đánh giá chức năng tạo mật?
4. Trình bày chức năng khử độc của gan? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng khử độc?
5. ~~Một số xét nghiệm đánh giá tổn thương gan?~~
6. Trình bày chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng lọc và bài tiết nước tiểu của thận?
7. Trình bày chức năng nội tiết của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng nội tiết của thận?
8. Trình bày chức năng thăng bằng acid - base của thận? Một số xét nghiệm đánh giá chức năng thăng bằng acid - base của thận?
9. Thành phần nước tiểu bình thường? Bệnh lý?
10. Cơ chế xuất hiện: đường, protein, cetonic, bilirubin trong nước tiểu?
11. Một số xét nghiệm đánh giá tổn thương thận, suy chức năng thận?

Bài 10: Hoá sinh máu

1. Định nghĩa hệ đệm? Vai trò của hệ đệm?

2. Trình bày các hệ đệm trong cơ thể? Cơ chế hoạt động của hệ đệm bicarbonate?
3. Vai trò của nước và một số chất điện giải (natri, kali, clo, calci)
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trao đổi nước, điện giải?
5. Sự trao đổi nươc giữa gian bào và lòng mạch?
6. Sự trao đổi muối - nước giữa trong và ngoài tế bào?
7. Một số chỉ số đánh giá tình trạng vận chuyển nước và điện giải
8. Rối loạn trao đổi muối nước
9. Trình bày nguồn gốc, các yếu tố điều hoà, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các chất hữu cơ không enzyme, không hormone trong huyết tương?
10. Trình bày nguồn gốc, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các enzyme trong huyết tương?
11. Khái niệm về hormone? Vai trò của hormone? So sánh hormone và enzyme?
12. Phân loại hormone theo tuyến bài tiết, chất tiếp nhận và câu tạo?
13. Trình bày cấu tạo, cơ chế tác dụng của hormone co bản chất acid amin và peptid (catecholamine)?
14. Trình bày phân loại, tác dụng, chuyển hoá của hormone steroid?
15. Trình bày nguồn gốc, vai trò, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các hormone trong huyết tương?
16. Trình bày nguồn gốc, vai trò, giá trị bình thường, biến đổi bệnh lý và chỉ định các chỉ dấu khối u trong huyết tương?

- Thực hành:

Với mỗi bài thực hành, sinh viên cần chuẩn bị trước nguyên lý các phản ứng, ngoài ra, sinh viên cần chuẩn bị các nội dung theo hướng dẫn sau:

Tên bài	**Nội dung**	**Phần lý thuyết cần chuẩn bị**
Bài 1: Glucid - Lipid	Hướng dẫn sử dụng dụng cụ	
	1. Phản ứng Fehling	Tính tính khử của monosaccarid.
	2. Phản ứng xác định tính khử của disaccarid	Cấu tạo và tính khử của disaccarid

	3. Tìm acid lactic trong cơ 4. Nhũ tương hoá dầu lạc	Thoái hoá glucid theo con đường đường phân Định nghĩa lipid. Phân loại lipid
Bài 2: Protid - enzym	1. Phản ứng biure 2. Tủa protein bằng nhiệt độ 3. Tủa protein bằng KL nặng 5. Hoạt động của enzyme transaminase, catalase	Tính chất của peptid. Tính chất hoà tan, kết tủa, biến tính của protein Phân bố, phân nhóm, hoạt động xúc tác của enzyme catalase.
Bài 3: NLĐQ, Máu, Nước tiểu	1. Nguyên lý đo quang 2. Định lượng albumin, protein, calci, huyết thanh 3. Tìm protein niệu 4. Phản ứng Rivalta	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm albumin, protein, calci huyết thanh, protein niệu
Bài 4: Máu, nước tiểu	1.Định lượng glucose, choles, tri, HDL-C, huyết thanh 2. Tìm glucose, cetonic trong nước tiểu.	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm glucose, choles, tri, huyết thanh?
Bài 5	1.Định lượng ure, creatinin; acid uric huyết thanh 2. Tổng phân tích nước tiểu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm ure, creatinin, acid uric
Bài 6: XNĐG CN gan	1. Định lượng bilirubin tp, tt 2.Đo hoạt độ AST, ALT, 3. Tìm STM, MM niệu	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm bilirubin tp, tt AST, ALT, huyết thanh và STM, MM niệu

Bài 7	Đo hoạt độ amylase, CK Phân tích phiếu xét nghiệm	Nguồn gốc, giá trị bình thường, giá trị bất thường, các bệnh lý liên quan; chỉ định xét nghiệm amylase, CK trong huyết thanh

7. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: - Kết hợp phương pháp truyền thống (phấn bảng) và hiện đại (máy chiếu)

- Thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp (case study)

Thực hành: - bắt tay chỉ việc (learning by doing) kết hợp phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ

8. Lượng giá:

- Ban đầu: phỏng vấn nhanh

- Trong khi học: kiểm tra bài cũ

- Cuối kỳ: thi hết môn

- Điều kiện được dự thi:

+ Lý thuyết: - không được vắng quá 10% số giờ lý thuyết

- Điểm thực hành: ≥5

+ Thực hành: học đủ các bài thực hành

- Thi - Lý thuyết: thi trả lời câu hỏi MCQ trên máy tính
  - Thực hành: trình bày nguyên tắc, tiến hành, nhận định kết quả và ứng dụng y học của 1 thí nghiệm; chỉ định xét nghiệm cần thiết cho 1 tình huống lâm sàng, trình bày nguyên tắc, tiến hành một kỹ thuật hoá sinh lâm sàng cơ bản, biện luận kết quả vừa đo được

- Điểm học phần = Điểm lý thuyết

9. Tài liệu học tập:

Bài giảng hoá sinh của Bộ môn Hóa sinh, ĐHYDHP

Tài liệu thực hành của Bộ môn Hoá sinh ĐHYDHP

10. Tài liệu tham khảo

Hoá sinh: dùng cho đào tạo cao đẳng y học, Phạm Thị Minh Thư, Nxb GD, 2010

Hoá sinh: Sách đào tạo bác sỹ đa khoa, Nghiêm Xuân Luật, 2007

Thực tập hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội, 2005

Hóa sinh lâm sàng, Tạ Thành Văn, Nxb Y học, 2013

11. Cơ sở vật chất

Thực hành:

- Phòng thực hành đầy đủ bàn, ghế, thoáng khí phục vụ thực hành

- Dụng cụ:

+ Giá ống thí nghiệm, ống thí nghiệm, nồi cách thủy, pipet thủy tinh, quả bóp cao su, hóa chất phục vụ thí nghiệm

+ Giá ống xét nghiệm, ống xét nghiệm, bể ủ ấm, pipet tự động, hóa chất phục vụ xét nghiệm, máy hóa sinh bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động

Lý thuyết: giảng đường đầy đủ âm thanh, ánh sáng, máy chiếu

12. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 2 năm 1.

Môn học tiên quyết: hoá học, sinh học, giải phẫu học

Môn học song hành: mô phôi, sinh lý

Giảng viên hỗ trợ học tập: Phụ trách bộ môn ThS Nguyễn Thị Phương Mai

Sđt: 0983731209

E-mail: ntpmai@hpmu.edu.vn

XÁC NHẬN CỦA BGH	Phó trưởng phụ trách bộ môn
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	ThS Nguyễn Thị Phương Mai

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
ĐƠN VỊ KỸ NĂNG Y KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KỸ NĂNG Y KHOA CƠ BẢN
(Tiền lâm sàng- Skillslab)

I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 00 Thực hành: 02
Phân bố thời gian (tiết): 60 Lý thuyết: 00 Thực hành:60 tiết
Số giờ tự học (tiết): 60 tiết
Đối tượng sinh viên: năm thứ 2 hệ bác sỹ y học dự phòng.
Học phần tiên quyết: hoàn thành các môn cơ sở, cơ bản.
Học phần học trước: Điều dưỡng cơ bản, tâm lý y học- đạo đức y học
Học phần song hành: Truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm, sức khỏe môi trường.
Bộ môn phụ trách giảng dạy: Đơn vị kỹ năng y khoa (Skillslab).

II. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

- Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp cơ bản, kỹ năng thăm khám, kỹ năng thủ thuật. Các kỹ năng này sinh viên được chia nhóm nhỏ, học và thực hành bằng các phương pháp đóng vai, trình diễn, thực tập trên mô hình, bệnh nhân giả, video… trước khi sinh viên đi bệnh viện. Mục tiêu là để sinh viên làm quen và thuần thục các kỹ năng trước khi sinh viên thực tập trên người bệnh để hạn chế rủi ro và mang tính nhân văn đối với người bệnh.

- Trước khi sinh viên lên lớp học, sinh viên cần đọc giáo trình về nội dung bài học, chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để thuyết trình hoặc thảo luận. Ngoài ra, sinh viên đọc các tài liệu tham khảo có liên quan đến chủ đề bài học để hiểu chủ đề học sâu sắc hơn. Sinh viên tự thực hành các kỹ năng tại phòng skills-lab

III. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Thực hành được các kỹ năng(giao tiếp cơ bản, thăm khám, thủ thuật) thuần thục trước khi đi thực hành lâm sàng.

IV. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
Kỹ năng giao tiếp				
1	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	0	4	4
2	Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm bệnh án	0	4	4
3	Kỹ năng giao tiếp với người bệnh và người nhà bệnh nhân	0	4	2
4	Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	0	4	2
5	Kỹ năng giao tiếp với cộng đồng	0	4	2
6	Kỹ năng thảo luận nhóm	0	4	2
7	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	0	8	2
8	Kỹ năng tham vấn nuôi dưỡng trẻ	0	0	4
9	Hướng dẫn điều trị tiêu chảy ở nhà bằng đường uống Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ uống thuốc tại nhà	0	0	4
Kỹ năng thăm khám				
10	Kỹ thuật khám cơ bản và toàn thân	0	4	4
11	Kỹ thuật khám hệ tuần hoàn	0	4	4
12	Kỹ thuật khám hệ hô hấp	0	4	4
13	Kỹ thuật khám hệ tiêu hóa	0	4	4
14	Kỹ thuật khám thận- tiết niệu	0	0	2
15	Kỹ thuật khám bướu giáp	0	0	2
16	Kỹ thuật khám cơ- xương- khớp	0	4	4
17	Kỹ thuật khám vú	0	0	2
18	Khám thai trong thai kỳ	0	0	2
19	Khám phụ khoa	0	0	2
Kỹ năng thủ thuật				
20	Kỹ năng đặt nội khí quản và bóp bóng qua mặt nạ	0	4	2
Cận lâm sàng				
21	Kỹ năng đọc một phim X quang phổi thẳng bình thường	0	4	2
TỔNG SỐ		**0**	**60**	**60**

V. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy

- Thực hành: Thực hành bằng phương pháp đóng vai, bệnh nhân giả, video, mô hình, trình diễn thực tập, thảo luận nhóm nhỏ, bài tập tình huống, dựa trên vấn đề, y học chứng cứ.

2. Phương pháp học và tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng, thảo luận nhóm, động não, làm bài tập, thuyết trình, tự thực hành và xem video trên skillslab, thu thập thông tin, kiểm tra theo yêu cầu môn học.

VI. CHỊU TRÁCH NHIỆM GIẢNG DẠY

- Đơn vị huấn luyện kỹ năng y khoa.
- TS. Thái Lan Anh, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Phạm Thị Thư, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Nguyễn Thị Phương, khoa Điều dưỡng.
- ThS. Bùi Thị Thanh Mai, khoa Điều dưỡng.
- BS. Trần Đức Trung, đơn vị kỹ năng y khoa.
- TS. Vũ Văn Thái, bộ môn Ký sinh trùng, phó khoa XQ.
- Các giảng viên bộ môn Nhi
- Các giảng viên bộ môn Sản

VII. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

1. Tài liệu giảng dạy

- *Tài liệu giảng dạy kỹ năng y khoa*, đơn vị kỹ năng y khoa, trường Đại học y Hải Phòng.

2. Tài liệu tham khảo

- Nhà xuất bản y học (2009), kỹ năng y khoa cơ bản
- Nhà xuất bản y học (2007), bài giảng huấn luyện kỹ năng y khoa.

VIII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá ban đầu: Đặt câu hỏi – sinh viên trả lời

2.Đánh giá quá trình:

- *Chuyên cần:* tham gia học trên lớp và thực hành tại bệnh viện đầy đủ, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà) chiếm trọng số 1/3 điểm học phần.

3. Đánh giá hết môn:(có trọng số là 2/3 điểm học phần) chia thành 2 nhóm (kỹ thuật khám cơ bản chiếm 1/3 điểm học phần, kỹ năng giao tiếp/ kỹ năng thủ thuật/ khám nhi/ khám sản chiếm 1/3 điểm học phần)

* Công thức tính điểm học phần như sau:

A = (A1+ A2+A3)/3

Trong đó: **A**: là điểm của học phần

A1: là điểm chuyên cần

A2: là điểm kiểm tra trạm kỹ năng thăm khám

A3: Là điểm kiểm tra kỹ năng giao tiếp/ thủ thuật

IX. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thực hành:

Vật liệu dạy học: Phòng thực hành, phấn, bảng, máy tính, mô hình, giấy A0, bút màu, máy chiếu, màn chiếu.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	THÁI LAN ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC: MỘT SỨC KHỎE

Đối tượng: Sinh viên Y học dự phòng Y6		**Mã số:**
Số tín chỉ: 2	**Lý thuyết: 1**	**Thực hành: 1**
Số tiết học: 30	**Lý thuyết: 15**	**Thực hành: 30**
Số giờ tự học: 30	**Lý thuyết: 30**	**Thực hành:**
Số lần kiểm tra: 2		

1. MÔ TẢ MÔN HỌC

Một sức khỏe là một cách tiếp cận xuyên ngành tại các cấp địa phường, quốc gia, quốc tế và áp dụng các kiến thức chuyên môn nhằm cải thiện tối đa sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường. Môn học giới thiệu các nội dung cơ bản về Một sức khỏe, các năng lực cốt lõi và vai trò của những năng lực trong hỗ trợ giải quyết các vấn đề Một sức khỏe.

2. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng:

Mục tiêu kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm và ứng dụng của Một sức khỏe
2. Phân tích và áp dụng các năng lực cốt lõi trong giải quyết vấn đề Một sức khỏe
3. Trinh bày được các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phân tích nguy cơ bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.

Mục tiêu thái độ:

1. Nhìn nhận được vai trò quan trọng và cần thiết của Một sức khỏe trong y học.
2. Sẵn sang áp dụng những nguyên tắc và năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề cộng đồng.

Mục tiêu kỹ năng:

1. Trả lời và phân tích được khái niệm Một sức khỏe
2. Phân tích được nguy cơ các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.
3. Áp dụng 7 năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề sức khỏe.

3. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Tên bài giảng	LT	TH	Tự học	Giảng viên tham gia
1.	Tổng quan và các khái niệm cơ bản về cách tiếp cận MSK	2	0	4	Phạm Minh Khuê
2.	Sức khỏe hệ sinh thái	1	4	2	Dương Thị Hương
3.	Tư duy hệ thống	1	4	2	Phạm Minh Khuê
4.	Tác nhân gây bệnh và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong MSK	2	2	4	BM Truyền nhiễm
5.	Bệnh lây truyền giữa động vật và người	2	0	4	BM Ký sinh trùng
6.	Các chính sách liên quan đến cách tiếp cận MSK	1	2	2	Nguyễn Bá Dụng
7.	Yếu tố văn hóa trong cách tiếp cận MSK	1	4	2	Trần Thị Thúy Hà
8.	Phân tích nguy cơ bệnh truyền nhiễm	1	4	2	Nguyễn Thị Thắm
9.	Kinh tế MSK	2	0	4	Trần Thị Bích Hồi
10	Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong cách tiếp cận MSK	2	2	4	Nguyễn Thị Thanh Bình
11	Xây dựng tình huống	0	8	0	BM truyền nhiễm
	Tổng số giờ	15	30	30	

4. Phương pháp dạy học:

- Giảng dạy tích cực
- Thảo luận nhóm
- Làm tình huống mẫu
- Tham quan thực địa

5. Lượng giá

- Thi viết cải tiến
- Thi trắc nghiệm

- Làm bài tập chuyên đề
- Đánh giá học phần

Điểm tổng học phần = Điểm thi lý thuyết

6. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế công cộng, trường Đại học Y Hải Phòng
- Trường Đại học Y Hà Nội, Một sức khỏe trong Y học dự phòng và Y tế công cộng, NXB Y học (2014)
- Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam, Năng lực cốt lõi Một sức khỏe, NXB Y học

7. Tên bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Các bộ môn thuộc Khoa Y tế Công cộng-Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

8. Chuẩn bị cơ sở vật chất

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Phòng thực hành tại khoa Y tế công cộng

Hải Phòng,ngày.....tháng.....năm 2015

BAN GIÁM HIỆU	KHOA YTCC
PGS.TS Phạm Văn Hán	BS CKII. Nguyễn Bá Dụng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGHIỆN CHẤT

ĐỐI TƯỢNG: Y HỌC DỰ PHÒNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 32 Thực hành: 0
- Số giờ tự học: 60
- Đối tượng sinh viên: Y học dự phòng năm
- Học phần tiên quyết: Dịch tễ học, Bệnh học nội khoa, Truyền nhiễm, Sức khỏe tâm thần,
- Học phần học trước: Giáo dục sức khỏe
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Y tế công cộng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Tệ nạn ma túy có tác hại rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội, hạnh phúc, giống nòi, làm suy thoái về đạo đức, lối sống, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm như trộm cắp, cướp của giết người, lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng…, đồng thời cũng là nguyên nhân chính dẫn đến đại dịch HIV của thế giới.

Ma túy và sử dụng ma túy diễn biến phức tạp trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Sự gia tăng về số lượng, chủng loại các loại ma túy và thay đổi trong xu thế sử dụng ma túy của cộng đồng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, khả năng mắc bệnh, tăng nguy cơ tử vong ở các mức độ khác nhau của người sử dụng ma túy.

Tiêm chích ma túy làm gia tăng sự lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm như viêm gan vi rút, HIV/AIDS trong cộng đồng người nghiện ma túy và nguy cơ lan truyền rộng trong cộng đồng. Chuyên đề này nhằm giúp sinh viên y học dự phòng có được kiến thức tổng hợp và mối liên hệ trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế về các vấn đề liên quan đến nghiện chất, tâm thần, HIV và viêm gan vi rút để phục vụ cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng của bác sĩ y học dự phòng trong tương lai.

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

a. Trình bày được khái niệm cơ bản về nghiện chất

b. Trình bày được dịch tễ học cơ bản và gánh nặng bệnh tật xã hội của nghiện chất

c. Trình bày được chính sách và các biện pháp can thiệp giảm hại đối với nghiện chất.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	Số giờ LT	Số giờ TH	Số giờ tự học	Phân công giảng dạy
1	Tổng quan về nghiện chất	4	0	8	Cô Thắm
2	Một số chất gây nghiện chính (dịch tễ, dược lý)	8	0	12	Cô Thắm
3	Chính sách và các can thiệp với vấn đề sử dụng chất gây nghiện	8	0	12	Cô Hà
4	Chẩn đoán và điều trị nghiện	4	0	8	Cô Linh
5	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone	4	0	12	Cô Giang
6	Dự phòng can thiệp	4	0	8	Cô Giang
	Tổng	**32**	**0**	**60**	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học
- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Khoa Y tế công cộng, Tài liệu phát tay (2017)
- Các bài tập tình huống, ca lâm sàng

6.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2011). Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone. Nhà xuất bản y học
- Tổ chức y tế thế giới. Hướng dẫn lâm sàng về xử trí hội chứng cai và điều trị lệ thuộc ma túy trong cơ sở khép kín.
- Bộ y tế (2015). Tài liệu đào tạo điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone.
- Ủy ban quốc gia phòng chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (2011). Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

- Nghị định 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
- Trường Đại học Lao động và xã hội (2013). Giáo trình chất gây nghiện và xã hội. Nhà xuất bản Lao động và Xã hội

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp
- Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Thi kết thúc học phần: trình bày nhóm theo vấn đề được giao
- Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi lí thuyết

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường, máy chiếu, phấn bảng

9. BÀI TẬP THẢO LUẬN

- Các hình thức cai nghiện đang được áp dụng tại Việt Nam, hiệu quả của các phương pháp
- Kết quả điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone tại Việt Nam
- Ảnh hưởng xã hội của nghiện chất
- Đặc điểm nghiện chất ở tuổi thanh thiếu niên
- Vấn đề sử dụng rượu, thuốc lá ở sinh viên
- Vấn đề sử dụng điện thoại thông minh ở sinh viên: ưu điểm và ảnh hưởng

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN THỨC

ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
BỘ MÔN: PL&CSYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ

1.Mã số: Pháp luật và chính sách y tế

2.Số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành:

3. Số tiết học: 30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 0

4. Số lần kiểm tra: 2 (Lý thuyết: 2; Thực hành: 0)

5.Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Bộ môn Pháp luật và Chính sách y tế thuộc Bộ môn Y học xã hội

6. Đối tượng: y học dự phòng

7. Giảng viên giảng dạy:

- TS.Nguyễn Hải Ninh
- ThS.Nguyễn Thị Lan Anh
- BSCKII. Nguyễn Bá Dụng

8. Mục tiêu môn học:

1. Trình bày được những kiến thức chung về nhà nước và pháp luật.
2. Trình bày được kiến thức cơ bản của pháp luật chuyên ngành
3. Trình bày được kiến thức cơ bản về pháp luật chính sách y tế.
4. Trình bày được quá trình hình thành, vai trò, ý nghĩa của luật BVSKND
5. Trình bày được nội dung chính của luật khám chữa bệnh và luật bảo hiểm y tế trong công tác y tế hiện nay.
6. Trình bày được khái niệm một số chính sách về y tế của Đảng và Nhà nước.
7. Vận dụng được những KT môn học vào thực tế công việc và cuộc sống.

9.Nội dung:

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1	Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	3		4
2	Nhà nước nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Bộ máy Nhà nước và Hệ thống chính trị	1		2

TT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
3	Khái niệm, thuộc tính, hình thức pháp luật, QPPL và VBQPPL	2		4
4	Quan hệ PL, thực hiện PL, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.	2		4
5	Luật Hiến Pháp – Luật Dân sự, Tố tụng dân sự	3		7
6	Luật Hành chính – Luật Lao động	3		7
7	Luật Hình sự - Pháp luật phòng chống tham nhũng	3		7
8	Pháp Luật Kinh tế - Luật Hôn nhân gia đình	3		4
9	Khái niệm về luật pháp chính sách trong y tế, vai trò, ý nghĩa về nội dung các luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân	3		7
10	Nội dung của luật khám chữa bệnh và luật BH y tế	4		7
11	Một số chính sách về y tế của nhà nước Việt Nam	3		7
	TỔNG SỐ:	**30**		**60**

10. Phương pháp dạy - học:

10.1. Phương pháp dạy:

- Lý thuyết: thuyết trình , thảo luận nhóm, bài tập tình huống

- Bài tập tình huống: Đưa ra các giả thuyết nhận định và phân tích tình huống, thảo luận nhóm, đưa ra bài học

10.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi làm các bài tập tình huống: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và phân tích, nhận định từ đó rút ra hướng giải quyết vấn đề.

- Sinh viên tự học: sinh viên chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

11. Lượng giá:

- Kiểm tra đánh giá ban đầu: Hỏi thăm sinh viên về tình hình học tập, thi. Sinh viên cần học trước các học phần: NLCB1,2 để việc học tập tại bộ môn hiệu quả hơn.

- Kiểm tra đánh giá trong quá trình học: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn

Đưa ra các tình huống liên quan các nội dung được học và tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn chia nhóm giải quyết

- Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

+ Lý thuyết: thi trắc nghiệm

+ Tỷ trọng điểm: LT

12. Tài liệu học tập:

12.1. Tài liệu giảng dạy

1. Tài liệu do Pháp luật và chính sách y tế Bộ môn biên soạn,

12.2. Tài liệu tham khảo

1.Bộ Luật Dân sự 2005
2.Bộ Luật Lao động 2012
3.Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014.
4.Luật khám chữa bệnh 2009
5.Chính sách y tế
6.Luật phòng chống tham nhũng

12. Cơ sở vật chất:

- Lý thuyết: giảng dạy tại các giảng đường có trang bị máy chiếu.

BAN GIÁM HIỆU	TRƯỞNG BỘ MÔN
HIỆU TRƯỞNG GS.TS. Phạm Văn Chức	TS.Nguyễn Hải Ninh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: THỐNG KÊ Y HỌC ỨNG DỤNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 1 Thực hành: 2
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 30
- Số giờ tự học: 30
- Đối tượng sinh viên: bác sĩ y học dự phòng năm thứ 6
- Học phần tiên quyết: Toán xác suất thống kê
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ thống kê – Tin học (Khoa Y tế công cộng)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học này nhằm giới thiệu những nội dung cơ bản của xác suất thống kê áp dụng trong y học, thông qua những ví dụ, những bài tập lấy từ thực tế để sau khi học xong môn học sinh viên sẽ biết áp dụng vào thực tế ngành nghề của mình.

Môn học này cũng cung cấp một số phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS. Sinh viên sẽ biết được các loại dữ liệu, cách thức mã hóa và nhập liệu, cách tóm tắt, trình bày số liệu ....Đồng thời giúp sinh viên biết dùng các công cụ thống kê để suy đóan, ra quyết định mang tính định lượng trong y sinh học như ước lượng, kiểm định giả thiết...

Sinh viên cần tìm hiểu trước nội dung liên quan đến các chủ đề bài giảng trước mỗi buổi học dựa trên các tài liệu học tập của bộ môn, tài liệu tham khảo chuyên ngành; thực hiện thảo luận nhóm các bài tập sau mỗi buổi học theo yêu cầu của giảng viên.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có khả năng:

- Liệt kê được các ứng dụng cơ bản của thống kê trong thu thập thông tin, thống kê, báo cáo số liệu nghiên cứu khoa học và quản lý y tế.
- Trình bày được một số khái niệm thống kê cơ bản áp dụng trong y học và y tế công cộng như phân bố chuẩn, thống kê mô tả, thống kê suy luận;

- Phân loại và xác định được các biến số cần thiết trong nghiên cứu, cách chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, cách thu thập, phân tích, xử lý, tổ chức và trình bày số liệu;
- Trình bày được ý nghĩa của một số test thống kê thông dụng và lựa chọn chúng trong phân tích, xử lý số liệu.
- Sử dụng được máy tính hỗ trợ cho việc xác định cỡ mẫu, thiết kế công cụ thu thập số liệu, phân tích và trình bày số liệu.

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI / CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT		
		LT	TH	Tự học
1.	Đại cương về thống kê y sinh học, khái niệm về thống kê mô tả và thống kê suy luận. Phân loại biến số, chỉ số, cách xác định biến số trong nghiên cứu	2	2	4
2.	Số liệu y tế: Loại số liệu, nguồn và cách thu thập. Phương pháp tham khảo tài liệu và tìm kiếm các nguồn thông tin sẵn có trên mạng	1	2	2
3.	Tổ chức và tổng hợp số liệu định tính, định lượng	2	2	4
4.	Phương pháp trình bày số liệu bằng bảng, biểu, đồ thị và thực hành trình bày số liệu trên máy tính	1	4	2
5.	Phân bố số liệu, khái niệm về phân bố chuẩn	2	2	4
6.	Quần thể, mẫu và cỡ mẫu trong nghiên cứu; thực hành tính toán cỡ mẫu	1	2	2
7.	Ước lượng số liệu từ mẫu ra quần thể nghiên cứu, khoảng tin cậy	1	4	2
8.	Kiểm định giả thuyết thống kê, giới thiệu và cách lựa chọn một số test thống kê cơ bản	2	6	4
9.	Phân tích tương quan, hồi quy, và đo lường mối liên quan giữa các biến số	2	4	4
10.	Khái niệm về sai số, nhiễu trong nghiên cứu và cách khống chế	1	2	2
	TỔNG SỐ:	**15**	**30**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1.Phương pháp dạy

- Lí thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống

- Thực hành: thực tập nhận định và phân tích kết quả, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân tại phòng máy tính.

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học

- Khi thực tập: sinh viên áp dụng lí thuyết đã học, đọc tài liệu và giảng thực hành để hoàn thành bài tập thực hành được giao

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Dinh dưỡng và An tòan thực phẩm (2012), Trường Đại học Y Hải phòng. Nhà xuất bản Y học
- Tài liệu thực tập của BM Dinh Dưỡng & ATTP
- Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cộng đồng. Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học
- Thực hành Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2012). Trường Đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản y học
- Tài liệu thực tập, các bài tập tình huống

6.2. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu phát tay Khoa Y tế Công Cộng, trường Đại học Y Hải phòng (2018)
- Sách thống kê y tế công cộng, tài liệu tham khảo về EPI-INFFO
- Sách nghiên cứu khoa học
- Lê Cự Linh, Phạm Việt Cường, Trần Thị Lựu, Thống kê y tế công cộng- Phần thống kê cơ bản, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.
- Lê Cự Linh, Phạm Việt Cường, Trần Thị Lựu, Thống kê y tế công cộng - Phần Phân tích số liệu, Nhà xuất bản Giáo dục, 2009.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực hành
- Kiểm tra thường xuyên: 02 bài kiểm tra về các nội dung tự học, tự nghiên cứu hoặc câu hỏi ngắn
- Kiểm tra thực hành: bài tập tính toán thực hành

- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm MCQ, câu hỏi ngỏ ngắn, câu hỏi đúng sai, kết hợp với bài tập tính toán
- Điểm thi kết thúc học phần = (LT*2+TH)/3

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

BAN GIÁM HIỆU **KHOA YTCC**

PGS.TS Phạm Văn Hán

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Phạm Văn Chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
Bộ môn: YHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
=====&=====

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT Y HỌC BIỂN

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Mã học phần:
- Tổng số tín chỉ: 01
- Phân bố thời gian: Lý thuyết: 15 Thực hành: 45
- Số giờ tự học: 30 giờ
- Học phần tiên quyết: Sinh viên phải học xong tín chỉ nội, ngoại triệu chứng.
- Học phần học trước: Không
- Đối tượng sinh viên: Bác sĩ y học dự phòng
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Các Bộ môn thuộc Khoa Y học biển
- Các giảng viên tham gia giảng dạy:

1.GS.TS Nguyễn Trường Sơn
2.PGS.TS Trần Thị Quỳnh Chi
3.BSNT Nguyễn Bảo Nam
4.Ths Nguyễn Văn Tâm
5.Ths Đỗ Thị Hải
6. Ths Đoàn Thị Phương
7.Ths Lương Xuân Tuyến
8. BS Đỗ Thị Huế

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Điều kiện sống và lao động trên biển có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe và sự phát sinh bệnh tật, nhất là các loại bệnh tật có tính chất đặc thù của những người sinh sống và lao động trên biển.

- Việc nghiên cứu điều kiện sống và lao động của các lao động và nhân dân trên biển đảo sẽ cung cấp cho các sinh viên những hiểu biết lý luận cơ bản về tác động của môi trường khí hậu biển và điều kiện lao động trên biển đến sức khỏe của con người. Đồng thời trang bị cho họ các kiến thức và kỹ năng để bảo vệ và phòng ngừa bệnh tật, tai nạn nghề nghiệp trên biển cho các đối tượng kể trên.

- Đây là một trong những môn học đặc thù của chuyên ngành Y học biển. Nó cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các loại bệnh lý đặc thù và có tính chất nghề nghiệp của những lao động làm nghề biển. Đó là những loại bệnh lý có nguyên nhân hoặc có liên quan mật thiết với điều kiện sống và lao động trên biển và dưới nước sâu. Môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về bệnh nguyên, bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các loại bệnh này.

- Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thảm họa nói chung và thảm họa biển nói riêng, những vấn đề về y tế và y học phải giải quyết trong và sau thảm họa, tổ chức phòng chống thảm họa...

Trong chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa tại các trường đại học y, sinh viên đã được học chương trình cấp cứu ở nhiều môn học như Nội khoa, Ngoại khoa, cấp cứu của các chuyên khoa. Tuy nhiên, chương trình mới chỉ chú ý đến phương pháp giải quyết tại các tuyến y tế ở trên bờ. Điều kiện cấp cứu ở trên biển có nhiều điểm khác biệt so với trên đất liền. Do đó, việc tổ chức các hoạt động cấp cứu, vận chuyển nạn nhân, phương thức cấp cứu ngoài kiến thức chung cần phải được bổ sung thêm những kiến thức đặc thù của cấp cứu biển.

- Tele-Medicine là một môn học hoàn toàn mới nó gắn liền với sự phát triển của công nghệ thông tin, qua đó cho phép các cơ sở y tế trên bờ có đủ khả năng trợ giúp hoạt động cấp cứu, khám chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng lao động và nhân

dân trên biển đảo một cách rất hiệu quả. Do đó, sinh viên cũng cần được bổ sung nội dung này.

- Y học dưới nước và cáp suất cao là một môn học đặc thù của chuyên ngành Y học biển. Môn học nghiên cứu đặc điểm của môi trường lao động dưới nước, môi trường áp suất cao và tác động của nó đến các chức năng của cơ thể người.

- Nghiên cứu các biện pháp hoạt động của con người trong môi trường nước và áp suất cao vì các mục đích khác nhau.

- Nghiên cứu các tai biến, bệnh lý có thể xảy ra cho con người khi hoạt động trong môi trường này, đồng thời nghiên cứu các biện pháp điều trị đặc hiệu và phòng tránh các tai biến và bệnh lý này.

- Y học cao áp lâm sàng nghiên cứu tác dụng của môi trường áp suất cao và tác dụng của ôxy trong môi trường này đến các chức năng của cơ thể người, đặc biệt là chức năng chuyển hóa ở tế bào. Qua đó nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ Y học cao áp nói chung và ôxy cao áp nói riêng vào điều trị các loại bệnh lý khác nhau ở lâm sàng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

1) Trình bày được các đặc điểm khí hậu và môi trường biển và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sự phát sinh bệnh tật của các lao động và người dân sinh sống trên biển đảo.
2) Trình bày được các đặc về môi trường lao động trên biển đến sức khỏe, sự phát sinh bệnh tật của các lao động và người dân sinh sống trên biển đảo.
3) Trình bày được các biện pháp bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật cho các đối tượng trên.
4) Trình bày được các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, phương thức truyền bệnh ở trên biển và tại các bến cảng, chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân bị mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và phổ biến ở trên biển.
5) Trình bày được phương pháp kiểm soát một dịch bệnh xảy ra ở tàu đang hành trình trên biển.

6) Trình bày được các bệnh trong danh mục kiểm dịch quốc tế bắt buộc; Qui tắc kiểm dịch quốc gia và quốc tế tại các cảng biển.

7) Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và điều trị các loại bệnh lý và thương tích có tính chất đặc thù của thuyền viên, người đánh cá, quân và dân trên biển - đảo và các công nhân biển khác.

8) Trình bày được khái niệm về thảm họa và thảm họa biển, cách phân loại thảm họa hiện nay; Trình bày được các vấn đề về y tế phát sinh trong và sau thảm họa biển (Chấn thương, ô nhiễm môi trường, rối loạn tâm thần-kinh, dịch tễ học, nước sinh hoạt, lương thực-thực phẩm, thuốc men và dụng cụ y tế).

9) Trình bày được đặc điểm của môi trường nước và các tác động của nó đến các hoạt động chức năng của cơ thể con người.

10)Trình bày được các biện pháp hoạt động của con người trong môi trường nước và áp suất cao và các biện pháp làm tăng thời gian và khả năng làm việc của con người trong môi trường này.

11). Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của hoạt động cấp cứu trên biển, sự khác nhau giữa hoạt động cấp cứu trên biển và trên đất liền.

12). Trình bày được cách thức tổ chức các hoạt động cấp cứu biển và sự phối hợp với các hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên biển, các Công ước quốc tế liên quan.

13). Trình bày được phương pháp cấp cứu các trường hợp chấn thương, ngộ độc hóa chất, hải sản và một số bệnh nội ngoại khoa thường gặp trên biển khác.

14). Trình bày được khái niệm về Tele-Medicine, các phương thức, trang thiết bị cho một trung tâm Tele-Medicine, cách thức tổ chức và thực hiện một cuộc tư vấn y tế từ xa qua Tele-Medicine.

15). Trình bày được nguyên nhân, cơ chế gây bệnh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng các tai biến và bệnh lý khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao.

16). Trình bày được cơ chế tác dụng sinh hóa học của ôxy trong môi trường áp suất cao.

	lây truyền có qui định kiểm dịch quốc tế (Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch)				
8.	Điều lệ kiểm dịch y tế biên giới cảng biển quốc gia và quốc tế	1	1		1
9.	Stress và rối loạn thần kinh tâm lý của người đi biển	0	1		1
10.	Chứng bệnh say sóng của người đi biển.	1	2		1
11.	Nhiễm lạnh và hội chứng giảm thân nhiệt; Say nắng, say nóng ở trên biển	0	1		1
12.	Chứng mệt mỏi của người đi biển, biện pháp phòng chống.	0	1		1
13.	Lịch sử Y học dưới nước và áp suất cao.	0	0		1
14.	Đặc điểm vật lý học của môi trường nước và các loại biện pháp làm việc dưới nước	0	0		1
15.	Sinh lý lao động trong môi trường nước và áp suất cao.	1	2		1
16.	Đại cương về thảm họa và thảm họa biển, phân loại thảm họa.	0	1		1
17.	Đáp ứng y tế đối với thảm họa chung và thảm họa biển.	0	1		1
18.	Tổ chức và điều hành công tác phòng chống và giải quyết các vấn đề về thảm họa trong và sau thảm họa.	1	1		1
19	Các nguyên tắc cơ bản cấp cứu trên biển; cấp cứu ngừng thở và ngừng tuần hoàn trên biển	1	1		1
20	Cấp cứu các trường hợp chấn thương, tại nạn bỏng trên tàu biển và phao bè cứu sinh.	0	2		1

21	Cấp cứu các trường hợp shock phản vệ do dị ứng hải sản.	1	2		0
22	Cấp cứu các trường hợp ngộ độc và động vật biển cắn trên biển.	0	1		1
23	Cấp cứu các trường hợp trôi dạt trên biển.	0	1		1
24	Tele-Medicine trong Y học biển.	1	2		1
25	Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước).	1	1		1
26	Các bệnh và thương tổn có tính chất nghề nghiệp của ngư dân	0	1		1
27	Các tai biến do thay đổi áp suất chung (áp suất môi trường nước): nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng.	1	2		1
28	Các tai biến và bệnh lý do thay đổi phân áp khí thở vào: nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán, điều trị và dự phòng.	1	2		1
29	Vai trò của ôxy đối với cơ thể và ứng dụng của nó trong Y học lặn và Y học cao áp lâm sàng.	0	1		1
30	Cơ sở vật lý học và sinh lý học, Các chỉ định và chống chỉ định của trị liệu ôxy cao áp.	0	1		1
31	Chẩn đoán và xử trí ngộ độc ôxy.	0	2		1
32	Chẩn đoán và điều trị các tắc mạch do khí hoặc không khí bằng HBOT.	0	2		1
33	Chẩn đoán và điều trị các trường hợp ngộ độc CO, CO_2 bằng HBOT.	0	2		1

17). Trình bày được các chỉ định lâm sàng của phương pháp điều trị bằng ôxy cao áp (HBOT).

18). Trình bày được các ứng dụng của HBOT trong một số chuyên khoa lâm sàng.

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	TÊN BÀI/ CHỦ ĐỀ	Số tiết		
		LT	TH	Tự học
1.	Nhập môn Y học biển: Chức năng, vị trí, vai trò và nội dung của môn học Y học biển.	1	0	0
2.	Các tác hại nghề nghiệp biển đến sức khỏe người lao động và biện pháp phòng chống.	1	2	1
3.	Môi trường vi khí hậu và gánh nặng nhiệt trên các loại tàu biển và ảnh của của nó đến sức khỏe người lao động.	0	1	1
4.	Ảnh hưởng của các yếu tố vật lý, hóa học và sinh học trên tàu biển đến sức khỏe đoàn thuyền viên.	1	2	1
5.	Tác động của môi trường vi xã hội và gánh nặng tâm sinh lý đến sức khỏe lao động biển.	1	1	0
6.	Vệ sinh an toàn lao động và phòng chống tai nạn thương tích nghề nghiệp biển	0	1	1
7.	Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phương pháp kiểm soát dịch bệnh trên tàu biển. Các bệnh	1	2	1

34	Điều trị chấn thương phần mềm dập nát, hoại tử mô mềm và vết thương khó liền bằng HBOT. Điều trị chấn thương sọ và tủy kín, phục hồi chức năng não sau ngừng tim. Điều trị hỗ trợ ghép da,vá da và ghép mô bằng HBOT.	0	2	1
	TỔNG SỐ	**15**	**45**	**30**

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm.

- Thực hành: Tham quan hoạt động kiểm dịch biên giới; Đi thực tế trên tàu biển (tàu hàng, tàu cá); Thực hành khám tuyển sức khỏe thuyền viên. Thực hành tại khoa Y học dưới nước và cao áp.

5.2. Phương pháp học, tự học

- Sinh viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài kiểm tra theo yêu cầu môn học.

- Sinh viên tự học: chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của giảng viên để hoàn thành bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, tự đọc tài liệu tham khảo.

6.TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Giáo trình Y học biển tập 1 và tập 2
- Chứng bệnh say sóng của người đi biển

6.2. Tài liệu tham khảo

- **Nguyễn Trường Sơn (2007),** Bài giảng Y học biển, Viện Y học biển Việt Nam

- **Nguyễn Trường Sơn và CS (2002),** Giáo trình sau đại học Y học biển dùng cho các lớp chuyên khoa định hướng. Viện Y học biển Việt Nam biên soạn và phát hành.

- **Nguyễn Văn Hiếu (1998),** Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

- **Vũ Văn Đính (2000),** Cẩm nang cấp cứu, NXBYH, Hà Nội.

- **Nguyễn Trường Sơn, Trần Văn Liên (1999),** Y học từ xa (TELE - MEDICINE) và thiết bị dùng trong y học từ xa. Công trình khoa học báo cáo tại hội nghị kết hợp quân dân y về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ và cấp cứu cho nhân dân và bộ đội trên biển đảo. HP 1999

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra- đánh giá ban đầu: Thăm hỏi sinh viên

Kiểm tra đánh giá trong quá trình: Theo dõi sĩ số, thái độ học tập….

Sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá ban đầu và đánh giá trong quá trình và điều kiện thi kết thúc học phần. Sinh viên không tích cực học tập, tham gia không đủ số buổi quy định sẽ bị cấm thi

Kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

- Hình thức: thi viết, vấn đáp
- Điểm kết thúc học phần là (LT+TH)/2

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết : Giảng đường đầy đủ máy chiếu, mô hình, bàn học…..

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Chiến